

VIỆN THÔNG TIN THƯ VIỆN Y HỌC TRUNG ƯƠNG

THIÊN GIA DIỆU PHƯƠNG

VDC Media – 2001

MỤC LỤC

1. Cảm mạo.....	10
2. Viêm màng não dịch tể.....	11
3. Viêm màng não dịch tể.....	12
4. Viêm não do virus.....	14
5. Viêm não do virus (di chứng).....	15
6. Viêm não B dịch tể.....	17
7. Viêm não B dịch tể.....	18
8. Lỵ trực khuẩn nhiễm độc.....	19
9. Lỵ trực khuẩn cấp.....	21
10. Lỵ trực khuẩn mạn tính.....	23
11. Lỵ Amíp.....	25
12. Lỵ Amíp mạn tính.....	26
13. Thổ tả.....	28
14. Viêm gan truyền nhiễm không vàng da.....	30
15. Viêm gan mạn tồn tại.....	31
16. Viêm gan mạn tấn công.....	32
17. Viêm gan mạn.....	33
18. Viêm họng tăng bạch cầu đơn nhân.....	35
19. Dengue xuất huyết.....	36
20. Lao phổi thâm nhiễm.....	37
21. Lao phổi thâm nhiễm (Kèm viêm phúc mạc do lao).....	38
22. Lao phổi ho ra máu.....	40
23. Lao ruột.....	41
24. Lao màng bụng.....	42
25. Lao màng bụng.....	43

26. Đái tháo nhạt.....	45
27. Đái tháo nhạt.....	47
28. Bướu cổ đơn thuần	48
29. Tăng năng tuyến giáp	49
30. Tăng năng tuyến giáp	51
31. Tăng năng tuyến giáp	52
32. Tăng năng tuyến giáp	53
33. Tăng năng tuyến giáp	54
34. Bệnh đái tháo đường	55
35. Bệnh đái tháo đường	56
36. Bệnh đái tháo đường	57
37. Bệnh đái tháo đường	58
38. Tăng lipid huyết	60
39. Tăng lipid huyết	61
40. Thống phong.....	62
41. Bệnh huyết sắc tố.....	64
42. Phù thũng đặc phát.....	66
42. Phù thũng đặc phát.....	67
43. Phù thũng đặc phát.....	68
44. Viêm phế quản cấp	69
45. Viêm phế quản mạn tính kèm phế khí thũng.....	70
46. Hen phế quản	71
47. Hen phế quản	73
48. Hen phế quản	75
49. Hen phế quản	77
50. Hen phế quản	79
51. Hen phế quản	80
52. Hen phế quản kèm giãn phế nang.....	81
53. Viêm phế quản phổi.....	82
54. Giãn phế quản khạc máu.....	83

55. Giãn phế quản khạc máu quá nhiều	85
56. Khí thũng phổi (giãn phế nang).....	86
57. Khí thũng phổi (giãn phế nang).....	88
58. áp xe phổi.....	89
59. Áp xe phổi	90
60. Áp xe phổi	91
61. Viêm màng phổi tràn dịch.....	93
62. Tích huyết phổi (sau chấn thương vùng ngực).....	94
63. Tim đập nhanh	95
64. Rung tâm nhĩ.....	97
65. Chức năng thần kinh tim.....	99
66. Bệnh động mạch vành tim	100
67. Bệnh động mạch vành.....	101
68. Đau thắt động mạch vành tim	103
69. Đau thắt động mạch vành tim	105
70. Đau thắt động mạch vành.....	106
71. Đau thắt động mạch vành.....	107
72. Viêm cơ tim do phong thấp	108
73. Bệnh tim do phong thấp.....	109
74. Bệnh tim do phong thấp (suy tim).....	110
75. Tăng huyết áp.....	111
76. Tăng huyết áp.....	112
77. Tăng huyết áp.....	113
78. Tăng huyết áp.....	114
79. Huyết áp thấp.....	115
80. Viêm động mạch lớn (chứng vô mạch).....	116
81. Co thắt cơ hoành.....	118
82. Viêm hang vị.....	119
83. Viêm dạ dày cấp	120
84. Viêm dạ dày mạn.....	121

85. Viêm teo dạ dày mạn có sa niêm mạc dạ dày.....	122
86. Sa niêm mạc dạ dày	124
87. Sa dạ dày	125
88. Sỏi táo đen dạ dày	126
89. Nôn do thần kinh.....	128
90. Loét dạ dày	129
91. Loét bờ cong nhỏ dạ dày.....	130
92. Loét dạ dày và hành tá tràng	131
93. Loét hành tá tràng	132
94. Loét hành tá tràng	133
95. Loét hành tá tràng	134
96. Viêm dạ dày mạn tính và loét hành tá tràng.....	135
97. Viêm ruột cấp	136
98. Viêm ruột mạn.....	138
99. Viêm ruột mạn.....	139
100. Viêm ruột mạn.....	140
101. Viêm loét đại tràng.....	141
102. Viêm loét đại tràng.....	143
103. Viêm loét đại tràng mạn	144
104. Viêm loét đại tràng mạn	145
105. Viêm ruột giả mạc	146
106. Viêm ruột hoại tử	148
107. Rối loạn chức năng ruột	149
108. Ỉa chảy do tiêu hóa không tốt.....	150
109. Tắc ruột.....	152
110. Tắc ruột người già	153
111. Tắc ruột người già	154
112. Táo bón.....	156
113. Chảy máu cấp đường tiêu hóa	157
114. Phù do protein thấp.....	158

115. Chứng protein huyết thấp.....	160
116. Gầy đét do suy sinh dưỡng.....	162
117. Ngộ độc nấm	164
118. Viêm gan do ngộ độc thuốc.....	165
119. Viêm gan do ngộ độc thuốc.....	166
120. Xơ gan giai đoạn sớm	168
121. Xơ gan do mỡ	169
122. Gan thoái hóa mỡ sau viêm gan	171
123. Xơ gan cổ chướng.....	173
124. Xơ gan cổ chướng.....	175
125. Xơ gan cổ chướng.....	176
126. Xơ gan cổ chướng.....	177
127. Xơ gan cổ chướng.....	178
128. Xơ gan do tăng áp lực tĩnh mạch cửa (kèm tì cang).....	179
129. Cổ chướng do bệnh sán lá gan giai đoạn muộn	181
130. Hôn mê gan mạn tính	183
131. Áp xe gan (do vi khuẩn)	185
132. Viêm túi mật (thời kỳ mang thai).....	186
133. Viêm túi mật cấp	187
134. Viêm túi mật cấp (đơn thuần).....	188
135. Nhiễm khuẩn đường mật mạn tính.....	189
136. Viêm túi mật mạn tính.....	191
137. Viêm túi mật lên cơn cấp tính kèm sỏi mật	192
138. Sỏi mật.....	194
139. Viêm tụy cấp (thể phù đơn thuần).....	195
140. Viêm tụy cấp.....	197
141. Viêm tụy cấp.....	198
142. Viêm tụy cấp.....	199
143. Viêm tụy cấp.....	201
144. Nhiễm khuẩn cấp đường tiết niệu	202

145. Viêm cầu thận cấp.....	203
146. Viêm cầu thận cấp.....	204
147. Viêm cầu thận cấp.....	205
148. Viêm cầu thận cấp.....	206
149. Chứng tăng urê huyết hay viêm cầu thận cấp suy thận	207
150. Viêm cầu thận mạn	208
151. Viêm thận mạn.....	209
152. Viêm cầu thận mạn (thể phù).....	211
153. Chứng tăng urê huyết (viêm cầu thận mạn, suy thận)	213
154. Viêm bể thận.....	215
155. Viêm bể thận mạn	216
156. Sỏi tiết niệu.....	217
157. Sỏi bàng quang	219
158. Sỏi niệu quản.....	220
159. Sỏi niệu quản.....	221
160. Sỏi niệu quản.....	222
161. Sỏi thận và ứ nước bể thận	223
162. Bí đái.....	225
163. Bí đái.....	226
164. U tuyến tiền liệt kèm bí đái	227
165. U tuyến tiền liệt kèm bí đái	228
166. U tuyến tiền liệt kèm bí đái	229
167. Viêm tuyến tiền liệt mạn	230
168. Đái không tìm được.....	232
169. Đái không tìm được.....	234
170. Đái dầm.....	235
171. Đái máu (chưa rõ nguyên nhân)	236
172. Đái máu (không rõ nguyên nhân).....	237
173. Đái máu dương tính (bệnh giun chỉ).....	238
174. Sa thận (hai bên).....	239

175. Chứng không có tinh trùng.....	240
176. Đau dây thần kinh sinh ba	241
177. Đau dây thần kinh sinh ba	242
178. Đau dây thần kinh sinh ba	243
179. Đau dây thần kinh sinh ba	244
180. Đau dây thần kinh sinh ba	245
181. Viêm thần kinh mặt.....	246
182. Viêm thần kinh mặt.....	247
183. Đau dây thần kinh mặt.....	248
184. Viêm đa thần kinh.....	250
185. Viêm đa thần kinh.....	252
186. Viêm đa thần kinh.....	253
187. Viêm đa thần kinh nhiễm khuẩn.....	255
188. Đau thần kinh hông	256
189. Đau thần kinh hông	257
190. Đau thần kinh hông	258
191. Đau thần kinh hông	259
192. Đau thần kinh hông	260
193. Đau thần kinh hông	261
194. Đau thần kinh gian sườn	262
195. Đau đầu do thần kinh	263
196. Đau đầu do thần kinh	265
197. Đau đầu do thần kinh	267
198. Đau đầu do mạch máu	268
199. Đau đầu do mạch máu	269
200. Đau đầu do mạch máu	271
201. Đau đầu do mạch máu	272
202. Đau đầu do mạch máu	273
203. Đau nửa đầu	275
204. Động kinh	276

205. Động kinh	278
206. Động kinh	279
207. Động kinh	280
208. Động kinh	281
209. Rối loạn tuần hoàn não (hoặc tai biến mạch máu não).....	282
210. Xuất huyết dưới màng nhện	284
211. Nghẽn mạch não.....	286
212. Nghẽn mạch não.....	288
213. Choáng.....	289
214. Ngủ nhiều từng cơn.....	291
215. Ngộ độc Streptomycin (váng đầu, đầu lác lư).....	293
216. Teo não toả lan	294
217. Thân não hủy Myêlin	295
218. Bệnh rỗng tủy sống	298
219. Xơ cứng cột bên tủy mạn tính tiến triển	300
220. Di chứng chấn động não.....	301
221. Di chứng chấn động não.....	302
222. Chấn động não kèm xuất huyết dưới màng nhện.....	303
223. Bệnh tâm thần phân liệt.....	304
224. Bệnh tâm thần phân liệt.....	306
225. Bệnh tâm thần phân liệt.....	307
226. Bệnh tâm thần phân liệt.....	308
227. Rối loạn chức năng thần kinh thực vật (ra mồ hôi trộm)	309
228. Rối loạn chức năng thần kinh thực vật (ngáp nhiều)	310
229. Rối loạn chức năng thần kinh thực vật (ra nhiều mồ hôi).....	311
230. Suy nhược thần kinh.....	312
231. Suy nhược thần kinh.....	314
232. Suy nhược thần kinh.....	315
233. Suy dinh dục (liệt dương).....	316
234. Suy sinh dục	318

235. Suy sinh dục	320
236. Dương vật cương cứng dị thường (bệnh cường trung)	321
237. Chứng mộng du	323
238. Histeria (ý bệnh).....	324
239. Thấp khớp cấp	326
240. Thấp khớp cấp	328
241. Thấp khớp.....	329
242. Thấp khớp.....	330
243. Thấp khớp.....	332
244. Nốt thấp dưới da.....	333
245. Thấp khớp cấp	334
246. Viêm đa khớp dạng thấp.....	336
247. Viêm đa khớp dạng thấp.....	337
248. Viêm đa khớp dạng thấp.....	338
249. Viêm đa khớp dạng thấp.....	340
250. Viêm đa khớp dạng thấp.....	341
251. Viêm đa khớp dạng thấp.....	342
252. Viêm đa khớp dạng thấp.....	343
253. Sốt cao.....	344
254. Sốt nhẹ	345
255. Sốt nhẹ	346
256. Sốt nhẹ	347
257. Sốt nhẹ (sốt mùa hè).....	349
258. Sốt nhẹ kéo dài	350
259. Sốt nhiễm khuẩn	351
260. Sốt sau khi nhiễm nấm	353

1. Cảm mạo

Biện chứng đông y: Ngoại cảm ôn nhiệt, nội thương phòng sự, biểu lý đều bị tà quấy phá.

Cách trị: Giải biểu thanh lý, tiết hỏa giải độc.

Đơn thuốc: Gia vị thạch cao tam hoàng thang.

Công thức: Thạch cao (sống) 15g, Hoàng cầm 6g, Hoàng liên 6g, Hoàng bá 6g, Ma hoàng 6g, Cát căn 15g, Sơn chi 10g. Sắc uống mỗi ngày 1 thang.

Hiệu quả lâm sàng: Đinh XX, nam 30 tuổi, công nhân. Bị bệnh từ ngày 13-1-1977, sau khi đi thăm người nhà ở xa về, đi xe khách đường dài, cơ thể mệt mỏi, ngay tối hôm về tới nhà tiến hành phòng sự. Ngày hôm sau thấy đau lưng, người mệt mỏi rã rời, đau đầu, phát sốt, ớn lạnh. Đã tiêm thuốc 4 ngày tại trạm xá mà không có tác dụng, lại vào bệnh viện huyện chẩn trị 2 ngày, bệnh vẫn chưa giảm. Lúc đến xin điều trị, thân nhiệt 39o4 C. Mạch 86 lần/phút, huyết áp 110/70mm Hg, mặt đỏ, miệng đắng, môi khô, không ra mồ hôi, kêu đau đầu không chịu nổi như muốn vỡ ra, tâm phiền, thần cuống, đêm không chợp mắt, không ăn được, mạch huyền phù, lưỡi đỏ rêu vàng. Lúc đó chữa theo cảm mạo thông thường nên cho dùng "Sài cát giải cơ thang". Bệnh không hề thuyên giảm. Lại hỏi tiền sử, bèn đổi sang điều trị bệnh ôn nhiệt kèm sắc dục. Cho dùng Gia vị thạch cao tam hoàng thang, dùng 1 thang thì bệnh lui hơn nửa phần. Lại dùng 2 thang nữa, các chứng trên hết hẳn, người khỏe ra, ăn ngủ được như thường.

Bàn luận: Rõ ràng là ca bệnh trên đây do người mệt mỏi bị lạnh nên nhiễm cảm mạo nặng. Tây y điều trị theo cảm thông thường không có hiệu quả. Sau kết hợp biện chứng luận trị đông y nhận thấy tuy là cảm mạo nhưng vì tiến hành phòng sự ngay sau khi người mệt mỏi bị lạnh, do đó điều trị theo cách chữa bệnh ôn nhiệt kèm sắc dục thì có hiệu quả tốt. Một thang bệnh giảm, 3 thang khỏi hẳn. Cũng đã dùng bài thuốc trên chữa cho 4 ca bệnh ôn nhiệt kèm sắc dục nữa đều đạt hiệu quả tốt.

2. Viêm màng não dịch tể

Biện chứng đông y: Ôn tà nhập dinh, nhiệt thịnh sinh ra can phong.

Cách trị: Lương dinh thanh nhiệt giải độc.

Đơn thuốc: Phục phương thanh dinh thang.

Công thức: Ô tê giác 1,5g, Huyền sâm 9g, mạch đông 12g, Sinh địa (tươi) 25g, Đơn sâm 9g, Hoàng liên 3g, Trúc diệp tâm 4,5g, Ngân hoa 9g, Liên kiều 12g, Tử tuyết đan 2,5g (chia làm 2 lần mà uống). Sắc uống mỗi ngày 1 thang.

Hiệu quả lâm sàng: XXX, nữ, 29 tuổi, sơ chẩn ngày 14-12-1971. Qua kiểm tra bệnh nhân được chẩn đoán chính xác là viêm màng não dịch tể, cho nằm viện, sốt cao bức bối không yên, chảy máu cam, đêm nằm mê sảng, thần trí lúc tỉnh lúc mê, mạch tế sác, lưỡi đỏ sẫm. Đó là ôn tà nhập dinh, có lúc co giật, thuộc về nhiệt cực sinh phong, phong hỏa cùng bốc lên, gân mạch không được nuôi đủ. Nên điều trị bằng phép lương dinh thanh nhiệt giải độc. Cho dùng Phục phương thanh dinh thang. Uống liền 2 thang, người tỉnh táo hết co giật.

3. Viêm màng não dịch tể

Biện chứng đông y: Ôn nhiệt dịch độc, thâm nhập dinh huyết, hại đến tâm bào.

Cách trị: Thang dinh thấu nhiệt, thanh tâm khai khiếu.

Đơn thuốc: Dịch lệ giải độc thanh tâm thang.

Công thức: Thạch cao (sống) 200g, Tê giác 10g, Hoàng liên 10g, Hoàng cầm 15g, Huyền sâm 50g, Sinh địa (tươi) 50g, Tri mẫu 15g, Đan bì 15g, Chích tiêu chi tử 15g, Đậu xanh (sống) 100g, Xương bồ (tươi) 15g, Bạch mao căn 100g. Sắc uống mỗi ngày 1 thang.

Hiệu quả lâm sàng: Lưu XX, nam 42 tuổi, viên chức. Mới phát bệnh thì ớn rét đau đầu, tứ chi đau mỏi. Đã uống Bình nhiệt tán và Kinh phòng bại độc tán không kết quả. Dùng thuốc công hạ cũng không tác dụng. Sau đó uống thuốc ôn bổ, dần dần thành ra sốt cao, cuồng táo mê sảng, mê man không nhận ra ai, đại tiểu tiện đều bí. Vội đưa chẩn trị, qua xét nghiệm và lâm sàng chẩn đoán là viêm màng não dịch tể. Chất lưỡi đỏ, sẫm, rêu đen, mạch trầm tế mà sắc. Theo mạch chứng thì đây là bệnh nhiệt thương hàn, mạch phù hồng là thuận, mạch thấy trầm tế là bệnh và mạch trái nhau lại do thầy thuốc trước chưa rõ chứng gì, chữa không đúng cách, dịch bệnh mới phát, mô hôi rối loạn, nhầm dùng phép công, lại dùng ôn bổ, đến nỗi tà nhiệt bùng bùng, thâm nhập dinh huyết hại đến tâm bào. Căn cứ vào sự phân tích bệnh tình, phải nhanh chóng xở đề tồn âm, nhưng xét thấy bệnh nhân đã bị nhiều lần xở, làm ra mô hôi, âm dịch hao tổn, do đó không dùng phép công nữa mà chuyển sang phép nhuận đạo, thuốc tuy khác mà lý lẽ là một. Cho dùng 2 thang "Dịch lệ giải độc thanh tâm thang". Lại phối hợp dùng 2 viên Ân cung ngư hoàng hoàn, chia làm 2 lần sáng và tối uống trong ngày, uống nhiều lần 500ml nước lê. Sau khi dùng thuốc ra chút ít mô hôi, dần dần đỡ sốt, đại tiểu tiện thông, tinh thần tỉnh táo, mạch chuyển trầm huyền tế, sắc, chất lưỡi đỏ, rêu vàng nâu mà khô, vẫn nói mê, đó là nhiệt sót lại chưa khử hết., lại dùng bài thuốc trên có giảm bớt lượng, dùng được 2 thang, lại dùng thêm 1 viên Ân cung ngư hoàng hoàn. Hết thuốc thì sáu mạch bình hòa, rêu lưỡi bớt mà

hơi khô. Lúc đó còn nói nhịu. Cho thuốc theo ý bài tăng dịch thang, dùng 2 thang sau đó lại uống Ngưu hoàng thanh tâm hoàn, nửa tháng sau bệnh nhân đã dậy đi lại được. Điều dưỡng hơn 1 tháng nữa người khỏe, bệnh hết hẳn.

4. Viêm não do virus

Biện chứng đông y: Thấp nhiệt nội uẩn, đờm nhiệt hồ kết, che mờ tâm khiếu.

Cách trị: Thanh nhiệt lợi thấp, hóa đờm khai khiếu.

Đơn thuốc: Tuyên thanh giải uất thang.

Công thức: Hoắc hương 12g, Bội lan 12g, Pháp bán hạ 12g, Qua lâu (vỏ) 18g, Hoàng liên 9g, Hoàng cầm 12g, Chi tử 12g, Thiên trúc hoàng 10g, Uất kim 12g, Thạch xương bồ 9g, thủy trúc như 12g, Lục nhất tán 30g. Sắc uống mỗi ngày 1 thang.

Hiệu quả lâm sàng: Chu XX, nữ, 32 tuổi, xã viên. Ngày 26-4-1980 sơ chẩn. Bệnh nhân phát bệnh từ 10 hôm trước, nhức đầu, sốt, nôn, dần dần chi dưới bên phải khó cử động, kèm run rẩy, hôn mê cầm khẩu, đại tiểu tiện không tự chủ. Đã điều trị tại bệnh viện công xã địa phương, sau lại đưa đến một bệnh viện ở Trùng Khánh để chẩn đoán và điều trị nhưng không có hiệu quả rõ rệt... Chuyển đến viện chúng tôi, chẩn đoán viêm não do virus, đưa sang khoa đông y điều trị. Khám thấy rêu lưỡi vàng, gốc lưỡi bẩn, mạch nhu sác. Bệnh là thấp nhiệt nội trở, đờm nhiệt hồ kết, che mờ tâm khiếu. Nên dùng phép thanh nhiệt lợi thấp, hóa đờm khai khiếu. Dùng "Tuyên thanh giải uất thang". Uống được 2 thang các chứng trên thấy giảm, người tỉnh nhưng còn chưa nói được. Lại tiếp tục dùng bài thuốc trên có bổ sung thêm Chí bảo đơn. Dùng liên 3 thang, lúc này đã ra khỏi trạng thái hôn mê, cũng đã nói được ít lời về bệnh tình, chân tay đã cử động được, tự trở dậy đại tiểu tiện được. Uống tiếp 3 thang nữa cơ bản đã hồi phục, mấy ngày sau thì người nhà đã đưa về quê, nửa tháng sau người nhà viết thư báo rằng bệnh đã khỏi hẳn, đã tham gia việc đồng áng.

Bàn luận: Trong bài "Tuyên thanh giải uất thang" có các vị Bội lan, Hoắc hương là thuốc phương hương hóa trọc, Trúc hoàng, Pháp bán hạ, Trúc như để thanh thấp hóa đờm, Uất kim, Qua lâu (vỏ), Thạch xương bồ giải uất, tuyên tí, lợi khiếu, Chi tử, Hoàng liên, Hoàng cầm thanh tâm hỏa, tiết nhiệt, trừ phiền, Lục nhất tán thanh nhiệt, sinh tân, lợi thấp, có thể làm cho thấp tà bị tống ra ngoài theo nước tiểu. Phối hợp các vị trên thì có tác dụng hóa thấp tiết nhiệt, thanh tâm lợi khiếu hóa đờm, làm khỏi bệnh.

5. Viêm não do virus (di chứng)

Biện chứng đông y: Tâm thận dương hư.

Cách trị: Bổ ích tâm thận, ôn dương hóa khí.

Đơn thuốc: Gia giảm thận khí hoàn (thang).

Công thức: Câu kỷ tử 15g, Dâm dương hoắc 15g, Ba kích (thiên) 10g, Quế chi 10g, Sơn dược 20g, Vân phục linh 15g, Trạch tả 10g, Bạch thược 15g, Thục địa (hoàng) 15g, Sơn thù nhục 10g, Chích cam thảo 6g. Sắc uống, mỗi ngày 1 thang.

Hiệu quả lâm sàng: Sầm XX, nam 28 tuổi, nông dân, nhập viện ngày 17-8-1977, bệnh từ 14 ngày trước, do lao động mệt mỏi lại bị mưa ướt sũng, đầu mình đau nhức, ăn uống giảm ngon, nhưng không sốt, ho mưa. Ngày hôm sau bệnh nặng thêm, nói năng lẫn lộn, phản ứng chậm, đi không vững. Đến ngày thứ 3 thì ngậm miệng không nói, có lúc lẩm bảm, có vẻ ngớ ngẩn, đi lại khó khăn, bước đi loạng choạng, chân tay lạnh, hai tay không cầm được vật nặng, không nắm được, vận động lại không tự chủ được, thân mình thăng đờ không co được, đại tiểu tiện không tự chủ được, phân nát. Đã điều trị ở bệnh viện khu vực và huyện không kết quả mấy. Khám thấy: thân nhiệt 37^o C, mạch 53 lần/phút, huyết áp 120/80 mm Hg, thần chí hoảng hốt, động tác thiếu phối hợp, tinh thần mụ mẫm, mất ngôn ngữ một phần, trí lực giảm, hai bên đồng tử giãn rộng, phản xạ chậm với ánh sáng, đầu và ngũ quan không có dị hình, dưới da chưa thấy các điểm xuất huyết, tim phổi chưa thấy gì khác thường, không sờ thấy gan lách, hai bên đầu gối phản xạ nhạy, Babinski bên trái dương tính, bên phải âm tính. Thử máu, chức năng gan, thận đều trong giới hạn bình thường. Xét nghiệm dịch não tủy cũng không có gì khác lạ rõ rệt, điện não đồ có bất thường rõ. Chẩn đoán lâm sàng là viêm não do virus. Bắt mạch thấy mạch trì, hoãn, vô lực, chất lưỡi nhạt, lưỡi dày, rêu lưỡi trắng mỏng mà nhuận. Kết hợp tham khảo mạch và chứng thì đây là tâm thận dương hư. Cho điều trị bằng "Gia giảm thận khí hoàn (thang)". Uống được 3 thang đã có thể dậy hoạt động, nói được nhiều hơn, chân tay chuyển ấm, mạch có khởi sắc. Uống 3 thang

nữa, đại tiểu tiện đã có thể khống chế. Tuy nhiên sức định hướng vẫn còn kém, do nguyên nhân tim, bèn thêm vào bài thuốc trên Thạch xương bồ 10g, (Chích) Viên chí 10g. Uống tiếp 20 thang nữa, các chứng đều hết. Kiểm tra điện não đồ đã thấy bình thường, khỏi bệnh ra viện. Sau đó nghỉ ngơi hơn nửa tháng rồi đi làm việc như thường. Theo dõi đã hơn 3 năm, tình hình tốt đẹp, không thấy có di chứng.

Bàn luận: Di chứng sau viêm não do virus là một chứng hiểm nghèo rất ít gặp, nói chung thường cho là tình trạng này không đảo ngược được. Kỳ thực không hẳn như vậy, nếu có cách trị đúng thì phần lớn chức năng có thể phục hồi. Trên lâm sàng chúng tôi nghiệm rằng trong khi trị bệnh có thuốc men, có giữ gìn, người nhà phối hợp, dùng thuốc kiên trì, không tùy tiện nửa chừng đổi thuốc. Khi trị chứng này chúng tôi hay dùng phép ôn bổ thận dương, như Kim quy thận khí hoàn. Có phụ kiện quá nhiệt, khó dùng lâu được nên phải gia giảm mà dùng. Lâm sàng chứng minh là rất tốt. Nói chung hồi phục ngôn ngữ so với sự khôi phục vận động có chậm hơn như kinh nghiệm đã cho thấy. Ngoài ra do tăng tính mẫn cảm của da thịt, nên không thể phối hợp châm cứu hoặc không thể kéo dài. Các thuốc rất quý như An cung, Tử tuyết quá ư hàn lương đường như cũng không dùng được, cần tiếp tục nghiên cứu thêm trên thực tiễn lâm sàng.

6. Viêm não B dịch tễ

Biện chứng đông y: Phong, thử, thấp tà phối hợp quấy phá mà thành bệnh.

Cách trị: Khử phong lợi thấp, điều hòa tam tiêu.

Đơn thuốc: Gia vị tam nhân thông sị thang.

Công thức: Hoắc hương (tươi) 6g, Hạnh nhân 6g, Dĩ nhân 12g, Bạch khấu nhân 3g, Hậu phác 6g, Pháp bán hạ 6g, Bạch tật lê 9g, Cúc hoa 6g, Cương tàn 6g, Đậu sị 9g, Thông bạch 3 tấc (cho sau). Lục nhất tán 15g (bọc vải mà sắc), Trúc điệp 4.5g. Sắc uống mỗi ngày 1 thang.

Hiệu quả lâm sàng: Trần XX, nữ 4 tuổi. Đến chẩn trị ngày 15-8-1964. Bệnh nhi sốt đã 8 ngày, nằm viện đã 5 ngày, qua kiểm tra xác định chẩn đoán là Viêm não B dịch tễ. Đau đầu kịch liệt, phiền táo, mê man, ra mồ hôi thì nhiệt hạ, đái ít, đại tiện khô, lưỡi nhạt, rêu vàng bẩn, mạch phù hoạt sắc. Đây là bệnh do phong thử thấp tà cùng tác động nên trị bằng phép khử phong lợi thấp, điều hòa tam tiêu. Dùng bài Gia vị tam nhân thông sị thang. Uống đến ngày 17 tháng 8 khám lại thì thấy toàn thân hơi có mồ hôi, thân nhiệt bình thường, hết nhức đầu, đại tiện hơi khô. Trong đơn bớt Thông bạch, Đậu sị, thêm Thần khúc 4.5g, Bình lang 4.5g. Kết quả điều trị khỏi bệnh.

7. Viêm não B dịch tễ

Biện chứng đông y: Thử nhiệt tà độc, hao hư khí tân, thương tổn dinh huyết tà hại tâm bào.

Cách trị: Lương dinh tả nhiệt, hóa đờm chỉ kinh, thanh tâm khai khiếu.

Đơn thuốc: Não B thang.

Công thức: Kim ngân hoa 15g, Liên kiều 15g, Sinh thạch cao 30g, Sơn chi tử 15g, Đại thanh diệp 15g, Bản lam căn 10g, Địa long 15g, Câu đằng 15g, Từ thạch 30g, Thạch xương bồ 10g, Uất kim 10g, Xuyên bối mẫu 7g, Viễn chí 10g. Sắc uống mỗi ngày một thang

Hiệu quả lâm sàng: Lưu XX, nam 6 tuổi. Bệnh nhân mê man 5 ngày, sốt, đau đầu, hôm trước ba lần co giật, 5 giờ trước tinh thần không tỉnh, đến xin điều trị. Qua xét nghiệm và kiểm tra chọc sống lưng, chẩn đoán viêm não B, nhập viện. Sốt 40o C, mạch đập 130 lần/phút, thở 48lần/ phút, tinh thần không tỉnh, phản xạ đồng tử chậm, trương lực cơ tăng, mạch huyền sắc, lưỡi đỏ rêu vàng. Cho dùng "Não B thang", ngay trong ngày uống thuốc tuy có một lần máy động nhưng không co giật, hôm sau nhiệt độ hạ xuống 38o6 C, ý thức cải thiện, ngày thứ 3 thần chí tỉnh dần, sau đó nhận cầu chuyển động linh hoạt. Tiếp tục dùng thuốc đông y, bệnh nhân khỏi bệnh, xuất viện.

8. Lị trực khuẩn nhiễm độc

Biện chứng đông y: Ngoài nhiễm phải khí thấp nhiệt dịch độc, trong bị thương tổn do ăn uống sống lạnh, làm hại đến trường vị.

Cách trị: Thanh nhiệt trừ thấp, giải độc cứu nghịch.

Đơn thuốc: Gia vị liên mai thang.

Công thức: Hoàng liên 2g, Ô mai 2g, Mạch đông 6g, Sinh địa 6g, A giao 5g, Sa sâm 6g, Thạch斛 6g, Mộc qua 6g, Tây dương sâm 2g (lượng dùng cho trẻ 8 tháng). Sắc uống mỗi ngày 1 thang.

Hiệu quả lâm sàng: Trình XX., nam, 8 tháng. Một ngày hạ tuần tháng 7 năm 1970, cháu bắt đầu ỉa chảy mỗi ngày 3-4 lần, sốt 38o5 C, cho uống thuốc tây sulfadiazin, viên hạ sốt, bệnh thấy có biến chuyển tốt. Nhưng hôm thứ hai, sau bữa cơm sáng thì bệnh nhi đột ngột sốt 40o5 C, co giật, đại tiện lỏng, đỏ trắng, mỗi ngày trên 10 lần, bụng chướng, vào bệnh viện địa phương cấp cứu, chẩn đoán là lị trực khuẩn nhiễm độc. Vào viện truyền dịch, cho uống cloramphenicol, tiêm bắp neostigmin và chữa bằng đông y, 15 ngày sau bệnh diễn biến tốt, xuất viện. Sau khi xuất viện 8 giờ thì đến tối lại đột nhiên phát sốt, co giật, hôn mê, lại vào viện cấp cứu, điều trị 5 ngày bệnh nhân vẫn trong trạng thái hôn mê, sốt cao không lui, ỉa chảy không cầm, có lúc co giật, vì điều trị không kết quả nên tự động xuất viện. Lúc mẹ cháu đem đến xin chữa bệnh thì bệnh nhi gầy sọp, lơ mơ, thân nhiệt 39o5 C, da nhẽo. Ỉa chảy mỗi ngày hơn 10 lần, nhiều chất nhày, đái vàng, lưỡi đỏ nổi gai, rêu vàng khô. Cho dùng "Gia vị liên mai thang". Sau khi uống 2 thang, bệnh thấy chuyển tốt rõ rệt, tinh thần tỉnh táo, nhiệt độ xuống còn 38 độ C (lấy ở hậu môn), đi ngoài giảm chỉ còn 2-3 lần mỗi ngày, ít chất nhày, rêu vàng đã hơi ướm. Vì bệnh nhân hơi ho, đầy bụng, nên trong bài thuốc trên bỏ Sa sâm, Thạch斛 thêm Trần bì, Hạnh nhân, Hậu phác, Tì bà diệp, uống tiếp 3 thang thì các chứng trên đều hết. Sau đó ăn uống điều hòa, bệnh nhi hoàn toàn bình phục, phát triển bình thường.

Bàn luận: "Liên mai thang" bắt nguồn từ "Ôn bệnh điều biện", gia vị để điều trị lị trực khuẩn nhiễm độc, kết quả rất tốt. Trong bài

thuốc có Hoàng liên để tả hỏa ở tâm bào. A giao để ích âm dập tắt can phong, Mạch đông, Sinh địa để bổ thận thủy mà tư dưỡng, Can mộc, Ô mai liễm âm để sinh tân chỉ tả, thêm Sa sâm, Thạch斛 để tăng tính dưỡng âm sinh tân dịch, làm giàu âm dịch, dập tắt can phong làm hết co giật hôn mê, thêm Mộc qua vị chua nhập can để sinh tân như cân hòa vị, khử thấp, khi thấp hết nhiệt giảm thì tự cầm đi ly, sốt và tiết tả làm thương tổn khí âm nên thêm Tây dương sâm để xúc tiến việc hồi phục.

9. Lỵ trực khuẩn cấp

Biện chứng đông y: Thấp nhiệt nội uẩn.

Cách trị: Thanh nhiệt giải độc, lợi thấp, điều khí bổ huyết.

Đơn thuốc: Thang bào ẩm, Đương quy thực dược thang gia giảm.

Công thức: Thang bào ẩm: Mễ xác (1) 10g, Mật ong 31g, Mễ xác sắc lấy nước, rót mật ong vào. Mỗi ngày uống 1 thang chia làm 2 lần sáng chiều. Đương quy thực dược thang gia giảm: Đương quy 60g, Bạch thực 60g, Lai phục tử 3g, Quảng mộc hương 3g, Hoàn liên 9g, Địa du 12g, Chỉ xác 6g, Tân lang 6g, Hoạt thạch 10g, Cam thảo 6g. Sắc uống mỗi ngày 1 thang vào buổi tối.

Hiệu quả lâm sàng: Đông y thường chia bệnh lỵ thành: thấp nhiệt lỵ, hư tức lỵ (cử lỵ), hư hàn lỵ, dùng Thang bào ẩm để trị tiêu (ngọn). Dùng đương quy thực dược thang gia giảm để trị bản (gốc), có thể có tác dụng tốt. Phép điều trị này đối với già trẻ phụ nữ đều thích hợp, đã sử dụng trên lâm sàng mấy chục năm chữa cho rất nhiều ca kết quả đều rất tốt. Bạch XX., nam, 30 tuổi, nông dân. Sáng ngày 4-7- 1974, đột nhiên phát sốt, phát rét, tháo lỏng, ngay chiều hôm đó đi lỵ, ra mủ máu, mót rặn, vào nhà tiêu liên tục, vào viện cấp cứu. Kiểm tra thân nhiệt 39 độ C, huyết áp 120/70 mmHg, bạch cầu 13.600/mm³, trung tính 80%, lympho 20%, thử phân thấy nhiều tế bào mủ và hồng cầu, chẩn đoán lỵ trực khuẩn cấp, cho dùng cloromycetin, tetracyclin, thuốc lỵ đặc hiệu phối hợp truyền dịch, nhưng điều trị đến 4 ngày mà hiệu quả không rõ rệt. Ngày 8 tháng 7 chuyển sang điều trị đông y. Bệnh nhân đau bụng, mót rặn, đi lỵ phân lẫn lộn trắng đỏ. Đó là thấp nhiệt tích, trệ ở ruột, khí huyết bị tắc, chức năng dẫn truyền rối loạn, sinh đau bụng mót rặn, thấp nhiệt hun đốt, tổn thương khí huyết đến nổi thành lỵ. Phân đỏ trắng lẫn lộn, hậu môn nóng rát, tiểu tiện ít mà đỏ là do thấp nhiệt hạ trú. Rêu lưỡi vàng bản, mạch hoạt sắc cũng là thể hiện của thấp nhiệt. Nên dùng phép thanh nhiệt, giải độc, lợi thấp, điều trị bổ huyết, cho uống "Thang bào ẩm" và "Đương quy thực dược thang gia giảm". Buổi sáng uống "Thang bào ẩm" buổi tối

dùng "Đương quy thực dược thang gia giảm", mỗi ngày mỗi bài 1 thang. Bệnh nhân uống 2 hôm, mọi chứng đều hết, hoàn toàn khỏe mạnh ra viện.

Bàn luận: Mễ xác chất bình vào các kinh phế, đại tràng và thận, các chứng ho lâu, tả lý, di tinh, đau tim, bụng, gân cốt. Vì có tính cố sáp, lúc dùng nó nên thêm các vị khác; tránh tắc vị, làm trở ngại ăn uống. Mật ong can bình, vào các kinh phế vị đại tràng có tác dụng hoạt trường thông tiện, nhuận phế giảm ho, giảm đau. Bài "Thang bào ẩm" dùng tính cố sáp của Mễ xác cầm ngay đi ngoài, giảm số lần đi, đồng thời giảm đau, dùng Mật ong để hoạt trường thông tiện, trị lý rất tốt (xét nghiệm in vitro, mật ong diệt trực khuẩn lỵ và cầu khuẩn sinh mủ), tác dụng nhanh, hết hẳn đau mót rặn, phối hợp với "Đương quy thực dược thang gia giảm" trị gốc, hiệu quả càng rõ rệt.

10. Ly trực khuẩn mạn tính

Biện chứng đông y: Thấp nhiệt ẩn náu lâu ngày, lưu trệ đại tràng.

Cách trị: Điều hòa khí huyết, tiết nhiệt đạo trệ, giải độc chỉ ly, kiện tỳ trợ thận.

Đơn thuốc: Thược dược thang gia giảm.

Công thức: Đương quy 50g, Bạch thược 50g, Bình lang 15g, Chỉ xác 15g, Lai phụ tử 10g, Cam thảo 5g, Tửu quân 7,5g, Nhục quế 5g. Sắc uống mỗi ngày 1 thang.

Hiệu quả lâm sàng: Viên XX, nam, 38 tuổi, công nhân đến khám tháng 9-1973, kể là đi lỵ, ỉa ra máu mủ đã 9 năm. Từ tháng 7-1964 bệnh nhân mắc bệnh lỵ, vào 1 bệnh viện dùng syntomycin, đã khỏi, sau khi ra viện thường bị lại, miệng khát, sức yếu, đi ngoài đau mót rặn, phân có máu mủ, mỗi ngày hơn 20 bận, về sau dường như năm nào cũng vào viện 1 lần, bệnh thường phát vào mùa hè. Năm 1968 sau khi ở bộ đội về bệnh càng nặng thêm, thường thì đại tiện có máu mủ bất kể mùa đông hay hè, lúc nặng lúc nhẹ, đã dùng nhiều thứ thuốc mà không khỏi. Chứng bệnh hiện nay đau bụng, mót rặn phân có máu mủ, mỗi ngày hơn chục bận, không sốt. Kiểm tra thấy tình trạng chung còn tốt, lưỡi đỏ rêu vàng mỏng, mạch hoãn vô lực, bụng mềm, không có ấn đau và u cục, không sờ thấy gan lách. Xếp vào loại cửu lỵ, nên trị bằng phép điều hòa khí huyết, tiết nhiệt thông trệ, thêm các vị ôn dương. Uống "Thược dược thang gia giảm" được 3 thang thì bớt đau bụng, bớt mót rặn, bớt số lần đi ngoài, uống được 6 thang thì hết hẳn đau bụng, hết mót rặn, vẫn còn đôi chút máu mủ trong phân, lại uống 3 thang nữa thì khỏi hẳn. Hai năm sau khám lại không thấy tái phát.

Bàn luận: "Thược dược thang gia giảm" là 1 thang xuất phát từ Thược dược thang có thêm bớt, thích hợp với cửu lỵ, thấp nhiệt không nặng, nhưng thiên về khí không điều hòa, thận dương không đủ, hiệu quả lâm sàng rất tốt. Nếu phân lỏng có thể thêm Xa tiên.

Ly trực khuôn mạn tính là thuộc về nhiệt lý, do lúc mới mắc chữa không đến nơi đến chốn, tà khí lưu trệ ở đại tràng, gây nên thấp nhiệt nung nấu, khí huyết bị tổn thương, cáu bẩn không tẩy sạch, hóa thành phân có mủ, thanh dương không lên được, trọc âm không trừ được, thịt mới không mọc, cho nên thường đi ngoài ra máu mủ. Khí huyết không thông, đường chuyển vận bị hỏng mà sinh đau bụng mót rặn, cử lý ắt tổn thương đến dương của tỳ vị. lý Trung Tử nói: "Thận là cửa ngõ của vị khai khiếu ở hai âm, người chưa bị cử lý thì thận không bị tổn hại, vì vậy trị lý mà không biết bổ thận thì chẳng phải là chữa lý". Cho nên khi chữa lý lâu ngày thì ngoài việc điều hòa khí huyết, thông tích trệ, còn cần phải ỏ bỏ thận dương, nhất thiết không được dùng vị khổ hàn để công phạt nó. Bài này dùng Qui, Thược để hòa dinh dưỡng huyết; Bình lang, Chỉ xác để hành khí đạo trệ, Lai phục tử để hành khí giải độc và cầm lý, Tử đại hoàng thì tiết nhiệt thông phủ, Cam thảo để hòa trung kiện tỳ, Nhục quế để ỏ thận trợ dương làm ấm hàn. Tất cả cùng điều hòa khí huyết, tiết nhiệt đạo trệ giải độc chỉ lý, kiện tỳ trợ dương, tất nhiên sẽ kết quả.

11. Ly Amíp

Biện chứng đông y: Trường vị thấp nhiệt, kiêm huyết phân nhiệt độc, thấp nhiệt độc tà kết tụ.

Cách trị: Thanh nhiệt khử thấp, giải độc chỉ ly.

Đơn thuốc: Bạch đầu ông thang.

Công thức: Bạch đầu ông 30g, Hoàng liên 9g, Hoàng bá 9g, Trần bì 9g. Sắc uống mỗi ngày 1 thang.

Hiệu quả lâm sàng: Theo dõi việc điều trị 14 bệnh nhân trong đó 10 người khỏi hẳn, các triệu chứng hết hoàn toàn, thử phân liên hai ba lần không còn thấy kén amíp và amíp. Bốn trường hợp khác có chuyển biến tốt: giảm nhẹ các triệu chứng, thử phân còn thấy amíp và kén amíp. Chưa gặp trường hợp nào không có kết quả. La XX, nữ 66 tuổi, nông dân, người Tạng. Hai ngày trước đau bụng đi ngoài mỗi ngày 8-10 lần, toàn thân phát rét, mệt xỉu, mạch 110 lần mỗi phút, chất lưỡi đỏ, rêu vàng dày, bụng và quanh rốn đều có ấn đau, thử phân: Hồng cầu +++, Bạch cầu +++, phát hiện có kén *Entamoeba histolytica*, chẩn đoán chính xác là ly amíp. Cho dùng "Bạch đầu ông thang", uống được 3 thang, bụng giảm đau, giảm số lần đi ngoài. Dùng liền 9 thang, các chứng mất hết, ba ngày một lần thử phân, thử tất cả 2 lần không còn thấy có kén amíp và các thứ dị thường khác, bệnh khỏi.

12. Ly Amíp mạn tính

Biện chứng đông y: Thấp nhiệt uẩn kết.

Cách trị: Sát trùng chỉ ly chỉ huyết.

Đơn thuốc: Phức phương nha đảm tử hoàn.

Công thức: Nha đảm tử 45g, (bỏ vỏ), Quán chúng 15g, Ngân hoa thán 15g, Sáp vàng 60g. Các thứ Nha Đảm tử, Quán chúng, Ngân hoa thán tán thành bột mịn, lại nấu chảy sáp, rang nóng hòa bột vào trộn đều, vê thành hoàn bằng hột đỗ tương. Uống lúc đói. Người lớn mỗi ngày 10-15 viên. Trẻ nhỏ giảm liều.

Hiệu quả lâm sàng: Chung XX, nam 11 tuổi, khám ngày 1-10-1963. Bệnh nhân kể đi ngoài ra máu đã hơn 2 năm. Hai năm qua đã tốn rất nhiều tiền thuốc mà không công hiệu. Hỏi ra biết thầy thuốc trước đây có người chữa theo chảy máu đường ruột, có người chữa theo trĩ nội. Hỏi kỹ biết 3 năm trước đã bị lỵ, tuy đã khỏi nhưng sau đó hay đi ngoài bất thường, mỗi ngày 3--4 bận, phân lỏng, có lúc có chất nhày trắng như mũi, có lúc bụng đau âm ỉ, có lúc thấy mót rặn. Vọng chẩn sắc mặt vàng nhạt, lưỡi không rêu, chất trắng nhạt, môi, miệng, móng và kết mạc mắt đều trắng bệch, bắt thấy mạch hư vi huyền mà hoạt. Phía dưới rốn bên phải chỗ ruột sigma co thắt như cuộn thừng, thăm hậu môn không thấy búi trĩ và dấu vết nề nứt hậu môn. Căn cứ vào mạch chứng chẩn đoán là đi ngoài ra máu do lỵ amíp. Thử phân thì phát hiện có amíp hoạt động. Cho Phức phương nha đảm tử hoàn 1 liều, mỗi ngày lúc đói uống 7 hoàn. Sau khi uống thuốc 5 ngày khám thấy giảm đi ngoài ra máu. Sau khi uống thuốc 10 ngày, khám lại thấy không còn đi ngoài ra máu nữa. Sau 15 ngày khám lại thì đại tiện hoàn toàn như thường. Sắc mặt trở nên hồng nhuận. Theo dõi 17 năm không thấy tái phát.

Bàn luận: Nha đảm tử còn gọi là khỗ sâm tử, "Bản thảo linh" nói "có thể thông ruột khử tích trệ hóa thấp nhiệt, sát trùng, chỉ lỵ". Trương Tích Thuần nói: "Nha đảm tử vị rất đắng, tính mát, là thuốc thiết yếu để lương huyết giải độc, dùng để chỉ xích lỵ nhiệt tính, đại tiểu tiện ra máu do nhiệt rất tốt, rất có thể thanh nhiệt ở

huyết phân và ở trong ruột, phòng thối rữa và sinh cơ nhục, có công hiệu lạ lùng, tôi từng dùng thuốc này chữa khỏi bệnh lỵ rất nặng". Diệp Cát Tuyên nói: "Nha đấm tử dùng trên lâm sàng để trị người bị lỵ trực trùng mạn tính và lỵ amip đều khỏi, công hiệu tốt". Quán chúng thanh thấp nhiệt, sát 3 thứ trùng, thu liễm chỉ huyết, Ngân hoa tán giải độc chỉ huyết. Cái hay của cả bài là ở chỗ làm hoàn bằng sáp vàng, bởi vì sáp chưa thể tan hoàn toàn ở dạ dày, nên tránh được tác dụng phụ của Nha đấm tử, làm nó đến thẳng chỗ bệnh để tiêu diệt trùng bệnh, tác dụng nhanh chóng. Cái mà đông y gọi là "hưu tức lỵ" (lúc có, lúc không có lỵ), (bị lạnh) là đại tiện không đều, có lúc phân lỏng, nhày, có lúc tiện bí, bụng không đau thất, chỉ hơi mót rặn, thấm thoát lâu ngày thành ra đi ngoài ra máu, dần dần thiếu máu, gầy gò, thân nhiệt hạ thấp, năm tháng tích lại làm người càng thêm suy nhược, ủy hoàng phù thũng, dùng bài thuốc này chuyển nguy thành yên, hồi phục sức khỏe.

13. Thổ tả

Biện chứng đông y: Dương vi âm kiệt.

Cách trị: Hồi dương cố thoát.

Đơn thuốc: Gia vị quế phụ lý trung thang.

Công thức: Đảng sâm 12g, Bạch truật 9g, Phục linh 12g, Trần bì 6g, Nhục quế 6g, Phụ tử 9g, Bào khương 9g, Sinh khương 9g, Chích cam thảo 9g, Đại táo 5 quả. Sắc uống mỗi ngày 1 thang.

Hiệu quả lâm sàng: Lý XX, 48 tuổi. Đêm 17-8-1980 sơ chẩn. Bệnh nhân nôn liên tục nước trong, đi ngoài chảy như xối nước, bấp chân chuột rút, tinh thần lơ mơ, chân tay quờ quạng, nhiều lần mê đi, chân tay lạnh giá, hố mắt lõm xuống, sáu mạch đều không thấy. Đó là vì thử nhiệt ngày hè phục ở trong nay cảm lạnh thương thực, kích động thử tà làm cho các chất thanh trọc phạm nhau, âm dương lẫn lộn, chức phận của trường vị mất điều hòa sinh ra thổ tả. Thổ tả thương âm, cân mạch không được nuôi thành ra chuột rút. Sáu mạch đều không thấy là biểu hiện dương ít âm kiệt, điều trị cần cấp tốc hồi dương cố thoát. Cho dùng "Gia vị quế phụ lý trung thang". Uống liền 3 thang, ngừng được thổ tả, tinh thần tỉnh táo, lại dùng "Chân nhân trị trung thang" để điều dưỡng, có công hiệu. Bài thuốc này có: Đảng sâm 15g, Can khương 9g, Bạch truật 12g, Chích cam thảo 9g, Trần bì 6g.

Bàn luận: Thổ tả và phó thổ tả là do phẩy khuẩn thổ tả và phó thổ tả gây ra, biểu hiện lâm sàng chủ yếu là nôn, ỉa chảy kịch liệt, mất nước, choáng, chứng có thể nặng, có thể nhẹ. Đông y gọi hoặc loạn là chỉ thượng thổ hạ tả, ngoài thổ tả ra chứng này còn gồm có viêm trường vị cấp tính, các chứng ngộ độc thức ăn cấp tính, phạm vi tương đối rộng, đông y dùng một phép chữa như nhau và đều có thể có tác dụng. Trị thổ tả chỉ cần thiếu thận trọng một chút là có thể nguy đến tính mạng. Có thầy thuốc khi gặp bệnh này chẳng xét là bệnh hư hay thực mà đã dùng ngay Sa khí hoàn, Hoắc hương chính khí hoàn, Lục hòa thang là những thuốc thường trị thổ tả. Họ không biết loại thuốc này đều thuộc thứ cay thơm chạy xuyên. Lúc mới mắc bệnh muốn mưa không mưa được, muốn ỉa không ỉa được,

bụng đau thất thường, đường khiếu không thông, đó là chứng thực nên dùng thuốc trên; còn nếu mưa nhiều, ỉa nhiều, sáu mạch đều không sờ thấy, mồ hôi như tắm, người lạnh như băng, hố mắt hõm, tiếng nói thều thào là chứng dương vi âm kiệt, nếu dùng thuốc trên có thể chết ngay. Lúc này cần dùng Thông mạch tứ nghịch thang, Quế phụ lý trung thang để hồi dương cố thoát, có thể thấy sự sống chuyển tốt, trong chốc lát cứu ngay được sinh mạng người bệnh.

14. Viêm gan truyền nhiễm không vàng da

Biện chứng đông y: Mộc uất thừa thổ, gan tỳ thất điều.

Cách trị: Sơ can thực tỳ, giải uất điều khí.

Đơn thuốc: Gia vị thư can ẩm.

Công thức: Tử đàn sâm 10g (sao rượu), Hàng bạch thực 10g (sao rượu), Phiêu bạch truật 9g (sao đất), Tây chỉ xác 6g (sao cám), Xuyên uất kim 6g, Thanh bì 5g (sao dấm), Bắc sài hồ 5g, Chích cam thảo 6g, Mạch nha (sao) 9g, Sinh bắc tra 6g, Kê nội kim 5g. Sắc uống mỗi ngày 1 thang.

Hiệu quả lâm sàng: Ngô X, nữ 50 tuổi, ngực nặng tức, đầu mỗi bụng đầy, đầu vầng mắt hoa, tay chân yếu, lúc đói thì tay run tim hồi hộp, ăn vào thì tim đập nhanh thêm, ợ ra mùi dầu, đi ngoài mỗi ngày nhiều lần. Kiểm tra: gan to 2 ngón, phản ứng Maclagan 9 đơn vị, phản ứng Hanger (+++), transaminase 400 đơn vị. Bệnh nhân tỳ vị nguyên hư, hay phát sinh mờ mắt, bụng chướng, phân lỏng. Viêm gan mắc lại, gan to sườn phải đau chướng, mạch hư huyền hoãn, chất lưỡi nhạt dày. Nguyên nhân bệnh là tỳ hư thấp khớp, can mộc không phát huy được cái ưu của nó, "can có tà, khí của nó chảy ở 2 bên sườn", "gan to, ắt nghịch vị bức yết, bức yết ắt khô cách trung, làm cho sườn đau". Tà chính tương bác, can tỳ thương tổn, nên dùng phép sơ can thực tỳ, vận hóa khí cơ. Cho uống "gia vị thư can ẩm". Uống hơn 50 thang, các chứng đều hết. Kiểm tra lại chức năng gan đều bình thường.

15. Viêm gan mạn tồn tại

Biện chứng đông y: Can âm hư kèm thấp.

Cách trị: Dưỡng âm bổ can thận, lợi thấp.

Đơn thuốc: Tam ô nhân trần thang gia vị.

Công thức: Thủ ô 15g, Ô đầu y 9g, Miễn nhân trần 15g, Đơn bì 9g, Thuyền y 4g, Sinh địa 12g, Đương quy 4g, Cam thảo 6g. Sắc uống, mỗi ngày 1 thang.

Hiệu quả lâm sàng: Trịnh XX, nam, 45 tuổi, Viêm gan mạn tính đã quá 7 năm. 3 năm trước kiểm tra đã từng phát hiện thấy HAA dương tính, 1 năm nay chuyển âm tính. Người bệnh chóng mặt, vùng gan có lúc đau, mỗi mệt, người bệu, miệng khô đắng, bứt rứt không ngủ, lưỡi đỏ rêu mỏng vàng hơi bẩn, mạch huyền tế sác. Gan dưới bờ sườn 1cm, độ cứng I-II, không sờ thấy lách, transaminase trên 500 đơn vị, phản ứng Hanger (+++), HAA (-), AFP (-), chẩn đoán là viêm gan mạn tính tồn tại. Đây là thuộc bệnh can thận âm hư cộng thêm thấp, nên trị bằng phép dưỡng âm, bổ can thận, lợi thấp. Dùng "Tam ô nhân trần thang gia vị", uống được 1 tháng thì transaminase còn 210 đơn vị, các chứng nói trên đều chuyển biến tốt. Lại dùng bài trên gia giảm thêm 1 tháng nữa, toàn bộ chức năng gan trở lại bình thường.

Bàn luận: "Gia vị thư can ẩm" là bài thuốc bổ mà không cần kíp, sơ mà không kích, đã dùng nhiều đều có công hiệu. Sau khi dùng thuốc "Gia vị thư can ẩm" mấy ngày, nếu như đau ở vùng sườn phải vẫn lan ra phía lưng, tay chân mỏi, đêm ngủ nóng hầm hập ra mồ hôi, can âm bất túc can khí tán mà không kim, hư dương tản ra mà không thu lại, có thể dùng tiếp Dưỡng can ẩm gồm: Tử đàn sâm 10g (sao rượu), Hàng bạch thực 10g, Sơn thù du 6g (bỏ hạch), Thanh bì 5g (sao dấm), Xuyên uất kim 5g, Mẫu lệ 12g (sắc trước), Mạch nha (sao), Chích cam thảo 5g. Bài này làm thu tán, tăng sự nuôi dưỡng, tức là theo cái nghĩa "cấp thì phải hoãn, tán thì phải thu, tổn thì phải ích". Đối với bệnh nhân can uất tì hư, tinh thần ngưng uất mà có các triệu chứng kiểu viêm gan không hoàng đả như trên thì phải nghĩ đến Sài hồ đạt uất cánh việt hư dương, lại nghĩ đến Bạch truật, vận tì hữu thương can âm, cam toan liễu âm, bài này như thế là được.

16. Viêm gan mạn tấn công

Biện chứng đông y: Can đởm uất nhiệt, vị thất hòa giáng.

Cách trị: Sơ can giải uất, thanh nhiệt hòa vị.

Đơn thuốc: Gia vị tứ nghịch tán (thang).

Công thức: Sài hồ 10g, Bạch thược 10g, Chỉ thực 10g, Uất kim 10g, Đan sâm 10-15g, Thần khúc 10g, Mạch nha 15g, Liên kiều 10-15g, Bản lam căn 15-20g, Hoắc hương 10g, Cam thảo 5g, Mao căn 10g. Sắc uống mỗi ngày 1 thang.

Hiệu quả lâm sàng: Lý XX, nữ, 38 tuổi, chẩn bệnh ngày 18-5-1974. Từ tháng 1-1975 mắc bệnh viêm gan cấp thể vàng da, nằm viện điều trị 3 tháng, khỏi về cơ bản, xuất viện. Năm 1974 phát lại, lại nằm viện 5 tháng, lúc đó transaminase không giảm, có lúc lên tới 600 đơn vị, bệnh nhân đã xin lên nằm bệnh viện tỉnh. Kiểm tra gan to, gan dưới bờ sườn 2cm, sờ chưa thấy lách. Transaminase 560 đơn vị, phản ứng Maclagan 20 đơn vị, phản ứng Hanger (+++), chỉ số hoàng đả bình thường. Chẩn đoán chính xác là viêm gan mạn tấn công. Bệnh nhân còn thấy hai bên sườn đau chướng, ăn uống không ngon, buồn nôn, tinh thần mệt mỏi, đại tiện lúc loãng lúc khô, tiểu tiện vàng đỏ, miệng đắng họng khô, có máu mủ, lòng bàn tay nóng, lưỡi đỏ, rêu trắng bản, mạch huyền hơi sác. Đó là can đởm uất nhiệt, vị không còn chức năng hòa giáng, chữa bằng phép sơ can giải uất thanh nhiệt hòa vị. Cho dùng "Gia vị tứ nghịch tán (thang)", bệnh nhân uống 30 thang, kiểm tra lại chức năng gan transaminase 125 đơn vị, phản ứng Maclagan 7 đơn vị, phản ứng Hanger (+), các chứng khác đều hết. Lại uống lại trên 20 thang, kiểm tra lại chức năng gan thì toàn bộ hồi phục như thường. Theo dõi 5 tháng chưa thấy có biến đổi gì khác thường.

Bàn luận: Dùng "Gia vị tứ nghịch tán (thang)" tùy bệnh nhân mà gia giảm, đối với viêm gan thể không vàng da, thể vàng da (sau khi về cơ bản đã hết vàng da), viêm gan mạn tính và men transaminase không giảm, đều có tác dụng tốt. Đã dùng bài này cho hơn 50 người bị các bệnh kể trên kết quả rất tốt.

17. Viêm gan mạn

Biện chứng đông y: Can uất tỳ hư, khí trệ huyết ứ, thấp nhiệt chưa thanh.

Cách trị: Kiện tỳ sơ can, hoạt huyết hóa ứ, phối hợp thêm thanh nhiệt lợi thấp.

Đơn thuốc: Ích can thang.

Công thức: Đảng sâm 12g, Bạch truật (sao) 10g, Thương truật (sao) 10g, Hoắc hương 10g, Nhân trần 15g, Đương quy 12g, Hương phụ 10g, Phật thủ 10g, Sơn trà 15g, Trạch lan 15g, Sinh mẫu lệ 15g, Vương bất lưu hành 12g. Sắc uống, mỗi ngày 1 thang.

Hiệu quả lâm sàng: Trần XX, nam 23 tuổi đến khám tháng 5 năm 1971. Năm 1964, bệnh nhân mắc bệnh viêm gan do virus cấp tính, đã điều trị nửa năm tại một bệnh viện, các triệu chứng và các chức năng gan đều đã có chuyển biến tốt và ra viện. Nhưng xuất viện mấy năm rồi vẫn thường đau ở vùng gan, khi mệt nhọc lại càng đau thêm. Tháng 10-1970 bắt đầu thấy đau ở vùng lách, đến tháng 5-1971 hai bên sườn đau nặng thêm, tay chân bải hoải, không muốn ăn uống, đại tiện lỏng, lòng bàn chân tay nóng. Khám thấy tình trạng nói chung còn khá, bờ gan trên ở giữa sườn số 5, bờ dưới ở 2 cm dưới mép sườn trên đường vạch giữa đòn, chất gan mềm sờ đau, có thể sờ được lách tới 1cm, sờ hơi đau, mu tay phải có thể thấy bờ răng cưa. Xét nghiệm: chức năng gan trong phạm vi bình thường, tiểu cầu 120.000/mm³. Rêu lưỡi trắng, mạch trầm hoạt. Cho dùng "ích can thang". Trong quá trình điều trị, đã gia giảm sử dụng Bội lan 10g, Sinh dĩ mễ 15g, Hồng hoa 12g, Miết giáp 12g. Đồng thời dùng cả các thuốc tây trợ gan. Sau hơn 2 tháng dùng thuốc thấy các triệu chứng đã chuyển biến tốt, ăn ngủ và đại tiểu tiện bình thường, chân tay đỡ bải hoải, lòng bàn tay chân không còn nóng, giảm hẳn đau ở vùng gan tì, gan ở dưới sườn 1cm, sờ không thấy đau rõ, chưa sờ thấy lách. Xét nghiệm lại chức năng gan cũng chưa thấy gì khác thường, tiểu cầu tăng lên tới 168.000/mm³. Sau đó dùng bài trên làm thành hoàn mà uống để củng cố tác dụng về sau.

Bàn luận: Bệnh nhân này sưng gan và lách, xét nghiệm chức năng gan bình thường mà chân tay lại bải hoại, không thích ăn uống, đại tiện lỏng, rêu lưỡi trắng, mạch trầm hoạt. Đó là các chứng thuộc can uất tỳ hư, khí trệ huyết ứ, hai bên sườn đau chướng, mạch hoạt, chứng tỏ là thấp nhiệt chưa thanh. Bởi vậy trong sự phù chính thì nặng về kiện tỳ thư can. Trong bài có Đảng sâm, Thương bạch truật (sao), Kiện tỳ thảo thấp, Đương quy, Bạch thực dưỡng huyết nhu can, lại phối hợp các thuốc sơ can lý khí và hoạt huyết hóa ứ, khí hành ất là huyết dễ hoạt, huyết hoạt ất ứ dễ trừ, như vậy có thể có hiệu lực điều trị mong muốn.

18. Viêm họng tăng bạch cầu đơn nhân

Biện chứng đông y: Nhiệt độc uất phế.

Cách trị: Thanh nhiệt giải độc.

Đơn thuốc: Thanh nhiệt giải độc thang.

Công thức: Đại thanh diệp 15g, Bản lam căn 15g, Kim ngân hoa 9g, Hoàng cầm 12g, Cam thảo 6g. Sắc uống, mỗi ngày 1 thang.

Hiệu quả lâm sàng: Khoảng trước và sau tết trung thu năm 1973, công xã X, tỉnh Sơn Đông có dịch viêm họng tăng bạch cầu đơn nhân, vào giai đoạn cao điểm mỗi ngày có tới trên 40 người mắc bệnh, phần đông là thanh niên, trung niên. Cho uống bài thuốc "Thanh nhiệt giải độc thang", nói chung hiệu quả nhanh chóng. Sau khi uống từ 2 đến 4 thang, nhiều người đã khỏi bệnh. Nhưng do dịch lan nhanh, tuy chữa có nhanh nhưng mắc lại cũng nhiều. Sau thay đổi lại, cho uống thuốc dự phòng, tức là cứ theo tỷ lệ lượng thuốc trong đơn, sắc uống bằng một nồi lớn, đưa tới các hộ gia đình, ngay trong ngày uống thuốc phòng, người mắc bệnh giảm xuống còn 9 trường hợp, sang ngày hôm sau chỉ còn 2 người, đến ngày thứ ba thì không còn có trường hợp mới mắc bệnh nữa, nhanh chóng ngăn chặn được đợt dịch bệnh. Thực tiễn chứng tỏ đối với việc chữa và phòng bệnh viêm họng tăng bạch cầu đơn nhân, đơn thuốc "Thanh nhiệt giải độc thang" có hiệu quả rõ rệt.

19. Dengue xuất huyết

Biện chứng đông y: Khí huyết lưỡng phiên, huyết nhiệt si thịnh.

Cách trị: Thanh nhiệt giải độc, lương huyết cứu âm.

Đơn thuốc: Thanh nhiệt lương huyết phương.

Công thức: Thạch cao 120g, Tri mẫu 10g, thủy ngư giác (1) 60g, Sinh địa 30g, Đơn bì 10g, Xích thực 10g, Bạch mao căn 60g. Sắc uống mỗi ngày 1 thang. Nếu bệnh nặng có thể uống 2 thang vào ban ngày và ban đêm.

Hiệu quả lâm sàng: Lấy đơn này làm chính điều trị 30 trường hợp Dengue xuất huyết, thời kỳ phát sốt. Người sốt cao nhất 41oC, người sốt thấp nhất 37o8 C. Sau khi điều trị thời gian lui cơn sốt dài nhất là 3 ngày, ngắn nhất 1 ngày, trung bình 2 ngày. Có thể làm đảo lộn trật tự các thời kỳ phát bệnh, bỏ qua thời kỳ choáng và thời kỳ đi đái ít, đi thẳng vào thời(kỳ đái nhiều hoặc thời kỳ khôi phục, giảm bớt các biến chứng, nhất là giảm bớt khuynh hướng xuất huyết, không có trường hợp nào tử vong. Điền X.X., nữ, 28 tuổi, bị sốt xuất huyết đến ngày thứ tư mới vào viện. Lúc mới vào viện thân nhiệt 39o C, mặt đỏ, nhức đầu, đau lưng, thèm uống nước, lợm giọng, nôn, trên da thịt có ban chẩn, đái ít đỏ, lưỡi đỏ sẫm, rêu lưỡi trắng mỏng, mạch tế sác. Đó là sốt cao làm thương tổn đến tân dịch, huyết nhiệt thịnh, phần vệ biểu chưa giải hết. Dùng phép thanh nhiệt giải độc lương huyết cứu âm là chính, kiêm giải biểu "Thanh nhiệt lương huyết phương" thêm Ngân hoa, Liên kiều, Trúc nhự, sắc uống 3 thang. Ngày hôm sau thân nhiệt xuống còn 37o3 C, ngày thứ ba trở lại bình thường, chưa bị choáng, lại bỏ qua cả thời kỳ nước tiểu ít, qua chăm sóc mấy ngày, kiểm tra sức khỏe và xét nghiệm thấy hoàn toàn khôi phục lại bình thường. Nằm viện 7 ngày, khỏi hẳn ra viện.

20. Lao phổi thâm nhiễm

Biện chứng đông y: Tỳ phế lưỡng hư, huyết ứ đàm kết.

Cách trị: Ích phế kiện tỳ, hành ứ hóa đàm tán kết.

Đơn thuốc: 1. Gia vị ích phế thang; 2. Phế kết hạch lưu tẩm cao.

Gia vị ích phế thang: Sa sâm 9g, Tử uyển 12g, Cát cánh 9g, Chích cam thảo 6g, Hạnh nhân 9g, Bách bộ 9g, Hạ khô thảo 12g, Trần bì 9g, Bán hạ 9g, Bạch cập 15g, Sơn dược 24g, Bạch truật 9g, Kê nội kim 12g, Bạch đậu khấu 9g, Đương quy 9g, Sa toan táo nhân 18g, Chích tang bì 9g. Sắc uống 2 lần, trộn đều chia 2 lần uống, mỗi ngày 1 thang.

Phế kết hạch lưu tẩm cao: Hạ khô thảo 240g, ích mẫu thảo 90g, Đương quy 45g, Cát cánh 90g, Sa sâm 90g, Trần bì 45g, Đan sâm 60g, Bách hợp 45g, Bán hạ 45g. Sắc 3 lần lọc lấy nước, cho thêm Bạch chỉ 150g, Phê sương 60g, Đường đỏ 120g. Đun nhỏ lửa thành cao lỏng. Mỗi lần uống 20ml, ngày 3 lần.

Hiệu quả lâm sàng: Trương XX, nữ, 25 tuổi. Sơ chẩn ngày 25-2-1959. Cách đây 1 năm ho ra đờm, ăn không ngon miệng, mệt mỏi mất sức, dần dần gày rộc đi, có lúc hơi đau ngực, ngủ kém, kinh nguyệt chậm hơn 10 ngày, ba tháng nay lại mất kinh. Đã đến bệnh viện chụp X quang, chẩn đoán là lao phổi thâm nhiễm. Hiện tại bệnh nhân hoàn toàn nghỉ ở nhà, hơn 1 tháng liền uống Rimifon, tự cảm thấy bệnh không có biến chuyển rõ rệt, tới xin điều trị. Khám thấy người bệnh thân thể gầy gò, chất lưỡi hơi đỏ, rêu lưỡi mỏng trắng, mạch trầm tế. Cho dùng bài "Gia vị ích phế thang" và "Phế kết hạch lưu tẩm cao". Đồng thời yêu cầu bệnh nhân tiếp tục uống Rimifon phối hợp, mỗi ngày 400 mg để đẩy nhanh quá trình điều trị bệnh. Uống được hơn 30 thang và 2 liều cao lỏng thì người bệnh ăn uống nhiều hơn, cảm thấy có sức, thể trọng tăng lên, các chứng ho, khạc đờm mất hẳn, kinh nguyệt trở lại gần như bình thường. Ngày 9 tháng 5 tới thăm lại thì bệnh nhân đã trở lại công tác được hơn nửa tháng, nhưng vẫn khuyên nên tiếp tục uống bài thuốc trên. Lần sau tới thăm bệnh được biết sau khi tiếp tục uống thuốc, vào tháng 7 có đi chiếu X quang thấy các ổ lao đã khỏi hẳn, kinh nguyệt đã trở lại hoàn toàn bình thường.

21. Lao phổi thâm nhiễm (Kèm viêm phúc mạc do lao)

Biện chứng đông y: Âm hư hỏa vượng, tổn thương phế âm, túc thực hỏa nhiệt, xâm nhập phúc mạc, nhiệt uất thành độc.

Cách trị: Thanh nhiệt giải độc, tiêu ung tán kết.

Đơn thuốc: Thác lý nội tiêu thang.

Công thức: Kim ngân hoa 45g, Đương quy 12g, Huyền sâm 15g, Xa tiền tử 12g, Bồ công anh 30g, Cam thảo 6g, Nhục thung dung 15g. Sắc uống, mỗi ngày 1 thang, chia 2 lần sáng tối.

Hiệu quả lâm sàng: Lưu XX, nam, học sinh. Tới khám ngày 14-4-1960. Bị ốm đã hơn 1 năm, đau ngực, ho, thở ngắn, trong họng có tiếng đờm khò khè, sốt buổi chiều, bụng to dần, cự án, ăn uống kém, đại tiện táo bón, nước giải vàng, sắc mặt nhợt nhạt, gò má đỏ, da khô, người gầy gò, chất lưỡi đỏ, rêu trắng, hơi vàng mà khô, tinh thần mệt mỏi, nhãn nhỏ, hơi thở ngắn, tiếng nói trầm yếu, mạch tế, sác mà vô lực. Tây y chiếu X quang, chẩn đoán là lao phổi thâm nhiễm kèm viêm phúc mạc do lao. Bệnh này thuộc về âm hư, hỏa vượng, phế lao, kèm theo túc thực hỏa nhiệt xâm nhập phúc mạc phúc bì. Phép trị là phải thanh nhiệt giải độc, tiêu ung tán kết. Cho uống "Thác lý nội tiêu thang". Uống được 5 thang, bụng đã nhỏ bớt được một nửa, các chứng thấy nhẹ nhõm hẳn. Vì thế bỏ bớt Nhục thung dung trong bài này và thêm Liên kiều 15g, tiếp tục cho uống. Lại uống tiếp 5 thang, bụng đã hết hẳn báng, nhưng có lúc chướng bụng, ăn ít, tiêu hóa không tốt. Sợ rằng dùng thuốc dưỡng âm thanh nhiệt quá độ, gây thương tổn đến dương của tì vị có hại về sau, hơn nữa vì người bệnh vốn ăn không tiêu nên đổi sang dùng bài thuốc "Gia giảm hư sinh thang" dưới dạng hoàn, bài thuốc như sau: Sơn dược 15g, Nội kim 12g, Tang diệp 12g, Ngưu bàng tử 9g, Huyền sâm 15g, Thần khúc 15g, Mạch nha 15g, Bạch truật 12g, Phục linh 12g, Sa nhân 6g, Cam thảo 6g. Tất cả tán bột mịn, luyện mật thành hoàn, mỗi viên nặng 6g, ngày uống 3 lần, mỗi lần 1 viên. Uống được 2 tuần lễ thì bụng hết chướng, ăn uống tăng gấp đôi, sức khỏe cũng phục hồi được phần lớn. Lại tiếp tục cho uống "Thoát lý

nội tiêu thang". Một tháng sau chiếu X quang thấy các dấu vết lao phổi đã lành hẳn.

Bàn luận: Đây là 1 trường hợp lao phổi thâm nhiễm kèm viêm phúc mạc do lao, các biểu hiện của nó được đông y coi là âm hư hỏa vượng, lửa đốt phế âm dẫn tới phế lao, kèm theo ăn không tiêu thành nhiệt xâm nhập phúc mạc, nhiệt uất thành độc gây nên phúc mạc bị ung. Đau ngực ho là do chứng hỏa đốt phế âm, sắc mặt nhợt nhạt, hai gò má đỏ, chất lưỡi đỏ, da khô và mạch tế, sác, vô lực tất cả đều là do âm hư hỏa vượng. Bụng báng cự án là do nhiệt độc tụ lại làm tắc đường mạch, dinh vệ tuần hành không thông. "Nội kinh" có nói: "Vinh khí không thuận thì ngược vào trong thịt, sinh ra ung thũng": là có nghĩa như vậy. Chọn dùng bài thuốc thanh nhiệt giải độc sinh huyết, trong đó Kim ngân hoa thanh nhiệt giải độc, Dương quy hoạt huyết sinh tân, Huyền sâm dưỡng âm chế hỏa, Sa tiên tử lợi tiểu, làm giải độc qua đại tiểu tiện, Bồ công anh tiêu ung tán kết, vì đại tiện táo bón, dùng Nhục thung dung để tăng dịch nhuận tràng. Hết nhiệt giải độc, âm đủ thì bệnh sẽ khỏi. Tuy nhiên, trải qua thực tế lâm sàng thấy rõ thêm rằng cần phải dùng nhiều Kim ngân hoa, bài thuốc mới có hiệu quả tốt, nói chung có thể dùng đến 60- 90g. Bài thuốc này dùng trị lao phổi đã nhiều năm nay, phần nhiều đều thu được hiệu quả rất tốt.

22. Lao phổi ho ra máu

Biện chứng đông y: Nhiệt tà phạm phế, ứ huyết làm tắc kinh lạc, không khử được ứ thì kinh lạc không yên.

Cách trị: Hóa ứ Kinh lạc.

Đơn thuốc: Bạch hoàng tứ vị tán.

Công thức: Bạch cập 4 phần, Sinh đại hoàng 3 phần, Nhi trà 2 phần, Bạch phàn 1 phần. Tất cả tán bột mịn, mỗi lần uống 1g, ngày uống 4 lần.

Hiệu quả lâm sàng: Vương XX, nữ, 45 tuổi. Vì bị lao phổi nên từ 1 tháng trước đờm có máu tươi. Đã dùng thuốc đông y và tiêm thuốc tây y để cầm máu nhưng đều không có hiệu quả. Sau khi chẩn đoán cho dùng "Bạch hoàng tứ vị tán" 5 ngày sau hết hẳn ra máu.

Bàn luận: "Bạch hoàng tứ vị tán" ngoài việc dùng để điều trị lao phổi ho ra máu, còn có thể dùng để điều trị giãn phế quản ho ra máu, cũng thu được kết quả tốt.

23. Lao ruột

Biện chứng đông y: Tỳ vị hư hàn, thận dương cũng hư.

Cách trị: Bổ tỳ vị, ôn trung trợ dương sáp tràng.

Đơn thuốc: Gia vị tam vị chỉ tả tán.

Công thức: Sơn dược 150g, Kha tử nhục 60g, thạch lựu bì 60g, Nhục quế 30g, Nhục đậu khấu (Nhục đậu khấu nướng bằng tro nóng) 30g. Tất cả đem tán bột mịn, mỗi ngày dùng ba lần, mỗi lần 4,5g uống bằng nước đun sôi để nguội, khi đói. Kiên ăn các thức tanh lạnh, sống cứng.

Hiệu quả lâm sàng: Sách X.X nam, 45 tuổi, giáo viên. Đến khám ngày 14/7/1960. Bệnh nhân đi ngoài lỏng đã hơn 1 năm, triệu chứng chủ yếu là hàng ngày sáng sớm sôi bụng đi lỏng 4- 5 lần, đi ra những thức ăn không tiêu, bụng đau quặn âm ỉ phải lấy tay ấn vào mới chịu được, ăn kém, người mệt mỏi, đau lưng đùi nhão, bụng và chân tay lạnh người gầy gò, mặt xanh tái, rêu trắng, lưỡi nhạt, mạch trầm tế. Tây y kiểm tra chiếu X quang với barisunfat dạ dày ruột, chẩn đoán là lao ruột. Chứng này thuộc về tỳ vị hư hàn, thận dương hư trị bằng các bổ tỳ vị, ôn trung trợ dương sáp tràng. Cho dùng "Gia vị tam vị chỉ tả tán". Sau một tuần uống thuốc các chứng chuyển biến tốt, dùng tất cả hai liều thì bệnh khỏi.

Bàn luận: Bệnh này thuộc chứng tỳ vị hư hàn, thận dương hư suy. Dùng "Tam vị chỉ tả tán" để bổ tỳ vị sáp tràng cố thoát, thêm Đậu nhục khấu để có tác dụng cay ấm, ôn trung trợ dương để phục hồi dương khí của tỳ vị, còn Nhục quế là vị tân cam đại nhiệt để bổ hỏa trợ dương, phục hồi hỏa của thận dương mệnh môn. Khi đã phục hồi được dương của tỳ vị, chức năng chuyển vận tiêu hoá của ruột đã được điều hòa thì bệnh tất khỏi

24. Lao màng bụng

Biện chứng đông y: Khí âm đều hư, tà nhiệt làm thương tổn chính khí.

Cách trị: Ích khí dưỡng âm, thanh nhiệt lợi thủy.

Đơn thuốc: Kết hạch phương gia vị.

Công thức: Tây hà liễu 30g, Hoàng liên 4g, Sâm tu 4g, Sinh kỹ 30g, Miết giáp 15g, Triết bối 15g, Xa tiền thảo 30g, Mạch đông 15g, Sinh địa 15g, Vân linh 12g, Qua lâu 15g, Cam thảo 4g. Sắc uống, mỗi ngày 1 thang.

Hiệu quả lâm sàng: Lý XX, nữ, 35 tuổi, xã viên. Tháng 11 năm ngoái bắt đầu sốt, trướng bụng, ra mồ hôi trộm, người nóng bức bối, thần sắc mệt mỏi, ở địa phương chẩn đoán là lao phúc mạc kèm bụng nước đã điều trị bằng đông tây y nhưng không thấy chuyển biến, tháng 4 năm nay tới khám siêu âm chẩn đoán: Bụng có nước khoảng dày 8-10cm, huyết trầm 67mm/giờ, rêu lưỡi mỏng, chất lưỡi đỏ; mạch tế huyền hơi sắc. Cho uống 30 thang "Kết hạch phương gia vị". Ngày 10 tháng 5 khám lại, cảm thấy tinh thần tốt hơn, đã giảm trướng bụng, không ra mồ hôi trộm, ăn được nhiều hơn. Chẩn đoán siêu âm: Nước trong bụng còn dày 0,5cm, huyết trầm giảm xuống mức bình thường. Rêu lưỡi mỏng vàng, chất lưỡi hơi đỏ, mạch tế sắc. Tiếp tục cho uống 17 thang nữa, ngày 2 tháng 6 khám lại, các triệu chứng trên đã được cải thiện cơ bản, hết nước trong bụng rêu lưỡi trắng mỏng, mạch tế sắc. Lại cho uống thêm 10 thang nữa để củng cố thêm.

Bàn luận: Bài thuốc này còn được dùng trên lâm sàng để trị các loại bệnh lao khác đều thấy có kết quả tương đối tốt.

25. Lao màng bụng

Biện chứng đông y: Khí trệ huyết ngưng, làm tắc kinh lạc, kinh thủy không hành, huyết hóa thành thủy, làm thành trường thủy trong bụng.

Cách trị: Công trực lợi thủy, tiêu ứ thông lạc.

Đơn thuốc: Sơ tạc âm tử.

Công thức: Khương hoạt 9g, Tần giao 9g, Trạch tả 9g, Tiêu mục 8g, Xích tiểu đậu 12g, Đại phúc bì 15g, Phục linh bì 15g, Bình lang 6g, Thương lục 6g. Sắc uống mỗi ngày 1 thang. Khi công bất lợi, có thể thêm Khiên ngư tử, Cam toại, hoặc phối hợp với các vị thuốc tiêu ứ như Đào nhân, Hồng hoa, Đan sâm, Xích thực, Đan bì, Quy vĩ, Ngũ linh chi, Sinh bổ hoàng, Hương phụ.

Hiệu quả lâm sàng: Diệp XX, nữ, 25 tuổi, xã viên, vào viện ngày 15-5-1973. Đã một năm nay bệnh nhân nhiều lần bị trường bụng, sốt dài ngày, ra mồ hôi trộm, chóng mặt vầng vất, kém ăn mệt mỏi, ngày một gầy đi, thường chảy máu cam, miệng khô khát, đái ít mà nước tiểu đỏ đặc như nước chè, đái tiện khô táo, vón cục như phân dê, sắc mặt trắng bệch, hai gò má lồi ra, hốc mắt quầng thâm, tay chân khô và có vết sưng, bụng như cái chum gân xanh nổi rõ, chất lưỡi đỏ sẫm, trên lưỡi có 3 vết tím, rêu bản mỏng vàng, mạch trầm, ráp. Đã kiểm tra tây y, thấy tình trạng bệnh mạn tính, sắc diện thiếu máu, thần sắc vẫn tỉnh táo, dưới cổ bên phải có một khối sưng to bằng quả bóng bàn, có bờ rõ ràng, hoạt động hơi kém, hai bên cổ đều có hạch lymphô nông, bụng bên phải sờ thấy 5-6 hạch lymphô bằng cỡ hạt đậu tương. Bụng trường to, thành bụng thấy rõ các tĩnh mạch phập phồng, thấy rõ trong bụng có bóng nước, sờ thấy lách phù, hai chân đều phù ấn lõm (++) .Chiếu điện thấy tim to ra về hai phía, hai bên cơ hoành nhô lên cao, phổi bình thường. Chức năng gan bình thường. Huyết trầm 26mm/giờ, bạch cầu 10.000/mm³, hồng cầu 2.900.000/mm³, huyết sắc tố 79%, phân loại bạch cầu trung tính 78%, lymphô 22%, kiểm tra tủy xương thấy tủy xương thiếu máy tăng sinh nhẹ. Thăm dò bệnh lý hạch lymphô vùng bụng xác định lao hạch. Nước trong bụng: nhìn bên ngoài màng vàng nhạt,

hơi đục, số tế bào 212/ mm³, thử nghiệm rivalta dương tính. Quá trình nằm viện, trước tiên dùng kháng sinh, giảm sốt nhưng bụng báng nước và tình trạng toàn thân vẫn không thấy có chuyển biến gì, toàn thân mệt mỏi cực độ nằm li bì không dậy được. Hạ tuần tháng 9 tới chẩn trị đông y, dùng bài thuốc dưỡng âm ích khí hoạt huyết thông lạc, nhưng bệnh tình vẫn chưa thấy giảm. Ngày 15 tháng 10 chúng tôi tiếp nhận để chữa trị tiếp, cho dùng "Sơ tạc âm tử". Đầu tiên thấy đại tiểu tiện nhiều hơn, bụng đã giảm báng nước. Sau khi bụng hết báng nước, dùng Bát trâm thang bổ ích khí huyết để tấn công toàn diện. Ngày 18-1-1974 bệnh nhân mạnh khỏe và ra viện. Trước khi ra viện đã bị mất kinh gần 9 tháng, giờ đây đã có kinh trở lại.

26. Đái tháo nhạt

Biện chứng đông y: Tinh khí khuyết tổn, hạ tiêu hư nhược, sự thu nạp của thận không giữ được điều hòa, hạn chế vô quyền.

Cách trị: Tư âm bổ thận, ích khí sinh tân.

Đơn thuốc: Gia giảm tam nhân lộc nhung hoàn.

Công thức: Đại thực địa 15g, Chích hoàng kỳ 12g, Ngũ vị tử 6g, Hoài sơn dược 30g, Mạch đông 18g, Sơn thù nhục 9g, Nguyên sâm 18g, Bồ cốt chỉ 9g, Địa cốt bì 6g, Nhân sâm 4,5g, Kê nội kim phân (sao) 3g, (chia 2 lần uống với nước thuốc), Lộc nhung phần 1g (chia hai lần uống với nước thuốc). Mỗi ngày 1 thang, sắc với nước 2 lần lấy 400ml nước thuốc chia uống 2 lần. Mỗi tuần uống 6 thang.

Hiệu quả lâm sàng: Bàn XX, nam, 34 tuổi. Vào viện điều trị ngày 18-5-1964. Mắc bệnh từ năm 1963, lúc đầu miệng khô khát, uống nhiều, tiểu tiện nhiều, nước tiểu đục, thân thể mỏi mệt, sau đó bệnh tình ngày càng nặng, mỗi ngày uống tới hơn 10 bình nước, đã uống hơn 80 thang thuốc đông y mà bệnh không khỏi. Ngày càng bệnh nhân càng gầy, thể trọng trước đây nặng 65kg, sụt dần xuống 52,5kg. Tháng 3 năm 1963 vào viện điều trị 2 tháng, chẩn đoán là đái tháo nhạt, cho tiêm Pituitrin, lượng nước tiểu giảm rõ rệt, đỡ khát nước, nhưng kết quả điều trị này không được củng cố. Tháng 5 đến khám lại một bệnh viện tỉnh, vẫn chẩn đoán là đái tháo nhạt. Khám thấy bệnh nhân miệng khô cổ khát, lại kèm vàng đầu, mệt mỏi, tức ngực, ra mồ hôi trộm, trong quá khứ lại đã bị di tinh, mặt hơi đỏ, chất lưỡi đỏ sẫm, rêu trắng hơi vàng, mạch bên trái tế nhược, mạch bên phải tế huyền. Một ngày uống tới 4,1 lít nước, lượng nước tiểu lên tới hơn 4 lít. Xét nghiệm thành phần máu bình thường, tỉ trọng nước tiểu 1,002, đường niệu âm tính. Hội chẩn cả mạch và chứng có thể thấy bệnh thuộc chứng tinh khí khuyết tổn, hạ tiêu hư nhược, sự thu nạp của thận không giữ được điều hòa, hạn chế vô quyền. Phải trị bằng tư âm bổ thận, ích khí sinh tân. Cho dùng "Gia giảm tam nhân lộc nhung hoàn". Bệnh nhân uống được 18 thang, đỡ khô miệng, mất các chứng vàng đầu, ra mồ hôi trộm, lượng nước tiểu đã giảm xuống 3,6 lít, như vậy là thuốc đã

trúng bệnh. Tuy nhiên lượng nước uống mỗi ngày vẫn còn cao tới 4 lít, lại tái phát di tinh, 4-5 ngày bị một lần. Lại cho dùng bài thuốc trên nhưng giảm Nguyên sâm, Mạch đông xuống còn 12g, bỏ Phục linh, Ngưu tất, thêm Tang phiêu tiêu 12g, Kim tảo cố tinh hoàn 18g (sắc cùng). Dùng thêm 33 thang, không thấy tái phát di tinh, thể lực tăng cường, lượng nước uống mỗi ngày giảm tới 3,1lít, lượng nước tiểu giảm xuống 2,7 lít. Xét nghiệm nước tiểu thấy tỉ trọng tăng lên 1,020, đường niệu âm tính. Thể trọng cũng tăng lên tới 62kg. Ngừng thuốc để theo dõi, sau 2 tuần không thấy bệnh tái phát, ngày 8 tháng 8 năm 1964 ra viện.

Bàn luận: Từ thực tiễn lâm sàng, chúng tôi thấy dùng bài thuốc Tam nhân lộc nhưng hoàn làm cơ sở để điều trị đái tháo nhạt thu được kết quả khá lý tưởng. Trong quá trình điều trị bệnh nhân nêu trên, trước tiên dùng thuốc thấy mặc dù có giảm khô cổ, giảm lượng nước tiểu, nhưng không thấy rõ giảm khát nước, không giảm lượng nước uống vào, lại thêm tái phát di tinh, nếu đổi phép trị sợ không tránh khỏi sai một ly đi một dặm. Vì nghĩ rằng Nguyên sâm, Mạch đông dùng quá nhiều có trở ngại thận dương bốc lên trên thủy khí, Phục linh lợi thủy thẩm thấp, Ngưu tất tuyên đạo hạ hành, càng làm thiếu âm không giữ được, hạn chế vô quyền, tinh dịch chảy xuống phía dưới, cho nên vẫn cho dùng bài thuốc này nhưng giảm bớt lượng Nguyên sâm, Mạch đông, không dùng Phục linh, Ngưu tất, cho thêm Tang phiêu tiêu và Kim tảo cố tinh hoàn, nên thu được hiệu quả tốt. Từ đó chứng minh rằng khi vận dụng các bài thuốc cổ, không được rập khuôn máy móc, cần phải hiểu cho thấu đáo và vận dụng linh hoạt mới thu được kết quả thật tốt.

27. Đái tháo nhạt

Biện chứng đông y: Thấp đục ẩn bên trong, mất chức năng thăng giáng.

Cách trị: Ích khí cố sáp.

Đơn thuốc: Cố phao phương.

Công thức: Hoàng kỳ 30g, Thăng ma 6g, Cát căn 20g, Thiên hoa phấn 15g, Tang phiêu tiêu 15g, Đoạn mẫu lệ 30g, Ngũ vị tử 12g, Bạch truật (sao) 10g, Trần bì 6g, Cam thảo 6g. Sắc uống, mỗi ngày 1 thang.

Hiệu quả lâm sàng: Trương XX, nam, 27 tuổi. Ngày 15-8-1976 do đổ nhà bị thương ở gò má phải, chảy ít máu, hôn mê mất khoảng 2 giờ. Một tuần sau xuất hiện uống nhiều đái nhiều, càng ngày càng trầm trọng, cứ 10 phút lại phải tiểu tiện 1 lần, 1 ngày đêm uống tới 10-12 bình nước. Trước đây người khỏe mạnh, không có tiền sử bệnh mạn tính. Đã điều trị tại một bệnh viện, dùng nhiều loại thuốc nhưng vô hiệu. Ngày 18 tháng 9 tới khám và điều trị. Khám thấy phía dưới đuôi mắt phải còn vết sẹo dài, mi mắt phải bị nứt hẹp, vùng bị thương hơi sưng, ngực và hai chân có những vết xây sạt dài trên da. Tỷ trọng nước tiểu 1,005, đường niệu âm tính, đường huyết 92mg%, Kali huyết 22mg%, Clo huyết 600mg%, Natri huyết 306mg% khả năng kết hợp carbonic 61,7 thể tích%, Nitơ không protêin 33mg%. Thành phần máu: bạch cầu 6.200/mm³, trung tính 74%, lymphô 26%, các xét nghiệm khác không thấy gì khác thường. Mạch tế xác mà yếu, chất lưỡi đỏ, thân lưỡi nhỏ, rêu vàng khô, thuộc chứng phế thận khí âm đều hư. Cho dùng "Cố phao phương", tùy theo các triệu chứng mà gia giảm, dùng liên tục hơn 30 thang, các chứng đều lui giảm, lượng nước uống vào từ 10-12 bình giảm xuống 1-2 bình một ngày, tinh thần và ăn uống như bình thường, các xét nghiệm đều hồi phục bình thường, sau khi ngừng thuốc tiếp tục theo dõi đến ngày 8 tháng 11 ra viện. Sau khi ra viện vẫn tham gia lao động bình thường, tình trạng sức khỏe tốt.

28. Bướu cổ đơn thuần

Biện chứng đông y: Uất nộ ưu tư, can uất khí trệ, khí trệ thì tân dịch ngưng kết thành đờm, đờm khí đều tụ lại ở cổ.

Cách trị: Hóa đàm nhuận kiên là chính, lý khí tán kết là bổ trợ.

Đơn thuốc: Tiêu ảnh hoàn.

Công thức: Hải tảo 1000g, Hải đới 500g, Hải phù thạch 1000g, Thanh trần bì mỗi thứ 15g, Thanh mộc hương 15g, Tam lăng (chế dấm) 60g, Nga truật (chế dấm) 60g. Tất cả đem tán bột thật mịn, luyện với mật thành hoàn, là 1 liều thuốc, mỗi ngày uống 2 lần, mỗi lần 5g.

Hiệu quả lâm sàng: Đã theo dõi có hệ thống 6 trường hợp, 4 ca khỏi hoàn toàn, 2 ca có chuyển biến tốt. Trương XX, nam, 41 tuổi, cán bộ. Bệnh viện chẩn đoán bị bướu cổ kết hạch đơn thuần đã 3 năm. Điều trị bằng thuốc đông tây y nhưng không có hiệu quả. Ngày 7 tháng 6 năm 1973 tới khám, lúc này cổ bệnh nhân có một bướu phồng lên, tuyến giáp trạng sưng to rõ rệt bằng nửa nắm tay của người bệnh, sờ thấy mềm, ấn không đau, có nhiều đốt hạch. Tính tình bệnh nhân rất nóng, hay giận dữ, thường xuyên tức ngực, đắng miệng, rêu lưỡi vàng bẩn, mạch huyền hoạt. Bệnh thuộc về can uất khí trệ, tân dịch không vận hành được, ngưng kết thành đờm, khí trệ lâu ngày, dẫn đến huyết ứ, khí đờm ứ lại tập trung ở cổ, dần dần tạo thành bướu cổ. Cần trị bằng phép hóa đàm nhuận kiên là chính có bổ trợ bằng lý khí hóa ứ. Bài thuốc "Tiêu ảnh hoàn" chủ về phép này. uống được một nửa liều, tính tình người bệnh đã bớt cáu kỉnh, nóng nảy; uống hết 1 liều thì bướu cổ đã nhỏ hẳn đi. Thuốc đã hợp với bệnh có hiệu quả, nên lại cho dùng bài này, vẫn làm viên trộn mật, uống một liều nữa. Uống được một nửa liều thứ hai thấy bướu cổ đã hoàn toàn mất hẳn, nhìn bên ngoài cũng như sờ không thấy cổ có gì khác thường, bệnh nhân cảm thấy hết tất cả các triệu chứng. Ngừng uống thuốc trở lại tham gia công tác, đã hơn 7 năm hỏi lại không thấy tái phát, thân thể khỏe mạnh.

29. Tăng năng tuyến giáp

Biện chứng đông y: Can uất khí kết, âm hư hỏa vượng.

Cách trị: Dưỡng âm giải uất nhuận kiên tán kết.

Đơn thuốc: Dục âm thang gia giảm.

Công thức: Liêu sa sâm 15g, Thiên đông 15g, Mạch đông 15g, Sinh địa 15g, Hoa phấn 15g, Côn bố 15g, Hải táo 15g, Ngũ bội tử 10g, Đại bối 10g. Sắc uống mỗi ngày 1 thang. Nếu bثور tuyến giáp sưng to thì thêm Hải phù thạch 15g chân tay run rẩy thì thêm Long cốt, Mẫu lệ mỗi vị 15g, với người thêm ăn, hay đói thì thêm Nguyên sâm 15g, Sinh địa tăng lên 30g: với người miệng khát thì thêm Ô mai, Thạch斛 mỗi thứ 15g; người đại tiện nhiều lần thì thêm Sinh sơn dược 30g, với người khí hư thì thêm Thái tử sâm 15-30g; với người liệt dương thì thêm Dâm dương hoắc 15g; với người can uất hoá nhiệt thì thêm Hạ khô thảo 15g.

Hiệu quả lâm sàng: Đã điều trị 34 trường hợp, khỏi hẳn 18 ca, khỏi một phần 13 ca, còn 3 ca không có kết quả. Thời X X, nữ, 34 tuổi, phục vụ viên, tới khám ngày 15-9- 1976. Tự kể bệnh: bực bội, ra nhiều mồ hôi đã 4 năm nay, đồng thời có cảm giác cổ to lên, ngực tức, tim đập hồi hộp, gầy đi, tay run, ăn nhiều và thèm ăn, mỗi ngày ăn tới hơn 0,5 kg đồ ăn, đại tiện lỏng, mỗi ngày 3 lần. Khám thấy Bثور cổ độ II, nhãn cầu lồi ra, tim đập 106 lần/phút, có tạp âm độ 1 thời kỳ tâm thu ở mỏm tim, mạch tế sác, lưỡi nhạt rêu mỏng trắng. Ngày 16-8-1976 đã đo lượng hấp thụ iốt 131 = 2 giờ 47,7%, 4 giờ 61,5%, 24 giờ 88%, thử nghiệm hệ số ức chế iốt: 2 giờ 9,4%, 4 giờ 8,3%, 24 giờ 6,9%, chẩn đoán là "tăng năng tuyến giáp", thuộc về chứng can, uất khí kết, kèm âm hư, cần trị bằng phép dưỡng âm giải uất nhuận kiên tán kết. Cho dùng bài thuốc trên, thêm Nguyên sâm, Hải phù thạch, Sinh long cốt, Sinh mẫu lệ, Thạch斛, mỗi vị 15g, Cát cánh 9g. Uống tất cả 24 thang, ngày 9-12- 1976 khám lại các triệu chứng bực bội tim hồi hộp đã lui, hết ra mồ hôi, hết run tay đại tiện mỗi ngày 1 lần, nhưng nhãn cầu vẫn còn lồi ra, tuy có giảm bớt, tuyến giáp còn phù, bثور độ 1, mạch trầm tế (nhịp tim 80 lần/phút), lưỡi nhạt, rêu trắng bản. Ngừng thuốc, sau 20

ngày khám lại, đo lượng hấp thụ iốt 131 2 giờ 11,4%, 4 giờ 16,7%, 24 giờ 5,8%, đều trong phạm vi bình thường. Nghe tim: đã hết tạp âm ở mỏm tim. Lại cho dùng tiếp 10 thang thuốc trên, thêm Thái tử sâm 30g, để củng cố kết quả điều trị.

30. Tăng năng tuyến giáp

Biện chứng đông y: Âm hư hỏa vượng, đờm nhiệt uất tất, thấu lý bất cố.

Cách trị: Tư âm tả hỏa, ích khí tán kết.

Đơn thuốc: Đương qui lục hoàng thang hợp với Tiêu luy hoàn gia giảm.

Công thức: Đương quy 9g, Hoàng bá 6g, Hoàng kỳ 15g, Triết bối mẫu 9g, Sinh mẫu lệ 30g, Toan táo nhân 15g, Phù tiểu mạch 30g. Sắc uống mỗi ngày 1 thang, uống 1-3 tháng, sau khi hết các chứng thì có thể dùng thuốc trên nhiều lần chế thành hoàn mỗi ngày 18g, chia làm 2-3 lần để củng cố tác dụng.

Hiệu quả lâm sàng: Dùng bài thuốc này để trị bệnh cường tuyến giáp có hiệu quả tốt theo dõi toàn diện 8 ca, trong 3 tháng tất cả các triệu chứng đều mất, chuyển hóa cơ bản phục hồi như thường 5 ca, các triệu chứng đều giảm rõ rệt 2 ca, vô hiệu 1 ca.

31. Tăng năng tuyến giáp

Biện chứng đông y: Khí âm hư kiêm đờm kết.

Cách trị: Ích khí dưỡng âm, trừ đờm tán kết.

Đơn thuốc: Gia vị sinh mạch tán phương.

Công thức: Đảng sâm 9g, Mạch đông 9g, Ngũ vị tử 6g, Huyền sâm 12g, Viễn chí 9g, Quất hồng 9g, Sinh mẫu lệ 24g, Miết giáp 12g, (sắc trước), Côn bố 12g, Hải táo 9g, Sài hồ 3g. Sắc uống mỗi ngày 1 thang, chia làm 3 lần.

Hiệu quả lâm sàng: Lư XX, nữ, 25 tuổi, chưa chồng, công nhân. Khoảng tháng 6-1976 bệnh nhân phát hiện cổ sưng, mắt lồi, cảm thấy đầu vầng, có lúc tim đập hồi hộp, bực bội ra mồ hôi, run tay, ăn nhiều mà chóng đói. Bệnh viện địa phương đã chẩn đoán cường tuyến giáp trạng, đã dùng methyl, tác dụng không tốt lắm. Tim đập 120- 143 lần phút, thân nhiệt duy trì khoảng 37,8-38,2°C, huyết áp ổn định, ở 140/80mmHg. Đầu tháng 11 xác định chuyển hóa cơ bản: + 64%, nguyên nhân năm sau làm thí nghiệm hấp thu iốt phóng xạ (I131) thì thấy 2 giờ 41,5%, 3 giờ 49,5%, 24 giờ 59%, (1), đến xin điều trị. Chẩn mạch tế sắc, lưỡi đỏ ít rêu. Xem xét kỹ các chứng, cổ sưng, mắt lồi là đờm kết, tim đập hồi hộp, bực bội, nhiều mồ hôi, mạch tế sắc đều là chứng của khí âm bất túc. Theo chứng mà luận ra thì phải ích khí dưỡng âm thêm trừ đờm tán kết, dùng bài "Gia vị sinh mạch tán". Uống liền 20 thang thì bướu cổ giảm rõ rệt, các chứng khác cũng mất. Đo nhịp tim, thân nhiệt, huyết áp thấy trở lại bình thường. Cho ngừng thuốc đáng lẽ lại đo hấp thu iốt (I131) nhưng bệnh nhân về nhà nghỉ phép. Tháng sau gửi thư đến cho biết bệnh viện làm chuyển hóa cơ bản thấy: + 9%, theo dõi 3 năm nữa, bệnh không tái phát.

32. Tăng năng tuyến giáp

Biện chứng đông y: Khí kết không thư.

Cách trị: Nhuận kiên tán kết, sơ can giải uất, dưỡng huyết hòa huyết.

Đơn thuốc: Bình phục ẩm (gia vị).

Công thức: Sinh mẫu lệ 20g, Côn bố 25g, Hải tảo 25g, Hạ khô thảo 25g, Đương qui 15g, Bạch thược 20g, Sài hồ 15g, Hương phụ 15g. Sắc uống mỗi ngày 1 thang.

Hiệu quả lâm sàng: Thượng XX, nữ, 44 tuổi, giáo viên. Sơ chẩn ngày 5-10-1976. Hay đói, gầy sút đã 3 tháng, mỗi ngày ăn 1,5kg lương thực, thể trọng từ 75kg xuống còn 52kg, cau có, gắt gỏng, nóng nảy buồn bực, thích uống lạnh, đi ngoài phân lỏng có ngày 5-6 lần, ra mồ hôi, tim đập hồi hộp, thở ngắn, phía trước cổ hơi to. Tiểu tiện, kinh nguyệt bình thường. Đã được 1 bệnh viện chẩn đoán chính xác là bệnh cường tuyến giáp trạng, đã từng uống thuốc tây (diazolin) nhưng ít công hiệu. Lưỡi đỏ nhạt, không có rêu, mạch trầm huyền hơi tế. Cho uống 'Bình phục ẩm' thêm Đảng sâm 20g, Phục linh 20g, Quất hồng 25g, Đại bối 15g. Khám lần thứ hai 20-10-1976. Uống đơn trên 10 thang, các chứng chuyển biến tốt. Lưỡi đỏ nhạt, không có rêu, mạch trầm huyền sáp. Vẫn dùng "Bình phục ẩm" thêm Đan sâm 20g, Nhũ hương 10g, Mộc dược 10g. Khám lần thứ ba: 15-11-1976. Uống đơn trên 15 thang, các triệu chứng giảm nhiều, thể trọng tăng dần, tinh thần khá lên, lưỡi và mạch như trước. Vẫn dùng bài thuốc đó. Khám lần thứ tư: 25-11-1976, bệnh lui 7-8 phần, ăn ít đi, mỗi ngày 0,250kg. Đại tiện hơi lỏng, có khi mỗi ngày 2 lần, lưỡi đỏ nhạt, rêu trắng mỏng, mạch huyền hoãn, uống đơn trên 15 thang. Khám lần thứ năm; 21-12-1976, gần đây đau họng, tự ra mồ hôi, không có khó chịu gì, ăn chừng 0,500kg, đại tiện bình thường, lưỡi đỏ, mạch tế sắc. Dùng thêm phép tư âm thanh nhiệt. Lấy đơn trên thêm Nữ trinh tử 15g, Hạ liên thảo 20g, Phù tiểu mạch 20g, Xạ can 15g, Sơn đậu căn 15g. Dùng 20 thang thì khỏi.

33. Tăng năng tuyến giáp

Biện chứng đông y: Đờm kết ở vùng cổ, đờm hỏa quấy rối bên trong.

Cách trị: Thanh nhiệt hóa đờm.

Đơn thuốc: Nhị trần thang gia vị.

Công thức: Thanh bán hạ 15g, Vân phục linh 12g, Trần bì 10g, Long đờm thảo 12g, Côn bố 15g, Hải tảo 15g, Bạch giới tử 3g, Sinh cam thảo 6g. Sắc uống, mỗi ngày 1 thang.

Hiệu quả lâm sàng: Đơn thuốc trên mỗi ngày một thang, 30 ngày là một liệu trình, đã điều trị 10 ca, nhanh nhất một liệu trình, lâu nhất 3 liệu trình, toàn bộ các triệu chứng lâm sàng đều hết, chuyển hóa cơ bản trở lại bình thường. lý XX, nữ, 30 tuổi, nhân viên bệnh viện, chẩn bệnh ngày 26-10-1978. Tim đập hồi hộp, yếu mệt tự ra mồ hôi, dễ nóng nảy, chóng đói, gày còm, mắt hơi lồi, tay run, tuyến giáp hơi sưng to, nhịp tim 88-92 lần/ phút. Bệnh viện chẩn đoán "bệnh cường tuyến giáp trạng". Chuyển hóa cơ bản +80-100%. Đã từng uống Metylthiouracil..., lúc uống lúc ngừng đến năm 1977, hiệu quả không rõ. Căn cứ vào tứ chẩn, bệnh này thuộc "đờm ảnh" (bướu đờm) của đông y, tức là đờm hỏa kết ở cổ nên cổ to ra, hỏa bốc lên mắt làm cho lồi mắt, đờm hỏa quấy rối bên trong nên dễ cáu gắt, dễ đói, gầy rạc. Nên dùng phép thanh nhiệt hóa đờm uống "Nhị trần thang gia vị", hơn 3 tháng sau các triệu chứng lâm sàng đều hết, chuyển hóa cơ bản bình thường, trở lại công tác 1 năm chưa tái phát.

34. Bệnh đái tháo đường

Biện chứng đông y: Tì âm không đủ.

Cách trị: Tư âm thanh nhiệt, sinh nhuận, chống khát.

Đơn thuốc: Trị tiêu chỉ khát thang.

Công thức: Sinh địa 30g, Hoài sơn 30g, Thiên hoa phấn 20g, Thạch斛 20g, Tri mẫu 20g, Sa sâm 15g, Mạch đông 15g, Trạch tả 12g, Ngũ vị tử 6g. Sắc uống, mỗi ngày 1 thang. Nếu thấy rất đói và khát thêm: Thạch cao (sống), Hoàng liên; nếu khí hư nặng thêm Nhân sâm, Hoàng kỳ; âm tổn cấp dương thì thêm Phụ phiến, Nhục quế.

Hiệu quả lâm sàng: Dương XX, nam, 50 tuổi, cán bộ, khát nước, uống nhiều, mỗi ngày uống đến 6 bình nước. Ăn nhiều, chóng đói mỗi ngày ăn 1,2kg gạo, nhiều nước tiểu, uống bao nhiêu đi tiểu bấy nhiêu. Bệnh đã hơn một năm. Thể trọng giảm 12kg so với trước khi bị bệnh. Đầu vàng, hụt sức, không thể tiếp tục làm việc được, chất lưỡi đỏ, rêu lưỡi mỏng màu vàng mạch tế sắc. Xét nghiệm: đường niệu (+++). Đã điều trị bằng thuốc tây D860 và insulin, đồng thời hạn chế thức ăn có đường, nhưng bệnh chỉ đỡ tạm thời, ngừng thuốc lại phát. Vì thế phải tìm đến đông y cho bài "Tri tiêu chỉ khát thang". Uống gần 40 thang. Kiểm tra đường niệu (+), ăn uống trở lại bình thường, tiếp tục đi làm. Khuyến bệnh nhân mỗi ngày nấu Sinh địa, Hoài sơn mỗi thứ 50g để ăn, kiên trì trong hơn tháng để củng cố hiệu quả điều trị. Về sau hỏi lại, không thấy tái phát bệnh.

Bàn luận: Trương Tích Thuận cho rằng chứng tiêu khát là do tì âm không đủ gây nên. Lại bảo Sinh địa, Hoài sơn được đại bổ tì âm, nên bài thuốc trên trọng dụng chúng. Thiên hoa phấn tiêu nhiệt tốt cho thượng tiêu, trung tiêu mà lại chống khát. Thạch斛 giáng hòa cho trung tiêu mà ích vị. Tri mẫu làm cứng âm cho hạ tiêu mà trừ nhiệt. Sa sâm, Mạch đông để trị phế vị. Trạch tả lợi thủy, dẫn nhiệt trọc. Ngũ vị tử liễm âm mà sinh tân. Nghiên cứu dược lý hiện đại cũng cho rằng các vị thuốc Địa hoàng, Hoài sơn được, Trạch tả, Nhân sâm ở các mức độ khác nhau đều có tác dụng giảm đường huyết. Bởi vậy phối hợp như trên đã thu được hiệu quả tốt.

35. Bệnh đái tháo đường

Biện chứng đông y: Âm hư.

Cách trị: Tư âm thanh nhiệt, sinh tân nhuận táo.

Đơn thuốc: Sinh tân nhuận táo ẩm.

Công thức: Thạch cao (sống) 60g, Đại sinh địa 30g, Mỗi ngày 1 thang, sắc uống thay trà. Có thể cho thêm Thiên hoa phấn. Thạch học để dưỡng vị âm.

Hiệu quả lâm sàng: XX, nữ, 38 tuổi. Từ năm 1961 bắt đầu thấy khát uống nhiều nước. Thèm ăn, lượng nước uống ngày càng tăng, đi tiểu nhiều lần, nước giải nhiều, lượng kinh nguyệt hàng tháng giảm dần, có uống thuốc mà không khỏi. Tháng 2- 1962 bệnh nhân tới xin điều trị, lúc đó rất khát, thèm uống, gày gò, chân tay yếu ớt, mất kinh nguyệt, mặt trắng, gò má đỏ, mạch trầm sắc, lưỡi đỏ, rêu lưỡi mỏng hơi vàng, đại tiện khô, tiểu tiện lượng nhiều. Xét nghiệm thấy đường niệu (++) . Cho uống bài thuốc "Sinh tân nhuận táo ẩm", uống thay nước trà làm nhiều lần, cho ăn dè dặt, mì, khoai lang, kẹo v.v... Uống trong 1 tháng, bệnh nhân tự cảm thấy đỡ khát, lượng nước uống giảm từng ngày, trong người thoải mái. Kiểm tra đường niệu (+). Lại kiên trì uống trong hai tháng, hết khát, ăn uống, tiểu tiện phục hồi bình thường, đường niệu (-), thân thể béo tốt, kinh nguyệt trở lại đều đặn, tay chân khỏe mạnh, có thể tham gia lao động.

Bàn luận: Tiêu khát phần lớn bởi dương minh táo nhiệt mà ra. Chứng này do bệnh lâu ngày thương tổn đến âm, vị nhiệt bốc lên, dịch âm bị hỏa đốt, âm huyết hư nên không thể làm nhuận da thịt thông huyết hải. Tức là chất dinh dưỡng không được hấp thụ, sử dụng đường thoát ra theo nước tiểu nên máu không có gì nuôi sống da thịt gày gò, mất kinh nguyệt. Thạch cao tính ngọt, hàn trừ được hỏa dương minh, lại giải nhiệt cho da thịt. Màu trắng của Thạch cao nhập vào phế, chất nặng mà chứa mỡ có tác dụng Kim Sinh thủy, Sinh địa tử âm thanh nhiệt, sinh tân nhuận táo, tư thương nguyên để sinh thủy, phế được thủy làm nhuận nên như đám sương mù lan tỏa làm nhuận tân dịch toàn thân, lại có thể ích huyết, làm thông huyết hải. Bởi vậy kinh nguyệt trở lại đều đặn, da thịt cũng đầy đặn.

36. Bệnh đái tháo đường

Biện chứng đông y: Âm hư dương kháng.

Cách trị: Dưỡng âm sinh tân, nhuận táo thanh nhiệt.

Đơn thuốc: Giáng đường ẩm (hoàn).

Công thức: Ngũ vị tử 12g, Mạch đông 12g, Sơn dược 30g, Sinh địa 30g, Nguyên sâm 15g, Hoàng kỳ 15g, Thương truật 6g, Thạch cao 60g, Nhân sâm 9g, (hay Đảng sâm 30g), Kỳ quả 9g, Hà thủ ô 9g. Sắc uống, mỗi ngày 1 thang. uống thuốc cho đến khi đường niệu chuyển sang âm, sau đó các vị thuốc trên có thể chế thành hoàn mỗi ngày 3 lần, mỗi lần uống 9g. Bệnh nhân huyết áp cao bệnh mạch vành có thể thêm Cát căn, Hoàng cầm, Đan sâm, ngoài da có mụn nhọt có thể thêm Bồ công anh, Hoàng bá, Cương tằm; mất ngủ mộng mị nhiều thêm Nhân táo xào dấm; đái nhiều thêm Sơn thù nhục.

Hiệu quả lâm sàng: Theo dõi 80 người bệnh, phần lớn sau khi uống thuốc 5-10 ngày có hiệu quả rõ rệt. Sau khoảng 1 tháng, đường huyết cơ bản trở lại bình thường (những bệnh nhân dùng thuốc đến 40 ngày mà không có kết quả thì nên đổi sang chữa bằng bài thuốc khác).

Bàn luận: Bài thuốc "Giáng đường ẩm" thích hợp với người bị bệnh vừa và nhẹ. Còn với những bệnh nhân nặng hoặc kèm bệnh về gan, lao thì nên kết hợp với thuốc tây cùng điều trị mới thích hợp.

37. Bệnh đái tháo đường

Biện chứng đông y: Âm hư dương kháng, tân cố nhiệt dâm.

Cách trị: Dưỡng âm sinh tân chỉ khát.

Đơn thuốc: Trị tiêu tư khảm ẩm gia giảm.

Công thức: Đại sinh địa 50g, Sơn du nhục 15g, Hoài sơn dược 15g, Phi ngọc trúc 15g, Nữ trinh tử 15g, Cam câu kỉ 15g, Thốn mạch đông 15g, Địa cốt bì 30g, Ô mai nhục 10g, Súc sa nhân 5g (tán bột chiêu uống nhiều lần với thuốc) Sinh cam thảo 15g. Sắc uống, mỗi ngày 1 thang, uống thuốc xong, nếu đường huyết, đường niệu chỉ giảm chậm thì có thể thêm Nguyên sâm, Hoàng tinh, Thạch斛; Nếu bệnh tình kéo dài mà không chữa, đã bước sang trạng thái Âm tổn đến dương, chứng Tam tiêu không rõ rệt lắm, có khí hư, sợ rét, thần kinh suy nhược thì thêm 15g Phụ phiên (chín)(sắc trước), Nhục quế 8g.

Hiệu quả lâm sàng: Bài thuốc này thích hợp với những người mới mắc bệnh đái tháo đường, quá trình bệnh chưa lâu, nhưng chứng tam tiêu tồn tại rõ rệt, thì nói chung hiệu quả khá, đa số bệnh nhân sau khi chữa bằng bài thuốc trên bệnh trạng đều chuyển biến tốt, khỏi bệnh về mặt lâm sàng hoặc bệnh lý. Trần XX, nữ, 52 tuổi. Mùa xuân năm 1977 tới khám. Bệnh nhân thể chất béo tốt, trước kia khỏe mạnh, một tháng trước đây đột nhiên sinh ra khô miệng khát nước, uống bao nhiêu cũng không đã, một ngày đêm uống 4 phích nước, tiểu tiện nhiều lần, thèm ăn, người mệt mỏi, tinh thần u uất. Đến khám ở bệnh viện, xác định là bệnh đái tháo đường (đường niệu +++), đường huyết 320mg%. Cho uống thuốc D860, sau một tuần bệnh nhân tự cảm thấy thuốc phản ứng rõ ràng, mới đến yêu cầu được chữa đông y. Bắt mạch thấy mạch phù đại mà hư, lưỡi đỏ, ít rêu, đại tiện đã 3 ngày chưa đi. Bệnh thuộc loại âm hư dương kháng, tân dịch khuyết hao. Cho dùng bài "Trị tiêu tư khảm ẩm gia giảm", thay vị Thủ ô chế bằng thủ ô sống tăng Thốn đông lên 30g, lại thêm Nguyên sâm 20g. Uống liền 15 thang. Khám lại thấy, cảm giác khô miệng muốn uống nước giảm đi rõ rệt, lượng nước uống giảm còn 2 bình, bệnh nhân tự cảm thấy tinh thần cũng biến

chuyên tốt, đại tiện ngày 1 lần, không còn những khó chịu khác. Lại cho uống tiếp 30 thang, các triệu chứng chuyển biến tốt hơn, xét nghiệm đường niệu (++) , đường huyết 175mg%. Giảm bớt lượng thuốc của bài trên, cho uống đến 60thang, ăn uống trở lại bình thường, tinh thần phấn khởi. Xét nghiệm lại, đường niệu (-), đường huyết 130mg%. Bệnh đã khỏi về cơ bản. Khuyến tiếp tục giữ bài cũ cách một ngày dùng một thang để củng cố hiệu quả. Sau khi thôi dùng thuốc, thăm hỏi thấy đã 2 năm bệnh không tái phát.

Bàn luận: Bệnh đái tháo đường theo y học hiện đại là thứ bệnh suốt đời, dai dẳng khó khỏi. Nhưng qua điều trị đông y, những bệnh nhân được chữa khỏi lâm sàng cũng như khỏi bệnh lý không phải là hiếm. Kinh nghiệm lâm sàng chứng tỏ, muốn chữa khỏi bệnh đái tháo đường, ngoài việc phải chăm dùng thuốc ra, còn phải chú trọng kiêng kị thì mới đảm bảo thu được hiệu quả, nếu không thì chỉ phí thuốc, mất công không. Vì vậy trong thời gian dùng thuốc chữa bệnh cần phải luôn luôn nhắc nhở người bệnh chú ý những điều sau đây:

1. Tránh sinh hoạt vợ chồng: Nhất thiết phải nghiêm khắc không chế giao hợp, phải kiêng kị trong 1-2 năm.
2. Cẩn thận việc ăn uống: Ăn ít thực phẩm có chất béo, ngọt, dầu mỡ và các thức có tính chất kích thích, nhất là bột ăn chất tinh bột.
3. Tránh giận dữ: Giữ người bệnh ở tâm trạng thanh thản, cấm để lâm vào trạng thái tức giận.
4. Thích ứng với độ lạnh ấm của bốn mùa Xuân Hạ Thu Đông.
5. Hoạt động thích hợp, tránh làm việc quá mệt.

38. Tăng lipid huyết

Biện chứng đông y: Can thận âm hư, khí trệ huyết ứ.

Cách trị: Ích âm hóa ứ.

Đơn thuốc: Giáng chỉ ẩm.

Công thức: Sâm 20g, Sắc nhỏ lửa khoảng 1500ml nước, chứa vào phích nóng làm trà uống dần nhiều lần (khi cảm mạo hoặc khi có bệnh đường tiêu hóa thì tùy tình hình mà tạm ngừng dùng thuốc).

Hiệu quả lâm sàng: Theo dõi 31 ca dùng "Giáng chỉ ẩm" sau 2 tháng thì giảm thể trọng, lipid huyết giảm rõ rệt. XX, nam, 41 tuổi, cao 1,74m, nặng 86kg. Chóng mặt 3 tháng, khi nóng vội, mệt mỏi thì càng tăng. Ngực bứt rứt, hơi thở ngắn, ăn uống nhiều, tiện bí, huyết áp 128/90Hg, mạch huyền tế, chất lưỡi đỏ xỉn, chỉ có thể làm việc nửa ngày. Sơ chẩn ngày 7-6-1979. Xét nghiệm thấy: cholesterol 320mg%, betalipoprotein 1578mg%, triglycerid 96mg%. Chẩn đoán xác định là tăng lipid huyết. Cho dùng "Giáng chỉ ẩm". Dùng 3 tháng có ngắt đoạn (tháng đầu tiên dùng được liên tục hơn), thể trọng giảm còn 74kg, huyết áp 116/78mmHg, mạch, lưỡi đều bình thường. Cholesterol giảm còn 289 mg%, beta-lipoprotein còn 460 mg%, trriglycerid còn 75%. Cảm giác chóng mặt và bứt rứt đều hết, có thể làm việc cả ngày. Vẫn còn tiện bí. Dặn tiếp tục uống bài thuốc trên. Sau khi ngừng thuốc 7 tháng, ngày 20-5-11980 thăm lại thì chưa thấy tái phát các chứng chóng mặt, bứt rứt trong ngực, thở ngắn, trừ trường hợp thỉnh thoảng có thấy tiện bí, không thấy các chứng khác, huyết áp thường khoảng 118/72mmHg. Xét nghiệm: Cholesterol 180mg%, betalipoprotein 218mg%, triglycerid 64mg%.

39. Tăng lipid huyết

Biện chứng đông y: Thận can âm hư.

Cách trị: Tư bổ can thận.

Đơn thuốc: Giáng chỉ thang.

Công thức: Đan sâm 15g, Thủ ô 15g, Hoàng tinh 15g, Trạch tả 15g, Sơn tra 15g. Sắc uống, mỗi ngày 1 thang chia làm 3 lần sau bữa ăn.

Hiệu quả lâm sàng: Theo dõi điều trị lâm sàng cho 100 ca tăng lipid huyết. Sau khi uống "Giáng chỉ thang", lipid huyết đều giảm với mức độ khác nhau, kết quả 78% người bệnh cholesterol giảm 94%, betalipoprotein giảm. XX, nữ, 46 tuổi, kỹ thuật viên, vì tứ chi tê dại mà đi khám, kết quả là: thể trọng vượt lên 3 kg, Huyết áp 138/90mmHg tim phổi (-), chưa sờ thấy gan, lách, cholesteron 300mg%, betalipoprotein 670mg%, điện tâm đồ bình thường. Kiểm tra máu, nước tiểu, chức năng gan đều bình thường. Chẩn đoán lâm sàng là tăng lipid huyết. Cho dùng "Giáng chỉ thang". Một tháng xét nghiệm lại: Cholesterol giảm còn 42mg%, betalipoprotein 423mg%. Trương XX, nam, 52 tuổi, cán bộ. Đầu vầng, mất ngủ, mộng mị, chóng quên đã hơn 1 năm. Đã đến bệnh viện kiểm tra, chẩn đoán lâm sàng là tăng lipid huyết, xơ động mạch não giai đoạn sớm. Kết quả xét nghiệm: Cholesterol 235mg%, betalipoprotein 725mg%, triglycerid 120mg%. Sau 30 ngày dùng Giáng chỉ thang kiểm tra lại, kết quả: là cholesterol, còn 180mg%, betalipoprotein còn 363mg%, triglycerid còn 78mg%.

Bàn luận: Khi sử dụng "Giáng chỉ thang" trên lâm sàng có thể lấy làm đơn thuốc cơ bản để trị tăng lipid huyết, khi bệnh nhân có kèm các chứng khác nên tùy chứng bệnh mà thêm bớt cho thích đáng.

40. Thống phong

Biện chứng đông y: Thấp nhiệt rót xuống.

Cách trị: Thanh nhiệt táo thấp.

Đơn thuốc: Gia vị tam diệu thang.

Công thức: Thương truật 15g, Hoàng bá 12g, Dĩ nhân 30g, Ngưu tất 12g, Mộc qua 12g, Thanh đại 6g, Hoạt thạch 15g, Tri mẫu 9g, Kê huyết đằng 30g, Đương qui 15g, Xích thực 15g, Tì giải 12g. Sắc uống, mỗi ngày 1 thang.

Hiệu quả lâm sàng: Trịnh XX, nam, 45 tuổi. Ngày 11-1-1974 sơ chẩn. Mắc bệnh từ 1959 đến nay đã 15 năm, lúc đầu ở khớp ngón cái chân phải sưng tấy đỏ, nóng đau, sau dần dần lan đến mắt cá chân phải và khớp gối bên trái, thường hay tái phát, đau không chịu nổi, phù đỏ như lột, mồ hôi toàn thân như tắm. Nhất là khớp ngón chân cái đau đớn vô cùng, ngày đau ít đêm đau nhiều, thậm chí đến nỗi sợ cả tiếng động. Phong bế tại chỗ bằng mocphin tiêm cũng không bớt đau. Năm 1966 kiểm tra tại bệnh viện thấy urê huyết 6,21mg%, chẩn đoán là thống phong. Nhưng chất lượng xương chưa có biến đổi khác thường. Đã dùng thuốc giảm đau Colchicin hiệu quả rõ rệt nhưng nhiều phản ứng phụ, váng đầu, buồn nôn. Về sau các triệu chứng càng nặng dần lên, thời gian lên cơn đau ngày càng dài, càng ngày cách quãng càng ngắn. Riêng năm 1973 tái phát 5 lần. Tháng 11-1973 đến Bắc Kinh điều trị. Trung tuần tháng 12 lại đau cấp. Xét nghiệm thấy uric máu 7,35mg%, huyết trầm 40mm/giờ, Xquang thấy xương số 1 bàn chân phải đoạn đầu xương bị ăn mòn khuyết, kèm tăng sinh chất xương khoang giữa các khớp, đốt ngón chân hơi hẹp lại. Vẫn chẩn đoán là thống phong, vì lúc đó bệnh nhân không dùng được colchicin và cortison, uống sulfamid không có tác dụng nên xin chữa thuốc đông y. Mặt bệnh nhân đau đớn khổ sở phải có người đỡ và chống nạng đến, khớp xương hai chân đau đớn, ngón cái và mắt cá chân phải và khớp gối chân trái sưng tấy đỏ nóng đau, nước tiểu vàng đỏ, rêu lưỡi vàng đen dày mà ướt nhuận, mạch tế sắc. Bệnh thuộc loại thấp nhiệt hạ chú, phải trị bằng phép thanh nhiệt táo thấp. Cho uống

"Gia vị tam diệu thang". Uống được 6 thang thì chi dưới đã bớt sưng đau, rêu lưỡi bớt đen vàng, có thể đi lại không cần chống gậy. Nhưng vận động vẫn chưa dễ dàng. Lại dùng nguyên bài thuốc này với Đương qui thêm lên tới 30g, lại thêm Tâm sa 30g, dặn tiếp tục uống. Uống thêm 6 thang nữa, các triệu chứng thống phong cơ bản đã mất, rêu lưỡi hết vàng đen, tự mình đi lại được. Lại dùng bài thuốc trên thêm Mộc thông 9g, Tu qua lạc 9g, uống thêm 6 thang nữa bệnh tình đã ổn định, sau đó vẫn tiếp tục dùng thuốc đó hy vọng bệnh sẽ chuyển biến tốt hơn. Ngày 1 tháng 3 xét nghiệm huyết trầm đã giảm xuống tới 4mm/giờ, ngày 7-5 uric huyết 6,9mg% đã giảm so với trước, sau đó bệnh tình ổn định mãi. Cho dùng phương thuốc này dưới dạng hoàn. Ngày 16-9 xét nghiệm uric huyết 4,55mg%, về cơ bản đã bình thường. Cử động như người thường. Vẫn dặn tiếp tục dùng thuốc hoàn để củng cố kết quả. Ngày 12-11 chụp X quang xác nhận các dấu hiệu bệnh lý thống phong ở đầu cùng của ngón thứ nhất chân phải đã chuyển biến tốt rõ rệt so với 2 lần chụp trước. Sự tăng sinh chất xương quanh chỗ khuyết đã được cải thiện, vậy là bệnh đã khỏi về cơ bản.

Bàn luận: Đây là một ca bệnh thống phong, thuộc phạm trù thấp nhiệt tý của đông y. Theo y học hiện đại thống phong làm một loại bệnh dị thường về chuyển hóa acid uric trong cơ thể, ở Trung Quốc rất ít gặp. Y văn Trung Quốc đã sớm ghi nhận những trường hợp thống phong nhưng nói chung vẫn chỉ gọi là viêm khớp do phong thấp hoặc viêm khớp có mủ. Đối với ca này là việc tìm một công thức điều trị dựa vào biện chứng luận trị theo truyền thống đông y, vì vậy khi thấy rõ sưng tấy đỏ nóng đau tức là thuộc phạm trù dương chứng, nhiệt chứng, nhưng nói chung các triệu chứng đau tê dương chứng, nhiệt chứng thường thấy xuất hiện ở phần trên, chỉ có thấp nhiệt là có đặc điểm rớt xuống dưới, cho nên phải nghĩ đến bệnh này là từ thấp nhiệt. Hơn nữa người bệnh rêu lưỡi dày bản đen vàng đã lâu mà rêu lưỡi vàng đen kiểu này là thấp nhuận, lại càng chứng minh rằng bệnh này do thấp nhiệt gây ra. Nguyên nhân bệnh lý đã rõ, thì việc sử dụng Tam diệu hoàn làm chủ phương để tảo thấp thanh nhiệt lại càng có cơ sở. Lại do bệnh đau dữ dội do thấp nhiệt gây ra nên dùng các vị dẫn gân hoạt lạc để giảm bớt đau đớn. Việc trị cả ngọn và gốc đã đem lại hiệu quả khá tốt.

41. Bệnh huyết sắc tố

Biện chứng đông y: Thận dương hư tổn, mệnh môn hỏa suy, không thể ôn hóa thủy dịch, dẫn tới thủy âm nội đình. Thần kinh khí hóa không tuyên, tông cân ủy nhược.

Cách trị: Ôn bổ thận dương, lợi thấp hành thủy.

Đơn thuốc: Tế sinh thận khí hoàn gia giảm.

Công thức: (Bài cơ bản) Phụ tử 6g, Nhục quế 1,5g, Thục địa 12g, Sơn dược 15g, Sơn thù nhục 9g, Trạch tả 9g, Vân linh 9g, Đan bì 9g, Xa tiền tử 9g, Ngưu tất 9g. Sắc uống mỗi ngày 1 thang.

Hiệu quả lâm sàng: Dương XX, nam, 42 tuổi, đã có vợ, cán bộ. Đã 5 năm nay bệnh nhân từng lúc khó chịu ở bụng trên bên phải. Men transaminase tăng. Sáu ngày trước thấy mắt vàng, nước tiểu vàng. Ngày 6 tháng 8 năm 1975 vào nằm viện. Xét nghiệm: Chỉ số bilirubin 30 đơn vị, Đạm hồng chất 3mg%, GPT 380 đơn vị, TTT 2 đơn vị, CFT âm tính, AFP âm tính. Khám siêu âm: Có sóng thể hiện viêm vùng gan. Tan to dưới mũi ức 8cm, thùy trái to ra, thùy phải hạ thấp đến hết màu sáng, gan bên phải hạ thấp xuống đến mức bệnh lý. Ngày 3 tháng 1 năm 1976 mổ ổ bụng kiểm tra làm sinh thiết thấy có xơ gan kỳ đầu kèm theo sự lắng đọng các thiết huyết hoàng tố với một lượng lớn ở các tổ chức gan, ngày 28-1 xuất viện. Sau khi ra viện tinh thần ủ rũ, kém ăn, gầy mòn, miệng khô, táo bón, tiểu tiện trong và nhiều, sắc mặt u ám, trên da mặt và vùng sau tai có đọng các hạt sắc tố đen, chất lưỡi đỏ, bờ lưỡi xanh tím, rêu lưỡi hơi vàng, mạch tuần tế nhược hơi sắc. Đến ngày 20 tháng 3 lại phải quay lại bệnh viện. Điều trị kết hợp đông tây y hơn 10 ngày mà bệnh không chuyển, lại càng nặng thêm, xuất hiện đầy bụng, báng, phù hai chân, buồn ngủ, nằm ở giường không dậy, đường niệu âm tính, aceton niệu dương tính, đường huyết 590mg%, chẩn đoán xác định là bệnh huyết sắc tố nguyên phát. Ngày 16 tháng 4 điều trị bằng "Tế sinh thận khí hoàn gia giảm", lấy bài thuốc trên, thêm Sinh địa 9g, Cúc hoa 9g, Râu ngô 15g, Bắc kỳ 15g, uống liền 6 thang. Ngày 22 tháng 4 khám lại, tinh thần chuyển biến tốt, đi lại được, ăn uống tốt hơn, đã đỡ đầy bụng, hết phù hai

chân. Đường niệu dương tính, lưỡi đỏ nhạt, các điểm ứ và bờ lưỡi đều bớt xanh tím, mạch tế nhược. Tiếp tục cho uống bài thuốc trên, thêm Nữ trinh tử 9g, uống 4 thang. Tinh thần bệnh nhân càng chuyển biến tốt, đã đi lại, xem sách báo, sắc mặt nhuận đỏ, ăn uống bình thường, gan đã nhỏ lại được ít nhiều. Sau đó cho dùng tiếp hơn 100 thang gia giảm, gan thu nhỏ dưới bờ sườn 4cm, dưới mũi ức 5cm, sắc mặt nhuận đỏ, sắc tố đốm trên da đã mất hết, hết báng nước trong bụng, đại tiểu tiện bình thường chỉ còn đường huyết vẫn cao tới 300mg%, đường niệu nói chung không chế ở mức âm -dương tính. Ngày 12 tháng 8 làm sinh thiết da sau tai trái không thấy sắc tố. Ngày 14 tháng 8 ra viên. Hơn một năm sau thăm lại, tình hình ổn định.

Bàn luận: Bệnh huyết sắc tố cũng gọi là bệnh ngưng đọng sắc tố tế bào, xơ gan kiểu sắc tố, bệnh đái tháo đường màu xanh. hiện thời tây y điều trị chưa có hiệu quả chắc chắn. ở trên vận dụng "Tế sinh thận khí hoàn gia giảm" để điều trị đã thu được kết quả tốt. Trong bài thuốc này có Phụ tử, Nhục quế có tác dụng tư bổ thận âm để âm sinh dương trường, âm dương được điều hòa và có tác dụng hỗ trợ cho các vị chính. Trạch tả, Vân linh, Đan bì, Xa tiền tử để lợi thủy, tiêu trừ thủy, dịch tích tụ lại, Ngưu tất để chuyển xuống phía dưới, lại có tác dụng bổ để thông hết kinh khí thận âm thận bình. Bài thuốc này được xây dựng chặt chẽ, phối hợp với nhau, nên đã có hiệu quả tốt trong điều trị.

42. Phù thũng đặc phát

Biện chứng đông y: Uất diện vi trướng.

Cách trị: Khai uất tiêu trướng, ôn dương lợi thấp.

Đơn thuốc: Khai uất tiêu trướng thang.

Công thức: Tam lăng 10g, Nga truật 10g, Hoàng kỳ 15g, Phòng kỷ 10g, Vân linh bì 30g, Xa tiền tử 15g, Uất kim 12g, Hoài sơn dược 13g, Chế phụ kiện 10g, Cam thảo 6g. Sắc uống, mỗi ngày 1 thang.

Hiệu quả lâm sàng: Quách XX, nữ, 34 tuổi. Hai năm gần đây cảm thấy người béo dần, mất sức ngày càng nặng, hơi làm việc là mỏi mệt. Buổi sáng ngủ dậy mắt nặng, buổi trưa da tay cứng nhắc, buổi chiều hai đùi trướng lên, phù ấn lõm. Thầy thuốc đã điều trị theo viêm thận, cho dùng các loại thuốc đông, tây y hơn nửa năm vẫn không có kết quả, bệnh tình lúc nặng lúc nhẹ, gan, thận kiểm tra đều không có dấu hiệu dương tính. Khám thấy mạch trầm tế, hơi huyền, lưỡi nhạt rêu mỏng trắng, kinh nguyệt ít và nhạt màu. Trước đây đã dùng Quy tì thang, Ngũ bì ẩm và thuốc tây. Khi uống thuốc thì đỡ phù, ngừng thuốc thì phù trở lại rất nhanh. Ca này thuộc về bệnh uất trướng. Cho uống "Khai uất tiêu trướng thang". Uống đượ c14 thang đã hết phù, hết trướng, khỏi bệnh. Khuyến nên tránh xúc động để phòng tái phát.

Bàn luận: Đây là một chứng bệnh tổng hợp do rối loạn trao đổi nước muối gây ra, thường gặp ở phụ nữ trong tuổi sinh đẻ từ 20 đến 50 tuổi. Bệnh diễn biến có tính chất chu kỳ, thường là bị nặng trước kỳ kinh. Buổi sáng dậy người bệnh thấy mắt, nhất là mi mắt bị phù, sau khi dậy vận động thì hai chân và thân người dần dần bị phù. Sau một đêm nghỉ ngơi thì phù có thể giảm đi. Ngoài ra có thể còn thấy béo ra, rối loạn kinh nguyệt và các triệu chứng thần kinh-tinh thần. Đông y cho rằng phù thũng đặc phát là do uất mà sinh bệnh, biểu hiện ở phù, trướng, cho nên gọi là bệnh uất trướng. Đối với bệnh này tây y chưa có cách điều trị lý tưởng. Chúng tôi dùng "Khai uất tiêu trướng thang" để điều trị, căn cứ tình hình cụ thể của mỗi bệnh nhân mà có gia giảm các vị thuốc một cách thích đáng, chỉ cần người bệnh kiên trì điều trị, để có thể thu được kết quả tương đối tốt.

42. Phù thũng đặc phát

Biện chứng đông y: Uất diện vi trướng.

Cách trị: Khai uất tiêu trướng, ôn dương lợi thấp.

Đơn thuốc: Khai uất tiêu trướng thang.

Công thức: Tam lăng 10g, Nga truật 10g, Hoàng kỳ 15g, Phòng kỷ 10g, Vân linh bì 30g, Xa tiền tử 15g, Uất kim 12g, Hoài sơn dược 13g, Chế phụ kiện 10g, Cam thảo 6g. Sắc uống, mỗi ngày 1 thang.

Hiệu quả lâm sàng: Quách XX, nữ, 34 tuổi. Hai năm gần đây cảm thấy người béo dần, mất sức ngày càng nặng, hơi làm việc là mỏi mệt. Buổi sáng ngủ dậy mặt nặng, buổi trưa da tay cứng nhắc, buổi chiều hai đùi trướng lên, phù ấn lõm. Thày thuốc đã điều trị theo viêm thận, cho dùng các loại thuốc đông, tây y hơn nửa năm vẫn không có kết quả, bệnh tình lúc nặng lúc nhẹ, gan, thận kiểm tra đều không có dấu hiệu dương tính. Khám thấy mạch trầm tế, hơi huyền, lưỡi nhạt rêu mỏng trắng, kinh nguyệt ít và nhạt màu. Trước đây đã dùng Quy tì thang, Ngũ bì ẩm và thuốc tây. Khi uống thuốc thì đỡ phù, ngừng thuốc thì phù trở lại rất nhanh. Ca này thuộc về bệnh uất trướng. Cho uống "Khai uất tiêu trướng thang". Uống đượ c14 thang đã hết phù, hết trướng, khỏi bệnh. Khuyến nên tránh xúc động để phòng tái phát.

Bàn luận: Đây là một chứng bệnh tổng hợp do rối loạn trao đổi nước muối gây ra, thường gặp ở phụ nữ trong tuổi sinh đẻ từ 20 đến 50 tuổi. Bệnh diễn biến có tính chất chu kỳ, thường là bị nặng trước kỳ kinh. Buổi sáng dậy người bệnh thấy mặt, nhất là mi mắt bị phù, sau khi dậy vận động thì hai chân và thân người dần dần bị phù. Sau một đêm nghỉ ngơi thì phù có thể giảm đi. Ngoài ra có thể còn thấy béo ra, rối loạn kinh nguyệt và các triệu chứng thần kinh-tinh thần. Đông y cho rằng phù thũng đặc phát là do uất mà sinh bệnh, biểu hiện ở phù, trướng, cho nên gọi là bệnh uất trướng. Đối với bệnh này tây y chưa có cách điều trị lý tưởng. Chúng tôi dùng "Khai uất tiêu trướng thang" để điều trị, căn cứ tình hình cụ thể của mỗi bệnh nhân mà có gia giảm các vị thuốc một cách thích đáng, chỉ cần người bệnh kiên trì điều trị, để có thể thu được kết quả tương đối tốt.

43. Phù thũng đặc phát

Biện chứng đông y: Tỳ thận hư suy.

Cách trị: Ôn dương lợi thủy.

Đơn thuốc: Tiêu thũng thang.

Công thức: Tiên linh tỳ 12g, Ba kích thiên 12g, Hậu phác 9g, Sa chỉ thực 9g, Trư linh 12g, Trạch tả 9g, Xuyên khung 9g, Hồng hoa 6g, Uất kim 9g, Thương truật 9g, Khâu nhân 9g. Sắc uống, mỗi ngày 1 thang.

Hiệu quả lâm sàng: Dư XX, nữ, 48 tuổi, công nhân. Tới khám ngày 10 tháng 3 năm 1978. Bị phù toàn thân rõ rệt đã 2 năm. Thường xuyên nhức đầu chóng mặt, tim đập hồi hộp, ù tai nhức mỏi lưng và đầu gối, mất ngủ, hay nằm mê, bụng trương to, mỡ dày ở vùng giữa, bờ gan dưới sườn 1,5cm, dưới mũi ức 3,0cm, gan mềm, không sờ thấy lách. Hai chân phù ấn lõm, chất lưỡi mập nhuận, rêu trắng, hơi bẩn, mạch trầm hoãn. Chẩn đoán: Phù thũng đặc phát, nên dùng phép trị ôn dương lợi thủy. Cho uống "Tiêu thũng thang gia giảm" 2 tuần lễ liền, bệnh tình thuyên giảm rõ rệt, cơ bản đã hết phù. Tiếp tục cho uống 2 tháng nữa thì bệnh khỏi hẳn. Hơn hai năm sau hỏi lại vẫn không thấy bệnh tái phát, bệnh nhân đã đi làm bình thường.

44. Viêm phế quản cấp

Biện chứng đông y: Hàn ẩm uất phế, thất kỳ tức giáng.

Cách trị: Ôn hóa thủy ẩm, khai uất thang giáng.

Đơn thuốc: Tiểu thanh long gia thạch cao thang.

Công thức: Ma hoàng 20g, Quế chi 20g, Bạch thược 20g, Can khương 20g, Tế tân 20g, Ngũ vị tử 20g, Đại táo 20g, Cam thảo 20g, Bán hạ 30g, Thạch cao sống 120g. Sắc uống, mỗi ngày 1 thang chia làm 2 lần.

Hiệu quả lâm sàng: Đã theo dõi điều trị 100 ca viêm phế quản cấp đều khỏi cả. Liệu trình ngắn nhất 1 ngày, dài nhất 6 ngày, trung bình 3,2 ngày. Liệu trình điều trị ho khan thể kích thích trung bình 2,1 ngày. Trương XX, nữ, 37 tuổi. Đến khám ngày 27-12-1979. Một tháng trước bệnh nhân gặp mưa, bị lạnh mà phát bệnh. Lúc đầu ớn lạnh phát sốt, ngứa cổ, ho. Tây y chẩn đoán là viêm phế quản cấp. Đã dùng penicillin, streptomycin, gentamycin, phenergan, codein, nhưng vẫn ho nhiều rũ rượi, ho gặp người vãi đá. Đêm nằm không chợp mắt, lo lắng, lưỡi nhạt, rêu trắng mỏng, mạch phù khẩn. Cho uống "Tiểu thanh long gia thạch cao thang", uống hết 2 thang thì khỏi.

Bàn luận: Trong thang thuốc có vị Tế tân dùng hơi nhiều, nếu gặp bệnh nhân cơ thể suy nhược thì có thể giảm bớt.

45. Viêm phế quản mạn tính kèm phế khí thũng

Biện chứng đông y: Trung tiêu dương hư, tỳ mất chức năng kiện vận, khí không hóa thủy, tụ thấp thành ẩm, lâu ngày sinh đờm dâng lên tâm phế thành ho, xuyên.

Cách trị: Ôn dương khử thấp hóa đàm.

Đơn thuốc: Gia vị lý ẩm thang.

Công thức: Bạch truật 15g, Can khương 9g, Quế chi 6g, Chích cam thảo 6g, Bạch phục linh 20g, Quất hồng 9g, Hậu phác 9g, Đinh lịch tử 9g, Tô tử 9g. Sắc uống mỗi ngày 1 thang.

Hiệu quả lâm sàng: Tiết XX, nữ, 47 tuổi, công nhân. Tới khám ngày 25-11-1978. Bệnh nhân bị ho, xuyên đã hơn 7 năm, mỗi năm cứ đến mùa đông và mùa hạ là bệnh lại nặng lên. Nửa tháng gần đây bệnh nhân bị ho, xuyên rất nặng, khó thở, không nằm thẳng được, đã dùng các thuốc đông tây y nhưng bệnh vẫn không đỡ, lại kèm thêm các chứng vàng đầu chóng mặt, tim đập hồi hộp, hơi thở ngắn, ho ra rất nhiều đờm dãi trắng, lỏng, chất lười nhạt, rêu lười trắng mỏng, mạch trầm hơi hoạt. Chiếu X quang phổi chẩn đoán là viêm phế quản mạn tính kèm theo phế khí thũng. Cho uống "Gia vị lý ẩm thang". Uống được 3 thang thì ho xuyên giảm hẳn. Khi khám lại thấy trong ngực có cảm giác nóng bức, ra mồ hôi trộm, nên tiếp tục cho dùng bài thuốc trên, nhưng bỏ bớt Đinh lịch tử và Tô tử, cho thêm Hoàng kỳ 15g, Bạch thược 9g, Táo nhân (sắc) 9g, uống tiếp 6 thang nữa thì các triệu chứng trên đều giảm. Sau đó lại tiếp tục dùng "Gia vị lý ẩm thang" có gia giảm tùy theo triệu chứng cụ thể, uống thuốc được hơn 1 tháng thì bệnh tình ổn định.

46. Hen phế quản

Biện chứng đông y: Hàn tà phạm phế, khí cơ thất lợi.

Cách trị: Tân hàn bình xuyên.

Đơn thuốc: Cao trị hen xuyên.

Công thức: Chế nam tinh 15g, Pháp bán hạ 15g, Cát cánh 15g, Xuyên bối 15g, Tế tân 15g, Hạnh nhân 15g, Sinh cam thảo 15g, Ngũ vị tử 15g, Sinh Ma hoàng 9g, Bạch tô tử 9g, Khoản đông hoa 9g, Sinh tử uyển 9g, Ma dầu (dầu gai) 200g, Bạch mật (mật trắng) 120g, Sinh khương trấp (nước gừng tươi) 120g. Trước hết đun đổ 12g vị thuốc đầu tiên vào trong dầu gai ngâm 24 giờ, đem sao cho đặc, lọc bỏ bã, lấy nước, sau đó cho thêm mật trắng vào nước gừng tươi đun cô thành cao, cho tới lúc đem nhỏ vào nước thì thành giọt châu, lấy được khoảng 440g. Mỗi ngày buổi sớm khi gà gáy canh năm thì uống 1 thìa nhỏ với nước đun sôi để nguội, trẻ em thì giảm bởi liều dùng tùy lớn nhỏ. Trong thời gian dùng thuốc này không được ăn các thức ăn sống, lạnh, rượu, tôm, cua...

Hiệu quả lâm sàng: Dung XX, nam, 38 tuổi, cán bộ. Khám điều trị năm 1957. Bệnh nhân bị hen phế quản kéo dài đã 6 năm. Thoạt đầu mỗi năm lên cơn 1-2 lần, phần nhiều vào mùa đông xuân, sau khi bị lạnh. Nói chung uống ephedrin hoặc các thuốc đông y thì có thể dứt cơn được. Hai năm gần đây ngày càng bị nhiều cơn hơn, cứ mấy ngày lại lên một cơn hen, mỗi lần bị mất hàng tuần lễ mới dứt dần, dùng các loại thuốc đông tây y chỉ có thể tạm thời dễ chịu hơn một chút mà không giảm bớt được tần suất cơn hen. Cho uống "Cao trị hen", đề nghị người bệnh kiên trì dùng liên tục, khi dùng hết khoảng 250g, thì dứt hết cơn hen. Lại tiếp tục uống cho tới tất cả 2 500g, đồng thời phối hợp cho dùng một số Kim quĩ thận khí hoàn, Bột nhau thai, sau khi khỏi bệnh đã theo dõi 21 năm không thấy tái phát.

Bàn luận: "Cao trị hen" xuất xứ từ bộ sách Phật học "Tây phương công cụ kinh nghiệm lương phương". Qua chỉnh lý gia giảm mà thành. Dùng trên lâm sàng quan sát mấy chục năm nay, xác nhận là bài thuốc có hiệu quả tốt để trị hen phế quản. Đặc biệt nếu dùng

cho những bệnh nhân hen phế quản dạng hàn chứng thì hiệu quả lại càng tốt. Khi dùng bài thuốc này nên căn cứ vào lý luận đông y "Thận bất nạp khí". "Phế bệnh tại tì", "Tử bệnh lỵ mẫu", đồng thời với việc không chế cơn hen, cần chú ý điều bổ tì thận, như cho uống Kim quỳ thận chí hoàn, Hà xa đại tạo hoàn, Sâm kỳ cao, có thể tăng thêm kết quả điều trị lên nhiều, củng cố lâu dài được hiệu quả điều trị.

47. Hen phế quản

Biện chứng đông y: Đàm ẩm xuyên quản.

Cách trị: Tuyên phế hóa đàm, bình xuyên chỉ khái.

Đơn thuốc: Tiêu xuyên thang.

Công thức: Chích Ma hoàng 9g, Tế tân 9g, Sạ can 9g, Sinh thạch cao 24g, Ngũ vị tử 9g, Chích cam thảo 9g, Pháp bán hạ 9g. Sắc uống, mỗi ngày 1 thang, chia làm 3 lần. Người bị bệnh lâu ngày thể hư thì lượng thuốc dùng có thể giảm bớt, hoặc 1 thang chia làm nhiều lần mà uống. Người thiên về hàn thì thêm Can khương 10g, Phụ tử 9g, bỏ bớt Sinh thạch cao; người thiên về nhiệt thì thêm Tang bạch bì 12g, Hoàng cầm 10g, người bị bệnh xuyên nặng thì thêm địa long 10g, Bạch quả 10g, người có nhiều đờm thì thêm Bối mẫu 10g, Trúc lịch 10g.

Hiệu quả lâm sàng: Khu XX, nam, 39 tuổi, nông dân. Từ năm lên 10, người bệnh do bị cảm lạnh thành ho hen xuyên. Điều trị bệnh đã đỡ nhưng về sau mỗi khi bị nhiễm lạnh lại lên cơn hen không dứt được, càng ngày càng nặng, tuy đã điều trị bằng nhiều loại thuốc mà vẫn không khỏi. Một năm trở lại đây, mỗi lần lên cơn hen lại so vai ngựa cổ mà hít thở, trông rất thảm hại. Đã dùng ephedrein, aminophylin, mà không cắt được cơn hen. Dùng corticoid thì có thể giảm cơn hen tạm thời được 20-30 phút, tiêm truyền hormon vào tĩnh mạch thì phải mất khoảng 1 ngày mới cắt được cơn hen. Cho uống "Tiêu xuyên thang", uống được 1 thang thì hen giảm hẳn, uống hết 2 thang thì cơ bản không chế được cơn hen. Lại cho dùng Lục quân tử thang và Sinh mạch tán, có tác dụng bồi bổ sinh kim, Thất vị đồ khí thang để ôn thận, nạp khí, các bài thuốc này dùng lần lượt thay nhau và đều có gia giảm, khi lên cơn hen thì vẫn uống Tiêu xuyên thang. Cứ như thế tiếp tục điều trị hơn nửa năm, số lần lên cơn hen giảm đi rõ rệt, cường độ cơn hen cũng nhẹ hơn nhiều, thể lực tăng lên rõ rệt. Một năm sau thì bệnh cơ bản khỏi hẳn.

Bàn luận: "Tiêu xuyên thang" là bài thuốc tuyển chọn phối hợp chữa hen của đông y dựa trên các bài thuốc Tiểu thánh long thang,

Sạ can ma hoàng thang, Ma hạnh thạch cam thang. Trong bài thuốc này chú trọng sử dụng Ma hoàng để tuyên phế bình xuyên, Tế tân để ôn phế hóa ẩm, Sạ can để bình nghịch giáng khí, Bán hạ có tác dụng hóa đàm khử ẩm, Ngũ vị tử liễm phế cầm ho và khống chế sự "tán" của tế tân, Sinh thạch cao để thanh phế giải nhiệt và khống chế "hãn" (gây mồ hôi) của Ma hoàng, Chích cam thảo nhuận phế cầm ho, điều hòa các vị khác, nhằm đạt được hiệu quả phối hợp hóa đàm tuyên phế, bình xuyên chỉ khái. Hen xuyên do phế tuyên mà sẽ bình được, ho do đờm giảm mà cầm được. Người xưa có nói "Tế tân bất quá xuyên", nay dùng trong "Tiêu xuyên thang" tới 9g, tương đương với 3 tiền, nhưng chỉ cần dùng đúng bệnh, phối hợp đúng phương pháp, trên lâm sàng chưa thấy có phản ứng nào không tốt. Đó cũng chính là điều mà "Nội kinh" đã nói: "Hữu cố vô vấn, dược vô vấn dã".

48. Hen phế quản

Biện chứng đông y: Phế tỳ khí hư, đờm đục không ta, khí đờm kết lại, bản ho tiêu thực.

Cách trị: Bổ ích phế tỳ, tiêu đờm giáng khí.

Đơn thuốc: Sâm giới tán gia vị.

Công thức: Cáp giới (tắc kè) 2 con (chặt bỏ đầu và chân), Nhân sâm 15g, Sơn dược 60g, Điền hạnh nhân 24g, Trầm hương (loại tốt) 12g, Nhục quế (loại tốt) 12g, Kinh bán hạ 30g, Hoàng kỳ 60g, Tử bì hồ đào 60g, Sa bạch quả 30g, Tang bạch bì 30g, Cam thảo 15g. Các vị trên tán mịn làm một liều thuốc gói kín để dùng dần: mỗi lần 4-6g, mỗi ngày 3 lần, uống với nước đun sôi để nguội. Với bệnh nhân chất lưỡi đỏ, rêu lưỡi vàng mỏng, thì bỏ bớt Nhục quế mà thêm Nữ trinh tử 30g, Câu kỷ tử 30g.

Hiệu quả lâm sàng: Hơn 10 ca bệnh nhân hen phế quản dai dẳng đã dùng bài thuốc Sâm giới tán gia vị, đều đạt được kết quả điều trị tốt. Từ XX, nam, 45 tuổi, cán bộ. Đã hơn 4 năm bị những cơn hen xuyên, nhiều đờm. Bốn năm trước sau khi mắc bệnh, cứ mỗi lần bị lạnh, hoặc ngủ phải khí than là lại lên cơn xuyên. Khi lên cơn, ngực co rúm lại, khó thở, ho khạc ra đờm dính màu trắng thì cảm thấy có dễ chịu hơn. Bệnh tình mỗi năm một nặng thêm, các cơn hen ngày một xuất hiện nhiều và kéo dài hơn. Tây y chẩn đoán là hen phế quản. Đã dùng ephedrin, ainophylin, adrenalin, lúc đầu có hiệu quả khá tốt, nhưng sau đó cảm thấy hiệu quả chẳng được là bao. Một năm trở lại đây bệnh tình lại nặng thêm, cứ đến hai mùa hạ và thu là lại lên cơn hen nặng, sang mùa đông xuân thì cảm thấy đỡ hơn. Một năm nay, tây y cho dùng cortison mỗi ngày 3 lần, dùng liên tục dài ngày, vào vụ hè thu không ngày nào là không dùng, còn đồng thời dùng thêm khí dung cắt cơn hen, luôn mang theo người, hơi cảm thấy khó thở muốn ho là phải phun ngay. Bệnh nhân rất dễ bị cảm mạo, hơi bị lạnh là hắt hơi, nhức đầu, toàn thân khó chịu. Bệnh nhân không hút thuốc uống rượu nhiều, đại tiện bình thường. Sắc mặt trắng bệch, lưỡi nhạt rêu trắng, lục mạch trầm hoãn. Chứng thuộc thái âm hư xuyên, khí đờm kết lại thăng

giáng bất lợi. Cần trị bằng cách khi bệnh phát cơn thì trị triệu chứng, lúc bình thường thì chữa căn nguyên, cả hai mặt cùng chữa trị, lưỡng bố phế tỳ. Vẫn thường xuyên dùng cortison khi dùng để chống lên cơn. Đồng thời dùng "Sâm giới tán gia vị" đại bổ phế tỳ, tiêu đờm giáng khí, phù chính cố bản để chữa trị tận gốc. Uống liền 4 liều "Sâm giới gán gia vị", sau 4 tháng ngừng dùng tất cả các loại thuốc tây y, tinh thần sảng khoái, sức lực dồi dào, thể chất tăng cường. Dùng bài thuốc này tiếp tục được 1 năm thì ngừng tất cả các loại thuốc. Hỏi thăm thấy 3 vụ hè thu bệnh không tái phát.

Bàn luận: Thông qua thực tiễn lâm sàng thấy rõ ràng "Sâm giới tán gia vị" có tác dụng làm thay đổi phản ứng của cơ thể, điều tiết hormon. Trong quá trình phối hợp điều trị cùng với các thuốc tây y, dần dần phải giảm bớt hormon và thuốc chỉ xuyên, lúc đầu thì càng chậm càng ít càng tốt, cho tới khi hoàn toàn không dùng tới các loại thuốc tây y này. Sau đó lại giảm dần cả liều dùng "Sâm giới tán gia vị", cách tiến hành gồm có giảm dần số lần uống thuốc và giảm dần lượng thuốc uống mỗi lần, cho đến khi hoàn toàn không dùng thuốc nữa. Cả quá trình này cần kéo dài từ nửa năm tới 1 năm.

49. Hen phế quản

Biện chứng đông y: Can khí uất kết, khí cơ không điều hòa được, tạo thành khí nghịch không giáng được dâng khí lên thành xuyên.

Cách trị: Giải uất tiết nhiệt, điều can giáng nghịch.

Đơn thuốc: Ngũ ma ẩm hợp tứ nghịch tán gia giảm.

Công thức: Trầm hương 6g, Ô dược 10g, Nhục quế 4g, Hoàng liên 9g, Mộc hương 6g, Sài hồ 12g, Đại bạch phụ 12g, Chỉ xác 12g, Hàng thược 20g, Cam thảo 6g, đem Hoàng liên và Hàng thược sắc trước lấy nước, sau dùng ngay nước thuốc này xay những vị khác còn lại cho thật nhỏ. Sau đó lại đem tất cả sắc nhỏ lửa lấy nước mỗi ngày uống 1 thang chia làm 4 lần.

Hiệu quả lâm sàng: Lý XX, nữ, 21 tuổi, xã viên. Ba năm trước bị cảm kéo dài hơn 1 tháng mới khỏi. Sau khi khỏi vẫn cảm thấy tức ngực, họng không thông. Ngay khi đó không được điều trị dứt điểm, sau đó sinh xuyên, mỗi năm đến kỳ qua xuân sang hè hoặc sau khi tức giận, bực bội là bệnh lại càng thêm nặng. Khi lên cơn hen không nằm thẳng trên giường được, ho ra đờm không nhiều, đã dùng nhiều cách điều trị mà vẫn không dứt được cơn hen. Khi đã qua cuối xuân đầu hè, hoặc khi hết tức giận bực bội thì các triệu chứng tự giảm hết. Lần này cơn hen đã kéo dài 5 ngày, do bực tức chuyện gia đình mà tái phát. Tại bệnh viện đã tiến hành xét nghiệm máu, nước tiểu phân đều bình thường. Chiếu điện thấy hai phổi sáng rõ, tim phổi bình thường. Chẩn đoán: 1/Hen phế quản, 2/Bệnh do lo nghĩ. Họng bệnh nhân có tiếng đờm khò khè. Xuyên khó thở không nằm được, tức ngực, nấc, bụng đầy không muốn ăn uống. đã dùng kháng sinh, aminophylin, nhưng chỉ có thể tạm thời giảm cơn, cũng có dùng liệu pháp ám thị nhưng không kết quả. Mạch hoãn huyền hữu lực, lưỡi nhạt rêu mỏng. Cho uống "Ngũ ma ẩm hợp tứ nghịch tán gia giảm". Sau khi uống 1 tuần bệnh tình đã đỡ, cơn tái phát nhẹ đi, thời gian lên cơn ngắn lại, đã hết tức ngực, nấc. Tiếp tục cho dùng bài thuốc này, thêm Sạ can 10g, cùng đem sắc với Hoàng liên, Hàng thược rồi say với các vị khác, uống được hơn 1 tháng thì bệnh khỏi hẳn.

Bàn luận: Hen xuyên là do sự bất thường của việc thăng giáng, ra vào của khí gây ra. Bệnh nhân lúc thường là người khỏe mạnh, không có biểu hiện hư khí cho nên dùng Ngũ ma ẩm để điều khí giáng nghịch, làm thông đạt khí cơ dùng tứ nghịch tán để sơ can giải uất, điều hòa can vị, làm cho trên dưới điều hòa, khí cơ không bị trở ngại, không trị xuyên mà xuyên sẽ phải lui. Hai bài thuốc này không phải chủ trương trị xuyên, nhưng khi dùng kết hợp lại tác động đúng vào cơ chế sinh bệnh, bản chất là trị căn nguyên mà khỏi tiêu chứng bệnh. Dùng nước sắc Hoàng liên v.v... để xay các vị còn lại là vì các vị thuốc này hàm chứa nhiều khí vị, xay ra sẽ thu được đầy đủ khí vị, không làm mất đi tí nào, sau đó đem sắc nhỏ lửa làm cho khí vị thuận hòa, phát huy được đầy đủ tác dụng của các vị thuốc. Phương pháp xay (ma pháp) thường bị người sau xem nhẹ, người thầy thuốc cần nghiên cứu kỹ nguyên lý chế thuốc để hiểu ý của cố nhân xây dựng bài thuốc.

50. Hen phế quản

Biện chứng đông y: Đàm hỏa phạm phế, ứ tắc phế khiếu, phế không túc giáng được.

Cách trị: Thanh nhiệt hóa đàm, tuyên phế lợi khí.

Đơn thuốc: Gia vị tiền hồ thang.

Công thức: Tiền hồ 12g, Hạnh nhân 9g, Tang diệp 12g, Tri mẫu 12g, Mạch đông 9g, Hoàng cầm 9g, Kim ngân hoa 15g, Khoản đông hoa 9g, Tỳ bà diệp 12g, Cát cánh 9g, Cam thảo 6g. Sắc uống, mỗi ngày 1 thang (kiêng ăn các thứ tanh, cay)

Hiệu quả lâm sàng: Khang XX, nữ, 26 tuổi, cán bộ. Ngày 5-3-1970 tới khám. Bệnh nhân bị ho xuyên đã mấy tháng, trong cổ họng có tiếng đờm rít, khó thở, đờm vàng quánh, đau tức cả vùng ngực, miệng khát bực bội, mặt đỏ, môi đỏ, chất lưỡi đỏ, rêu vàng, mạch hoạt sắc hữu lực, bệnh thuộc về đàm hỏa phạm phế, làm ứ tắc phế khiếu, phế không còn chức năng túc giáng, khí đạo không lợi mà dẫn đến xuyên. Khám tây y chẩn đoán là hen phế quản. Cần trị bằng phép thanh nhiệt hóa đờm, tuyên phế lợi khí. Cho uống 'Gia vị tiền hồ thang'. Bệnh nhân uống 4 thang, mạch chuyển hoãn hoạt, rêu lưỡi đã khá hơn nhiều, đờm chỉ còn hơi vàng, không quánh, hết đau ngực, dễ thở, hết xuyên. Như vậy là đàm hỏa đã tán, khí đạo đã lợi. Lại cho uống tiếp bài thuốc này, bỏ bớt Khoản đông hoa, thêm Thiên hoa phấn 12g. Uống tiếp 5 thang thì bệnh khỏi hẳn.

Bàn luận: Trường hợp này các triệu chứng đều thuộc về đàm hỏa bị bế tắc mà quá vượng, "Nhiệt giả hà chi", trị liệu cùng các vị khổ hàn và vị tân cam của thang tiền hồ để thanh nhiệt hóa đàm, dùng vị Cát cánh để đưa lên phía trên, cho tới được phế tạng. Khoản đông hoa tả nhiệt nhuận phế, tiêu đờm, trừ bỏ bực bội, cầm ho. Tỳ bà diệp tả phế giáng hỏa, cho nên uống 4 thang thì hỏa tán đờm tiêu, hết xuyên. Lại dùng bài thuốc này bỏ bớt Khoản đông hoa, thêm Thiên hoa phấn để lấy tác dụng toan cam vị khổ hàn của nó để sinh tân nhuận phế, phục hồi phế âm đã bị đàm hỏa làm thương tổn. Vì vậy chỉ dùng thêm 5 thang bệnh cũ đã được trị khỏi hoàn toàn.

51. Hen phế quản

Biện chứng đông y: Thận khí hư, đờm lạnh trở ngại đến phổi.

Cách trị: Tả phế ích thận nạp khí.

Đơn thuốc: Gia vị thận khí thang.

Công thức: Thục địa 15g, Hoài sơn 15g, Phục linh 15g, Cửu kỷ 9g, Trạch tả 9g, Đơn bì 9g, Phụ tử 9g, Đả tinh 9g, Đinh lịch tử 9g, Nhục quế tâm 3g, (uống riêng). Sắc uống, mỗi ngày 1 thang.

Hiệu quả lâm sàng: Vương XX, nam, 63 tuổi, cán bộ. Đến khám từ tháng 2-1977. Bệnh nhân bị hen phế quản đã hơn 20 năm. Từ năm 1960 mỗi năm một nặng thêm nhất là năm cuối này bệnh lại càng nguy kịch. Bệnh nhân bị tức ngực, thở dốc, hơi ngắn, nhất là khi hoạt động, không nằm thẳng được, lên cầu thang rất khó khăn. Đờm nhiều, trong có rất nhiều bọt, mạch tế huyền hoãn lười đỏ nhạt, hai mép lưỡi sẫm, rêu trắng hơi dày. Cho uống "Gia vị thận khí thang". Uống 3 thang, đã có thể nằm thẳng được, lên cầu thang không thở dốc. Bệnh nhân tin tưởng, uống tiếp hơn 20 thang nữa. Cuối năm 1979 thăm lại thấy sau khi dùng thuốc bệnh đã đỡ, tình trạng sức khỏe tốt. Bệnh nhân đã lên Bắc Kinh họp còn đi tham quan khảo sát ở Anh, không thấy bệnh tái phát.

Bàn luận: Ngoài trường hợp nêu trên, đã dùng bài thuốc này có gia giảm để chữa cho mấy trường hợp hen xuyên khác đều có kết quả tốt. Trong đó có 1 trường hợp hen kèm tăng tế bào ái toan, cũng đạt kết quả điều trị tốt. Trường hợp này cho dùng bài thuốc trên, bỏ Đinh lịch tử, thêm Địa long can 9g, Hùng hoàng 0,6g (uống riêng).

52. Hen phế quản kèm giãn phế nang

Biện chứng đông y: Thận hư phế thực, trên thịnh dưới hư.

Cách trị: Bổ thận nạp khí, lý phế bình xuyên.

Đơn thuốc: Bổ thận lý phế thang.

Công thức: Thục địa 24g, Sơn dược 30g, Phục linh 15g, Ma hoàng 9g, Hạnh nhân 9g, Tô tử 15g, Đảng sâm 24g, Đương qui 15g, Ngũ vị tử 9g, Bồ cốt chỉ 30g. Sắc uống, mỗi ngày 1 thang. Người đờm ít không thông lợi thì thêm Tang bì 12g, Đông qua tử 30g, ngực đầy tắc, gặp lạnh nặng lên thì thêm Can khương 6g, Quế chi; nhiều đờm hoặc tiêu hóa không tốt thì thêm Trần bì 12g, Bạch truật 10g, miệng khô, lòng bàn tay bàn chân nóng mạch tế sác thì bỏ Bồ cốt chỉ, Thục địa, thêm Địa cốt bì 30g.

Hiệu quả lâm sàng: Hạ XX, nam, 37 tuổi, cán bộ. Sơ chẩn ngày 9-12--1972. Bệnh mắc đã 7-8 năm, hai năm nay nặng lên rõ rệt. Triệu chứng là ngực đầy tắc, hen xuyên, thở gấp, mỗi ngày lên cơn hen mấy lần. Ho nhiều, đờm nhiều, thở ngắn, hơi hoạt động thì hen đã nặng lên, dạ dày đầy chướng, tiêu hóa kém. Vì hen nhiều mà ảnh hưởng đến giấc ngủ. Đã nhiều năm dùng thuốc đông tây y mà chưa thấy kết quả. Hiện nay hàng ngày không lúc nào bỏ được aminophylin. Kiểm tra kỹ xác định chẩn đoán là hen phế quản kèm giãn phế nang. Biện chứng qui là thận không nạp khí, hàn ngưng khí trệ, phế khí ứng tắc đến nội phát hen. Nên dùng phép bổ thận nạp khí lý phế bình xuyên. Cho đơn "Bổ thận lý phế thang". Uống thuốc xong thấy bệnh tình thuyên giảm, uống hết 7 thang đã bỏ được aminophylin. Lại uống 9 thang nữa trên lâm sàng cơ bản đã kiểm soát được các triệu chứng, không thấy hen nữa, thở đều đặn. Lại uống hơn 10 thang nữa để củng cố, 8 năm sau hỏi lại chưa thấy bệnh tái phát.

53. Viêm phế quản phổi

Biện chứng đông y: Phong nhiệt phạm phế, phế táo phát nhiệt.

Cách trị: Thanh nhiệt chỉ khái.

Đơn thuốc: Tiên bạng ngân cúc thang.

Công thức: Tiên bạng 5-7 con, Ngân hoa 20g, Cúc hoa 20g, Tiên bạng tốt là thứ trai tươi, vỏ mỏng, màu vàng to béo. Đặt trai nướng trên than hoa, khi miệng trai hé mở lúc nước trai chưa chảy ra thì rót nước trong con trai ra trộn với nước sắc Ngân hoa, Cúc hoa đợi nguội thì uống, mỗi ngày 1 thang.

Hiệu quả lâm sàng: Lý XX, nữ, 50 tuổi, nông thôn. Mười năm trước bắt đầu sốt ho, đau ngực, nhức đầu. Bệnh viện khám chẩn đoán là viêm phế quản phổi, chữa xong thì bớt đau ngực nhức đầu, các chứng khác như thường, vẫn sốt, ho, đờm đặc vàng, khát, thích uống lạnh, không ăn được, môi và lưỡi đỏ, rêu lưỡi vàng, nước dãi ít, sáu mạch tế sắc vô lực, người gầy mòn, mệt mỏi, buồn ngủ. Chứng bệnh thuộc về phong nhiệt phạm phế. Cho dùng "Tiên bạng ngân cúc thang". Uống được 1 thang thì các chứng giảm nhiều, tinh thần cải thiện, thấy đói, đòi ăn. Uống được 3 thang các chứng đều hết, bệnh khỏi. Sau cho biết ăn uống điều hòa hoàn toàn.

Bàn luận: "Tiên bạng ngân cúc thang" dùng chữa các bệnh cảm mạo lưu hành, viêm nhiễm đường hô hấp trên đều có hiệu quả tốt. Không ít người bệnh sau khi uống thuốc này đã có cảm giác như phổi được sưởi ngọt tươi mát.

54. Giãn phế quản khạc máu

Biện chứng đông y: Phế táo nhiệt, can hỏa Cang thịnh, đốt hồng phế lạc, bức huyết vọng hành.

Cách trị: Bình can thanh phế, sinh lạc chỉ huyết.

Đơn thuốc: hức phương thanh phế chỉ lạc thang.

Công thức: Tang diệp, Tang bì mỗi thứ 9g, Địa cốt bì 15g, Sinh cam thảo 9g, Sinh địa 15g, Địa du 15g, Tì bà diệp 12g (bao), Chích tử uyển 15g, Hoàng cầm 9g, Đại cáp tán 15g (bao). Sắc uống mỗi ngày 1 thang.

Hiệu quả lâm sàng: Chu XX, nữ, 26 tuổi, công nhân. Sơ chẩn ngày 10-7-1975. Tháng 9 năm trước bệnh nhân bắt đầu khạc máu, đã chẩn đoán khạc máu do giãn phế quản. Sau đó tháng 3 năm nay lại ho có đờm lẫn máu, sắc máu đỏ tươi, có lẫn đen tía. Đến lúc này đã hơn 3 tháng. Mấy ngày gần đây đau ngực, sườn căng, nóng nảy dễ gắt gỏng, lưng đau ê ẩm, kinh nguyệt trước kỳ, trước kinh đau bụng, mũi khô miệng táo thích uống. Chất lưỡi đỏ, rêu lưỡi mỏng bản, mạch huyền tế sắc. Cho dùng "Phức phương thanh phế chỉ lạc thang". Uống được 6 thang, trong đờm đã bớt lẫn máu. Vẫn đau tức ngực mỗ ác, đau mỗi lưng. Cho bài trên thêm Uất kim 9g, tiếp tục uống 6 thang nữa hết hẳn khạc máu, trong đờm cũng hết máu, bệnh nhân rất mừng. Nhưng vẫn chưa hết khó chịu trong ngực. Uống tiếp bài thuốc trên bỏ Hoàng cầm, Đại cáp tán, thêm Chỉ xác 9g, để củng cố kết quả khỏi bệnh.

Bàn luận: Bệnh nhân này giãn phế quản khạc máu, thời gian bệnh tuy chưa đầy 1 năm, nhưng 3 tháng nay khái huyết liên miên không ngừng, tinh thần sa sút nặng. Bệnh nhân vốn can vượng phế nhiệt, do khạc máu lâu ngày không khỏi, phế âm đã hư mà can hỏa càng vượng, bệnh tình có xu thế phát triển. Trừ chứng cái gắt là do Cang hỏa Cang thịnh, mũi táo khái huyết thuộc phế nhiệt âm hư, còn đau mỗi lưng, là phế ẩm tổn hại, dẫn đến thận âm cũng hư, gọi là "Phế thận đồng nguyên". Do vậy mà ngoài việc sử dụng Tả bạch tán để thanh phế, Đại cáp tán để bình can, Tì bà diệp, Tử uyển, Hoàng cầm, Địa du để túc phế, thanh nhiệt chỉ huyết. Dùng Sinh

địa để tư thận lương huyết. Sau đó máu cầm dần, tức ngực chưa hết
tăng Uất kim, Chỉ xác để sơ can giải uất, cuối cùng đạt được kết
quả lý tưởng.

55. Giãn phế quản khạc máu quá nhiều

Biện chứng đông y: Thận tinh hư khuyết, thủy không hàm mộc, mộc hỏa phạt kim, phế lạc tổn thương gây khạc máu.

Cách trị: Ích khí dưỡng âm, tư thủy hàm mộc.

Đơn thuốc: Chi khoáng cao.

Công thức: Bắc sa sâm 120g, Tiên đông 60g, Mạch đông 60g, Ngũ vị tử 48g, Thục địa hoàng 240g, Chung bạch truật 48g, Phục thân 60g, Viễn chí 48g, Toan táo nhân 36g, Đông trùng hạ thảo 60g, Qui bản 120g, Bắc cầu kỷ 120g, Hạ khô thảo 60g, Xuyên bối mẫu 60g, Dương qui thân 60g, Ngân sài hồ 48g, Xuyên hoàng linh 30g, Xuyên luyện nhục 36g, Tử đàn sâm 48g, Cam thảo 24g, 21 vị thuốc trên thêm nước vừa đủ sắc nhỏ lửa lấy nước thứ nhất thứ hai, bỏ bã đặc, sau đó thêm 1 lượng mật ong vừa phải cùng với đường phèn làm thành cao bỏ lọ dùng dần. Mỗi ngày uống 3 lần, mỗi lần 10-15g, uống với nước ấm.

Hiệu quả lâm sàng: Đã dùng bài thuốc trên chữa cho trên 20 người đều khỏi cả. Chu XX, nam, 36 tuổi, cán bộ. Khạc máu từ năm 1959, từ đó vẫn thường phát bệnh lại. Đã từng nằm bệnh viện, tuy có thể cầm máu được tạm thời nhưng không trị đến gốc. Năm 1963 lại khạc nhiều máu, bệnh viện tỉnh chẩn đoán là giãn phế quản. Kiểm tra bệnh nhân khạc ra một lượng máu lớn, ho nhẹ, thở ngắn, mặt ửng rừ, yếu mệt, lưỡi đỏ, ít rêu, mạch tế. Cho dùng "Chi khoáng cao". Uống được 1 liều hết khạc máu, các chứng đều hết. Dặn bệnh nhân mỗi năm mùa đông phải chịu khó uống 1 liều. Bệnh nhân liên tục dùng 3 mùa đông, bệnh chưa tái phát, hỏi lại thì thân thể đã mạnh khỏe.

Bàn luận: "Chi khoáng cao" có thể dùng cho bệnh lao thổ huyết, cũng có thể được kết quả hết sức mỹ mãn như vậy. "Chi khoáng cao" mùa hè sau khi điều chế để vào tủ lạnh. Vì trong cao có một lượng đường thích hợp mà mùa hè nhiệt độ cao, vi khuẩn dễ mọc, thuốc sẽ biến chất. Bỏ vào tủ lạnh để lâu vẫn tốt.

56. Khí thũng phổi (giãn phế nang)

Biện chứng đông y: Đờm rãi úng thịnh.

Cách trị: Phù chính khu tà, chữa cả gốc lẫn ngọn.

Đơn thuốc: Tam tử dưỡng thân thang gia vị.

Công thức: Tô tử 10g, Bạch giới tử 10g, Lai phục tử 10g, Sinh sơn dược 60g, Nguyên sâm 30g. Sắc uống, mỗi ngày 1 thang.

Hiệu quả lâm sàng: Đã sử dụng "Tam tử dưỡng thân thang gia vị" điều trị nhiều ca giãn phế nang ho xuyên có kết quả tốt. Nói chung sau khi uống 1-3 thang đã thấy hiệu quả, đến 10 thang thì khỏi hẳn trên lâm sàng. Cao XX, nam, 67 tuổi, xã viên. Tháng 3-1977 vì khó thở nặng nên xin điều trị. Bệnh nhân ho xuyên đã 8 năm, thường vẫn dùng aminophyllin v.v... Triệu chứng hiện nay; ho hen, khó thở, rất nhiều đờm dính, lẫn bọt, ngực đầy đau tức lại còn vàng đầu, mệt nhọc, buồn bực, miệng khô khát uống không nhiều, lưỡi đỏ mà ít dãi, mạch tế sác. Chiếu X quang vùng ngực thấy khí thũng phổi (giãn phế nang). Bệnh chứng thuộc về đờm nhiệt ẩn náu lâu ngày, phế âm tổn hại, âm hư ất sinh nội nhiệt, nhiệt quá ất cô dịch thành đờm, đờm làm tắc đường, khí phải ngược lên và sinh xuyên. Đó là chứng khí hư mà tà khí thực, hư thực lẫn lộn, phép trị phải phù chính khu tà, chữa cả gốc lẫn ngọn. Dùng bài "Tam tử dưỡng thân thang gia vị". Uống được 3 thang thì các chứng giảm nhiều, ho xuyên chuyển biến rất tốt. Uống tiếp 3 thang, mọi chứng đều hết, chứng ho lâu năm cũng khỏi. Ba năm sau hỏi lại chưa thấy tái phát.

Bàn luận: "Tam tử dưỡng thân thang gia vị" chữa rất tốt các bệnh người già ho hen khí nghịch. Đờm nhiều, ngực như tắc lại, đờm nhiều ất khí trệ, khí uất ất sinh hỏa, vì vậy dùng Tô tử để giáng khí hành đàm, Bạch giới tử thông cách trừ đàm, Lai phục tử tiêu thực hóa đờm, làm cho khí thuận đờm tiêu nên hết ho. Dùng bài này để trị cái thực ở ngọn. Sơn dược sắc trắng nên vào phế vị ngọt đi vào tì, làm đậm dịch mà ích thận, cho nên có thể bổ phế bổ thận và bổ tì vị. Tính năng nó có thể tư âm lại có thể lợi thấp, có thể hoạt nhuận lại có thể thu sáp. Nó có tác dụng rất tốt, uống làm hết

ho, hết xuyên, tính rất hòa bình. Nguyên sâm sắc đen, vị ngọt hơi đắng, tính lương nhiều dịch, khí mỏng vị lại dày, vừa nuôi âm dịch tốt vừa có thể giáng, ruột nó rộng sắc trắng có thể vào phế để thanh tảo nhiệt ở phế hết sức thích hợp để trị ho xuyên do phế nhiệt. Cho nên dùng hai vị này là trị cái gốc bị hư kèm thanh hư hỏa, hơn nữa cùng dùng Sơn dược với Nguyên sâm thì tăng khả năng chỉ khái định xuyên. Trương Tích Thuần sớm đã nói: "Bài Tam tử hợp phương" có tác dụng phù chính khu tà, thực ra là bài thuốc có tác dụng tốt với chống đờm xuyên của người già... Bài Tam tử dưỡng thân thang này là phát xuất từ "Hàn thì y thông".

57. Khí thũng phổi (giãn phế nang)

Biện chứng đông y: Thận không nạp khí, khí hư sinh ho xuyên.

Cách trị: Nạp thận, Bình xung, Định xuyên.

Đơn thuốc: Gia giảm Quế chi long mẫu thang.

Công thức: Long cốt 20g, (sắc trước), Mẫu lệ 30g, (sắc trước), Đại giả thạch 30g, (sắc trước), Quế chi 2-5g, Bạch thược 10g, Đương qui 10g, Chích tô tử 10g (gói bằng vải để sắc), Ngũ vị tử 5g, Trầm hương 3g (cho vào sau), Mạch đông 10g, Tái tử sâm 15g.

Sắc uống, mỗi ngày 1 thang. Người bệnh mà lưỡi sắc, họng khô, đờm lẫn huyết thì bỏ Quế chi thêm Thạch học, Bắc sa sâm; ho đờm thì thêm Khoản đông hoa, Bách bộ, Chích tử uyển; tụt ra mồ hôi thì thêm Chích hoàng kỳ; rêu lưỡi bản thì thêm Nhị trần thang. Sau khi bệnh tình ổn định thì có thể thêm Sơn dược, Đông trùng hạ thảo để điều bổ thì càng hay.

Hiệu quả lâm sàng: Lục XX, nam, 60 tuổi, sơ chẩn ngày 2-4-1979. Hàng ngày cứ về chiều ho thở gấp, khó yên, sợ lạnh, tim đập mạnh, đầu vầng tức ngực, cảm thấy hư hỏa bốc lên, nửa đêm khó chịu vì khí trào lên dạ dày. Mạch hư huyền, lưỡi hồng nhạt, rìa lưỡi có hàn răng. Chiếu X quang thấy: Khí thũng phổi (giãn phế nang) viêm màng phổi trái, lao phổi thời kỳ hấp thu. Cho dùng "Gia giảm Quế chi long mẫu thang". Sau khi uống 3 thang khám lại thấy bệnh nhân hết thở gấp, hết tức ngực, đã có thể nằm thẳng, đỡ sợ lạnh, ban đêm không còn khí xung lên nữa, giấc ngủ cải thiện ăn nhiều hơn. Tiếp tục uống đơn trên thêm Hoàng kỳ, Sơn dược, Nam Bắc sa sâm, Phục linh, Dĩ mễ điều trị hơn 20 ngày, chữa khỏi trên lâm sàng.

Bàn luận: "Gia giảm quế chi long mẫu thang" dùng để chữa viêm phế quản mạn tính của người già, bệnh tim phổi, hen phế quản, hen xuyên do hysteri (ý bệnh) đều có tác dụng tương đối tốt.

58. áp xe phổi

Biện chứng đông y: Ngoại cảm phong ôn bệnh độc, bệnh tà tập kết tại phế tổn thương huyết mạch, huyết bị nhiệt đốt mà sinh thối thịt thành ung mủ.

Cách trị: Thanh nhiệt giải độc, khử đờm bài mủ.

Đơn thuốc: Thanh nhiệt bài nùng thang.

Công thức: Đông qua tử 30g, Ngân hoa 30g, Công anh 30g, Sinh ý mễ 30g, Tiên lô căn 60g, Cát cánh 10g, Đơn bì 10g, Chỉ thực 10g, Đinh lịch tử 10g, Xuyên bối 10g, Đào nhân 10g, Tô tử 10g, Hoàng cầm 15g.

Sắc uống, mỗi ngày 1 thang, chia làm 2 lần.

Hiệu quả lâm sàng: Thôi XX, nam, 45 tuổi, sốt cao, ho, nôn ra đờm dính có mủ, mũi hôi thối, ngực đau, thở gấp, miệng khát, chất lưỡi đỏ, rêu vàng, mạch hoạt sắc hữu lực. Chẩn đoán là phế ung (áp xe phổi). Cho uống "Thanh nhiệt bài nùng thang". Sau 2 tháng thì các chứng đều giảm, duy đờm cần còn mũi thối. Lại theo bài đó tiếp tục uống 5 thang, các chứng đều hết, bệnh khỏi

Bàn luận: Điều trị phế ung (áp xe phổi) thì trước hết phải làm rõ hư thực. Nói chung nếu đột nhiên sốt cao, ho đờm dính mà thối, ngực đau, chất lưỡi hồng rêu vàng, mạch hoạt sắc hữu lực là thuộc thực chứng, tức phải lấy thanh phế nhiệt giải độc bài nùng (trừ mủ) làm chủ yếu, lượng thuốc phải nhiều, nếu hư giữ lượng như cũ tất không chế ngự được dương cương, âm lại bị tổn thương. Cần chữa trị lúc chưa thành mủ thì tác dụng nhanh hơn, còn nếu đã thành mủ rồi thì nên dùng phép hoạt huyết bài nùng (trừ mủ), thanh nhiệt giải độc mới có thể bảo toàn phế khí và tân dịch mà khỏi bệnh. Người nghiện rượu bị bệnh này thì thường không tốt, nếu xuyên, tiếng khàn, máu mủ hôi thối móng tay tím bầm, tức là phổi đã thối nát, tình hình như vậy thì dữ nhiều lành ít. Trong bài "Thanh nhiệt bài nùng thang" có Ngân hoa, Công anh, Tiên lô căn, Hoàng cầm đều là thanh phế nhiệt giải độc; Đông qua tử, Đơn bì, Chỉ thực, Cát cánh, ý mễ, Xuyên bối đều là thanh phế nhiệt mà trừ mủ; Đào nhân hoạt huyết hóa ứ, Đinh lịch tử, Tô tử đều là giáng khí tiết phế. Các vị thuốc hiệp đồng do đó chóng đạt hiệu quả hoàn toàn.

59. Áp xe phổi

Biện chứng đông y: Tà nhiệt ẩn ở phế, uất lâu không giải được, phổi thối rửa thành mủ.

Cách trị: Thanh nhiệt giải độc, khử đờm trừ mủ.

Đơn thuốc: Phức phương ngư cát thang.

Công thức: Ngư tinh thảo 30g, Cát cánh 15g, Kim ngân hoa 30g, Cam thảo 5g, hoàng cầm 10g, Đào nhân 10g, Đông qua nhân 30g, Sinh dĩ nhân 30g, Tượng bối mẫu 10g.

Sắc uống, mỗi ngày 1 thang, người bệnh nặng mỗi ngày 1 thang. Người nhiệt nặng có thể thêm Hoàng liên 10g, người chính hư có thể thêm Hoàng kỳ 15g.

Hiệu quả lâm sàng: Theo dõi điều trị 40 ca phần lớn có kết quả rất tốt. Hoạn XX, nữ, 19 tuổi, công nhân. Vì sốt, ho đau ngực 4 ngày mà vào viện. Xét nghiệm bạch cầu 12.000/mm³, trung tính 83%. Chụp X quang thấy: phía trên phổi trái có một đám mờ lớn, ở giữa là vùng trong suốt và mặt dịch phẳng. Chẩn đoán áp xe phổi trái. Sau khi vào viện nhiệt độ còn liên tục cao 39-40°C, ho kịch liệt, đờm khạc ra như mủ, kém ăn, miệng khô khát, đại tiện bí kết, lưỡi đỏ, chất lưỡi vàng nhạt bản, mạch hoạt sắc. Cho "Phức phương ngư cát thang". Uống thuốc 1 tuần, giảm sốt dần, sau 10 ngày thân nhiệt xuống bình thường. Ho và đờm mủ giảm bớt. Lại uống thuốc trên 2 tuần nữa, các chứng trạng lâm sàng đều hết. Kiểm tra lại bằng X quang: Viêm ở phía trên phổi trái có hấp thu rõ ràng, mặt dịch phẳng không còn. Lại dùng bài thuốc trên có gia giảm điều trị 2 tuần nữa. Chụp X quang kiểm tra lại: viêm ở phía trên phổi trái đã hấp thu duy còn hang chưa hoàn toàn khép kín. Nói chung tình hình người bệnh tốt được xuất viện. Hai tháng sau kiểm tra lại, không thấy còn hang ở phía trên phổi trái.

60. Áp xe phổi

Biện chứng đông y: Thấp nhiệt nội uẩn, nhiệt độc làm thương phế.

Cách trị: Thanh nhiệt giải độc, trừ đàm hóa ứ.

Đơn thuốc: Sinh hoàng đậu tương.

Công thức: Hoàng đậu (vừa đủ). Rửa sạch, ngâm vào nước cho nở ra, xay nhuyễn với nước, lọc bỏ bã đậu là được sữa đậu nành sống. Mỗi ngày uống 3 lần mỗi lần chừng 300 ml (khi cảm thấy vị tanh của đậu tương không nuốt được nữa thì thôi, trẻ em giảm liều).

Hiệu quả lâm sàng: Điền XX, nam, 58 tuổi, nông dân. Ho, khạc đờm, ngực đau gần nửa năm. Lúc đầu sốt lạnh, sườn đau nhức, ho thì rất đau, có lúc nôn ra đờm dính, bệnh kéo dài, khạc ra một lượng lớn máu mủ, mùi tanh tươi lạ lùng, thân thể gầy gò, sắc mặt tiêu tụy, miệng hầu khô, rêu lưỡi vàng bẩn, mạch hoạt sắc. Bảo người bệnh nhai đậu tương sống để xem bệnh, người bệnh nhai thì thấy trong miệng có vị ngọt. Dùng "Sinh hoàng đậu tương" được hơn 10 ngày thì lượng mủ giảm đi, giảm sốt, ăn được nhiều hơn. Sau khi uống thuốc 20 ngày, bệnh nhân cảm thấy vị tanh của đậu tương khí có thể nuốt được nên ngừng uống. Sau đó các chứng đều giảm nhanh, khỏe dần. Theo dõi chưa thấy bệnh tái phát.

Bàn luận: Ứng dụng Sinh hoàng đậu tương để trị áp xe phổi trong thực tế thấy là khá thích hợp trong thời kỳ mưng mủ và vỡ mủ. Lúc này áp xe vỡ mủ, thân nhiệt gần như bình thường nhưng khạc ra nhiều máu mủ, thân thể hư nhược. Sữa đậu nành sống có tác dụng khử đàm tống mủ ra thanh nhiệt giải độc, cầm máu sinh cơ, bổ phế phù chính. Chẳng những sinh hoàng đậu tương có thể trị áp xe phổi trong điều kiện nông thôn, mà còn có thể là một phương tiện để chẩn đoán: tức là nếu bệnh nhân nhai Sinh hoàng đậu thấy vị thơm ngọt thì phần lớn là áp xe phổi, thấy vị tanh hôi thì phần lớn không phải là áp xe phổi. Đó chỉ kinh nghiệm chưa có cơ sở khoa học. Theo thông tin các nơi thì trên lâm sàng có thể điều trị áp xe phổi bằng Ngư tinh thảo, có tên Ngư tinh thảo là vì có vị tanh

của nó. Sinh hoàng đậu tương khí vị cũng tanh, trị áp xe phổi tác dụng khá, hai vị thuốc này có mối quan hệ gì không, còn đợi nghiên cứu. Ngoài ra Đông qua tử, Qua lâu tử, Bại tương thảo, Cát cánh, đều cùng có vị tanh, công hiệu trị áp xe phổi của các loại này đều cần được nghiên cứu.

61. Viêm màng phổi tràn dịch

Biện chứng đông y: Phế hư phục cảm ngoại tà, phế mất chức năng thanh túc làm cho phế khí không tuyên thông, tam tiêu bất lợi, nước uống vào đọng lại giữa vùng phế ngực, cản trở đường đi của chất thanh.

Cách trị: Lý phế thanh nhiệt, lợi khí khu đàm.

Đơn thuốc: Tiểu sài hồ thang gia vị.

Công thức: Sài hồ 45g, Hoàng cầm 15g, Bán hạ 15g, Qua lâu 25g, Chỉ xác 15g, Trần bì 15g, Tang bạch bì 15g, Bạch giới tử 10g, Cam thảo 5g.

Sắc uống, mỗi ngày 1 thang chia 3 lần lúc đói.

Hiệu quả lâm sàng: Vương XX, nữ, 46 tuổi, đến khám ngày 31-8-1978. Người bệnh kể là từ mùa xuân bắt đầu tức ngực, tắc thở, hô hấp không thông, ban đêm càng nặng, nằm nghiêng bên trái càng thấy khó thở, phải nằm ngửa thì mới thấy dễ thở. Ngày 8-8 đã kiểm tra tại một bệnh viện, chẩn đoán viêm màng phổi, sau đó lại kiểm tra tại một quân y viện cũng chẩn đoán như vậy, đều cho penicillin, streptomycin nhưng không thấy kết quả rõ rệt. Bệnh nhân ngực đau tức, thở ngắn, khó thở, ăn uống không ngon, đại tiện khô, tiểu tiện vàng, đầu nặng, tay chân bải hoai, tinh thần khí sắc còn tốt, nói năng yếu hơi, rêu lưỡi trắng, mạch huyền. Chiếu X quang kết luận là viêm màng phổi tràn dịch. Cho dùng "Tiểu sài hồ thang gia vị". Bệnh nhân uống thuốc 3 ngày thấy giảm ho, thở thông suốt hơn trước. Tiếp tục uống thuốc đó đến ngày 11-9, bệnh nhân thấy các triệu chứng đã giảm nhiều. Chiếu điện: Góc sườn hoành trái còn một ít dịch, mặt cơ hoành không rõ. Uống tiếp đến ngày 9-10, chiếu điện thấy khỏi hoàn toàn.

62. Tích huyết phổi (sau chấn thương vùng ngực)

Biện chứng đông y: Ngoại thương tích ứ trong phổi.

Cách trị: Hoạt huyết hành ứ.

Đơn thuốc: Qua đế đào nhân hồng hoa thang.

Công thức: Qua đế 9g, Đào nhân 30g, Hồng hoa 30g. Sắc nước đặc uống.

Hiệu quả lâm sàng: Bé trai XX, bị đập mạnh vào vùng ngực, thở khó, hôm sau bệnh trở nên trầm trọng. Khám tây y thấy mạch đập trầm dứt. Gõ vùng phế hai bên đều có tiếng đục dày đặc như ở can tạng, tiếng tim nhỏ yếu, khám nhưng không điều trị. Khi đến chúng tôi cho ngay Qua đế 9g, Đào nhân, Hồng hoa mỗi thứ 30g, sắc đặc mà uống, nôn ra rất nhiều, tích ứ ở phổi đều do ho khạc mà tống ra, máu bầm đen, hồi phục.

Bàn luận: Bài này là gốc ở Đài Loan, trong "Trung y dụng dược bí pháp kỳ nghiệm tập". Lời bàn viết: Bệnh này tuy nói là nguy ngập, xem xét từ đầu, ứ huyết thường dễ thúc động, nhưng muốn làm tiêu tán ngay là chuyện khó, đã đến ngực thì có thể làm cho nôn ra, so với các phương pháp hoặc tiêu, hoặc hạ, hoặc châm cứu thì thuận tiên, nhanh chóng, có hiệu quả hơn.

63. Tim đập nhanh

Biện chứng đông y: Âm khuy dương phù, tâm thận bất giao.

Cách trị: Ích tinh bổ thận, ích khí sinh huyết, dưỡng âm an thần.

Đơn thuốc: Gia vị bát vị an thần hoàn.

Công thức: Thục địa 15g, Sơn thù nhục 15g, Phục thần 15g, (Cửu tiết) xương bồ 12g, Hồ phách 12g, (Sa) táo nhân 30g, Bạch nhân sâm 12g, Chính cam thảo 9g, Long cốt 30g, Đương qui 12g, Câu kỷ 15g, Nhục thung dung 12g.

Tất cả tán bột mịn, luyện mật làm hoàn, mỗi hoàn nặng 9g, mỗi ngày uống 2 lần, mỗi lần 1 hoàn.

Hiệu quả lâm sàng: Trương XX, nam, 40 tuổi, cán bộ đến khám ngày 14-10-1964, mắc bệnh đã hơn 1 năm, chứng trạng chủ yếu là tim đập nhanh, thở róc, mất ngủ, hay quên, u uất, mắt hoa, mặt nhợt, mặt xanh bệnh, gò má đỏ, người gầy gò, vẻ ngoài buồn khổ không yên, môi lưỡi nhạt, lưỡi không rêu, thở gấp, mạch cấp sắc vô lực, mỗi phút đập 130 lần.

Khám tây y chẩn đoán là chứng tim đập nhanh. Đây là âm khuy dương phù tâm thận bất giao tim hồi hộp. điều trị bằng cách ích tinh bổ thận, ích khí sinh huyết, dưỡng tâm an thần. Dùng bài: "gia vị bát vị an thần hoàn". Sau khi uống 1 liều thuốc thì tim đỡ hồi hộp, mạch chuyển hoãn hoạt, mỗi phút giảm còn 94 lần. Uống hết hai liều các chứng đều hết.

Bàn luận: Người bệnh này mắc chứng tim nhanh, là thận âm khuy tổn không thể giúp tim, âm dương không giao thái, thần không giữ yên chỗ, như Lưu Hà Gian nói: "Thủysuy hỏa vượng, tâm hung táo động" là nghĩa như thế. Vì thận âm khuy tổn, mà âm dương hồ căn mất sự điều hoà, dương hư vượt lên, làm rối loạn tâm thần sinh ra mắt hoa, tim đập hồi hộp, mất ngủ hay quên, âu sầu, thận âm không thể lên giúp đỡ tâm dương, tâm dương độc cuồng át tâm âm bị hại, tâm khí tổn thương, làm cho mạch cấp sắc vô lực. Trị nó phải lấy Thục địa, Thù nhục, Câu kỷ, Nhục thung dung cam toan mang tính ôn bình mà tư âm ích tinh để bổ thận, Đương qui,

Bạch nhân sâm bổ huyết ích khí để dưỡng tâm. Long cốt, Táo nhân, Xương bồ, Hồ phách cam toan hơi tân tính bình để dưỡng âm an thần. Thận âm mà đầy đủ, thủy hỏa giúp đỡ nhau được thì ắt bệnh khỏi. Như nói ở trên, đối với chứng bệnh tim do thận âm khuy tổn là thuộc về hư chứng, "hư thì nên bổ vậy", tuy nhiên dương hư vượt lên là âm ích tinh bổ thận thêm các thuốc dưỡng tâm an thần, âm đủ ắt dương bình thần yên. Ngoài ra các vị thuốc tính hàn dùng phải cẩn thận, tránh cái nguy làm thương tổn đến dương.

64. Rung tâm nhĩ

Biện chứng đông y: Khí âm bất túc, tâm huyết ứ tắc, can dương quá mạnh.

Cách trị: Ích khí dưỡng âm, bình can hoạt huyết.

Đơn thuốc: Gia vị sinh mạch thang.

Công thức: Đảng sâm 30g, Ngọc trúc 30g, Mạch đông 9g, Táo nhân 6g, Ngũ vị tử 6g, Bạch thược 9g, Chích cam thảo 9g, Đan sâm 30g, Xích thược 6g, Long xỉ 9g, Hồ phách 3g.

Sắc uống, mỗi ngày 1 thang. Người ngực bực bội có thể thêm Qua lâu, Uất kim, người đau ngực có thể thêm Giáng hương, Nguyên hồ, Tam thất, người tâm phiền mất ngủ có thể đổi dùng (Châu) mạch đông, thêm Bá tử nhân, Liên tâm (hoặc Hoàngliên), người huyết ứ tương đối nhiều thì thêm Hồng hoa, Ngũ linh chi, Bồ hoàng, người hung dương bất chấn thì có thể thêm (Hồng) nhân sâm, người thiên về âm hư có thể thay Đảng sâm bằng Thái tử sâm.

Hiệu quả lâm sàng: Phổ XX, nam, 79 tuổi, công nhân về hưu, đến khám ngày 26-2-1979. Bệnh nhân mắc bệnh tăng huyết áp đã nhiều năm, thường thấy ngực bực bối, tim đập hồi hộp, đêm ngủ chập chờn, đầu vầng mắt hoa nhìn mờ. Tháng vừa qua lại càng âu sầu không lúc nào yên, tinh thần lại hoảng hốt, đi lại không vững. Rêu lưỡi mỏng vàng, lưỡi đỏ tía, mạch huyền tế mà sác, có kết đại. Soi đáy mắt thấy động mạch đáy mắt hai bên đã xơ cứng kỳ 2-3. Điện tâm đồ cho biết: rung tâm nhĩ (Kiểu nhanh), rõ rệt chuyển theo chiều kim đồng hồ. Cholesterol huyết là 310mg%. Đây là chứng khí âm bất túc, tâm huyết ứ trở, can dương thiên cang. Nên điều trị ích khí dưỡng âm, bình can hoạt huyết. Dùng bài "Gia vị sinh mạch thang", lại thêm Thủ ô 30g, Cúc hoa 15g, Câu kỳ 15g, Sinh địa 15g, Thục địa 15g. Uống hết 6 thang thuốc thì các chứng chuyển biến tốt rõ rệt. Mạch tượng đã không kết đại nữa. Kiểm tra điện tâm đồ thấy: nhịp tim thể bang, điện tâm đồ nói chung bình thường. Sau đó lại theo bài trên châm chước gia giảm, uống tất cả 24 thang, cách chứng tim hồi hộp, ngực bực bối đều hết, đi lại vững, thị lực tốt, cholesterol huyết cũng xuống đến như bình thường.

Bàn luận: Gia vị sinh mạch thang lấy Đảng sâm, Chích cam thảo để ích khí, Ngọc trúc, Mạch đông, Bạch thược là những thứ dưỡng âm; Táo nhân dưỡng âm an thần, Ngũ vị tử thu sáp phế khí, hướng về các mạch; Đan sâm, Xích thược hoạt huyết. Tổng hợp các thứ đó là ích khí dưỡng âm hoạt huyết sinh mạch. Mà theo sự chứng minh bằng thực nghiệm dược lý của y học hiện đại thì bài thuốc này cũng có tác dụng cường tim, trấn tĩnh, cải thiện sự lưu thông máu ở tim. Dùng bài này lại gia giảm tùy theo chứng, đối chứng dụng dược, chữa bệnh rung tâm nhĩ là bệnh thuộc về khí âm bất túc tâm huyết ứ trở can dương thiên cương có công hiệu tương đối tốt.

65. Chức năng thần kinh tim

Biện chứng đông y: Lo buồn, uất kết, sợ hãi làm tổn thương tâm khí.

Cách trị: Chấn tâm an thần, sơ can giải uất.

Đơn thuốc: Định tâm thang gia vị.

Công thức: Đan sâm 15g, Đảng sâm 15g, Hương phụ 12g, Phạt thủ 110g, Viễn chí 10g, Long cốt 15g, Mẫu lệ 15g, Bá tử nhân 10g, Sa táo nhân 15g, Chu sa 1,2g, (uống với nước thuốc), Hồ phách 1,2g, (uống với nước thuốc). Sắc uống, mỗi ngày 1 thang.

Hiệu quả lâm sàng: Quách XX, nữ, 48 tuổi, giáo viên. Bệnh nhân thường tim hồi hộp, ngực bức bối khó chịu, lại thêm hay lo lắng ngờ vực, tâm phiền hay cáu, mất ngủ hay mộng mị, yếu sức, ăn uống kém sút. Khám thấy tim đập nhanh, chưa thấy biến đổi bệnh lý. Chẩn đoán là chứng chức năng thần kinh tim, mạch tế sác, lưỡi đỏ, rêu vàng mỏng. Cho dùng bài thuốc "Định tâm thang gia vị". Uống 6 thang cảm thấy các chứng đỡ hẳn, do đó tăng sự tin tưởng, kiên trì uống 10 thang nữa, tinh thần và thể lực đều hồi phục về cơ bản. Sau đó lại thường dùng Bá tử dương tâm hoàn và An thần bổ tâm hoàn để củng cố.

Bàn luận: Thực nghiệm lâm sàng chứng tỏ, có một số bệnh nhân chỉ nghĩ đến điều trị bệnh động mạch vành, hiệu quả không rõ rệt, chuyển sang dùng bài này mà trị thì luôn luôn được công hiệu rõ ràng. Sau cùng xác chẩn là chứng chức năng thần kinh tim. Nếu bài này bỏ Hương phụ, Phạt thủ, thêm Xương bồ 10g, Quế chi 6g, Đương qui 12g, trị nhịp sớm thất dai đẳng khí chất hoặc phi khí chất thì cũng có hiệu quả tốt. Bài này biện chứng gia giảm thích đáng được thực tiễn chứng tỏ là đối với bệnh viêm cơ tim do virus cũng có hiệu quả rất tốt.

66. Bệnh động mạch vành tim

Biện chứng đông y: Khí trệ huyết ú.

Cách trị: Lý khí đạo trệ, hóa ú chỉ thống.

Đơn thuốc: Quán tâm trực ứ thang.

Công thức: Sinh bồ hoàng 15g, Ngũ linh chi 15g, Nguyên hồ 15g, Sinh sơn tra 25g, Đan sâm 25g, Qua lâu bì 15g, Cát căn 15g, Chỉ xác 15g, Uất kim 30g, Bạch chỉ 15g, Ngưu tất 15g, Thất li tán 1 túi (chia hai lần uống với nước thuốc). Sắc uống mỗi ngày 1 thang, chia 2 lần.

Hiệu quả lâm sàng: Phan XX, nữ, 49 tuổi, nhân viên, khám cấp cứu sáng 17-5-1978. Bệnh nhân sáng sớm dậy đột nhiên thấy vùng trước tim đau nhức, lan ra đau khắp vùng sau vai trái, chân tay lạnh toát, mặt xanh tái, ngậm viên nitroglycerin 1,6mg rồi thì cảm giác có dễ chịu ít nhiều. Bệnh nhân có bệnh sử động mạch vành đã 3 năm. Lần sau đến khám có làm xét nghiệm kiểm tra và làm điện tâm đồ, chẩn đoán là bệnh xơ động mạch vành. Đây là khí trệ huyết ú phải trị bằng phép lý khí đạo trệ, hóa ú chỉ thống. Dùng bài thuốc "Quán tâm trực ứ thang". Uống 4 thang đã bớt đau hẳn ở vùng trước tim, chân tay ấm, sắc mặt hồng nhuận. Cho uống thêm 3 thang nữa đồng thời chú ý điều lý việc ăn uống, yên tâm nghỉ ngơi. Ngày 24 tháng 5 đến khám, vùng trước tim cơ bản hết đau nhói, mạch đập 110 lần/phút. Xét nghiệm máu và kiểm tra điện tâm đồ đều chứng tỏ tình trạng tim tốt. Dặn uống thêm 4 thang bài thuốc đó. Ngày 29 tháng 5 khám lại, chứng đau vùng tim hết hẳn, chân tay ấm, sắc mặt bình thường, rìa lưỡi vốn cơ bản tím đã nhạt đi, mạch tượng trầm hoãn, ăn uống tăng, huyết áp 120/80mmHg, mạch đập 105 lần/phút. Kiểm tra điện tâm đồ như trước. Dùng bài thuốc trên giảm Nguyên hồ, Cát căn, Bạch chỉ thêm Bán hạ 15g, Lục thần khúc 15g, Đảng sâm 15g, Đương qui 15g. Dặn uống tiếp 4 thang. Ngày 25 tháng 6 bệnh nhân đến làm các xét nghiệm đều thấy gần như bình thường, không cảm thấy có gì khó chịu. Do đó cho 1 lọ Quán tâm tô hợp hoàn, mỗi ngày uống 2 lần, mỗi lần 1 viên. Lại dặn chú ý vấn đề sinh hoạt, đi đứng, điều lý việc ăn uống, làm cho tinh thần thoải mái. Theo dõi nửa năm, chưa thấy tái phát.

67. Bệnh động mạch vành

Biện chứng đông y: Dương của ngực không hưng phấn lên được đờm ứ làm tắc đường lạc.

Cách trị: Tuyên tí thông dương, khoát đàm khư ứ.

Đơn thuốc: Ôn đảm thang gia vị.

Công thức: Phục linh 15g, Pháp hạ 9g, Trần bì 9g, Trúc nhự 9g, Chỉ thực 12g, Qua lâu xác 30g, Giới bạch 9g, Giáng hương 15g, Đan sâm 15g, Xuyên khung 15g, Hồng hoa 9g, Quế chi 9g, Bạch truật 15g. Sắc uống, mỗi ngày 1 thang.

Hiệu quả lâm sàng: Chu XX, nam, 60 tuổi, công nhân. Một tháng gần đây sau mỗi lần lao động nặng nhọc thì lại thấy vùng trước tim đau đớn kiểu đè nén, một lần có thể kéo dài tới hơn 10 phút, kèm đầu vầng, ho, nhiều đờm. Vì đau ngực kịch liệt thêm ra mồ hôi lạnh 4 giờ liền nên ngày 18 tháng 5 năm 1977 phải vào viện cấp cứu, Điện tâm đồ cho thấy nhịp tim thể hang, động mạch vành không cung cấp đủ máu cấp tính. Sau khi nhập viện tiêm bắp 50mg dolantin, thở oxy thì đỡ đau, sau đó thường cho dùng 0,2aminophyllin, mỗi ngày 3 lần ngâm dưới lưỡi viên trinitroglycerin. Đông y hội chẩn thấy người bệnh sắc mặt xanh tím, ra mồ hôi, vẻ ngoài khổ sở, chất lưỡi đỏ nhạt, có ban ứ, rêu lưỡi bản, mạch tượng huyền hoạt. Có tiền sử hút thuốc lá, uống rượu, có tiền sử viêm phế quản mạn tính, là hung dương không hưng phấn lên được, đờm trọc ứ tắc, cần phải trị bằng truyền lý thông dương, khử đàm hóa trọc, hoạt huyết hóa ứ. Cho dùng "Ôn đảm thang gia vị". Sau khi uống 3 thang, hết đau ngực, uống hết 6 thang thì rêu lưỡi đỡ vàng bản đỡ ho. Sau đó lại xuất hiện chứng thở dốc, đêm ngủ mộng mị nhiều. Dùng bài trên mà thêm các thứ ích khí an thần: Thái tử sâm 30g, Viễn chí 9g, Bá tử nhân 12g, Dạ giao đằng 30g. Uống xong thì đêm ngủ yên. Sau đó lại đau lưng, đêm đi đái nhiều nên lại thêm các thuốc bổ thận như Tiên linh tì 9g, Thỏ ti tử 15g. Dùng thuốc gia giảm hơn 3 tháng, chưa thấy tim trở lại đau thắt, làm điện tâm đồ nhiều lần thấy đã khôi phục như thường.

Bàn luận: Bệnh động mạch vành thuộc các phạm trù "chân tâm thống" "khuyết tâm thống", "hung tí tâm thống". Phần lớn do tâm dương không chấn, khí trệ huyết ứ hoặc đờm trọc làm tắc tâm lạc mà ra. Trong việc thu nhận bệnh nhân động mạch và để điều trị thường phát hiện thấy đờm trọc chính là một nguyên nhân trọng yếu dẫn đến sự phát sinh bệnh động mạch vành, nhất là ở miền nam mưa nhiều, ẩm thấp, đờm trọc thành bệnh. Trên lâm sàng phàm gặp các hiện tượng tim hồi hộp, ngực đau bức bối, đầu váng, đờm nhiều, buồn nôn, rêu lưỡi dày bản, mạch huyền hoạt hoặc kết đều thuộc về "đờm" đối với những bệnh nhân đó, điều trị bằng "Ôn đàm thang gia vị", tất cả đều có hiệu quả tốt đẹp.

68. Đau thắt động mạch vành tim

Biện chứng đông y: Huyết ứ mạch lạc.

Cách trị: Hoạt huyết hóa ứ.

Đơn thuốc: Mạnh trùng gia vị thang.

Công thức: Mạnh trùng 6-12g, Trần bì 15g. Người khí hư thì thêm Đảng sâm 30g, người dương hư thì thêm Tiên linh tì 12g, người âm hư thì thêm Ngọc trúc 15g, người huyết hư thì thêm Sinh địa 20g. Sắc uống mỗi ngày 1 thang.

Hiệu quả lâm sàng: Đã dùng bài thuốc trên điều trị 15ca đau thắt động mạch vành, xác nhận là có tác dụng rõ rệt hết đau thắt. Ông XX, nữ, 59 tuổi, bệnh động mạch vành đã 3 năm, một tháng nay trong ngực bức bối, thở rốc ngày một nặng hơn. Vùng ngực có cảm giác căng thẳng, bị nén, phiền muộn, mỗi ngày hai ba lần như thế, mỗi lần kéo dài từ 1 đến 10 phút. Ăn uống bài tiết đều bình thường. Có tiền sử tăng huyết áp đã 25 năm. Ngày 22-10-1977 vào điều trị ở một bệnh viện, điện tâm đồ sóng T I, II, aVL, aVF, V3-V6 đều ngược rõ, đoạn ST thì V3-V6 đều xuống thấp, xuống thấp nhất là 0,14mm. Điện tâm đồ cho thấy thiếu máu cơ tim rõ rệt. Kết hợp triệu chứng bệnh sử, điện tâm đồ, chẩn đoán là cơ thắt động mạch vành và cơ tim dưới màng trong tim cứng tắc. Đã từng uống viên nitroglycerin tác dụng kéo dài và nhiều thuốc khác vẫn không thấy cải thiện các triệu chứng và điện tâm đồ. Ngày 26-10 uống Mạnh trùng gia vị thang, đến ngày 9 tháng 11 các triệu chứng ngực bức bối, vùng trước tim căng thẳng, cảm giác nén đều giảm nhẹ rõ rệt. Điện tâm đồ đoạn ST đi xuống và sóng T đảo ngược đều chuyển lên, cho là cung cấp máu cho cơ tim có được cải thiện. Tiếp tục dùng thuốc cho đến ngày 20 tháng 12, đoạn ST V2 3,5 xuống thấp 0,2-0,5mm, V4 về đến đường đẳng điện, V2,3,5,6 của sóng T trở thành thẳng đứng, V4 do đảo ngược trở thành thấp bằng, điện tâm đồ lúc đó cơ bản tương tự điện tâm đồ của bệnh nhân này làm tháng 4-1977. Xét tình hình bệnh nhân đau động mạch vành đã 3 năm, tăng huyết áp đã 25 năm, động mạch vành cung cấp thiếu đã lâu dài nên không thể có khả năng khôi phục hoàn toàn.

Bàn luận: Manh trùng vị đắng hơi hàn, có tác dụng trực ứ phá tích, thông lợi huyết mạch. Trên lâm sàng ngoài Manh trùng gia vị thang ra còn dùng Manh trùng và Huyết phủ trực ứ thang sử dụng liên hoàn để trị bệnh đau thắt động mạch vành cho 40 ca và dùng độc vị Manh trùng chữa cho 10 ca đau thắt động mạch vành đều có tác dụng làm giảm cơn đau thắt tim, hiệu quả nhanh chóng, đối với những người đã từng dùng các thuốc đông thuốc tây mà chưa thấy tác dụng rõ rệt thì cũng có tác dụng giảm bệnh ở mức độ khác nhau. Người bệnh dùng Manh trùng liên tục lâu nhất tới hơn 1 năm, chức năng gan thận, ăn uống, bài tiết đều không thấy có phản ứng xấu nào rõ rệt cả.

69. Đau thắt động mạch vành tim

Biện chứng đông y: Khí huyết ứ tắc, tâm mạch không thông.

Cách trị: Hoạt huyết hóa ứ, tuyên thông tâm mạch.

Đơn thuốc: Thất tiểu tán gia vị.

Công thức: Bồ hoàng 10g, Ngũ linh chi 10g, Đan sâm 15g, Xích thực 12g, Xuyên khung 12g, Giáng hương 10g, Cát căn 30g, Qua lâu 15g, Tam thất phân 3g (chiêu với nước thuốc).

Sắc uống, mỗi ngày 1 thang. Người thiên về dương hư thì có thể thêm Phụ phiên, Nhục quế, người thiên về âm hư thì có thể thêm Thủ ô, Thốn đông, người thiên về khí hư thì có thể bỏ Linh chi, thêm Nhân sâm hoặc Đảng sâm, Hoàng kỳ, người có đàm thấp thì có thể thêm Trần bì, Bán hạ.

Bàn luận: Việc điều trị đau thắt động mạch vành tim thì lấy "Thất tiểu tán gia vị" làm chủ yếu, kết hợp biện chứng thêm bớt ít nhiều, ứng dụng trên lâm sàng có kết quả mỹ mãn. Bài này xây dựng trên cơ sở lý luận biện chứng của đông y, biện bệnh của tây y, thí dụ trong bài có Đan sâm, Cát cánh, Xuyên khung, Qua lâu đã được các nghiên cứu dược lý hiện đại chứng minh là đều có tác dụng dẫn nở động mạch vành. Theo chứng minh của nhiều bệnh án được theo dõi thì bệnh động mạch vành tuyệt đại đa số thuộc về khí trệ huyết ứ phù hợp với lý luận đông y "không thông ắt đau", "khí hành ắt huyết hành", dùng các vị thuốc đông y hoạt huyết lý khí làm chủ, do đó mà bài này có tác dụng tương đối mỹ mãn cải thiện các triệu chứng lâm sàng của bệnh động mạch vành, hơn nữa sau một thời gian dùng thuốc, khi các triệu chứng lâm sàng chuyển biến tốt thì điện tâm đồ bất thường cũng cải thiện theo.

70. Đau thắt động mạch vành

Biện chứng đông y: Dương khí uất bế.

Cách trị: Ôn dương hành khí, thông kinh hoạt lạc.

Đơn thuốc: Phúc phương đan sâm ẩm.

Công thức: Đan sâm 15g, Giáng hương 15g, Mộc thông 12g, Vương bất lưu hành 12g, Tam thất 6g, Thông thảo 3g. Sắc uống.

Hiệu quả lâm sàng: Trương XX, nam, 56 tuổi, xã viên, sơ chẩn ngày 21-3-1975. Người bệnh thường vẫn phát sinh hoảng hốt, thở gấp, đau thắt tim ngực không chịu nổi, thường nằm mơ giật mình dậy, đã hơn nửa năm. Đã từng chẩn đoán là đau thắt động mạch vành, dùng không ít các thuốc đông thuốc tây mà không kiến hiệu. Khám thấy dinh dưỡng trung bình, vẻ người buồn khổ, da mềm ướt, mặt xanh bệt, nghe phổi bình thường, tiếng tim yếu mà nhanh, tim đập 156 lần/phút, mạch kết đại, rêu lưỡi mỏng trắng. Dùng một thang "Phúc phương đan sâm ẩm" thấy các triệu chứng đỡ, bớt hẳn đau ngực, tiếng tim vẫn yếu, tim đập 142 lần/phút, mạch trầm mà đại, lại cho uống tiếp 2 thang. Ngày 28 tháng 3 khám lại đã hết đau ngực, không có cảm giác đè nén. Còn hơi thấy tay chân bải hoải. Đại tiện kết táo, tim còn đập 110 lần/phút, vẫn uống bài trên bỏ Tam thất, Vương bất lưu hành, uống 4 thang. Cảm thấy các chứng đều hết, đã như lúc thường. Theo dõi hỏi lại chưa thấy tái phát, người khỏe mạnh, có thể làm mọi việc lao động chân tay ở nông thôn.

71. Đau thắt động mạch vành

Biện chứng đông y: Tân dương bất chấn, tâm huyết ứ trở.

Cách trị: Ích huyết hóa ứ.

Đơn thuốc: Gia vị ích tâm thang.

Công thức: Đảng sâm 15g, Hoàng kỳ 15g, Cát căn 9g, Xuyên khung 9g, Đan sâm 15g, Xích thược 9g, Sơn tra 30g, Xương bồ 4g, Quyết minh tử 30g, Giáng hương 3g, Tam thất phần 1,5g, và Huyết kiệt phần 1,5g (trộn đều chia 2 lần mà chiêu với nước thuốc). Sắc uống, mỗi ngày 1 thang.

Bàn luận: Thực tiễn quan sát trên lâm sàng chứng minh rằng "Gia vị ích tâm thang" có thể chữa khỏi các chứng ngực bức bối, tim đau thắt một cách tương đối nhanh, lại có thể đề phòng phát sinh chứng cơ tim cứng tắc. Đối với người có tuổi bệnh lâu ngày, khí phệ đã hư mà lại còn có ứ chứng thì bài thuốc này lại càng thích hợp. Ngoài ra nó còn có hiệu quả nhất định hồi phục chức năng cơ tim.

72. Viêm cơ tim do phong thấp

Biện chứng đông y: Tâm dương hư kèm phong hàn thấp tà.

Cách trị: Thông tâm dương kèm khu phong tán hàn, trừ thấp.

Đơn thuốc: Phong tâm phương.

Công thức: Quế chi 10-30g, Sinh khương 3g, đại táo 15g, Phòng phong 9g, Chích cam thảo 9g, Bạch truật 15g, Thục phụ tử 15-30g. Sắc uống, mỗi ngày 1 thang, thêm 500 ml nước, sắc đến còn 200ml, chia làm 2 lần mà uống, sáu ngày là 1 liệu trình. Đối với đa số bệnh nhân thì lượng Quế chi và Phụ tử nên dùng nhiều; người hư huyết thì thêm đương qui, người có bệnh mạn tính đường hô hấp trên thì nên phối hợp sử dụng các chế phẩm penicillin tác dụng kéo dài.

Hiệu quả lâm sàng: Long XX, nữ, 40 tuổi, hộ sinh, bắt đầu từ năm 1964, vì nhịp tim sớm, đã làm điện tâm đồ kiểm tra, phát hiện cơ tim có thương tổn. Huyết trầm nhanh, kháng "O" thường tăng cao rõ rệt. Đau khớp lan chạy rõ rệt và có tiền sử viêm họng mạn tính. Đã dùng nhiều thứ thuốc tây và thuốc đông để điều trị nhưng bệnh vẫn trở lại. Ngày 17-7-1974, làm lại điện tâm đồ vẫn thấy cơ tim bị thương tổn. Huyết trầm 38mm/giờ, kháng "O" 833 đơn vị. Ngày 22-7 vì tim hồi hộp, thở dốc, ngực tức, nên đến khám và xin điều trị. Kiểm tra thấy thân nhiệt 36o5 C, huyết áp 100/60mmHg, họng xung huyết, tuyến giáp không to, nhịp tim tốt, tim đập 78lần/phút, tiếng tim đập nhẹ, mờ, không nghe thấy tạp âm. Chẩn đoán là viêm cơ tim dạng phong thấp. Cho dùng bài thuốc "Phong tâm phương" có gia giảm. Đồng thời phối hợp dùng penicillin tác dụng kéo dài, tiêm bắp mỗi ngày 1.200.000 đơn vị. Ngày 28 tháng 10 khám lại thấy các triệu chứng về cơ bản đã hết, huyết trầm 17mm/giờ, kháng "O" bình thường, tim đập bình thường. Kiểm tra lại điện tâm đồ: đã hết tổn thương cơ tim. Nửa năm sau hỏi lại, kiểm tra điện tâm đồ vẫn bình thường, cũng không thấy các triệu chứng tái xuất hiện.

73. Bệnh tim do phong thấp

Biện chứng đông y: Tâm huyết ứ trở, hàn ngưng thấp trệ.

Cách trị: Phá ứ, ôn kinh, lý khí.

Đơn thuốc: Thấm thị phong tâm cứu nghịch thang.

Công thức: Xuyên quế chi 15-30g, Chích cam thảo 15-30g, Vương bất lưu hành 15-30g, Qui vi 30-60g, Đào nhân 30-45g, Hồnghoa 10-24g, Đan sâm 30-45g, Tam lăng 15-30g, Nga truật 15-30g, Sinh hương phụ 9-15g, Thạch xương bồ 9-15g, Xuyên quảng uất kim mỗi thứ 30g, Thất tiểu tán 15-24g, Viễn chí 10-15g. Sắc uống, mỗi ngày 1 thang.

Hiệu quả lâm sàng: Đã theo dõi 300 ca bệnh nhân điều trị bằng "Thấm thị phong tâm cứu nghịch thang". Tới nay số người có cải thiện các triệu chứng và bệnh tình biến chuyển tốt đạt 84%. Tần X, 40 tuổi, giáo viên, phát bệnh từ năm 1954. Lúc đầu khạc ra máu, sau thường khạc ra máu luôn. Hai năm nay mỗi năm phải nằm viện mấy lần. Dùng Mao địa hoàng thì muốn mưa, kinh nguyệt hết đã 5 năm, nay lượng máu thổ ra nhiều, thở dốc, phải ngồi, không nằm thẳng được, ra mồ hôi, tim hồi hộp, đầu vầng, nhịp tim không đều, tim đập 118 lần phút, biên độ rộng, vùng mỏm tim có tạp âm thời tâm thu cấp III đến cấp IV, tạp âm thời tâm trương cấp II đến cấp III, gan dưới sườn 5cm. Chẩn đoán là bệnh tim do phong thấp, van hai lá hẹp không khép kín, phổi xung huyết. Dùng bài "Thấm thị phong tâm cứu nghịch thang" có gia giảm uống thêm 1 thang nữa, tất cả 3 thang, tình trạng người bệnh cải thiện, có thể làm một số việc nhẹ trong nhà.

Bàn luận: Đây là bài thuốc do lương y Thấm Bảo Thiện truyền lại. Trong bài này phải có đủ lượng các thuốc Phá ứ ôn thông. Đối với người ho ra huyết thì không phải lo chuyện phá ứ vì khạc ra máu do bệnh phong tâm là do ứ huyết ở trong xoang mà ra, phá ứ ngược lại có thể làm cầm huyết nhưng cũng có thể thêm Tam thất để tu bổ vết thương xuất huyết.

74. Bệnh tim do phong thấp (suy tim)

Biện chứng đông y: Tâm thận hư suy, khí huyết thương tổn nặng, trên thì dương mất trong thì âm kiệt.

Cách trị: Phù dương ích âm, cấp cứu cái dương muốn mất, đem dẫn dương mà hòa âm.

Đơn thuốc: Phù dương ích âm thang.

Công thức: Hồng sâm 10g, Thục phụ kiện 10g, Trư khổ đởm (trấp) 1 cái, Chích cam thảo 10g, Xương bồ 10g, Táo nhân 15g, Chích viễn chí 10g, Ngũ vị tử 10g, Đương qui 12g, (Sa) bạch truật 12g, Phục linh 20g, A giao 12g (nấu chảy). Sắc uống, mỗi ngày 1 thang.

Hiệu quả lâm sàng: Đã dùng "Phù dương ích âm thang" gia giảm chữa 10ca bệnh tim do phong thấp kèm suy tim ở mức độ khác nhau đều có kết quả tốt.

Bàn luận: "Phù dương ích âm thang" là thuốc Tứ nghịch gia nhân sâm thang, Bạch thông gia trư đảm trấp thang, phụ tử thang, toan táo nhân thang, bốn bài biến hóa mà thành.

75. Tăng huyết áp

Biện chứng đông y: Thận âm khuy tổn, thủy chẳng chứa mịch. Can dương quấy phá thanh không.

Cách trị: Tư thủy hàm mịch, tiềm dương tức phong.

Đơn thuốc: Gia vị ích âm tiềm dương thang.

Công thức: Huyền sâm 12g, Mạch đông 9g, Ngưu tất 9g, Phục linh 9g, Câu đằng 9g, Cúc hoa 9g, Thuyền thoái 6g, Đại giả thạch 15g, Sinh long cốt 15g, Sinh mẫu lệ 15g, Chích viễn chí 6g.

Sắc uống mỗi ngày 1 thang. Người thận âm suy khuyết nhiều thì có thể thêm Thục địa, Nữ trinh tử, Qui giao; người huyết áp liên tục không hạ thì có thể châm chước mà thêm Tang kí sinh, Hạ khô thảo, Sinh đỗ trọng.

76. Tăng huyết áp

Biện chứng đông y: Âm hư dương cương

Cách trị: Dục âm tiềm dương.

Đơn thuốc: Trấn can tức phong thang gia giảm.

Công thức: Bạch thược 40g, Huyền sâm 25g, Thiên đông 25g, Nhân trần 25g, Ngưu tất 40g, Đan sâm 40g, Sinh mẫu lệ 40g, Sinh hòe hoa 50g, Đại giả thạch 40g, Sinh địa 40g, Sung úy tử 25g, Dạ giao đằng 40g. Sắc uống, mỗi ngày 1 thang.

Hiệu quả lâm sàng: Đã dùng bài "Trấn can Tức phong thang gia giảm", căn cứ triệu chứng mà thêm bớt, theo dõi điều trị 39 ca tăng huyết áp kiểu âm hư dương cương, tỉ lệ công hiệu đạt 94,9% hạ huyết áp. Đối với các triệu chứng chủ yếu của bệnh tăng huyết áp như đau đầu, vầng đầu, căng đầu tim hồi hộp, mất ngủ, mất sức, tê tay chân đều có cải thiện rõ ràng. Điện tâm đồ cũng có tiến bộ.

77. Tăng huyết áp

Biện chứng đông y: Can thận âm hư.

Cách trị: Tư bổ can thận, giáng áp tức phong.

Đơn thuốc: Thất tử thang.

Công thức: Quyết minh tử 24g, Câu kỉ tử 12g, Thỏ ti tử 12g, Nữ trinh tử 15g, Kim anh tử 9g, Sa uyển tử 12g, Tang thâm tử 12g.

Sắc uống mỗi ngày 1 thang.

Hiệu quả lâm sàng: Dư XX, nữ, 51 tuổi, bị bệnh tăng huyết áp đã hơn 5 năm, thường thường huyết áp vẫn duy trì ở 210-180/110-100mmHg. Thường vầng đầu, đau đầu, tính nết cáu gắt, mất ngủ hay mơ, lưng gối đau nhuyển, tay chân tê, sắc mặt đỏ hồng, ngũ tâm phiền nhiệt, lưỡi đỏ, rêu vàng mỏng, mạch huyền tế sác. Đã từng dùng nhiều thứ thuốc tây hạ huyết áp nhưng hiệu quả không phải là lý tưởng, nên xin điều trị bằng thuốc đông. Đây là chứng can thận âm hư, cho uống "Thất tử thang" thêm Câu đằng, Bạch thược, Tang kí sinh, uống được 6 thang thì các triệu chứng đã chuyển biến tốt rõ rệt, huyết áp có giảm một ít: 175/95mmHg. Thuốc đã kiến hiệu, cho uống 15 thang nữa, sau khi uống thì các triệu chứng về cơ bản đã hết, huyết áp ổn định ở 150-140/90-85mmHg, bài trên lại gia giảm, uống thêm một tháng để củng cố. Ngừng thuốc rồi hỏi lại sau hơn một năm chưa thấy huyết áp tăng lại.

Bàn luận: Trong đơn có các loại hạt thuốc tính chất như nhuận, tính bình hoà, trong đó Thỏ ti tử, Tang thâm tử, Sa uyển tử, Kim anh tử bổ dương của can thận. Quyết minh tử thanh can nhiệt, hợp lại thành bài thuốc bình, bổ can thận tức phong. Có thông tin cho biết: Quyết minh tử có tác dụng hạ huyết áp, Kim anh tử có tác dụng giảm cholesterol huyết, Câu kỉ tử có tác dụng bớt các lipid đọng ở tế bào gan. Các loại hạt thuốc này còn là nguồn vitamin phong phú.

78. Tăng huyết áp

Biện chứng đông y: Can thận âm hư, can dương cương lên, tim mất sự nuôi dưỡng.

Cách trị: Tư âm, bình can, an thần.

Đơn thuốc: Giáng áp hợp tễ.

Công thức: Huyền sâm 15g, Câu đằng 15g (cho vào sau), Hạ khô thảo 15g, Địa long 9g, Dạ giao đằng 15g, (Sa) táo nhân 9g. Thêm 300ml nước, sắc còn 150ml, ngày chia uống làm 3 lần, mỗi tuần lễ uống 3-5 thang, mỗi tháng là một đợt điều trị.

Hiệu quả lâm sàng: Theo dõi điều trị 50 ca bệnh tăng huyết áp, kết quả hạ huyết áp như sau: Công hiệu rõ rệt 32ca (có 13ca giai đoạn I, 17 ca giai đoạn II, 2 ca giai đoạn III) chiếm 64%; có công hiệu 15ca (1 ca giai đoạn I, 12ca giai đoạn II, 2 ca giai đoạn III) chiếm 30%; không công hiệu 3 ca (1 ca giai đoạn II, 2 ca giai đoạn III) chiếm 6%. Tỷ lệ có công hiệu toàn bộ 94%. Tỷ lệ kết quả đối với các triệu chứng là: có công hiệu rõ rệt 25ca chiếm 50%, có công hiệu 20 ca chiếm 40%, về cơ bản không công hiệu 5 ca chiếm 10%.

Bàn luận: Thực tiễn lâm sàng cho thấy, đối với bệnh tăng huyết áp ở giai đoạn I và giai đoạn II thì "Giáng áp hợp tễ" có hiệu lực tương đối tốt, ổn định kéo dài. Đối với tăng huyết áp giai đoạn III cũng có tác dụng nhất định nhưng nhìn chung không có tác dụng tốt như hai giai đoạn I,II.

79. Huyết áp thấp

Biện chứng đông y: Khí âm đều hư.

Cách trị: Ích khí dưỡng âm.

Đơn thuốc: Gia vị phù chính thăng áp thang.

Công thức: Nhân sâm 10g (có thể thay bằng Nam ngũ gia bì 15g), mạch đông 15g, Ngũ vị tử 12g, Sinh địa 20-30g, Chính cam thảo 15g, Trần bì 15g, Chỉ xác 10g, A giao 15g (nấu chảy uống), Hoàng kỳ 30g. Sắc uống, mỗi ngày một thang.

Hiệu quả lâm sàng: Nguy XX, nữ, 49 tuổi, thường thể tạng huyết áp thấp, nói chung vẫn giữ trong khoảng 100-90/60-50 mmHg. Một nhọc hoặc trèo lên cao, hoạt động mạnh thì thấy đầu váng, tim hoảng loạn, thở dốc. Một tháng nay, bệnh càng nặng thêm, hai lần ngất. Ngày 13-8-1979 sơ chẩn khám: nói chung tình trạng khá, thân thể gầy gò, sắc mặt vàng vố, tim đập 94 lần/phút, nhịp đều, lưỡi nhạt, đầu lưỡi đỏ, rêu bình thường, mạch tế nhược, huyết áp 86/56mmHg. Cho dùng "Gia vị phù chính thăng áp thang", uống được ba thang thì các chứng đỡ rõ rệt.

80. Viêm động mạch lớn (chứng vô mạch)

Biện chứng đông y: Khí hư huyết tí.

Cách trị: Ích khí dưỡng huyết, thông tí phục mạch.

Đơn thuốc: Hoàng kỳ quế chi ngũ vật thang gia vị.

Công thức: Hoàng kỳ 15g, Quế chi 9g, Bạch thược 9g, Đương quy 9g, Thục địa 9g, Kê huyết đằng 15g, Ngưu tất 9g, Sinh khương 9g, Đại táo 4 quả. Sắc uống mỗi ngày một thang.

Hiệu quả lâm sàng: Quách XX, nữ 40 tuổi, công nhân, có chồng. Sơ chẩn ngày 16-5-1977: toàn thân da thịt đau mỗi tê, gầy gò dần dần, vô mạch, bệnh đã hơn hai tháng mới đến xin khám. Người bệnh thấy toàn thân da thịt đau mỗi tê nhất là chi phải càng nặng. Lúc phía bên tay phải da thịt rất đau đớn tê dại thì lan truyền làm cổ bên phải và suốt cả vai cũng đau mỗi, lúc bấp chân bên phải da thịt đau tê dại thì lan tận gót chân phải đau tê. Đau tê như vậy bất kể thời tiết, sút dần dần. Cuối kỳ thì kinh nguyệt màu nhạt, lượng ít. Khám thấy người gầy gò tinh thần bạc nhược, sắc mặt không tươi, đầu óc khô xác, tiếng nói yếu, ít hơi, lười nói. Chất lưỡi tương đối nhạt, rêu lưỡi khá sạch, vô mạch (hai bên các chỗ Nhân nghênh, Thốn khẩu, Xung dương đều không bắt được mạch). Mời hội chẩn tây y bằng hai bên động mạch cánh, động mạch nách cũng như động mạch đùi đều không thấy đập, động mạch vế hai bên đều đập yếu, động mạch chủ bụng đập mạnh hơn, ở tim và động mạch chủ không nghe thấy tạp âm rõ rệt. Điện tâm đồ: nhịp tim dạng hang không đều. Kiểm tra huyết lưu đồ tay chân: dòng máu ở các chi chậm, thành mạch máu đàn hồi kém, dòng huyết lưu ở chi dưới bên phải giảm, bên trái thì tốt hơn. Huyết lưu đồ phù hợp với bệnh viêm động mạch lớn. Không đo được huyết áp hai bên cánh tay. Chiếu điện tim phổi không có gì khác thường. Uống liền 30 thang "Hoàng kỳ quế chi ngũ vật thang gia vị".

Khám lần thứ hai ngày 19-7: sau khi uống thuốc thì da thịt toàn thân đỡ đau tê mỗi và các chứng kể trên đều nhẹ. Bài thuốc trên thêm xuyên khung 3g để tăng cường hoạt huyết thông tí, thêm Trần bì 6g để phòng trệ xung Thục địa, Bạch thược, uống tiếp 30

thang. Khám lần thứ ba ngày 19-8: sau khi uống thuốc thì toàn thân da thịt về cơ bản hết đau tê mõi, các chứng hư nhược khác cũng cải thiện theo. Hai bên Nhân nghênh, Thốn khẩu và Xung dương đều bắt được mạch đập nhưng còn trầm trì tế nhược. Đo được huyết áp hai bên cánh tay là 80/60mm Hg. Vẫn giữ bài thuốc ngày 16-5, cứ cách 3-5 ngày lại uống 1 thang để củng cố tác dụng. Ngày 18- 5-1979 gửi thư hỏi thăm được biết bệnh khỏi, bắt được mạch, thể lực hồi phục, tinh thần phấn chấn.

81. Co thắt cơ hoành

Biện chứng đông y: Can dương nhiều ở trên, vị kém hòa giáng.

Cách trị: Bình can hòa vị giáng nghịch

Đơn thuốc: Ách nghịch thang.

Công thức: Sinh thạch quyết 30g, Đảng sâm 30g, Thì đế 30 cái.
Sắc uống, mỗi ngày một thang.

Bàn luận: "Ách nghịch thang" có tác dụng tốt đối với các loại nấc. Đối với trường hợp nấc do phù não sau ổ não, tăng áp lực sọ não cũng có hiệu quả ít nhiều.

82. Viêm hang vị

Biện chứng đông y: Bệnh lâu ngày vào lạc, kèm theo ứ huyết.

Cách trị: Điều khí hóa ứ.

Đơn thuốc: Lý khí hóa ứ phương.

Công thức: Quảng mộc hương 6g, Chế hương phụ 10g, Diên hồ sách 10g, Dương qui 10g, Xích bạch thược mỗi thứ 10g, Chích cam thảo 4,5g, Kim linh tử 10g, Thanh, trần bì mỗi thứ 6g.

Sắc uống, mỗi ngày một thang.

Hiệu quả lâm sàng: Phù XX, nam 37 tuổi, công nhân, sơ chẩn ngày 20-3-1975. Bệnh nhân đau vùng dạ dày, nửa năm gần đây càng nặng, đã từng dùng nhiều thuốc vị phải, vùng dạ dày cảm thấy như có vật gì dội lên, đại tiện khô táo, không ợ hơi, ợ chua. Chất lưỡi đỏ, mạch tế huyền. Sau khi khám, cho "Lý khí hóa ứ phương". Uống được 7 thang, đau vùng dạ dày giảm, nhưng vẫn còn cảm thấy vật dội lên, đại tiện đã nhuận, chất lưỡi đỏ, mạch tế huyền, bài trên thêm Hồng hoa 4,5g, dặn uống thêm 7 thang. Sau khi uống cảm thấy vật dội lên giảm đi, trung tiện tăng lên dễ chịu hơn trước, đại tiện bình thường, ngủ tốt. Lưỡi đỏ, mạch tế còn huyền. Cho bài trên thêm Đan sâm 12g, uống tiếp 7 thang nữa, về cơ bản bệnh khỏi, người bệnh rất mừng. Vì sắp về quê, lại xin bài trên gia giảm ít nhiều, mang về 7 thang tiếp tục uống để củng cố kết quả điều trị. Bài thuốc đó là: Mộc hương 6g, Chế hương phụ 10g, Toàn phục ngạnh 10g, Dương qui 10g, xích, bạch thược mỗi thứ 10g, Chích cam thảo 4,5g.

Bàn luận: Viêm hang vị là thuộc phạm trù "vị quản thống" của Đông y, mấu chốt biện chứng của nó là đau ở dạ dày lâu ngày, đau khu trú ở chỗ nhất định. Chứng này chẳng những là khí trệ thành đau, mà đã phát triển thành ứ tắc lạc của vị. "Lâm chứng chỉ nam y án" đã nói: "Lúc đầu bệnh ở kinh, sau bệnh lâu sẽ nhập lạc, vì kinh thì chủ khí, lạc thì chủ huyết, sát hiệu được rằng dĩ nhiên phải trị huyết... mà theo phép thì tân hương lý khí, tân nhu hòa huyết, nên xử lý như thế là lẽ đương nhiên". Trong Hồng hoa là thứ cay nhu hòa huyết, làm cho khí cơ thông suốt, ứ huyết tiêu trừ, giảm nhẹ các chứng, hết đau.

83. Viêm dạ dày cấp

Biện chứng đông y: Can uất khí trệ, hàn lãnh ở trong vị.

Cách trị: lý khí hòa vị, ôn trung tán hàn.

Đơn thuốc: Lương phụ hoàn gia giảm.

Công thức: Cao lương khương 6-15g (sao rượu), Hương phụ 9-15g (sao dấm), Thanh bì 9g, Uất kim 9-18g, Sa nhân 9g. Sắc uống, mỗi ngày 1 thang.

Hiệu quả lâm sàng: Đã dùng "Lương phụ hoàn gia giảm" để điều trị mấy trăm ca viêm dạ dày cấp do ăn uống thức ăn sống lạnh, đều có công hiệu tốt, nhất là với các bệnh nhân thanh thiếu niên hiệu quả rất hay, nói chung uống 1-3 thang là khỏi.

Bàn luận: Kinh nghiệm thực tiễn cho thấy, trên lâm sàng nếu can vị khí thống, hàn thống có rêu lưỡi trắng mà lưỡi không đỏ, mạch trầm trệ mà không huyền mạch, thì dùng "Lương phụ hoàn gia giảm" đều có tác dụng tốt. Tuy nhiên nếu can vị có uất hỏa hoặc vị âm kiệt quệ, chất lưỡi đỏ sẫm thì kiêng dùng.

84. Viêm dạ dày mạn

Biện chứng đông y: Tì vị hư hàn.

Cách trị: Ôn trung tán hàn, lý khí chỉ thống.

Đơn thuốc: Ôn vị chỉ thống thang.

Công thức: Quế chỉ 5g, Bạch thược 9g, Ngô thù 6g, Đinh hương 3g, Vân linh 9g, Sa nhân 5g, Bào khương 5g, Đương quy 9g, Nguyên hồ 9g, Bạch truật 12g, Hồng táo 3 quả. Sắc uống, mỗi ngày một thang.

Hiệu quả lâm sàng: Viêm dạ dày mạn là tên bệnh do y học hiện đại gọi, nó thuộc phạm trù "vị thống" của đông y. Theo biện chứng đông y, vị thống có thể chia làm thể tì vị hư hàn, thể can khí uất kết, thể khí trệ huyết ứ, thể thực trệ... "Ôn vị chỉ thống thang" chủ trị thể tì vị hư hàn, tì vị hư hàn tức là trung dương không chuyển vận cảm thụ hàn tà, hàn ngưng khí trệ mà thành đau. Do đó dùng "Ôn vị chỉ thống thang" để ôn trung tán hàn, lý khí chỉ thống, thì cái khí dương sẽ được khôi phục, các chứng tự trừ tiết vậy.

85. Viêm teo dạ dày mạn có sa niêm mạc dạ dày

Biện chứng đông y: Tì hư huyết ú.

Cách trị: ích khí kiện tì, hóa ú hành trệ.

Đơn thuốc: Sâm linh tán.

Công thức: Đảng sâm 40g, Ngũ linh chi 15g. Sắc uống mỗi ngày 1 thang.

Hiệu quả lâm sàng: Hà XX, 43 tuổi, công nhân, sơ chẩn ngày 3-5-1978. Bệnh nhân mắc bệnh từ 10 năm trước, có lúc đau bụng trên, thường đau sau khi ăn uống, mỗi năm trung bình lên cơn 1-2 lần, mỗi lần kéo dài 10-20 ngày. Sau tháng 12/1977 dạ dày đau chướng mỗi ngày nặng, thường ợ hơi, đã dùng nhiều thuốc tây giảm đau chống co thắt nhưng không giảm. Tháng 1/1978 vào bệnh viện điều trị. Soi dạ dày thấy: niêm mạc ở đường cong lớn và đường cong nhỏ trắng đỏ xen kẽ, chủ yếu là trắng, miệng đường cong nhỏ niêm mạc hang vị có điểm xuất huyết, xung huyết, nhu động tăng, khi nhu động niêm mạc có hiện tượng lật ra, chẩn đoán là viêm teo dạ dày mạn có sa niêm mạc dạ dày. Phân tích dịch vị và chụp X quang với bari sunfat đều phù hợp với chẩn đoán trên. Hai tháng nằm bệnh viện đã trị bằng đông, tây y vẫn không giảm được đau, phải xuất viện, tìm chỗ chữa. Khám thấy vị quản đau chướng, ăn xong thì càng đau chướng kịch liệt, sợ ấn, không muốn ăn uống, tay chân bải hoải. Đó là tì khí bất túc, vị trệ huyết ú. Nên trị bằng phép kiện tì ích hí, hóa ú thông trệ. Dùng bài "Sâm linh tán". Uống được 5 tháng, vị quản hơn giảm đau. Thấy thuốc công hiệu bèn tiếp tục uống 18 thang nữa, vị quản cơ bản hết đau, miệng hết khô, thang nữa thì hoàn toàn hết đau vị quản, mỗi bữa ăn được trên dưới 200g cơm, không còn cảm giác khó chịu gì khác. Sau đó căn dặn chú ý việc ăn uống, tránh các thức ăn rang nướng, dùng xen "Sâm linh tán" cho đến tháng 8 năm 1978 kiểm tra lại: soi dạ dày thấy niêm mạc hết các biến đổi bệnh lý, phân tích dịch vị thấy acid bình thường, X quang có bari sunfat dạ dày và tá tràng đều không thấy gì khác thường. Sau khi khỏi bệnh gần 2 năm, hỏi lại chưa thấy tái phát.

Bàn luận: Người xưa từng nói: Nhân sâm rất sợ Ngũ linh chi, đem hai vị thuốc này mà phối ngũ là tương ứ. Đảng sâm có tác dụng giống Nhân sâm, mà trên thực tiễn lâm sàng đã thấy, Đảng sâm và Ngũ linh chi dùng chung, chữa nhiều ca viêm dạ dày, loét dạ dày ở thể tì hư huyết ứ, đều có tác dụng rất tốt, cần nghiên cứu thêm.

86. Sa niêm mạc dạ dày

Biện chứng đông y: Trung khí bất túc, vị khí bất hòa.

Cách trị: Điều vị bổ sung ích khí.

Đơn thuốc: Bổ trung ích khí thang gia giảm.

Công thức: Đảng sâm 15g, Bạch truật 10g, Sài hồ 6g, Hoàng kỳ 30g, Thăng ma 6g, Trần bì 10g, Cam thảo 3g. Sắc uống, mỗi ngày 1 thang. Người đau bụng nhiều thì thêm Xuyên luyện tử 15g, Nguyên hồ 10g, Sao chỉ xác 10g.

Hiệu quả lâm sàng: Trên lâm sàng đã điều trị nhiều ca đều khỏi cả.87. Sa dạ dày

Biện chứng đông y: Tì vị khí hư, trung khí hạ hãm.

Cách trị: Thăng đề cố thoát.

Đơn thuốc: Tứ kỳ thang.

Công thức: Hoàng kỳ 20g, Bạch truật 15g, Chỉ xác 15g, Phòng phong 10g. Sắc uống, mỗi ngày 1 thang.

Hiệu quả lâm sàng: Lại XX, nữ, 42 tuổi, giáo viên nhiều năm sa dạ dày, sơ chẩn ngày 10-9- 1975, bệnh nhân bụng đầy chướng sệ xuống, ợ hơi luôn, ăn kém, đại tiện không lợi, lưỡi hồng nhạt, trên trắng bản, mạch trầm huyền hoãn. Tì hư khí trệ, thăng giáng không đều. Dùng "tứ kỳ thang" thêm mộc hương, Sa nhân mỗi thứ 5g, uống 3 tháng thì đỡ chướng bụng, thêm 3 thang nữa thì hết chướng. Sau đó dùng Bổ trung ích khí hoàn để điều lý, hai năm sau hỏi lại chưa tái phát, người béo ra.

Bàn luận: "Tứ kỳ thang" là bài Ngọc bình phong tán thêm Chỉ xác, dùng thay Bổ trung ích khí thang, dược lực so với Bổ trung ích khí thang thì lớn hơn. Ngoài công hiệu chữa dạ dày còn có tác dụng chữa dẫn dạ dày, sa ruột, thoát vị ruột non, lòi rôm, sa tử cung.

87. Sa dạ dày

Biện chứng đông y: Tì vị khí hư, trung khí hạ hãm.

Cách trị: Thăng đề cố thoát.

Đơn thuốc: Tứ kỳ thang.

Công thức: Hoàng kỳ 20g, Bạch truật 15g, Chỉ xác 15g, Phòng phong 10g. Sắc uống, mỗi ngày 1 thang.

Hiệu quả lâm sàng: Lại XX, nữ, 42 tuổi, giáo viên nhiều năm sa dạ dày, sơ chẩn ngày 10-9-1975, bệnh nhân bụng đầy chướng sệ xuống, ợ hơi luôn, ăn kém, đại tiện không lợi, lưỡi hồng nhạt, trên trắng bản, mạch trầm huyền hoãn. Tì hư khí trệ, thăng giáng không đều. Dùng "tứ kỳ thang" thêm mộc hương, Sa nhân mỗi thứ 5g, uống 3 tháng thì đỡ chướng bụng, thêm 3 thang nữa thì hết chướng. Sau đó dùng Bổ trung ích khí hoàn để điều lý, hai năm sau hỏi lại chưa tái phát, người béo ra.

Bàn luận: "Tứ kỳ thang" là bài Ngọc bình phong tán thêm Chỉ xác, dùng thay Bổ trung ích khí thang, dược lực so với Bổ trung ích khí thang thì lớn hơn. Ngoài công hiệu chữa dạ dày còn có tác dụng chữa dẫn dạ dày, sa ruột, thoát vị ruột non, lòi rôm, sa tử cung.

88. Sỏi táo đen dạ dày

Biện chứng đông y: Ăn quá nhiều táo đen, ngưng tụ thành ra tích.

Cách trị: Tiêu đạo công tích.

Đơn thuốc: Gia vị tiêu thừa khí thang.

Công thức: Chế xuyên phác 9g, Sinh sơn tra 15g, Thần khúc 15g, Sinh mạch nha 15g, Chỉ thực 9g, Sinh địa hoàng 9g, Bình lang 15g.

Mỗi ngày một thang, sắc hai nước, chia ra 3 lần mà uống. Buồn nôn và nôn mửa thì thêm Chế bán hạ 9g, Trần bì 9; Bụng chướng thì thêm Lai phục tử 15g; đại tiện táo bón thì thêm Nguyên minh phấn 9-15g; chảy máu dạ dày thêm Thiến thảo căn 9g, Ngẫu tiết 15g.

Hiệu quả lâm sàng: Những năm vừa qua tổng cộng có 7 ca sỏi táo dạ dày đã được điều trị bằng bài thuốc này, tất cả đều là bệnh nhân nội trú. Trước khi điều trị các bệnh nhân đều có bệnh sử ăn quá nhiều táo, và đã được chụp X quang bari sunfat chẩn đoán chắc chắn, sau khi trị, mọi chứng đều hết, kết quả khỏi hẳn 5 ca, thuyên giảm 2 ca. Biên XX, năm, 57 tuổi, ngày 30-11-1970, do bụng trên đau chướng đầy 1 tháng mà vào viện. Một tháng trước bệnh nhân ăn táo tươi ước 40-50 quả, và 2 quả thị, ăn xong thì thấy bệnh trên đau kéo dài, đầy chướng khó chịu, nửa tháng nay bệnh càng nặng. Kiểm tra X quang thấy trong dạ dày có 3 cục to bằng hạt đào cho đến bằng nắm tay, mật độ không đều, có thể di động, có hình ảnh vết loét ở bờ cong nhỏ. Chẩn đoán là sỏi táo dạ dày và loét ở bờ cong nhỏ. Tiền sử nói chung không có gì đặc biệt. Khám thấy: bệnh nhân gầy gò trông có dáng đau ốm lâu ngày, chất lưỡi hồng nhạt, rêu mỏng, mạch nhược, tim phổi bình thường, cơ bụng mềm, dưới mũi ực sờ thấy một cục 7x4 cm, cứng, ấn đau nhẹ, di động được, chưa sờ thấy gan lách. Vào viện đến ngày thứ 5, bắt đầu điều trị bằng đông y. Biện chứng đông y cho là ăn quá nhiều táo ngưng tụ thành ra tích, phép trị là tiêu đạo công tích, dùng bài trên 5 ngày bắt đầu đi ngoài ra táo, sau đó một tuần tổng cộng đã bài xuất hơn một chục

cục to bằng hạt đào, uống thuốc hai tuần thì ra sạch. Kiểm tra X quang thấy hết cục, loét cũng khỏi.

Bàn luận: Bệnh này ngày xưa gọi là "bạo chứng", "quả tích", dùng bài này điều trị 7 ca đều là do ăn quá nhiều táo sống lạnh mà ra, ngoài một ca có bệnh sử tì vị hư nhược, các ca khác đều khoẻ mạnh vô bệnh, có thể thấy ăn một lúc nhiều táo là nguyên nhân sinh bệnh này. Trị bệnh này theo nguyên tắc của "Nội kinh" là "kiên thì bóc, lưu thì công, kết thì tán, khách thì trừ". Cho dùng Gia vị tiểu thừa khí thang, trong đó Chỉ thực để tiêu bĩ, Hậu phác làm hết đầy, Sơn tra, Thần khúc, Mạch nha để tiêu đạo, Bình lang, Đại hoàng để công kiên hạ tích, đủ tiêu tích. Bài này đơn giản, rẻ tiền hữu hiệu, hơn hẳn phẫu thuật, có thể áp dụng rộng rãi.

89. Nôn do thần kinh

Biện chứng đông y: Trung tiêu hư hàn.

Cách trị: Ích khí ôn vụ, khư hàn giáng nghịch.

Đơn thuốc: Gia vị đình hương thị đế thang.

Công thức: Công đình hương 3g, (cho sau), Thị đế 10g, Đảng sâm 30g, Sinh khương 3 lát, Sa nhân 5g, (cho sau), Vân phục linh 20g, Pháp bán hạ 10g, Cam thảo 5g, Phù tiểu mạch 30g, Tất bát 10g.

Sắc uống, mỗi ngày 1 thang.

Hiệu quả lâm sàng: Trong gần 1 năm chúng tôi đã dùng "Gia vị đình hương thị đế thang" hoặc gia giảm, điều trị cho mấy trường hợp bệnh nhân nôn do thần kinh, đều thu được kết quả tốt. Đặng XX, nữ 32 tuổi, giáo viên. Tới khám ngày 6-4-1978. Bệnh nhân thỉnh thoảng lại bị nôn, đã hơn một năm, lúc đầu buổi sáng khi đánh răng có cảm giác khó chịu trong ngực, không để ý lắm, mấy tháng sau triệu chứng bệnh ngày càng hay nôn, bất kể lúc nào, không có quy luật. Đã khám ở bệnh viện cũng đã mấy lần chụp barit kiểm tra, nhưng không thấy có gì khác thường, chẩn đoán lâm sàng là nôn do thần kinh. Đã điều trị bằng thuốc tây y, lúc uống thuốc thì các triệu chứng có đỡ, ngừng thuốc lại nôn như cũ. Bệnh nhân tới khám kể rằng lúc nôn không thấy cảm giác đau hay khó chịu gì rõ rệt, cảm giác nôn ra không có vị gì, phần nhiều là nước, lượng chất nôn ra ít, không có mùi hôi, vùng ngực bụng đều không thấy có gì khó chịu đặc biệt, ăn uống vẫn bình thường, ngủ bình thường, đại tiểu tiện tốt. Chỉ thấy toàn thân mỏi mệt, mất sức, trí nhớ sút kém, không làm việc lâu được. Họng không thấy sưng đỏ, lưỡi nhạt rêu ít, mạch tượng trầm hoãn. Chúng tôi khám và cho uống "Gia vị đình hương thị đế thang" Uống 3 thang đã hết nôn. Lại cho uống 3 thang nữa, các triệu chứng đều hết hẳn. Vẫn dùng bài thuốc này bỏ bớt Đình hương, Sa nhân, Sinh khương, Tất bát, thêm Bạch truật, Thục táo nhân, Đại táo nhục cho uống thêm để củng cố hiệu quả. Theo dõi mấy năm không thấy tái phát.

90. Loét dạ dày

Biện chứng đông y: Hỏa kết khí uất, phủ khí không thông.

Cách trị: Thanh nhiệt tán uất.

Đơn thuốc: Sài hồ thang gia giảm phương.

Công thức: Sài hồ 12g, Hoàng cầm 9g, Bán hạ 9g, Đại hoàng 6g, Bạch thực 9g, Chỉ thực 6g, Sinh khương 12g, Đại táo 4 quả. Sắc uống, mỗi ngày 1 thang.

91. Loét bờ cong nhỏ dạ dày

Biện chứng đông y: Khí cơ uất trệ, thấp nhiệt hun đốt, tức ứ trở lạc.

Cách trị: Tân khai khổ tiết, hóa ứ chỉ thống.

Đơn thuốc: Phức phương tả kim hoàn (thang).

Công thức: Xuyên liên 3g, Ngô thù du 1,5g, Bán hạ 10g, Xích thược 10g, Bạch thược 10g, Chế xuyên quân (Đại hoàng) 6g, Mộc hương 10g, Đoạn ngoạn lã 30g, Thất tiểu tán 12g (bao).

Sắc uống, mỗi ngày 1 thang.

Hiệu quả lâm sàng: Hoa XX, nam, 42 tuổi, công nhân. Tới khám ngày 17-12-1974. Đã hơn 10 năm nay bệnh nhân thường xuyên bị đau vùng dạ dày, đã chụp barit dạ dày ở một bệnh viện, chẩn đoán là loét bờ cong nhỏ dạ dày. Đã 2 lần bị xuất huyết ồ ạt, 10 ngày trước đây lại nôn máu, sau khi điều trị, đã ngừng xuất huyết, nhưng vẫn đau âm ỉ vùng dạ dày, ợ chua nhiều, miệng đắng, chua, khô và hôi. Nửa phía trước lưỡi có rêu vàng, bản gốc dày sắc đen, chất lưỡi bệu xanh tím, mạch huyền tế. Chứng này là can vị đồng bệnh, thấp nhiệt hiệp với ứ cùng gây trở ngại lẫn nhau, không những khí cơ uất trệ, thấp nhiệt hun đốt, mà còn có biểu hiện tức ứ trở lạc. Cần trị bằng phép tân khai khổ tiết, hóa ứ chỉ thống. Dùng "Phức phương tả kim hoàn (thang)". Uống 3 thang các chứng đau dạ dày, ợ chua miệng khát đã giảm, cũng hết hôi mồm. Sau hai ngày ngủ tốt. Đã gần hết rêu dày, đen bản; mạch huyền tế. Dùng bài thuốc trên cho thêm Phạt thủ 10g, Trần bì 10g, cho uống tiếp 4 thang. Uống hết thuốc, rêu đen bản đã sạch, các chứng đều gần hết, mạch như cũ. Lại cho dùng tiếp 3 thang "Phức phương tả kim hoàn (thang)" để củng cố kết quả điều trị.

92. Loét dạ dày và hành tá tràng

Biện chứng đông y: Khí trệ huyết ứ.

Cách trị: Hoạt huyết ứ, chế toan chỉ thống.

Đơn thuốc: Hội thương tán.

Công thức: Ô tặc cốt 60g, Bối mẫu 30g, Bạch cập 60g, Sinh cam thảo 30g, Nguyên hồ 30g, Đản hoàng phấn 100g. Các vị đều đem tán mịn, khi uống đem trộn với lượng tương đương đường trắng, lúc đầu uống ngày 3 lần, mỗi lần 3g; tùy theo triệu chứng bệnh giảm đi mà chuyển thành mỗi ngày 2 lần hoặc 1 lần, mỗi lần vẫn uống 3g; uống lúc đói, trước bữa ăn. Nếu bệnh đã lâu, bị khoảng vài năm trở lên, có thể cho thêm Tử hà sa (bột) 30g; nếu đã vài lần ra máu hoặc gần đây có đi ngoài ra máu, thì có thể thêm Tam thất (bột) 30g; nếu dịch vị nhiều axit, cho thêm Hoàng liên 24g, Ngô thù du 15g hoặc hydroxit nhôm 60g.

Hiệu quả lâm sàng: Đã quan sát hơn 200 bệnh nhân, phần lớn những trường hợp uống 1 đợt có thể có tác dụng ổn định bệnh từ 3 đến 6 tháng, uống 2 đợt thì có tác dụng từ 8 tháng đến 1 năm, uống 3 đợt thì phần lớn khỏi hẳn.

Bàn luận: "Hội thương tán" là bài thuốc phát triển từ nguyên phương Ô bôi tán, dựa trên cơ sở hơn 10 năm theo dõi trên lâm sàng thấy kết quả rất tốt, cũng đã trao đổi với khá nhiều thầy thuốc, đem dùng trên lâm sàng, được khá nhiều bệnh nhân hoan nghênh, tin dùng.

93. Loét hành tá tràng

Biện chứng đông y: Ti vị hư hàn.

Cách trị: Ôn bổ tỳ thổ.

Đơn thuốc: Hoàng kỳ kiến trung thang.

Công thức: Hoàng kỳ 15-30g, Bạch thược 9-18g, Quế chi 6-9g, Chích cam thảo 6-9g, Sinh khương 9g, Đại táo 5-7 quả, Di đường (mạch nha) 30g.

Dem 6 vị đầu sắc lấy nước, sau đó cho mạch nha vào trộn đều, uống nóng. Mỗi ngày 1 thang, uống 2 lần vào buổi sáng và tối, lúc đói. Trong quá trình uống thuốc, kiêng ăn các thứ sống, lạnh, tránh quá lo nghĩ hoặc tức giận. Mỗi đợt uống thuốc là 3-4 tuần lễ.

Hiệu quả lâm sàng: Có 119 bệnh nhân loét hành tá tràng sau một đợt điều trị, các chứng lâm sàng đều được giải quyết cơ bản hoặc giảm đi rõ rệt. Trong đó có 58 trường hợp soi dạ dày hoặc chụp X quang barit để kiểm tra lại, có 44 ca khỏi hẳn, 10 ca chuyển biến tốt, 4 ca không có chuyển biến.

Bàn luận: "Hoàng kỳ kiến trung thang" là bài thuốc vận dụng "Tiểu kiến trung thang" của danh y Trương Trọng Cảnh. Nghĩa là Quế chi thang, thêm Thược dược, Mạch nha lại thêm Hoàng kỳ. Đối với bệnh nhân hư lao lý cấp, hư tổn bất túc, bài thuốc này có kết quả khá tốt, còn với viêm loét hành tá tràng, đại đa số là thuộc chứng trung tiêu hư hàn, nhiều năm sử dụng bài thuốc này chứng minh rằng nó có kết quả rất tốt.

94. Loét hành tá tràng

Biện chứng đông y: Tì dương suy tổn, vệ khí không vững.

Cách trị: Phù tì ích khí, hòa dinh cố vệ.

Đơn thuốc: Hộ vệ ích khí thang.

Công thức: Sinh hoàng kỳ 12g, Tây đảng sâm 10g, Bạch truật (sao) 9g, Dương quy thân 9g, Bạch thược 9g, Quế chi 6g, Trần bì 5g, Chích cam thảo 5g, Sinh khương 3 lát, Đại táo 3 quả.

Sắc uống, mỗi ngày 1 thang.

Bàn luận: "Hộ vệ ích khí thang" là Bổ trung ích khí thang bỏ bớt Thăng ma, Sài hồ, thêm Quế chi, Bạch thược, Sinh khương, Đại táo. Đây cũng là bài thuốc xây dựng từ sự kết hợp Quế chi thang và Bổ trung ích khí thang mà thành.

95. Loét hành tá tràng

Biện chứng đông y: Can vị uất nhiệt.

Cách trị: Tả nhiệt hòa vị.

Đơn thuốc: Gia vị cam thảo thực dược thang.

Công thức: Bạch thực 30g, Cam thảo 15g, Địa du 30g, Hoàng liên 6g.

Sắc uống (không sắc lâu), mỗi ngày 1 thang.

Bàn luận: Trong quá trình ứng dụng lâm sàng, chúng tôi thấy dùng "Gia vị cam thảo thực dược thang", nếu căn cứ vào biện chứng mà gia giảm thích đáng, thì cũng có kết quả khá tốt trong điều trị viêm dạ dày mạn tính.

96. Viêm dạ dày mạn tính và loét hành tá tràng

Biện chứng đông y: Cam khí phạm vị.

Cách trị: Sơ can lý khí, hòa vị tiêu thực.

Đơn thuốc: Gia vị tam hương thang.

Công thức: Hương phụ 25g, Mộc hương 5g, Hoắc hương 15g, Trần bì 15g, Phạt thủ 15g, Tam tiên 45g, Lai phụ tử 40-50g, Bình lang phiến 10g, Cam thảo 10g.

Sắc uống, mỗi ngày 1 thang. Với người tì hư thấp vượng, thêm Bạch truật, Phục linh; với người tì khí hư, thêm Đảng sâm; với người trung tiêu hư hàn, thêm Sa nhân, Thảo đậu khấu; với người huyết ứ ở vị, thêm Bồ hoàng, Linh chi; với người ăn tạp, lưỡi chua, thì thêm Ngôã lãng tử, người vị nhiệt, thêm Sinh thạch cao, Hoàng cầm; người ăn uống vẫn bình thường, thì bỏ Tam tiên, Lai phục tử; người vô tâm hạ bí (tắc ở bụng trên) thì bỏ Bình lang phiến; người vị âm hư thì giảm các vị lý khí một cách thích đáng, thêm Thiên hoa phấn, Thốn đông.

Hiệu quả lâm sàng: "Gia vị tam hương thang" đã được dùng nhiều năm trên lâm sàng, nếu kết hợp với tình trạng của mỗi bệnh nhân mà có gia giảm thích đáng, đều có thể thu được kết quả tốt, nói chung uống 1-2 thang đã thấy rõ hiệu quả, uống tiếp vài thang nữa là có thể khỏi hẳn.

Bàn luận: "Gia vị tam hương thang" là bài thuốc chú trọng lý khí để thuận khí cơ. Hành khí có thể hoạt huyết, hoạt huyết có thể giảm đau. Khí huyết thông điều, chương đau sẽ hết. Bài thuốc tuy có vị lý khí với liều lượng lớn, nhưng thực tiễn lâm sàng đã chứng minh thuốc không dẫn tới hao khí, nói chung sử dụng không có hại gì. Nguyên nhân gây bụng chướng đau phần lớn là do khí trệ. Hơn nữa trong bài thuốc, các vị lý khí phần nhiều là các vị bình hoà, không gây ra thương tổn lớn đối với chính khí. Đương nhiên, bài này không phải là bài thuốc bổ ích, cho nên đúng bệnh rồi thì ngừng dùng, không được dùng lâu dài.

97. Viêm ruột cấp

Biện chứng đông y: Tì hư thấp khốn, vận hóa thất thường.

Cách trị: Vận tì hóa thấp.

Đơn thuốc: Vị linh thang và Tam nhân thang gia giảm.

Công thức: Phục linh 15g, Trư linh 9g, Thương truật 9g, Hậu phác 9g, Trạch tả 9g, Quế chi 3g, Cam thảo 6g, Dĩ mễ 9g, Hạnh nhân 9g, Thông thảo 3g, Bạch khấu nhân 6g, Hoạt thạch 9g, Sinh khương 6g. Sắc uống mỗi ngày 1 thang.

Hiệu quả lâm sàng: Tô X, nam, 45 tuổi, cán bộ. Tới khám ngày 7-7-1973. Trước đây bệnh nhân đã bị tức ngực, thở ngắn, có lúc đau vùng ngực. Kiểm tra điện tâm đồ không thấy có thay đổi rõ rệt, ngày 5-7 đột nhiên đi tháo, phân ra như nước, một ngày hơn 20 lần. Đã khám và cho uống rượu thuốc opi, còn cho dùng các vị thuốc như Ô mai, Ngũ bột tử, Sinh mấu lệ để thu sáp, bên ngoài thì dùng Cao khổ sâm đắp lên rốn để cầm ỉa chảy. Sau khi dùng thuốc quả nhiên số lần đi lỏng giảm bớt, chỉ còn 6-7 lần. Nhưng vẫn thấy mạch nhu hoãn, rêu lưỡi trắng bản, chất lưỡi nhạt. Tổng hợp tứ chẩn, thấy đây là trường hợp bệnh phát sinh vào giữa hè, thử thấp làm tổn thương đến tì vị. Tì vị thấp bao vây, vận hóa mất bình thường, thử thấp chảy xuống dưới gây chướng bụng, đau rốn, kém ăn và tức ngực. Tì chủ tứ chi, nên thấy tay chân, mỗi mệt. Rêu lưỡi trắng bản, mạch nhu hoãn là triệu chứng thấp nặng. Lưỡi nhạt mà mạch hư, là triệu chứng của tì hư. Tất cả các chứng trên rõ ràng căn nguyên bệnh là tì hư, bị thấp bao vây. Vì dùng rượu thuốc opio và thuốc thu sáp cho nên vẫn chướng bụng, đau bụng, dùng bài thuốc vận tì hóa thấp. Cho uống "Vị linh thang và Tam nhân thang gia giảm". Uống 9 thang, thấy giảm hẳn đau chướng bụng, chỉ còn đi ngoài 1-2 lần mỗi ngày, ăn uống khá hơn, nhưng đại tiện chưa thành khuôn. Khám thấy mạch trầm, tế, vô lực, chất lưỡi nhạt, rêu mỏng trắng, có thể thấy thử thấp đã mất được phần lớn, cần trợ giúp cho tì dương đang bị giam hãm, dùng phương pháp kiện tì khu thấp tiêu chướng, cho uống bài thuốc trên có gia giảm như sau: Bạch sâm 9g, Tiêu truật 9g, Phục linh 9g, Cam thảo 6g, Quảng mộc hương 6g,

Trần bì 9g, Dĩ mễ 15g, Quế chi 3g, Tam tiên tán (tức Sơn tra, Mạch nha, Trần khúc) 15g, Hậu phác 6g, Uống 2 thang đã thấy bệnh yên, tinh thần tỉnh táo, ăn uống tốt, chỉ còn mệt mỏi, biểu hư tự hãn, lại cho uống tiếp 3 thang nữa, bệnh khỏi hẳn.

Bàn luận: Trường hợp viêm ruột cấp tính này chủ yếu biểu hiện ở đi tháo, lỏng như nước. Đông y cho rằng thử thấp bạo tả, vừa là thực, vừa là nhiệt, nên xử lý bằng cách sơ lợi. Đi lỏng lâu ngày là thiên về hư, thiên về hàn, thì lại phải cố sáp. Trường hợp này là bạo tả rõ ràng, cho nhâm thuốc sáp, càng uống bệnh càng nặng. Cần phải thận trọng biện chứng cho đúng, thì luận trị mới đúng.

98. Viêm ruột mạn

Biện chứng đông y: Tì thận dương hư.

Cách trị: Ôn bổ mệnh môn, kiêm ôn tì vị, sáp tràng.

Đơn thuốc: Gia vị tứ thần thang.

Công thức: Bồ cốt chỉ 12 g, Ngô thù du 6g, Nhục đậu khấu 6g, Ngũ vị tử 6g, Bạch truật 10g, Phục linh 10g, Hoàng kỳ 12g, Đảng sâm 12g, Trần bì 6g, Ô mai 3 quả, Thạch lựu bì 6g, Phụ tử 6g, Quế chi 6g. Sắc uống mỗi ngày 1 thang.

Hiệu quả lâm sàng: Lấy "Gia vị tứ thần thang" làm chủ, khi dùng có phần gia giảm. Đã từng chữa nhiều ca viêm ruột mạn, thông thường dùng 3 - 6 thang là khỏi.

Bàn luận: Trong bài thuốc dùng Bồ cốt chỉ, Phụ tử để bổ mệnh môn, tráng thận dương; Ngô thù du, Quế chi, Nhục đậu khấu, Bạch truật, Đảng sâm, Hoàng kỳ, Trần bì, Phục linh để ôn tì vị, trợ tiêu hoá, thăng thanh giáng ngọc; Ngũ vị tử, Ô mai, Thạch lựu bì để liễm trường, chỉ tả, làm cho dù đi ngoài lâu ngày cũng có thể dứt.

99. Viêm ruột mạn

Biện chứng đông y: Khí trệ thấp trở.

Cách trị: Hành khí hóa ứ, thêm tẩm thấp nhuận kiên.

Đơn thuốc: Khổ sâm thang.

Công thức: Khổ sâm 6 - 9g, Đương qui 10g, Xích thực 12g, Đại hoàng (chế) 6-9g, Mộc hương (nướng) 9g, Hải tảo 15g, Đào nhân 9g, Xuyên phác 5g, Bạch truật (sống) 10g.

Sắc uống mỗi ngày 1 thang. Đại tiện lỏng thêm sơn tra nhục 10g, đại tiện bí thêm đại ma nhân 12g.

100. Viêm ruột mạn

Biện chứng đông y: Khí của tì vị vận hóa thất thường, vị khí cực hư.

Cách trị: Bổ hư ôn trung, sáp tràng cố thoát.

Đơn thuốc: Chân nhân dưỡng tạng thang.

Công thức: Đảng sâm 12g, Bạch truật 10g, Cam thảo nướng 3g, Dương qui 6g, Bạch thược 12g, Nhục quế 6g, Nhục đậu khấu 10g, Mộc hương 6g, Kha tử 12g. Túc xác 6g, Can khương 6g. Sắc uống, ngày 1 thang.

Hiệu quả lâm sàng: Chu XX, nam, 30 tuổi, công nhân. Hơn 3 năm lại đây, ngày đêm ngâm ngẩm đau bụng, ỉa chảy mỗi ngày 5 - 6 bận, đã chữa chạy nhiều mà không khỏi. Chẩn đoán là viêm ruột mạn tính, từng đến bệnh viện tiêm tĩnh mạch cloramphenicol, lại uống Tứ thần hoàn, hơn 100 thang Phụ tử lý trung hoàn thang, nhưng bệnh lúc đỡ lúc lại nặng, mãi mà không khỏi. Bệnh nhân thân thể gầy còm, sợ rét, tứ chi lạnh giá, không muốn ăn, ăn xong là đi lỏng, chất lưỡi non, rêu trắng dày, mạch trầm trì tế nhược, thuộc chứng tì thận dương hư, không có sức vận hóa. Tì vị hư thì không tiêu hóa thức ăn, vận hóa tinh vi dược. Tì thận dương hư, thì âm thủy không hóa lâu dần thành ra đi ngoài lúc canh năm, bệnh không dứt sẽ tiến tới chứng hoạt thoát. Chứng tỏ khí của tì vị vận hóa bất thường, vị khí cực hư. Chữa nên bổ hư ôn trung, sáp tràng cố thoát. Cho uống 5 thang bài Chân nhân dưỡng tạng thang, sau khi dùng thuốc chứng đau bụng và đi ngoài lúc canh năm có chuyển biến tốt rõ rệt, nhưng ngày vẫn đi lỏng 1-3 lần. Bài thuốc đã có công hiệu, nên nguyên phương thêm Phụ kiện 6g, Bồ cốt chỉ 10g, để ôn bổ thận dương, ích tì cốt thoát, dùng liền 10 thang. Uống thuốc xong, tứ chi trở nên ấm, ỉa lỏng ngừng, đại tiện đã bình thường, ăn uống tăng lên. Vì vậy bỏ vị can khương, cho uống tiếp 10 thang nữa để củng cố hiệu quả. Hai tháng sau thăm lại mọi thứ đều tốt.

101. Viêm loét đại tràng

Biện chứng đông y: Tì vị dương hư, không thể vận hóa thủy cốc.

Cách trị: Tư bổ tì vị, sáp tràng, chỉ tả.

Đơn thuốc: Tam vị chỉ tả tán.

Công thức: Sơn dược 150g, Kha tử nhục 60g, Thạch lựu bì 60g.

Tán chung thành bột mịn, mỗi ngày dùng 3 lần, mỗi lần 4,5 g. Uống lúc đói.

Hiệu quả lâm sàng: Tào XX, nữ 43 tuổi, cán bộ. Ngày 10/4/1971 tới khám lần đầu. Bệnh nhân mắc bệnh đã hơn 3 năm. Hiện bệnh tình chủ yếu là: cứ khoảng 3 giờ chiều là cảm thấy chóng mặt, đau đầu, tim đập dồn dập, lợm giọng, bụng đầy, không muốn ăn uống, ngày đi ỉa chảy 5-6 bận, không tiêu hóa thức ăn, bụng ngâm ngâm đau, thích ấn, người mệt mỏi, sắc mặt vàng vọt, lưỡi nhạt, rêu trắng, mạch huyền tế vô lực. Tây y soi dạ dày, ruột bằng barit chẩn đoán viêm loét đại tràng. Bệnh này có nguyên nhân là bởi tì vị dương hư, không chuyển hóa được thức ăn gây ra. Chữa nó phải tư bổ tì vị, sáp tràng chỉ tả, Cho dùng bài thuốc tự chế là tam vị chỉ tả tán. Uống trong 20 ngày, ỉa chảy giảm xuống 2-3 lần một ngày, ăn uống có hơi tăng lên, tiêu hóa tốt hơn, các chứng khác cũng thuyên giảm, mạch trở nên hoãn vô lực. Đó là biểu hiện tì vị dần dần khôi phục chức năng vận hóa. Uống tiếp một đợt nữa, bệnh khỏi.

Bàn luận: Trường hợp bệnh nhân này là chức năng vận hóa của trường vị mất điều hòa, biểu hiện bằng ỉa chảy, thức ăn không tiêu hóa. Phần Tí luận trong sách Tố vấn chép rằng: "Doanh, là tinh khí của thủy cốc (thức ăn), điều hòa ngũ tạng, tưới khắp lục phủ, có thể vào mạch... Vệ, là hãn khí của thủy cốc, khí này nhanh, hoạt lợi, không hể vào mạch được, mà tuần hoàn trong da, trong thịt". Tinh vi không thể biến hóa để sinh ra Doanh, Vệ khí huyết, nên mới thấy chóng mặt, tim đập, tâm thần mệt mỏi tri tri. Đau đầu là huyết hư không được nuôi dưỡng, mạch huyền tế vô lực là Doanh Vệ khí huyết không đủ, phải kịp dùng thuốc bổ tì vị, cầm đi tả, tinh vi được hóa, khí huyết dồi dào, Doanh Vệ lưu thông thì mới khỏi được.

Trọng dụng sơn dược ngọt, bình, vị nhạt, bổ khí tì vị. Kha tử nhục
đắng, chua chát, ôn để sáp tràng cầm đi tả, nhờ thế bệnh tuy lâu
ngày nhưng vẫn thu được kết quả rất tốt.

102. Viêm loét đại tràng

Biện chứng đông y: Tì khí hư nhược, kèm huyết ứ.

Cách trị: ích khí kiện tì, hoạt huyết hóa ứ.

Đơn thuốc: Ích khí bổ tì hóa ứ thang

Công thức: Hoàng kỳ 30g, Đảng sâm 15g, Bạch truật 10g, Phục linh 15g, Dĩ nhân 30g, Sơn dược 15g, Đan sâm 30g, Xích thực 15g, Xuyên khung 15g, Đan bì 15g. Sắc uống mỗi ngày một thang.

103. Viêm loét đại tràng mạn

Biện chứng đông y: Thấp nhiệt, tràng tích.

Cách trị: Hoạt huyết trục ứ, thanh nhiệt khử thấp.

Đơn thuốc: Gia vị cách hạ trục ứ thang.

Công thức: Đào nhân 15g, Đan bì 10g, Xích thực 10g, Ô dược 15g, Nguyên hồ 10g, Cam thảo 10g, Xuyên khung 15g, Đương qui 15g, Linh chi 10g, Hồng hoa 10g, Chỉ xác 10g, Hương phụ 15g, Công anh 50g, Tra thán 50g, Hoàng liên 10g, Xa tiền 15g. Sắc uống mỗi ngày 1 thang.

Hiệu quả lâm sàng: Theo dõi điều trị trên 10 trường hợp, người bị bệnh ngắn nhất là 6 tháng, lâu nhất là 3 năm, trung bình đã mắc bệnh một năm rưỡi. Dùng thuốc ít nhất là 16 thang, nhiều nhất là 30 thang. Chữa khỏi hoàn toàn 8 trường hợp, còn 2 trường hợp lâm sàng đã khỏi, về sau lại tái phát.

104. Viêm loét đại tràng mạn

Biện chứng đông y: Tì vị dương hư, nhiệt độc khốn trở.

Cách trị: Ôn dương cố thận, bổ tì hóa thấp.

Đơn thuốc: Ôn dương chỉ tả thang.

Công thức: Hoàng kỳ 20g, Đảng sâm 20g, Can khương 6g, Cam thảo (nướng) 6g, Ngũ vị tử 6g, Khổ sâm 6g, Ngô thù du 6g, Phá cố chỉ 10g, Tam lăng 6g, Bạch truật 10g, Vân tàm sa 30g, Địa du 10g.

Sắc uống, mỗi ngày 1 thang. Bệnh nhân quá hàn thêm Phụ tử 10g, phân nhiều dịch nhầy thêm Bồ công anh 20g, đi ngoài ra máu thêm Điều thất 6g, A giao 10g, đau bụng thêm Diên hồ sách 10g.

Hiệu quả lâm sàng: Dư X, nữ, 52 tuổi. Đau bụng ỉa chảy đã hơn 20 năm. Qua kiểm tra đại tràng bằng ống soi mềm và các phương pháp khác chẩn đoán là viêm loét đại tràng mạn tính. Đại tiện mỗi ngày 3-4 bận, phân loãng nát lẫn chút dịch nhầy, đôi khi thấy có máu. Bụng khó chịu, kém chịu rét, nếu để lạnh bụng hoặc lưng thì ỉa chảy tăng lên, chườm nóng thì đỡ đau. Lại thấy đau dạ dày, hễ thức ăn lạnh, sống là đau dạ dày và đau bụng dữ dội. Miệng nhạt, nhiều nước dãi, toàn thân mệt mỏi, sắc mặt sạm đen, không bóng, mi mắt hơi mọng, ăn kém, sợ ăn mỡ, ăn đồ béo vào thì đi ngoài càng nặng. Dạ dày thường căng đầy khó chịu, có lúc ợ hơi, nhưng không nôn chua. Mạch trầm tế, lưỡi tím sạm, rêu trắng nhuận, rìa lưỡi có hằn răng. Đã từng chữa chạy bằng nhiều phương pháp nhưng hiệu quả không rõ rệt. Nay điều trị bằng bài Ôn dương chỉ tả thang có gia giảm. Uống 5 thang, đau bụng giảm hẳn. Đại tiện giảm còn 2 bận một ngày. Uống tiếp trong 1 tháng, hết hẳn đau bụng, phân không còn chất nhầy, dạ dày hết khó chịu. Số lần đi đại tiện cơ bản khôi phục như bình thường, nhưng phân chưa thành khuôn. Liên bổ vị Khổ sâm, tăng Nhục quế 1g vào bài thuốc trên, cho uống tiếp 1 tháng nữa, đại tiện ngày còn 1-2 lần, phân thành khuôn, không còn chất nhầy. Kiểm tra đại tràng bằng ống soi mềm thấy các chỗ xung huyết hoặc loét giảm nhẹ, vết loét nông lại. Nhưng sau đó do viêm cấp đường tiết niệu nên phải dừng uống bài thuốc trên để chữa bệnh mới. Sau khi không chế được viêm nhiễm, lại uống tiếp bài Ôn dương chỉ tả thang có gia giảm để củng cố hiệu quả. Theo dõi hơn một năm, bệnh nhân không bị tái phát.

105. Viêm ruột giả mạc

Biện chứng đông y: Tì vị thấp chưng nhiệt uẩn, khí huyết ngưng kết. Cùng với các chất cặn bã tích trệ, vào ruột, bào dịch mỡ mà hóa thành nước huyết đổ xuống dưới.

Cách trị: Thanh nhiệt giải độc, chỉ huyết sinh cơ.

Đơn thuốc: Phương thức địa du tiên dịch (thụt giữ ở ruột).

Công thức: Địa du 30g, Tích loại tán 8 chỉ (liều cho trẻ em). Đem Địa du bỏ vào 200 ml nước, sắc đặc còn 80 ml thì cho Tích loại tán vào trộn lẫn, rồi chia ra 4 lần để thụt vào ruột, mỗi ngày 2 lần. Đồng thời phối hợp uống thuốc Tích loại tán, mỗi ngày 4 lần, mỗi lần 1 chỉ.

Hiệu quả lâm sàng: Quách X, 3 tuổi, Sốt cao 39-40o C liên tục trong 7 ngày mà không hạ nên được đưa vào viện. Đã dùng nhiều loại kháng sinh với liều cao để trị nhiễm trùng như xen kẽ dùng streptomycin, tetracyclin, syntomycin bệnh đã khá hơn, thân nhiệt hạ còn 37o5 C, nhưng đến ngày thứ 10, đột nhiên trẻ bị ỉa chảy, mới đầu phân như nước, sau là nước máu. Một ngày đi hơn 10 lần, mỗi lần 30 - 40 ml, kèm theo mất nước độ hai, nôn oẹ, bụng trương, quấy khóc không yên. Mạch trở nên tế nhược, thân nhiệt tăng lên 38o6 C, soi kính hiển vi thấy phân có màng giả của ruột (+++). Chẩn đoán lâm sàng là viêm ruột có mạc giả. Ngoài việc bù nước và chất điện giải như kali, còn dùng neomycin, erythromycin vẫn không khống chế được bệnh tình. Bèn ngừng chữa tây y chuyển sang đông y. Trẻ vì mẹ thiếu sữa, phải nuôi bộ, luôn bị tích trệ. Nay sốt cao kéo dài dẫn đến tì vị thấp chưng nhiệt uẩn, khí huyết ngưng kết, kèm theo cặn bã tích trệ đưa vào ruột, bào dịch mỡ, hòa thành nước máu mà ỉa ra ngoài.

Xét nghiệm phân thấy có nhiều mạc giả của ruột, đó là biểu hiện màng mỡ bị thương tổn. Cần phải thanh nhiệt giải độc, chỉ huyết sinh cơ. Cho dùng Phục phương địa du tiên dịch thụt vào ruột, uống thuốc Tích loại tán. Sau 24 giờ ỉa chảy đỡ, giảm bớt số lần đi ngoài, phân từ dạng nước chuyển sang sền sệt. Chữa liền trong 3 ngày, đại

tiện trở lại bình thường. Xét nghiệm phân không còn phát hiện giả mạc. Theo dõi trong 1 tuần, bệnh nhi khỏi ra viện.

Bàn luận: Trường hợp này trẻ bị viêm ruột giả mạc điều trị bằng nước sắc Địa du cho vào Tích loại tán, lại phối hợp uống Tích loại tán, chỉ trong thời gian ngắn là khỏi bệnh, Tích loại tán là biệt dược bán ngoài thị trường. Bài thuốc này có chép trong sách Kim quỹ dược gồm có Thanh đại 2g, Trân châu 1g, Bột ngà voi (sấy) 1g, Ngưu hoàng 0,3g, Nhân chỉ giáp 0,15g, Băng phiến 1g, Bích tiên 1 g (nung), tất cả trộn lại với nhau tán thành bột mịn. Công dụng của thuốc này là thanh nhiệt giải độc, chống thối, sinh cơ, hay dùng nhất cho các bệnh thông thường ở xoang miệng như viêm amidan có mủ, viêm họng cấp tính, bạch hầu đều thu được hiệu quả khá tốt. Còn dùng bài thuốc này để điều trị viêm loét đại tràng mạn tính cũng thu được hiệu quả rất mỹ mãn, cách chữa cũng như đối với viêm ruột giả mạc. Ngoài ra còn dùng Tích loại tán cho uống để chữa bệnh loét hành tá tràng, loét niêm mạc thực quản v.v... cũng thu được kết quả rất tốt.

106. Viêm ruột hoại tử

Biện chứng đông y: Thấp nhiệt tà độc, chức thương mạch lạc, ứ huyết nội trở, kinh khí bất hành.

Cách trị: Thanh nhiệt giải độc, trừ thấp hóa ứ, thông kinh chỉ thống.

Đơn thuốc: Gia giảm bạch đầu ông thang.

Công thức: Bạch đầu ông 30g, Hoàng liên 4,5g, Trần bì 30g, Kim ngân hoa 30g, Bạch thương 18g, Đương qui 10g, Xích tiểu đậu 30g, Diên thất mặt 3g, Địa du than 12g, Hoạt huyết đằng 30g, Cam thảo 5g.

Sắc uống, mỗi ngày một thang. Với người bệnh mới mắc, chính khí còn chưa suy, bụng trướng nhiệt thống thì thêm Đại hoàng, Hậu phác, bệnh đã tương đối lâu ngày, đau dữ dội, mạch tế vô lực thì thêm Nhân sâm; nếu ỉa máu không thôi, sắc mặt xanh xao thì thêm A giao châu hoặc Đào hoa tán (Xích thạch chi, Can khương, gạo tẻ); nếu có tẩy giun thì thêm Ô mai, Xuyên tiêu.

Hiệu quả lâm sàng: Mã XX, nữ, 12 tuổi, học sinh, vào viện 15-7-1980. Người bệnh 5 ngày trước đây đột nhiên đau bụng từng cơn liên tục dữ dội. Phân như nước màu hồng, ngày đi 4-5 bận. Thân nhiệt 38,3°C, thần sắc mệt mỏi, mặt nhanh nhợt, vẻ mặt đau đớn. Tim phổi không có gì khác thường, bụng trướng đầy, ấn đau rõ rệt. Xét nghiệm phân chứa huyết dương tính. Xét nghiệm máu: huyết sắc tố 6,6g, hồng cầu 2,32 triệu/mm³, bạch cầu 16000/mm³, trung tính 88%. Tây y chẩn đoán lâm sàng là viêm ruột hoại tử. Mời khám điều trị, thấy mạch huyền sắc, lưỡi đỏ, rêu vàng bẩn. Căn cứ vào mạch chứng, thì đây là thấp nhiệt tà độc thiêu đốt làm thương tổn mạch lạc, ứ huyết nội trở, kinh khí không chạy. Điều trị phải thanh nhiệt giải độc, trừ thấp hóa ứ, thông kinh chỉ thống. Cho dùng Gia giảm bạch đầu ông thang, uống 5 thang, các chứng đều trở lại bình thường, cơn đau cơ bản khỏi hết, đại tiện bình thường. Tiếp đó cho dùng mấy thang điều lý khí huyết để củng cố, bệnh khỏi hoàn toàn, bệnh nhân ra viện.

107. Rối loạn chức năng ruột

Biện chứng đông y: Thoát lực, lao thương.

Cách trị: Kiện tì, bổ thận.

Đơn thuốc: Tứ vị thang gia vị.

Công thức: Đảng sâm 30g, Phục linh 15g, Bạch truật (sao) 15g, Chích cam thảo 6g, Kê huyết đằng 30g, Tiên hạc thảo 30g, Tiểu hồi (sao) 30g, Hồng táo 10 quả. Sắc uống, mỗi ngày 1 thang.

Hiệu quả lâm sàng: Lý XX, nam, 50 tuổi, nông dân. Tới khám 30-9-1977. Người bệnh khoảng tuần trước vào rừng chặt củi, ngã từ trên cao xuống. Buổi tối trở về thấy vùng quanh rốn đau ngâm ngấm dai dẳng, thích ấn, kèm theo đau lưng, đại tiện phân nát, mỗi ngày 2-3 lần. Lưỡi nhạt, rêu trắng mỏng, mạch trầm tế. Chẩn đoán lâm sàng là rối loạn chức năng ruột. Bèn cho uống bài Tứ vị thang gia vị, cho dùng 3 thang, các chứng đều khỏi hết.

Bàn luận: Đông y cho rằng chứng rối loạn chức năng ruột phần lớn là do nhẩy ngã, vác nặng hoặc quá lao lực gây ra. Trường hợp này là do khí vốn yếu lại nhẩy mạnh làm cho tì thận khí bị tổn thương. Tì mà vận chuyển không khỏe, thăng giáng thất thường, khí cơ không điều hoà, không thông thì đau, vì thế mà đau bụng phân nát. Thận chủ về đại tiểu tiện, lưng thuộc thận, thận hỏng thì lưng đau, tiểu tiện do thế mà thay đổi. Đau bụng thích ấn, lưỡi nhạt rêu trắng mạch trầm tế đều là biểu hiện của hư. Trong bài thuốc dùng tứ quân để kiện trung ích khí, phụ thêm có Kê huyết đằng, Tiên hạc thảo bổ thận, cầm ỉa. (Theo báo cáo, Tiên hạc thảo có tác dụng ức chế sự phát triển của vi khuẩn gây bệnh đường ruột), Tiểu hồi tán hàn giảm đau, Đại táo nâng tì bổ trung. Các vị thuốc cùng có tác dụng kiện tì bổ thận, hành khí trán thống, nên chỉ cần uống 3 thang là bệnh khỏi.

108. Ỉa chảy do tiêu hóa không tốt

Biện chứng đông y: Thận hư gây ỉa chảy.

Cách trị: Bổ thận ích khí.

Đơn thuốc: Lý trung gia giảm thang.

Công thức: Đảng sâm 9g, Bạch truật 9g, Can khương (nướng) 6g, Tế tân 1,5g, Ngô du 6g, Sinh khương 9g. Sắc uống mỗi ngày 1 thang.

Hiệu quả lâm sàng: Trần XX, nam, 70 tuổi. Người bệnh đã hơn 3 năm nay sáng sớm dậy đều ỉa chảy, thức ăn không tiêu. Đã điều trị nhiều thứ thuốc mà không khỏi. Đã dùng lý trung thang, Tứ thần hoàn, Phụ tử lý trung hoàn, thường uống xong chỉ đỡ trong 3 - 5 ngày ngày rồi lại ỉa chảy, đến nay vẫn chưa khỏi. Sau khi kiểm tra chẩn đoán là ỉa chảy do tiêu hóa không tốt. Đầu tháng 7-1963 đến khám. Khám thấy lưỡi sạch, hai mạch đều nhược. Đây là do thận hư gây ỉa chảy. Bài thuốc lý trung nghĩa là "lý" vào trung tiêu, còn đây là ỉa chảy của hạ tiêu, nên vẫn dùng bài lý trung nhưng bỏ vị cam thảo và gia vị gọi là lý trung gia giảm thang, cho uống liền 3 thang, bệnh bèn khỏi. Theo dõi bệnh nhân 3 tháng, không thấy tái phát.

Bàn luận: Bệnh ở người này đã kéo dài đến 3 năm, từng dùng các thứ thuốc Lý trung, Tứ thần v.v... mà chỉ có tác dụng tạm thời. Nhưng trong thang có Cam thảo là thuốc của trung tiêu, có tác dụng trở ngại đến việc Phụ tử di xuống để ôn thận. Bởi vậy giữ nguyên bài thuốc mà bỏ Cam thảo, thêm Tế tân, Ngô du để trị, chỉ cần 3 thang là khỏi, về sau không còn tái phát. Xin nhấn mạnh: "nhất thiết phải bỏ vị Cam thảo" ấy là đề phòng vị này làm cho thuốc vào kinh thận bị đình hoãn ở trung tiêu, làm yếu sức làm ấm ở dưới đi; còn thêm vị Tế tân không chỉ để dẫn thuốc mà bản thân vị này cũng có tác dụng kích phát thận dương, nên có lợi cho việc xua đuổi cái tà âm trọc. Dương hư âm thủy không hóa mà dẫn đến ỉa chảy, cũng tức là thủy không giữ ở vị trí của nó mà lại bỏ đi đường khác. Nay thủy được chính khí, khí hồi phục tức có thể tiêu thức ăn, ỉa chảy cầm ngay. Còn vị Ngô du thêm vào, nó vốn là thứ

ôn can, can thận cùng ở vào hạ tiêu, ôn can thì có thể ấm thận. Bởi thế ông Đông Viên mới nói: "Trọc âm mà không giáng thì đi tả lệ, nên chữa bằng Ngô du... công dụng như thần, các vị thuốc không vị nào thay thế được". Người đời Thanh là Dương Thời Thác đã giải thích thêm về việc dùng Ngô du trị ỉa chảy như sau: "Ngô du làm ấm bàng quang, thủy vận thì đái trong, đại tràng ắt tự củng cố... thông thoát sự che lấp dương ở trong thủy, làm giáng sự ngưng trệ âm ở trong thổ, do vậy mà có thể cầm ỉa chảy".

109. Tắc ruột

Biện chứng đông y: Tà nhiệt kết ở tràng vị, dịch của trung tiêu bị khô, khí thượng và hạ cũng không thể thăng giáng, uất mà hóa nhiệt.

Cách trị: Tả hạ táo thực tức thanh lý nhiệt.

Đơn thuốc: Đại thừa khí thang gia vị.

Công thức: Đại hoàng 9g, Chỉ thực 9g, Nguyên minh phấn 18g (chiêu với nước thuốc), Xuyên phác 6g, Phục linh 12g, Nguyên hồ 15g, Bạch thực 12g, Cam thảo 3g. Sắc uống mỗi ngày 1 thang.

Hiệu quả lâm sàng: Thử XX, nam, 23 tuổi, quân nhân phục viên. Đau bụng trên kèm theo nôn dữ dội. Bệnh mới đầu đau bụng, phát triển thành đau từng cơn nặng dần, từng nôn ra chất có màu như cà phê, đã 3 ngày không ăn, bụng trướng, bí đại tiện, không bị cúi gập người. Đã qua điều trị ở bệnh viện địa phương không kết quả nên chuyển đến đây. Người bệnh đã 2 năm trước từng bị mổ vì bị viêm ruột thừa kèm viêm phúc mạc. Kiểm tra cạnh rốn, sờ thấy có u dài. Tây y chẩn đoán là tắc ruột do dính, đã thực tháo, dùng atropin để chống co thắt, giảm áp lực dạ dày, ruột, truyền dịch tĩnh mạch vẫn không đỡ đau bụng, mà bụng lại trướng đầy, cự ấn, chất lưỡi hơi đỏ, cuống lưỡi rêu trắng, mạch hoạt sắc. Vào viện đến ngày thứ 3 mới đầu chữa bằng thuốc đông y. Cho dùng bài Đại thừa khí thang gia vị, uống 1 thang lúc 4 giờ chiều hôm đó, đến 11 giờ đêm lại đại tiện 2 lần, phân nhiều, rất thối, liền theo đó bớt đau bụng. Sáng sớm hôm sau ăn một bát cháo loãng, khám lại, đổi bài thuốc Tiểu thừa khí thang gia giảm, gồm: Chỉ xác 9g, Xuyên phác 8g, Bạch thực 18g, Phục linh 12g, Nguyên hồ 15g, Cốc nha 20g, Cam thảo 3g, Tô ngạnh 12g. Cho uống 2 thang, mọi chứng đều tiêu hết. Bệnh nhân ra viện. Cấp cho mang về 3 thang Tứ quân tử thang thêm Bạch thực, Chỉ xác, Nguyên hồ để củng cố.

110. Tắc ruột người già

Biện chứng đông y: Trung khí bất túc

Cách trị: Giáng khí chỉ thống, tư nhuận bổ trung, nhuận tràng thông tiện.

Đơn thuốc: Trầm hương ấm.

Công thức: Trầm hương 6g, Mật ong 120g, Mỡ lợn 120g .Bỏ Trầm hương vào 300ml, nước sắc đến còn 200ml thì đem uống trước, sau đó mới uống mật ong và mỡ lợn: 2 vị này đun sôi để cho âm ấm rồi uống. Nếu bệnh nhân bị nôn nặng, trước khi uống thuốc có thể tiêm 0,25mg atropin vào 2 bên huyệt túc tam lý. Nếu vừa uống thuốc vào đã nôn ra thì phải uống bù lại lần nữa.

Hiệu quả lâm sàng: Đồng XX, nam, 65 tuổi, xã viên. Vào viện cấp cứu ngày 21-4-1972. Người bệnh đau bụng đã 2 ngày, nôn ọe, không đại tiện, người mệt mỏi, yếu ớt. Kiểm tra tỏ ra là bệnh cấp tính, bụng mềm, quai ruột nổi rõ, vùng bên phải rốn ấn đau. Khám nghe rõ nhu động ruột tăng, chiếu X quang thấy có nhiều mặt nước phẳng hình cái cốc. Sau khi vào viện cho truyền dịch, đồng thời hút hết các vật chứa trong dạ dày. Đến 8 giờ tối cho uống nước Trầm hương, sau uống mật ong, mỡ lợn. Tối sáng sớm hôm sau, bụng sôi réo, đại tiện được một lần. Bớt đau đớn và đầy trướng, khoảng 9 giờ sáng liên tiếp đại tiện 2 lần, các chứng tiếp đó đều biến hết. Đến ngày thứ 3 khỏi bệnh, cho ra viện.

Bàn luận: Bệnh tắc ruột ở người già, vì tuổi cao sức yếu nên phần lớn bệnh nhân không muốn mổ, mà thích được dùng thuốc đông y hơn. Thực tiễn cho thấy bài thuốc trên dùng chữa bệnh tắc ruột của người già kết quả rất mỹ mãn. Bài thuốc này là do nhà đông y Lý Quang Diệu truyền lại cho.

111. Tắc ruột người già

Biện chứng đông y: Tì hư thực trệ.

Cách trị: Cấp hạ tôn âm.

Đơn thuốc: Gia vị đại thừa khí thang.

Công thức: Sinh đại hoàng 10g, Nguyên minh phấn 5g. (Xuyên) hậu phác 5g. (Giang) chỉ thực 10g, Lai phục tử 15g, Thảo quả nhân 3g. Sắc uống, mỗi ngày 1 thang.

Hiệu quả lâm sàng: Chu XX, nam, 60 tuổi, nhân viên. Khám lần đầu ngày 11-2-1962. Người bệnh tuổi cao sức yếu. Do ăn no mà bụng trướng đau, đến giữa trưa bụng đau kịch liệt, trăn trở không yên, chân tay tê dại, nôn chất ứ đọng, tuy nôn nhiều lần song bệnh không giảm, tuy mót đại tiện nhưng không ỉa được. Đi cấp cứu ở một bệnh viện, đo thân nhiệt 38o C, bạch cầu 1300/mm³, trung tính 82%, lymphô 18%. Chiều X quang cho thấy bị tắc ruột ở vị trí cao. Vì không muốn phẫu thuật nên chuyển đến đây xin chữa. Bệnh nhân sắc mặt trắng bệch, vẻ đau đớn, trán đầm mồ hôi, sờ vào bụng đau đớn không chịu được. Lưỡi đỏ ít tân dịch, rêu mỏng vàng, khát muốn uống nước, mạch huyền sắc. Điều trị phải cấp hạ tôn âm để làm phủ vận chuyển và giảm đau. Cho uống Gia vị đại thừa khí thang. Dùng 1 thang, thay áo mấy lần, đi ngoài ra phân thối khẳn, hết hẳn đau, bệnh nhân tự thấy bụng nhẹ rộng, muốn ăn, thần khí mệt yếu, mạch hoãn, lưỡi khô ít rêu, phủ khí đã thông, vị khí đã giáng. Tuy đã cứu được thuyên giữa dòng nước xiết, nhưng người già không thể công phạt thái quá, đổi sang dùng bài thuốc điều bổ: Tỳ đảng sâm 12g, Bạch truật (sao) 10g, Vân phục linh 10g, Cam thảo (sống) 5g, Hoàng kỳ (chích) 12g, Đương quy thân 10g, Quảng trần bì 5g, Sài hồ (mềm) 5g, Lục thân khúc 10g. Uống 5 thang, mọi chứng đều hết, người khôi phục bình thường.

Bàn luận: Trương Trọng Cảnh luận rằng với chứng dương minh phủ thực chỉ dùng bài Đại thừa khí thang để cấp hạ tôn âm ở người khoẻ thực chứng, bệnh nhân trong trường hợp này tuổi cao, khí huyết đều suy, tì vị hư nhiều, gốc là chứng Hoàng long thang, nhưng cho dùng bài Đại thừa khí thang thêm Lai phục tử để tăng

thêm sức tấy xổ, lại dùng Thảo quả để hạn chế những thuốc trên, khi thực tà đã khử hết thì việc điều lý sẽ nhanh chóng và đạt hiệu quả tốt.

112. Táo bón

Biện chứng đông y: Ruột khô không nhuận, khí trệ ra chướng.

Cách trị: Điều khí lợi trung, hòa vị nhuận tràng.

Đơn thuốc: Tư âm nhuận táo phương gia vị.

Công thức: Sinh thủ ô 15g, Ngọc trúc 9g, Đại phúc bì 12g, Thanh bì và Trần bì mỗi thứ 6g, Sinh chỉ xác 9g, Ô dược 9g, Thanh quất diệp 9g. Sắc uống, mỗi ngày 1 thang.

Hiệu quả lâm sàng: Lưu XX, nam, 34 tuổi, công nhân, sơ chẩn ngày 26-2-1966. Bệnh nhân từ lâu đã có đại tiện bí kết, bụng chướng đau, cự án, uống thuốc thông tiện, sau đi đại tiện rồi bụng dưới đau, ngủ không yên. 10 tháng trước phổi bên phải nhiễm lao, đã điều trị bệnh tình ổn định, không ho, khám thấy chất lưỡi đỏ, rêu dày bản mà vàng, mạch huyền hoạt phía phải to hơn. Chứng này là ruột khô không nhuận, khí trệ gây chướng. Nên dùng phép điều khí lợi trung, hòa vị nhuận tràng. Cho uống Tư âm nhuận táo phương gia vị. Uống được 5 thang, đại tiện trở thành nhuận, giảm quá nửa chứng bụng chướng đau. Dặn uống thêm 5 thang nữa, mọi chứng đều hết.

Bàn luận: Bệnh nhân này phế âm vốn hư, ruột khô không nhuận, khí cơ uất trệ, thông giáng không được, làm cho đại tiện bí kết không thông. Trong phương thuốc dùng Sinh thủ ô, Ngọc trúc để tư âm nhuận táo, dùng Đại phúc bì. Chỉ xác để phát khí tiêu trệ, làm cho đường ruột tư nhuận táo, dùng Đại phúc bì. Chỉ xác để phát khí tiêu trệ, làm cho đường ruột tư nhuận, khí cơ thông suốt, ắt đại tiện tự thông, chứng bệnh hết. Theo kinh nghiệm lâm sàng, người già đại tiện bí kết đã lâu, đường ruột không nhuận, dùng thuốc thông hạ lâu ngày không có kết quả thì có thể dùng riêng một vị Sinh thủ ô 30g. Sắc uống hoặc làm thành hoàn mỗi lần 6g, mỗi ngày uống 2 lần sẽ có hiệu quả. Ngoài ra có thể dùng Hắc chi ma, vùng đen già nát trộn mật ong mà chiêu cũng có tác dụng thông tiện.

113. Chảy máu cấp đường tiêu hóa

Biện chứng đông y: Huyết lạc nội thương, đường tuần hoàn rối loạn.

Cách trị: Chỉ huyết tiêu ứ.

Đơn thuốc: Tam bạch tử hoàng hợp tễ.

Công thức: Bạch mao cấp 30g, Tử chu thảo 30g, Bạch cập phấn 12g, Vân nam bạch dược 1g, Đại hoàng phấn 1g, chia hồ hợp bột Bạch cập, Vân nam bạch dược, Đại hoàng, làm 2 phần uống với nước sắc Bạch mao căn, Tử chu thảo sáng và chiều. Mỗi ngày 1 thang.

Hiệu quả lâm sàng: Theo dõi trên lâm sàng nhiều ca xuất huyết cấp đường tiêu hóa dùng thuốc này cầm máu nhanh, bệnh tình chuyển tốt rất mau chóng. Ngô XX, nam, 56 tuổi, nông dân, bị loét hành tá tràng có hẹp môn vị hông hoàn toàn, bụng đau, ăn vào lại nôn ra rồi chảy máu. Chất nôn ra là thức ăn vụng nát màu cà phê và máu cục, nhiều ngày chưa đại tiện. Theo dõi điều trị ở phòng cấp cứu 3 ngày không có kết quả rõ rệt. Ngày 21-4-1979 hội chẩn, bệnh nhân đau nhứt nhứt, khai các chứng như trên. Chất lưỡi vàng đục dày dính, mạch huyền. Cho Tam bạch tử hoàng hợp tễ, tăng Đại hoàng thành 6g, dùng thêm Đại giả thạch 30g. Chia làm 2 lần mà uống, uống xong ngày hôm sau đi ngoài ra khá nhiều phân đen, đỡ đau bụng. Lại cho uống tiếp 2 thang nữa như trên, sau đó phân chuyển màu vàng, các chứng giảm nhiều, có thể ăn chế độ nửa lỏng, về nhà nghỉ dưỡng sức.

114. Phù do protein thấp

Biện chứng đông y: Tì hư thấp nội phiếm.

Cách trị: Xúc tì táo thấp.

Đơn thuốc: Tiêu thũng phương.

Công thức: Đương qui 50g, Thương truật 25g, Xuyên hậu phác 15g, Trần bì 15g, Mộc hương 15g, Đại phúc bì 15g, Bán hạ 15g, Thanh bì 7g, Phục linh 20g, Tô diệp 15g, Hoàng kỳ 20g, Quế bì 10g, Trạch tả 15g, Cam toại 15g, Đại táo 4 quả. Sắc uống, mỗi ngày 1 thang.

Hiệu quả lâm sàng: Lương XX, nữ, thanh niên, xã viên công xã, nhập viện ngày 24-12- 1974. Đã hai tháng toàn thân phù nề, gần đây càng nặng. Thời gian mắc bệnh lại gần kỳ sinh nở, lúc mới có mang tình trạng nói chung còn tốt, đến giữa tháng 9 thì khớp mắt cá 2 bên phù lên, chùng trên dưới 10 ngày lan đến khớp gối, rồi phát triển tới toàn thân phù nề, khó cử động. ăn uống kém sút, đái ít, ban tối sức nhìn kém đi. Khám thấy người tỉnh táo, dinh dưỡng bình thường, da cứng mạp mắt không vàng, mặt hơi phù, nghe phổi tiếng thổi thô chưa có ran, mạch 84 lần/phút, tim đập 84 lần/phút, nhịp đều, ở mỏm tim và van động mạch phổi có thể nghe thấy tiếng thổi tâm thu, gach lách sờ không rõ, toàn thân phù nề rõ rệt. Ngày 29-12 để tại bệnh viện đủ tháng, thuận lợi. Sau khi đẻ, chưa thấy bớt phù, bụng căng phồng rõ. Xét nghiệm nước tiểu thường quy: Albumin niệu (+ -), bạch cầu (++) , tế bào biểu bì (+). Xét nghiệm huyết sắc tố 38%, hồng cầu 1 380 000/mm³. Chức năng gan không có thay đổi rõ rệt. Ngày 3-1-1975 từ khoa sản chuyển sang khoa nội, với tình trạng (1) phù do albumin thấp; (2) phù do xơ gan? Bệnh nhân đã dùng viên cyclophen- tylmetylthiazin, aminophylin không có tác dụng rõ rệt nên chuyển sang đông dược.

Quá trình điều trị: Trước hết dùng mấy thang có Nhân sâm, Phục linh, Đương qui, Hoàng kỳ là các thứ bổ khí bổ huyết, không thấy hiệu quả rõ rệt. Chuyển sang dùng Tiêu thũng phương, cho bệnh nhân uống 4 thang. Uống hết 2 thang thì phù giảm dần. uống 4 thang, bài thuốc trên bỏ Đại phúc bì, Bán hạ, Thanh bì, Quế bì,

Trạch tả. Cam toại, thêm Trư linh 15g, Bạch truật 15g, Sa nhân 7g, Nội kim 20g, Thần khúc 10g, sắc uống xong 3 thang thì hết phù. Bệnh khởi.

115. Chứng protein huyết thấp

Biện chứng đông y: Tì thận dương hư.

Cách trị: Bổ hỏa sinh thổ.

Đơn thuốc: Tráng dương bổ tì thang gia giảm).

Công thức: Đảng sâm 12g, Hoài sơn dược 12g, Phục linh 12g, Thạch liên nhục 12g, Xa tiên tử 12g, Tiêu Bạch truật 9g, Bồ cốt chỉ 9g, Thổ ti tử 9g, Pháp bán hạ 9g, Kha tử nhục 6g, Nhục quế 2,4g, Chính cam thảo 5g. Sắc uống, mỗi ngày 1 thang.

Hiệu quả lâm sàng: Trịnh XX, nữ, 32 tuổi, nội trợ, sơ chẩn ngày 20-10-1973. Bệnh nhân cho biết 10 tháng trước, khi sinh con thứ tư, mất máu quá nhiều, sau khi sinh có ra huyết cục hơn nửa tháng. Sau đó thì thấy mí mắt, chi dưới phù nề, mặt trắng bệch, ngày càng nặng thêm. Sáu tháng nay cảm thấy rất mệt, đái ít, phù càng nặng, sữa ít. Sốt không rõ, ho, nôn, mửa. Bốn tháng nay, đại tiện lỏng hoặc sệt, mỗi ngày 6-7 lần không thấy có máu mủ hoặc mũi. Ngày 8-10-1973 vào bệnh viện điều trị khám thấy sắc mặt trắng bệch, mí mắt phù, tóc thưa, hai chân phù, tim phổi chưa có biểu hiện bệnh lý. Trông bề ngoài bụng như hình thuyền. Gan dưới bờ sườn 0,5cm, lách chưa sờ thấy. Huyết áp 88/62mmHg, các khớp xương tay chân, cột sống, hệ thần kinh không có gì lạ thường. Không có tiền sử tim đập và phù thũng. Xét nghiệm thấy hemoglobin 7,5%, bạch cầu 6800/mm³, trung tính 66%, lympho 33%, đơn nhân 1%, xét nghiệm nước tiểu thường quy chưa thấy gì khác thường, cấp phân chưa thấy vi khuẩn sinh bệnh. Protein toàn thân 3,6%, albumin 1,3g, globulin 2,3g. Chuyển hóa cơ bản + 5%. X quang dạ dày ruột không thấy gì bất thường. Tây y chẩn đoán là protein huyết thấp, dinh dưỡng kém, thiếu máu do mất máu kèm rối loạn chức năng ruột. Đã dùng cao gan, vitamin B, C v.v... , chứng ỉa chảy càng tăng, không thấy công hiệu, xin điều trị đông y. Khám thấy các chứng như đã nói trên, chất lưỡi đỏ tươi rêu sạch, mạch trầm tế. Đó là thuộc tì thận dương hư, nên phải bổ hỏa sinh thổ, cho dùng Tráng dương bổ tì thang. Uống được 2 thang, đến ngày 22-10 khám lại thì đại tiện đã thành khuôn, số lần đi ngoài như người thường, ở vùng rốn khí bốt nghịch lên, mỗi bữa ăn được một lượng cháo; đái nhiều hơn, có cảm giác hơi đau. Nước bọt hơi

giảm, lưỡi vẫn đỏ tươi, như vậy bệnh đã có chuyển, nên trị bằng phép trên. Dùng đơn thuốc cũ có gia giảm: Đảng sâm, Phục linh, Thạch liên nhục, hòa sơn dược, Thục địa, Xa tiền tử mỗi thứ 12g, Tiêu bạch truật, Pháp bán hạ, Sơn thù nhục, Bồ cốt chỉ, Trạch tả, Toàn phục hoa, Cốc nha, Mạch nha mỗi thứ 9g, Nhục quế 2,4 g. Chính cam thảo 5g. Uống thuốc đến ngày 29-10 khám lại, lưỡi đỏ chuyển nhạt, hơi có rêu mỏng, nước dãi bớt đi, mỗi ngày ăn được trên dưới 250 gam. Mặt và chi dưới còn hơi phù. Buổi chiều hơi thấy đầy bụng, phân mềm, nước đái giảm. Tiếp tục dùng thuốc như phép trên: Đảng sâm, Tiêu bạch truật, Phục linh, Sơn tra tán mỗi thứ 12g, Bồ cốt chỉ, Đương qui, Bạch thược mỗi thứ 9, Nhục quế 3g, Ngô thù du 3g, Xích tiểu đậu 30g, Chích cam thảo 5g. Bài trên gia giảm mà dùng cho đến ngày 16-11, bệnh chuyển tốt rõ rệt, chất lưỡi, màu rêu đều chuyển thành bình thường, mỗi bữa ăn được ngoài 100 gam. Ngày 28-11 thấy kết quả được củng cố nên cho ra viện.

Bàn luận: Bệnh này là khi để mất máu quá nhiều, bồi dưỡng không đủ, thời kỳ cho bú lại càng thêm tổn hao cơ thể làm cho protein huyết tương quá thấp, lại có thể vì thiếu vitamin làm cho các tuyến tiêu hóa đường dạ dày ruột teo đi, ăn không ngon và xuất hiện các chứng đầy bụng, ỉa chảy. Tuy xét bệnh sử thấy trước hết do dinh dưỡng không tốt dẫn đến rối loạn chức năng tràng vị, lại vị sự hấp thụ của tiêu hóa bị trở ngại mà sự dinh dưỡng càng kém đi, thành ra một vòng tuần hoàn ác tính "âm tổn tới dương" "dương tổn tới âm". Chất lưỡi đỏ tươi như bôi chu sa, đó là biểu hiện âm hư; mà mặt phù, tay chân sưng, miệng ít nước dãi trong, ỉa chảy liên miên, lại là chứng tì thận dương hư. Chứng có mâu thuẫn cần biện luận để tìm ra cho đúng. Những người có bệnh nội thương mà thấy chất lưỡi đỏ tươi rêu sạch như sách thuốc đã nói, đều là âm hư, nếu như nhuận hoạt nhiều tân dịch, thì cần phải xét kỹ lưỡng. Về phương diện dùng thuốc, kinh nghiệm lâm sàng của tôi đối với loại bệnh này dùng thuốc bổ mệnh hỏa, trước hết nên chọn Bồ cốt chỉ, thuốc này cùng Phụ tử tuy đều có tác dụng ôn thận tráng dương, nhưng nó thiên về ôn bổ dương của hạ tiêu, lại có công hiệu âm tì chỉ tả. Do đó dùng nó phối hợp với Nhục quế bổ mệnh hỏa, lại thêm Ngô thù du ôn trung dương để làm chủ dược. Kinh nghiệm của người trước là phạm trị các bệnh mạn tính, khi biện chứng đã rõ ràng thì phép dùng không đổi, uống thuốc nhiều lâu mới có công hiệu, như điều trị ca bệnh nói trên là một trường hợp.

116. Gầy đét do suy sinh dưỡng

Biện chứng đông y: Tì khí khuỵu tồn lâu ngày, khí huyết cực hư, nguyên dương muốn thoát.

Cách trị: Ích khí dưỡng huyết, ôn thận trợ dương.

Đơn thuốc: Ích khí dưỡng huyết cứu thoát thang gia vị.

Công thức: Toan táo nhân (sao) 36g, Hà thủ ô (chế) 9g, Ngọc trúc 9g, Phụ tử (chín) 12g, Thỏ ti tử (sống) 24g, Hoàng kỳ (chích) 12g, Bạch truật (sao) 15g, Qui thân 9g. Đan sâm 12g, Bá tử nhân 12g, Sa nhân 9g, ích trí nhân 9g, Phúc bồn tử 12g, Kê huyết đằng 9g, Trúc nhự 9g, Hồng hoa 6g.

Sắc hai nước tổng cộng lấy 250 ml, chia uống hai lần mỗi ngày một thang, cứ uống 3 thang thì ngừng uống một ngày.

Hiệu quả lâm sàng: Thiệu X, nữ 27 tuổi, sơ chẩn ngày 26-11-1961. Đầu năm bệnh nhân có cảm giác mệt mỏi, tứ chi bải hoải, chân yếu hay ngã, tay cầm hay rơi. Sau đó người gầy mòn dần, mệt yếu, thích ngủ, sợ lạnh, tay chân tê, bắp chân thường bị chuột rút.

Từ sau tháng 5 xuất hiện phù từ bàn chân lên dần đến chi dưới, tay mặt, lúc nặng thì hai mắt híp lại. Ngoài ra thì ăn nhiều, đái vật, đái gập. Sau khi hết phù thì gầy rạc. Đã hai lần điều trị ở bệnh viện công xã, không có kết quả, xin điều trị bằng đông y. Bệnh nhân kể thấy kinh lần đầu năm 14 tuổi, lấy chồng năm 17 tuổi, đã mang thai 4 lần, 3 lần trước đẻ non, lần thứ 4 sinh một con trai đã 5 tuổi, khỏe mạnh. Đẻ đã quá 5 năm mà chưa thấy kinh trở lại. Kiểm tra thấy phát triển bình thường, dinh dưỡng rất kém, sắc mặt vàng vọt, gầy vơ, người cao 158cm, thể trọng 36,5 kg. Tinh thần không phấn chấn, da khô không sần. Thân nhiệt 36o C mạch đập 72 lần/phút, thở 18 lần/phút, huyết áp 106/74 mmhg, bạch cầu 8000/mm³, hồng cầu 2800000/mm³, huyết sắc tố 7g%, protein huyết tương toàn phần 4,6g%, albumin 3,1%, globulin 1,5g%. Kiểm tra điện tâm đồ thấy kali huyết quá thấp. Chẩn đoán lâm sàng là gầy đét do suy dinh dưỡng, đã dùng thuốc nhiều ngày không có tác dụng. Hiện nay khám thấy bệnh nhân hết sức mệt mỏi, tứ chi uể oải không có sức,

cánh tay không đưa lên nổi, cổ mềm rũ không nâng được đầu, hơi thở ngắn, thở một cách phí sức, không thể chủ động ỉa đái, toàn thân đau đớn, tâm tình trầm lặng, thỉnh thoảng chảy nước mắt. Chất lưỡi nhạt, rêu lưỡi trắng hơi bẩn, mạch trầm tế. Các chứng từ tì khí khuy tổn lâu ngày, khí huyết hư cực, nguyên dương muốn thoát. Muốn trị thì cần mau mau ích khí dưỡng huyết, ôn thận trợ dương. Cho dùng ích khí dưỡng huyết cứu thoát thang gia ị. Dùng thêm Nhân sâm 2g, Hồ phách 0,9g, cùng nghiền thành bột mịn chia hai lần uống với nước thuốc. Sau khi uống 6 thang, bệnh có chuyển biến tốt rõ rệt, tinh thần, ăn uống ngủ đều đã trở lại bình thường, thở đã thông, đại tiểu tiện bình thường, đã có thể xuống đất hoạt động nhưng vẫn còn cảm thấy mệt nhọc, ngồi xổm xuống không đứng dậy nổi. Vẫn cho dùng bài trên, có gia giảm, ngoài ra lại phối hợp dùng viên hoàn chế bằng các vị ôn dưỡng huyết mạch hòa huyết điều kinh. Bài này gồm: Hoàng kỳ (chích) 42g, Đảng sâm 42g, Dương qui 36g, Thục địa 42g, Sơn dược 24g, Sơn thù du 24g, Đan bì 18g, Vân linh 18g, Trạch tả 18g, Nhục quế 12g, Phụ tử (chính) 12g, Bạch truật (sống) 26g, Đan sâm 42g, Nguyên hồ 30g, Miết giáp (sống) 24g, Kê huyết đằng 90g, Hồng hoa 24g, Sa nhân 24g, Thỏ ti tử (sống) 26g, Hà thủ ô (chế) 30g, Thiên niên kiện 36g, Câu tích (bỏ lông) 48g, tán tất cả thành bột thật mịn, dùng nước chế thành hoàn nhỏ, sấy khô bỏ lọ, sau bữa ăn sáng nửa giờ uống một lần, 3 giờ chiều uống một lần, tối trước khi đi ngủ uống một lần, mỗi lần 9g. Uống thuốc 1 tuần ngừng 1 ngày. Trước sau 9 lần khám. Trong quá trình chữa bệnh, khi kali huyết giảm thấp thì cho bổ sung clorua kali cùng với các loại vitamin, còn thuốc thang có gia giảm đôi chút. Bệnh tình tốt dần. Ngày 28-3-1962 kiểm tra thấy huyết sắc tố 9g%, protein toàn phần huyết tương 6,4g%, albumin 44g%, globulin 2,0g%; ngày 14-5 kiểm tra lại thấy huyết sắc tố 10,5g%, hồng cầu 3 750 000/mm. Ngày 16-5, khi xuất viện, ăn ngon, mỗi ngày ăn hơn nửa kg lương thực, thể trọng tăng tới 44kg.

117. Ngộ độc nấm

Biện chứng đông y: Ăn uống không điều độ, cảm thụ độc tả.

Cách trị: Tịch ứ giải độc, phù ti hòa vị.

Đơn thuốc: Phức phương ngọc khu đan (thang).

Công thức: Khương bán hạ 9g, Khương trúc nhự 12g, Trần bì 6g, Cam thảo (sống) 9g, Lục đậu y 30g, Hoắc hương 6g, Ngọc khu đan 3g, (tán thành bột, chia hai lần uống với nước sôi để ấm hoặc uống cùng với nước thuốc). Sắc uống, mỗi ngày một thang.

Hiệu quả lâm sàng: Trương XX, nam, 16 tuổi, sơ chẩn ngày 31-8-1971. Bệnh nhân ăn phải nấm tươi độc, sau đó thổ rồi tả liên miên, miệng hôi, phân thối, một ngày đi ngoài tới hơn 10 lần. Sau khi khám lại, đã hết nôn mửa, miệng đỡ hôi, phân đi đã thành khuôn. Thuốc đã trúng bệnh, tiếp tục uống thêm để có kết quả triệt để. Dùng thuốc trên có gia giảm, có các vị: Khương trúc nhự 12g, Chỉ thực ôg, Quất bạch 9g, Khương bán hạ 9g, Phục linh 12g, Bạch truật 9g, Trám muối 1 quả, Cam thảo 6g, Ngọc khu đan 1,5g (tán ra mà nuốt). Uống thêm 5 thang, sức khỏe hồi phục.

Bàn luận: Ăn phải nấm mà ngộ độc, chất độc tuy có được tống ra theo nôn ỉa, nhưng vì chất độc trong vị phủ còn chưa trừ được hết, nên còn mửa mãi không dừng. Cách trị chủ yếu phải dùng một lượng khá lớn Ngọc khu đan để tịch ứ giải độc. Lục đậu y (vỏ đậu xanh) tăng thêm sức giải độc, có Trần bì, Hoắc hương để hóa vị khí, thuốc tuy có 3 thang mà công hiệu rất rõ; lại dùng phép giải độc phù ti hòa vị để khử ứ trọc mới có thể trừ được các chứng viêm dạ dày ruột. Tuy thuốc chỉ có 8 thang nhưng đã chữa hết tất cả các chứng, thể lực hồi phục hoàn toàn.

118. Viêm gan do ngộ độc thuốc

Biện chứng đông y: Can uất ứ độc.

Cách trị: Thanh nhiệt giải độc, hoạt huyết hóa ứ.

Đơn thuốc: Thư can thang.

Công thức: Sài hồ 12g, Liên kiều 12g, Xích thực 12g, Cam thảo 6g, Bản lam căn 12g, Hồng hoa 6g. Sắc uống mỗi ngày 1 thang. Nếu thấp nhiều, rêu lưỡi bản thì thêm Nhân trần, Xa tiền thảo mỗi thứ 18g; đại tiện khô kết thêm Đại hoàng 9g; sốt thêm Hoàng cầm, Chi tử mỗi thứ 12g; ăn ít thêm Bồ tra diệp (là lá cây Phá bố) 18g, Bình lang 12g, người có transaminase glutamic tương đối cao, hoặc liên tục không giảm thì thêm Đại hoàng 6g, Xa tiền thảo 18g, Lá nhân sâm 18g.

Hiệu quả lâm sàng: Dùng Thư can thang gia giảm điều trị gần 100 ca viêm gan do ngộ độc thuốc đạt kết quả khá tốt. Theo dõi kỹ 30 ca, trong đó 28 ca uống thuốc trong vòng 3 tháng tất cả đều trở lại bình thường, chiếm 93,3%. Chỉ riêng về transaminase glutamic, sau 1 tháng uống thuốc có 11 ca trở về bình thường, trong vòng 2 tháng có 10 ca bình thường, 3 tháng có 7 ca. Nói chung chỉ uống thuốc trong vòng 2 tháng thì triệu chứng đều cải thiện hoặc mất hẳn, sau đó không xuất hiện lại các triệu chứng liên quan. Trong đó có 3 ca lao, sau khi ngừng thuốc chống lao thì cho Thư can thang, làm mất ngay các chứng tổn thương gan, transaminase glutamic giảm xuống bình thường, sau đó cho dùng đồng thời thuốc chống lao và Thư can thang theo dõi 2 tháng, chưa thấy có hiện tượng tổn thương gan mới xuất hiện.

119. Viêm gan do ngộ độc thuốc

Biện chứng đông y: Thuốc độc hại gan, can âm thương tổn.

Cách trị: Dưỡng can giải độc.

Đơn thuốc: Cam thảo lục đậu thang.

Công thức: Sinh cam thảo 30g, Lục đậu 30g. Mỗi ngày một thang, sắc uống chia 2-3 lần.

Hiệu quả lâm sàng: Nhiều năm gần đây đã ứng dụng bài thuốc này chữa 8 ca viêm gan do ngộ độc thuốc đều là bệnh nhân nội trú. Trước khi điều trị đều có bệnh sử trúng độc thuốc và triệu chứng về đường tiêu hóa rõ ràng, cá biệt có vàng da, tất cả đều có transaminase glutamic tăng lên. Trong 8 ca có ngộ độc stibi, 3 ca ngộ độc barbituric, aminazin, furanpropylamin, rimifon. Tiêu viêm thống mỗi thứ 1 ca. Transaminase glutamic (SGPT) tăng cao đến 240-360 đơn vị ở 4 ca, 550-600 đơn vị ở 4 ca khác. Thời gian bệnh ngắn nhất 3 ngày, dài nhất 6 tháng. Liệu trình ngắn nhất 12 ngày, dài nhất 4 tuần lễ. Sau khi điều trị, chẳng những các triệu chứng đều hết mà transaminase glutamic toàn bộ trở lại bình thường, kết quả cả 8 ca đều khỏi bệnh xuất viện.

Bàn luận: Cam thảo là cây lưu niên họ đậu, dùng rễ làm thuốc từ rất sớm, "Thần nông bản thảo" đã biết tính chất "giải độc bách dược". Lục đậu (hạt đậu xanh) cũng thuộc họ đậu. Sách Khai bảo an thảo viết công dụng của đậu xanh là: "nấu lên ăn thì tiêu thũng hạ khí, hạ nhiệt, giải độc...". Diệp Thiên Sĩ nói: "Giải bách độc, Cam thảo 2 lạng, Lục đậu 1 thang, sắc uống là khỏi". Theo kinh nghiệm dân gian thì Cam thảo, đậu xanh dùng rộng rãi chữa ngộ độc thức ăn và thuốc men. Như vậy có thể thấy từ xưa đã biết rõ tác dụng giải độc của Cam thảo và đậu xanh. Mấy năm gần đây đã có khá nhiều thông tin về nghiên cứu thực nghiệm tác dụng giải độc của Cam thảo. Nhất là về tác dụng bảo vệ gan, thí nghiệm trên chuột cống trắng chứng minh Cam thảo có hiệu quả khá tốt trong phòng và trị viêm gan do ngộ độc tetraclorur carbon. Ngoài ta cần biết Cam thảo có 2 mặt: mặt có lợi là tác dụng giải độc của nó, nhưng nếu dùng lượng quá nhiều ắt sinh ta thủy thũng, tăng huyết áp, đó

là mặt bất lợi. Điều này nên chú ý. Bài Cam thảo lục đậu thang nói trên đã điều trị khỏi 8 ca viêm gan do ngộ độc thuốc trong thời gian ngắn, hiệu quả chữa bệnh tốt, rẻ tiền, nên nghiên cứu theo dõi thêm.

120. Xơ gan giai đoạn sớm

Biện chứng đông y: Can kinh uất nhiệt, thương âm hóa hỏa.

Cách trị: Dưỡng âm nhu can, sơ can hòa lạc.

Đơn thuốc: Nhất quán tiên gia vị.

Công thức: Sinh địa hoàng 15g, (Nam) Sa sâm 12g, (Thôn) mạch đông 9g, Qui thân 9g, Cam kỉ tử 9g, Xuyên luyện tử 6g, Tử đàn sâm 6g, Quảng uất kim 9g, Sinh mạch nha 12g, Sinh miết giáp 12g, Phấn trư linh 12g, Xuyên liên 3g. Sắc uống mỗi ngày 1 thang.

Hiệu quả lâm sàng: Bệnh nhân XX, nam, 42 tuổi, cán bộ. Bệnh nhân kể đã 6 năm có gan to, vùng gan đau với bệnh viêm gan không rõ rệt. Có bộ mặt đau gan mạn tính, trên mặt có các u mạch hình sao, củng mạc không nhiễm vàng, vùng lá gan và bụng mềm, bờ gan ở dưới bờ sườn 2 khoát ngón tay, thể chất trung bình, mặt gan nhẵn không gồ ghề, chưa sờ thấy lách, chưa có cổ trướng. Xét nghiệm chức năng gan chưa thấy biến đổi rõ rệt, tỉ số albumin, globulin là 1,3/1. Chẩn đoán lâm sàng là xơ gan giai đoạn sớm.

Hội chẩn đông y: Thấy vùng gan đau, ăn không ngon, bụng đầy, miệng khô, buồn nôn, trong lòng bứt rứt không yên, chân phù nhẹ, tiểu tiện vàng đỏ, rêu lưỡi vàng, chất lưỡi đỏ ít tân dịch, mạch tế huyền hơi sắc. Trị bằng phép dưỡng âm nhu can, sơ can hoạt lạc. Cho dùng bài Nhất quán tiên gia vị. Tùy bệnh chứng mà gia giảm, trước sau dùng tất cả 35 thang, đồng thời dùng phối hợp các thuốc tây bảo vệ gan, sau khi dùng thuốc thì cảm thấy các chứng cơ bản đều hết, sắc diện từ chỗ gụ xám trở thành có thần sắc, gan mềm đi, điện đi protein bình thường. Sau khi ra viện 2 năm, hỏi lại tình trạng cơ thể vẫn giữ được ổn định, bệnh chưa phát triển lại.

121. Xơ gan do mỡ

Biện chứng đông y: Can tì dương hư, đờm thấp ứ tắc.

Cách trị: Sơ can hóa ứ, kiện tì hóa thấp.

Đơn thuốc: Tam niên vị linh thang gia vị.

Công thức: Sơn trà sống, chín mỗi thứ 120g, Mạch nha sao 21g, Thanh bì, Trần bì mỗi thứ 9g, Khương hậu phác 12g, Trạch tả 15g, Quế chi non 9g, Hương phụ sao dấm 15g, Cam thảo 6g.

Sắc uống, mỗi ngày 1 thang. Người có chứng dương cương xơ cứng động mạch thì thêm Hà thủ ô 30g, người khí trệ trường nặng thì thêm Lai phục tử sống 30g.

Hiệu quả lâm sàng: Vương XX, nam, 45 tuổi, cán bộ. Người bệnh thân thể béo như phù, bụng to như cái chum, da thịt sờ như bông, đầu vầng mắt hoa, sức yếu, lưỡi nói, sắc mặt trắng bệch, mắt màu đen xám, chất lưỡi non bệu, có điểm ứ huyết mà xám xanh, rêu lưỡi trắng, dày mà cấu, tiếng nói hơi yếu. 5-6 năm trước bị đau sườn bụng trên, tức ngực, hơi thở ngắn, rêu trắng dày cấu, ăn ít, mệt nhọc, tim đập, sợ rét. Qua kiểm tra ở một bệnh viện, chẩn đoán là viêm gan mạn tính kèm xơ cứng động mạch. Đã từng nằm viện điều trị nhiều lần, thể trọng tăng, gan to xuống dưới bờ sườn 4 khoát ngón tay, huyết áp 140/100mmHg. Về sau vẫn tiếp tục điều trị, nhưng bệnh vẫn nặng lên. Lại đi khám ở bệnh viện khác, chẩn đoán là xơ gan do mỡ kèm bệnh tăng huyết áp. Chứng này là do can ứ tì thấp, dương khí bất túc, mỡ đờm ứ kết mà thành bệnh. Cách chữa phải sơ can kiện tì, hóa thấp tiêu mỡ, khử đờm, trợ dương. Dùng bài thuốc Tam niên vị linh thang gia vị. Sau ba tháng, trung tiện nhiều, thối, nước tiểu nhiều, vẫn đục, đi ngoài phân như tương, bụng bớt sôi, bớt trướng, hết rêu lưỡi, lượng ăn tăng, người cảm thấy thoái mái nhẹ nhõm. Còn các chứng khác vẫn như trước. Dùng tiếp 6 thang bài thuốc trên, tăng lượng Sơn trà lên đến 180g, thêm Phụ tử phiến 9g, uống xong người bệnh bớt béo bệu, bụng nhỏ bớt nhiều, tứ chi và bụng, lưng trở nên ấm áp, tiểu tiện nhiều, đại tiện thông thoát, hết lưỡi nhợt, hết rêu, mạch trầm hoãn. Đó là do tiêu đạo thái quá, sợ làm tổn thương trung khí, nên dùng phép phù

chính khử tà. Cho bài thuốc gồm: Đảng sâm 15g, Bạch truật 18g, Vân phục linh 30g, Trần bì 9g, Bán hạ 9g, Hoàng kỳ 21g, Dương qui 9g, Thăng ma 3g, Sài hồ 9g, Nhục quế 3g (uống với nước thuốc), Bạch thược 15g, Tiêu sơn tra 90g, Hương phụ 15g, Đan sâm 15g, Cam thảo 3g, Uống liền 3 thang, tinh thần phấn chấn, cử động mạnh mẽ, bớt vàng đầu, hết tim đập thở gấp, huyết áp 120/80mmHg, da cơ khỏe khoắn, ngủ tốt, lưỡi hồng nhạt, hết điểm ứ huyết mạch phù hoãn. Nên "kiện tì lợi thấp, ôn hóa đờm ẩm, giải cơ tiêu mỡ". Dùng bài Tam tiên vị linh thang gia vị, bỏ Thần khúc, Mạch nha, Thanh bì, thêm Ma hoàng 3g, Khương bì 15g sắc nước âm dương uống cho ra mồ hôi. Uống hết 2 thang chưa ra mồ hôi, sau khi uống thang thứ 3, cho uống thêm 1 bát to Thông bạch thang nóng, mồ hôi ra nhiều như dầu, dính, tanh, nặng mùi, ứót hết chần đệm, trung tiện âm âm. Hôm sau ngủ dậy, người nhẹ nhõm vô cùng, béo bệu giảm đi hơn một nửa, bụng ngực hết đầy, nước tiểu nhiều, vẫn đục. Sờ gan chỉ còn dưới bờ sườn nửa khoát ngón tay, cơn đói khát ăn tăng lên, sắc mặt trở nên nhuận bóng, lưỡi đỏ hết rêu, mạch hoãn nhược, ngoài một mỗi ra các chứng bệnh đều hết. Lại dùng Sài thược lục quân tử thang, có thêm Hoàng kỳ, Dương qui, Đan sâm, Hương phụ, Quế chi, cho uống mấy thang để củng cố về sau. Theo dõi nhiều năm sau khi khỏi bệnh, thấy vẫn công tác bình thường, sức khỏe tốt.

Bàn luận: Đa số bệnh mạn tính cố tật thường chữa sai, dùng phương dược, sai xơ gan do mỡ cũng do lúc đầu chữa không đúng nên bệnh kéo dài, chữa khó khăn. Dùng bài Tam tiên vị linh thang gia vị, gia giảm theo tình hình cụ thể của người bệnh đã chữa khỏi 2 ca xơ gan do mỡ, 4 ca béo bệu.

122. Gan thoái hóa mỡ sau viêm gan

Biện chứng đông y: Can uất khí trệ, đờm thấp tắc lạc

Cách trị: Sơ can giả uất, thanh nhiệt hóa đờm.

Đơn thuốc: Phức phương hùng đởm tán.

Công thức: Thanh đại 15g, Minh phàn 15g, Uất kim 15g, Xuyên liên 10g, Mật gấu 3g. Tất cả tán thành bột, đóng trong viên nang số 1, uống sau bữa ăn mỗi lần 1 viên, mỗi ngày 2-3 lần.

Hiệu quả lâm sàng: Thẩm XX, nữ, 40 tuổi. Khám lần đầu ngày 20-8-1973. Người bệnh từ năm 1972 tự cảm thấy rất mệt mỏi, đau vùng gan. Kiểm tra chức năng gan: Maclagan 8 đơn vị, xác định là viêm gan, cho nghỉ làm việc, đồng thời tăng cường dinh dưỡng, hàng ngày ăn uống rất nhiều thức ăn giàu đạm như sữa bì, trứng gà v.v... Tới năm 1973 thể trọng tăng lên hơn 15kg, đạt tới 79 kg. Cảm giác mệt mỏi càng tăng, sau mỗi lần mệt nhọc lại đau vùng gan, đại tiện không thông thoát, mỗi ngày đi 2-3 bận bực bội, vàng đầu. Huyết áp 150/90mmHg, Cholesterol huyết 297mg%, Maclagan 9 đơn vị. Kiểm tra gan bằng siêu âm thấy 1/2 phía trước có sóng của thoái hóa mỡ. Đã dùng thuốc đông y và tân dược nhưng kết quả chưa rõ. Rêu lưỡi trắng, cuống lưỡi cáu, mạch trầm, tế, hoạt. Cho chữa bằng bài thuốc Phức phương hùng đởm tán. Bắt đầu uống thuốc này 30-8-1973, tổng cộng 4 liệu. Đến ngày 21-11-1974 kiểm tra lại: cholesterol huyết đã hạ xuống tới 170mg%. Maclagan 3 đơn vị, transaminase glutamic bình thường, thể trọng giảm còn khoảng 60 kg. Về sau vì làm việc quá mệt nên có lần kiểm tra thấy Maclagan lên tới 12 đơn vị. Bèn cho uống thuốc Điền kê bạch phượng hoàng, mỗi ngày 1 viên uống vào ban trưa. Ngày 28-8-1975 kiểm tra lại các xét nghiệm đã bình thường. Kiểm tra gan bằng siêu âm: đoạn 1/3 trước vùng gan có thấy sóng của thoái hóa mỡ nhẹ. Đã không còn bất kỳ khó chịu nào, gan lách đều không to, huyết áp 120/80mmHg có thể làm việc cả ngày. Qua theo dõi 4 năm thấy không tái phát.

Bàn luận: Trường hợp này là gan thoái hóa mỡ, dùng bài Phức phương hùng đởm tán để chữa có kết quả. Trong bài thuốc có Xuyên

hoàng liên khổ hàn, thanh nhiệt, làm khô thấp đờm; mật gấu thanh nhiệt, lương can lợi đờm. Thực tiễn cho thấy Mật gấu trong bài thuốc có thể thay thế bằng một cái Mật lợn hong gió cho khô tán mịn cũng có thể thu được kết quả lý tưởng. Thanh đại, Minh phàn (thanh phàn tán) có thể thanh nhiệt thoái hoàng, thực tiễn lâm sàng còn cho thấy nó như có tác dụng tiêu mỡ, cần nghiên cứu thêm.

123. Xơ gan cổ chướng

Biện chứng đông y: Thấp nhiệt đình trệ.

Cách trị: Ôn trung kiện tì, thanh nhiệt táo thấp.

Đơn thuốc: Đan Khê tiêu ôn trung hoàn.

Công thức: Bạch truật 60g, Phục linh 30g, Trần bì 30g, Khương bán hạ 30g, Sinh cam thảo 10g, Tiêu thần khúc 30g, Sinh hương phụ 45g, Khổ sâm 15g, Hoàng liên sao 15g, Cương châm xa 45g (tẩm dấm sao đỏ, tán nhỏ). Các vị thuốc trên sau khi tán thành bột mịn, lấy dấm và nước (mỗi thứ một nửa) trộn thành hồ Thần khúc rồi làm hoàn to bằng hạt ngô đồng, mỗi ngày uống 2 lần, mỗi lần 70-80 hoàn, uống với nước thuốc sau: Bạch truật 18g, Trần bì 3g, Sinh khương 1 lát, sắc uống. Đối với người bệnh hư nặng, thì bỏ vị Hoàng liên, thêm Hậu phác 15g.

Hiệu quả lâm sàng: Từ X X, nam, 58 tuổi. Bệnh nhân vốn nghiện rượu, ăn ít bụng trướng. Gần đây lượng nước tiêu giảm, bụng căng như trống. Xét nghiệm chức năng gan thấy tỉ lệ albumin/globulin đảo ngược, chẩn đoán là xơ gan cổ chướng, dùng thuốc đông y và tân dược để chữa nhưng kết quả không rõ rệt. Do người bệnh vốn nghiện rượu nên gan lách đều bị thương tổn, thể hiện sắc mặt xám đen, mũi đỏ, không đói, tiểu tiện ít, miệng hơi đắng bụng chướng đầy, lưỡi hơi đỏ, rêu đục bản, mạch huyền sắc. Đó là do thấp nhiệt giao trở, gan lách tổn thương dẫn đến tắc nghẽn đường dẫn mà thành cổ chướng. Cho uống Đan Khê tiêu ôn trung hoàn, trước hết đem thuốc hoàn sắc thành thang để uống 10 thang rồi mới dùng thuốc hoàn 500g. Sau khi uống thuốc, bụng chướng giảm dần, tiểu tiện trong và dài, các chứng chuyển biến tốt rõ rệt. Lại cho uống 1000 hoàn, uống xong hết cổ chướng, ăn ngon hơn, kiểm tra chức năng gan, tỷ lệ albumin/globulin trở lại bình thường, đã có thể tham gia công tác như thường. Theo dõi vài tháng thấy sức khỏe vẫn tốt.

Bàn luận: Đan Khê tiêu ôn trung hoàn do Chu Đan Khuê sáng chế. Dùng bài thuốc này chữa xơ gan, đặc biệt là với bệnh nhân có tỉ lệ albumin/globulin đảo ngược, dù là có cổ chướng hay không đều

thu được hiệu quả tốt. Thông thường uống từ 180g đến 210 g là có thể khiến nước tiêu trong và nhiều bệnh nặng thì uống 500g đã được như thế. Một số bệnh nhân sau khi đã hết các triệu chứng bệnh chức năng gan bình thường thì ngừng thuốc, nhưng rồi do không điều độ, làm việc quá sức thì lại tái phát. khi đó lại dùng bài thuốc trên vẫn có hiệu quả tốt. Những bệnh nhân loại này được chữa khỏi đã 20 năm mà vẫn khoẻ mạnh. Vị Cương châm sa trong bài thuốc còn có tên là Châm sa hay Cương sa.

124. Xơ gan cổ chương

Biện chứng đông y: Can uất khí trệ huyết ú.

Cách trị: Lý khí, hóa ú, thanh nhiệt, thông phủ.

Đơn thuốc: Lý khí hóa ú tiêu thũng thang.

Công thức: Cù mạch 30g, Phòng kỳ 9g, Tiêu mục 5g, Đình lịch tử 5g, Chế quân 9g, Nga truật 6g, Chỉ xác 5g, Thất tiêu tán 15g, Đào nhân 5g, Đan sâm 15g, Xuyên phác 6g.

Sắc uống, mỗi ngày 1 thang. Với bệnh nhân thể hư, thì bỏ Nga truật, thêm Mã tiên thảo 15g. Nếu có tình trạng xuất huyết đường tiêu hóa thì thêm Đại, Tiểu kế mỗi thứ 30g.

Hiệu quả lâm sàng: Phan XX, nữ, 40 tuổi, nông dân. Tháng 10-1962 tới khám lần đầu. Người bệnh bụng chương to như cái trống, gân xanh nổi hẳn, vòng bụng đo 86 cm, gõ đục di chuyển rõ, dạ dày căng đầy, lườn nặng khó thở, ăn không tiêu, miệng khát thích uống nước, da thịt nóng hầm hập, miệng đắng khó thở, ăn không tiêu, miệng khát thích uống nước, da thịt nóng hầm hập, miệng đắng đầu vầng, ít ngủ, yếu ớt. Mắt hơi vàng, nước tiểu vàng ít, đại tiện bí kết, chân phù có ấn lõm, mạch trầm huyền, lưỡi rêu trắng, rìa có vết tím. Đây là do gan mất thăng bằng, khí huyết uất trệ, kinh lạc ứ tắc, thủy khí ứ đọng. Chữa trị phải hóa ú, lợi thủy, thanh nhiệt, thông phủ. Cho dùng bài lý khí hóa ú tiêu thũng thang. Uống 5 thang, phù thũng giảm đi, nước tiểu nhiều lên. Lại dùng bài thuốc ấy hơi gia giảm một chút, cho uống tiếp 5 thang. Sau khi uống xong, bụng khỏi chương, gân xanh trên bụng bớt đi, ăn tăng lên, thể bệnh có nhiều chuyển biến khá. Lại dùng Lục quân thang thêm Đan sâm, Mạch nha, Sơn tra, Đương qui để điều lý, uống xen kẽ Vị linh thang gia vị. Cứ như thế liên tục hơn một tháng, cổ chương rút hết, tinh thần chuyển tốt. Khuyến bệnh nhân kiêng ăn muối 4 tháng. Sau đó đã có thể làm được một số việc trong nhà. Theo dõi hơn 10 năm, tình hình vẫn tốt, bệnh không tái phát.

125. Xơ gan cổ chương

Biện chứng đông y: Can uất khí trệ, tì vị hư tổn.

Cách trị: Hành khí lợi thủy, thư can giải uất.

Đơn thuốc: Thanh oa tán, mấu kê sâm kỳ thang.

Công thức: Thanh oa tán: ếch 1 con, Sa nhân 6g, Mổ bụng ếch nhét sa nhân vào rồi để ở chỗ râm mát cho khô, sau tán thành bột mịn để dùng dần. Mỗi ngày uống 2 lần, mỗi lần 6g, ăn với cháo đường. Mấu kê sâm kỳ thang: Gà mái đẻ 1 con, Hoàng kỳ 30g, Đảng sâm 30g, Sa nhân 30g. Gà đem vặt lông, mổ bụng, bỏ ruột, giữ lại gan, tim, gói các vị thuốc bằng vải gạc bỏ vào bụng gà, hầm nhỏ lửa cho rừ, bỏ xương và bã. ăn lúc đói, mỗi ngày 2 lần (một thang thuốc trên có thể dùng cho 2-3 ngày). Hàng ngày dùng đồng thời Thanh oa tán và Mấu kê sâm kỳ thang.

Hiệu quả lâm sàng: Khương XX, nam, 47 tuổi, nông dân. Người bệnh tiêu hóa không tốt, bụng chướng, nặng nhất là về ban đêm, đã 7-8 năm, khám ở một bệnh viện chẩn đoán là viêm gan mạn tính, xơ gan giai đoạn đầu. 3 tháng gần đây bệnh nặng lên, ăn uống giảm sút, tiêu hóa kém, bụng chướng tăng. Toàn thân yếu sức, gầy còm, bụng to dần như cái trống, nước giải ít, màu vàng. Mạch trầm, hoãn. Đã rút nước ở bụng 2 lần, mỗi lần 1000ml. Chữa phải hành khí lợi thủy, thư can giải uất. Cho uống phối hợp Thanh oa tán với Mấu kê sâm kỳ thang. Sau khi dùng thuốc 100 ngày, cổ chướng rút hết, các chứng dần tiến triển, đã có thể làm các công việc chân tay thông thường.

126. Xơ gan cổ chương

Biện chứng đông y: Khí trệ huyết ứ, thủy thấp nội đình.

Cách trị: Hoại huyết hóa ứ, ích khí kiện tì, lợi thủy tiêu thũng.

Đơn thuốc: Hoạt can thang.

Công thức: Kim tiền thảo 30g, Xa tiền tử 30g, Phục linh bì 30g, (Pháo) miết giáp 10g, Trạch lan 10g, Đại phúc bì 12g, Đan sâm 15g, Trạch tả 15g, Hoàng kỳ 15g. Sắc uống, mỗi ngày 1 thang. Người tì hư thấp nặng thì thêm Thương truật 10g, Hậu phác 6g, ý mễ 15g; người bị gan uất khí trệ rõ ràng thì bỏ vị Hoàng kỳ, thêm Tứ nghịch tán. Nếu ứ tắc ở "lạc", đau nhiều bên sườn, gan lách đều to và cứng thì thêm Thổ nguyên, Nga truật, Tam lăng, Hồng hoa; nếu can âm bất túc, trong máu có nhiệt thì thêm Thủy ngư giác, Sinh địa, Hạng liên thảo, Đan bì; nếu thấp nhiệt đều thịnh thì thêm Long đởm thảo, Bán chi liên, Khổ sâm.

Hiệu quả lâm sàng: Trong mười năm trở lại đây, ứng dụng Hoạt can thang làm bài thuốc chính chữa cho 50 trường hợp bệnh nhân bị cơ gan cổ chương, hiệu quả thu được khá mỹ mãn: hiệu quả rõ rệt chiếm 70%, có hiệu quả chiếm 20%, không hiệu quả chiếm 10%.

127. Xơ gan cổ chướng

Biện chứng đông y: Thấp nhiệt ủng trệ.

Cách trị: Thanh nhiệt, hóa thấp, trục ứ, tiêu thũng.

Đơn thuốc: Hóa thấp trục ứ tiêu thũng thang.

Công thức: Miết giáp 30g, Cù mạch 30g, Xa tiền tử 20g, Tam lăng 6g, Nga truật 6g, Phục linh 12g, Trạch tả 18g, Xuyên giáp 6g, Xích thực 10g, Đào nhân 9g, Tiểu kế 30g, Phúc bì 12g, Hồ lô nửa quả. Sắc uống, mỗi ngày 1 thang.

Hiệu quả lâm sàng: Phan XX, nam 45 tuổi, nông dân, Khám lần đầu ngày 18-5-1963. Trong một tháng lại đây bụng mỗi ngày một to ra như cái trống, bệnh viện chẩn đoán là xơ gan cổ chướng kèm tì cang. Gan lách đều to 6cm. Sắc mặt vàng vờ, mặt có nếp nhăn, lợi xuất huyết, ăn không được, nước tiểu ít, đỏ, mạch huyền sắc: chất lưỡi đỏ, rêu vàng bẩn. Bệnh này thuộc chứng thấp nhiệt ủng trệ, nước tụ, khí trệ, huyết ứ, cổ chướng. Chữa phải thanh nhiệt, hóa thấp, trục ứ, tiêu thũng. Cho dùng bài hóa thấp trục ứ tiêu thũng thang. Sau khi uống 5 thang nữa, đồng thời pha 30g Đại Tiểu kế nấu thành nước thay trà uống nhiều lần. Uống xong bụng nước rút hết, ăn uống dần tăng lên, lách co lại. Tiếp theo cho thêm một số vị kiện tì dưỡng huyết như Đảng sâm, Hoàng kỳ, Đương qui v.v... vào bài thuốc trên, uống liên trong hơn 4 tháng. Thời gian uống kiêng muối. Lách bệnh nhân trở lại như bình thường, các chứng bệnh tiêu tan, đã có thể làm một số công việc đồng áng. Theo dõi người bệnh 15 năm, không thấy tái phát.

128. Xơ gan do tăng áp lực tĩnh mạch cửa (kèm tì tạng)

Biện chứng đông y: Ứ huyết nội trở.

Cách trị: Hoạt huyết hóa ứ nhuận kiên tán kết.

Đơn thuốc: Nhuận kiên súc tì thang.

Công thức: Đương qui 15g, Xuyên khung 9g, Tam lăng (sao) 9g, Nga truật 9g, Đào nhân (sao) 9g, Thổ nguyên 9g, Đan sâm 30g, Sài hồ 12g, Trần bì 12g.

Sắc uống, mỗi ngày một thang.

Hiệu quả lâm sàng: Thôi XX, nam 41 tuổi, công nhân. Bệnh nhân từ năm 1973 phát hiện thấy gan lách bị sưng to, chức năng gan khác thường. Năm 1975 chẩn đoán là viêm gan mạn tính. Từ năm 1977 đến nay, lách ngày càng một to, đi khám ở nhiều bệnh viện đều chẩn đoán là xơ gan do tăng áp lực tĩnh mạch cửa, cường lách, bệnh nhân được khuyên là mổ cắt lách, nhưng bệnh nhân không đồng ý. Ngày 23-2-1979 đến viện điều trị. Khi vào viện, hai bên sườn bệnh nhân đau nhói hoặc đau âm ỉ rất khó chịu, lợi bị chảy máu ít nhiều, còn ăn uống được. Kiểm tra thấy: sức khoẻ nói chung còn tốt, gan to dưới bờ sườn 1,5 cm, lách to dưới bờ sườn 3cm, hơi cứng, ấn đau. Lưỡi đỏ tím, có điểm huyết ứ, rêu mỏng, rài lưỡi ám đen, mạch tế, sáp. Xét nghiệm thấy: chức năng gan bình thường, bạch cầu 3800/mm³, tiểu cầu 76000/mm³. Kiểm tra siêu âm thấy lách dày 5 cm ở dưới bờ sườn 3cm, bờ trên của gan nằm ở gian sườn thứ 6 (7cm), dưới bờ sườn 2 cm. Uống thuốc barit để chụp phim cho thấy tĩnh mạch thực quản ở đoạn dưới giãn nhẹ.

Chứng này là do huyết ứ nội trở gây ra. Điều trị phải loại huyết hóa ứ, nhuận kiên tán kết. Cho dùng bài Nhuận kiên súc tì thang, mỗi thang sắc tới còn 300ml, uống một lần vào buổi tối lúc đói. Hai tuần sau kiểm tra chức năng gan, transaminase glutamic tăng cao đến 36 đơn vị (theo phương pháp cải tiến), bèn ngừng bài thuốc trên, cho dùng bài Kiện can sinh hóa thang: Đảng sâm 15g, Bạch truật (sao) 9-12g, Sơn dược (sống) 30g, Đương qui, Thanh bì, Chỉ xác (sao) mỗi thứ 12g, Đan sâm 15-30g, Bạch dược (sống) 18g,

Long đởm thảo, Xuyên liên mỗi thứ 6- 9g, Sài hồ 9g, mỗi ngày sắc uống một thang cùng thuốc tây y bảo vệ gan. Sau nửa tháng, transaminase glutamic trở lại bình thường. Tiếp tục uống Nhuận kiên súc tì thang, uống thêm Súc tì tán (ngũ linh chi 30g, Nga truật, Tam lăng mỗi thứ 60g, Xuyên sơn giáp 90g, Sài hồ 45g, cùng tán bột mịn, mỗi lần uống 6g, ngày uống hai lần sáng tối. Một tháng sau, gan lách đều thu nhỏ. Nằm viện 96 ngày, khi ra viện bệnh nhân tự thấy khỏi hết bệnh, lưỡi hơi tím nhạt, sáu mạch huyền hữu lực, chức năng gan bình thường, bạch cầu 5300/mm³, tiểu cầu 95.000/mm³. Kiểm tra bằng siêu âm: lách dày 3,5cm. Chụp phim sau khi uống barit thấy hết giãn tĩnh mạch, thực quản. Ra viện tiếp tục điều trị. Sau một tháng khám lại, tiểu cầu lại tăng đến 113.000/mm³. Theo dõi trong 4 tháng, tình trạng tốt, khỏi bệnh.

Bàn luận: Xơ gan do tăng áp lực tĩnh mạch cửa, lách sưng to, cường lách thuộc phạm trù tích tụ trong đông y. Tích tụ chia ra chứng tích và chứng tụ. Chứng tích phần lớn thuộc phần huyết hóa ứ, nhuận kiên tán kết. Đơn thuốc Súc tì thang và Súc tì tán được cấu tạo theo phép này, ứng dụng vào lâm sàng thu được hiệu quả mỹ mãn. Trong thời gian điều trị, liều lượng thuốc phải từ ít đến nhiều, tăng dần liều lượng sao cho không tổn thương chính khí (ý nói tình trạng chung và các chỉ tiêu chức năng gan, đôi khi phối hợp uống với Súc tì tán để nâng cao hiệu quả điều trị, rút ngắn thời gian chữa bệnh. Nhưng phải chú ý định kỳ kiểm tra chức năng gan và xét nghiệm máu, nước tiểu để nắm vững những thay đổi. Nếu bệnh nhân tự cảm thấy chứng bệnh rõ rệt, chức năng gan bị tổn thương nghiêm trọng thì phải giảm liều hoặc ngừng hẳn thuốc, chuyên sang dùng thuốc phù chính của đông y hoặc thuốc bảo vệ gan của tây y để điều chỉnh cũng có thể dùng bài thuốc Kiện can sinh hóa thang để chữa, đợi chức năng gan chuyển biến tốt mới tiếp tục công trị cho đến khi khỏi hẳn.

129. Cổ chướng do bệnh sán lá gan giai đoạn muộn

Biện chứng đông y: Chất độc vào gan, ứ trở lạc, can tì bị thương tổn, thủy thấp trung trở.

Cách trị: Sơ gan thông lạc, bổ tì ích thận, khử thấp lợi thủy (công trục thủy thấp).

Đơn thuốc: Gia cảm vị linh hoàn (thang).

Công thức: Thương truật 12g, Hậu phác 12g, Vân linh 12g, Trạch tả 12g, Hán phòng kỉ 12g, Đương qui 12g, Thanh bì 10g, Quảng mộc hương 6g, Nhục quế 4g. Có thể theo cách thông thường sắc uống, cũng có thể chế thành hoàn để uống. Cách chế hoàn: tán bột mịn, nhào nước thành hoàn to cỡ hạt ngô đồng, hong khô, cất trong lọ. Mỗi lần uống 8g, mỗi ngày 2 lần. Hàm ba giáng phân hoàn: Giáng phân (thanh phân), Ba đậu sương với lượng bằng nhau. Bỏ Thanh phân vào nồi sắt, nung đỏ, khi nung lửa phải to, nếu không tuy nung mà không thấu, tán nhỏ rồi gậy bằng rây lụa mắt rất nhỏ. Ba đậu bỏ lớp vỏ trong và ngoài, lấy phần thịt tán nhỏ, ép hết dầu rồi tán lại thành "sương" Trộn đều hai thứ thuốc, cho vào lượng cơm bằng 3/4 nghiền trộn, thêm ít nước sôi, luyện thành hoàn, mỗi viên chứa khoảng 100 mg Ba đậu sương và 100mg Giáng phân. Khi dùng chú ý uống với nước sôi để ấm sau bữa ăn 2 giờ, ngày uống 1-2 lần, mỗi lần 1-6 viên.

Hiệu quả lâm sàng: Lý XX, nam 40 tuổi, nông dân. Từ tháng 3-1979, bắt đầu cảm thấy chướng bụng, ăn kém, phân nát, đi tiểu ít. Bụng to dần lên, toàn thân yếu sức, đi lại khó khăn, hoạt động là thở gấp v.v... Đã điều trị ở địa phương không hiệu quả. Vào viện kiểm tra: thân nhiệt 37o C, mạch đập 72 lần/phút, mạch huyền, hoạt, lưỡi nhạt, rêu trắng bản. Huyết áp 104/62 mmHg, tĩnh mạch thành bụng nổi rõ, gõ đục dị ý (vì bụng có nước). Hai chân không bị phù nước rõ rệt. Xét nghiệm máu: bạch cầu 3700/mm³.

Xét nghiệm nước bụng: Rivalta (-). Kiểm tra chức năng gan: TTT 16 đơn vị, ZNTT 17 đơn vị, transaminase glutamic 216 đơn vị. Tổng Albumin 6,24g, albumin 1,98g, globulin 4,26g, tỉ lệ albumin glutamic đảo ngược. Xét nghiệm phân: trứng sán lá gan dương tính.

Chẩn đoán là cổ chướng do bệnh sán lá gan giai đoạn muộn, đông y chẩn đoán là "Trướng độc" (dạng tì thấp sưng đầy). Cho uống 36 thang Gia giảm vị tinh thang, cổ chướng rút hết. Lại dùng 10 thang Lục quân tử thang củng cố về sau. Chức năng gan khôi phục bình thường, vòng sườn co còn 80 cm, vòng rốn 75cm. Các chứng khác tiêu hết. Theo dõi thấy không tái phát, bệnh khỏi cho ra viện.

Bàn luận: Gia giảm vị linh hoàn và Hàm ba giáng phân hoàn đã được sử dụng rộng rãi ở các cơ sở và các địa phương trong cả nước. Theo kinh nghiệm của tỉnh Hồ Nam dùng phổ biến bài thuốc này, hiệu quả đối với bệnh cổ chướng do bệnh sán lá gan giai đoạn muộn đạt tới 93%. Qua theo dõi khám lại 1.291 trường hợp bệnh nhân đã được chữa khỏi bàng bụng từ 2 đến 8 tháng, tỉ lệ tái phát chỉ chiếm 7,82%. Cách chữa này không những cải thiện sức khoẻ và phục hồi sức lao động cho người bệnh, mà còn tạo điều kiện cho 80% số người bệnh có thể tiếp nhận sự điều trị bằng antimon. Những năm gần đây, đối với những bệnh nhân có biểu hiện tương đối phức tạp về mặt lâm sàng, nhận xét rằng phần lớn chủ yếu thuộc chứng "hư", do đó đa số trường hợp đều sử dụng đơn độc bài Gia giảm vị linh hoàn (hoặc thang), đồng thời ứng dụng lâm sàng bài thuốc Gia giảm vị linh hoàn chữa cổ chướng do viêm gan mạn tính, xơ gan cổ chướng, albumin huyết thấp gây ra, hoặc phù dinh dưỡng v.v... tùy từng trường hợp mà tăng thêm Đảng sâm, ý mễ, Khiếm thực v.v... thấy đều thu được hiệu quả mỹ mãn như nhau. Sau khi dùng thuốc có thể có tác dụng phụ như đau bụng nhẹ, lợm giọng, nôn oẹ, mót rặn, nhưng chỉ 1-3 ngày là hết dần. Cần thận trọng khi dùng cho phụ nữ có thai và người thể chất hư.

130. Hôn mê gan mạn tính

Biện chứng đông y: Khí huyết đều hư, dư nhiệt ở can đờm chưa hết, thấp đờm, che khiếu.

Cách trị: Điều bổ khí huyết, phương hóa đàm thấp, thanh can khai khiếu.

Đơn thuốc: Gia vị thanh can khai khiếu thang.

Công thức: Sinh kỳ 15g, Đương qui 10g, Xích thược 15g, Bạch thược 15g, Hà thủ ô 30g, Nhân trần 15g, Hoắc hương 10g, Bội lan 10g, Hạnh nhân 10g, Quất hồng 10g, Uất kim 10g, Viễn chí 10g, Xương bồ 10g, Xuyên liên 4,5g, Hồ phách phấn 1,2g (chiêu với nước thuốc), Linh dương phấn 0,6g (chiêu với nước thuốc). Sắc uống, mỗi ngày 1 thang.

Hiệu quả lâm sàng: Lưu XX, Nam 37 tuổi. Khám lần đầu ngày 30-5-1975. Năm 1972 người bệnh do xơ gan phải mổ cắt lách. Quá trình phẫu thuật tốt đẹp. Nhưng sau đó dần dần mất ngủ, đến mức suốt đêm không chợp mắt được, nghiêm trọng hơn có khi liên tục mười mấy ngày đêm không ngủ được yên giấc. Dần dần ban đêm lên cơn lười, môi trên tê dại, hai cánh tay không nhấc cao được, mỗi lần kéo dài hơn 10 phút. Sau đó từng có những động tác vô ý thức, nói lảm nhảm, ban ngày đầu vầng, nhức, trí nhớ rất kém, mất khả năng suy nghĩ, nôn nóng dễ cáu gắt, chảy máu cam, mắt nhìn không rõ, đại tiện khó khăn, phân rắn. Đã dùng nhiều loại thuốc tây và đông dược, châm cứu, lý liệu, thủy châm, nhĩ châm liên trong hơn 2 năm mà không kết quả. Khi đến khám, tay phải và mặt tê dại, quá trưa hai tay không nhấc lên được, mất ngủ, đêm ra mồ hôi trộm, đôi khi có trạng thái lơ mơ. Bình thường miệng mũi khô, 3-4 ngày mới đại tiện một lần. Kiểm tra máu: transaminase glutamic 180 đơn vị, amoniac huyết 0,18 mg%, lười rêu vàng, mạch trầm, huyền. Cho uống Gia vị thanh can khai khiếu thang. Lấy bài thuốc này làm chính, vì ngủ không yên giấc nên thêm Táo nhân 15g, Bách hợp 12g, Hợp hoan bì 12g, tổng cộng tất cả uống trên dưới trăm thang, ngày càng ngủ được tốt hơn, về cơ bản hết các chứng vầng đầu, hồi hộp, dễ cáu v.v... nhìn các vật rõ ràng, trí nhớ và khả

năng suy nghĩ có phần phục hồi. Lưỡi rêu mỏng trắng, mạch trở nên trầm, hoạt, transaminase glutamic bình thường, amoniac huyết giảm còn 0,1mg%. Qua hỏi thăm, nửa năm sau vẫn không tái phát.

Bàn luận: Hôn mê gan mạn tính phần nhiều gặp ở các trường hợp xơ gan bản thân gan và chức năng gan tổn thương, quá trình mạn tính phát triển, đến giai đoạn sau chức năng gan suy kiệt, mất khả năng bù, xuất hiện chứng bệnh thuộc hệ thần kinh, đến giai đoạn cuối có thể hoàn toàn hôn mê. Bệnh nhân loại này phần nhiều là do bệnh lâu ngày chuyển thành "hư", khí huyết không đủ, âm dương đều thương tổn, can âm không đủ, huyết không muối can, hư phong nội động, ngoài ra thấp độc nhiệt tà ẩn náu trong phần huyết phát triển thêm kích động hư phong, tà chính tranh chấp, dẫn đến có lơ mơ, bực bội dễ tức giận, nhìn mọi vật không rõ, đầu váng, hay quên, mệt mỏi thích nằm, dạ dày đầy căng đau, ăn không thấy ngon v.v... hơn nữa nhiều trường hợp do uất ức lo lắng, tức giận hoặc lao động quá sức mà đàm che, làm tắc khiếu, dẫn đến hôn mê. Tổng quát, phương pháp điều trị là phải bổ hư phù chính. tinh thần khai khiếu làm chủ, phụ thêm là thành lợi dư tà.

131. Áp xe gan (do vi khuẩn)

Biện chứng đông y: Tà uẩn huyết ứ, thối rữa mà làm mủ.

Cách trị: Sơ can giải độc, thoát mủ tiêu thối rữa.

Đơn thuốc: Đại sài hồ thang và Sài hồ thanh can thang hóa tào.

Công thức: Sài hồ 9g, Hoàng cầm 15g, Khổ sâm 15g, Nhân trần 15g, Công anh 15g, Bản lam căn 30g, Xuyên quân 6g, Liên kiều 15g, Quảng mộc hương 9g, Sinh tam tiên mỗi thứ 9g, Xích thực 15g, Cam thảo 6g. Sắc uống, mỗi ngày 1 thang.

Hiệu quả lâm sàng: Hoàng XX, nam, bộ đội, 25 tuổi, Sốt cao 39-40o C, đau bên sườn phải, bụng chướng đầy, ăn không ngon, kèm theo giọng buồn nôn, gan to ấn đau. Kiểm tra siêu âm thấy trên đường dọc đi qua biển giữa xương đòn có 2 mặt bằng nước ở gian sườn 6 và gian sườn 7. Mặt bằng thứ nhất rộng 1,5cm, sâu dưới da 3cm, mặt thứ hai rộng 1cm, sâu dưới da khoảng 4,5cm. Khoa nội xác định chẩn đoán là áp xe gan, chuyển sang khoa ngoại. Sau khi tiêm nhiều kháng sinh ở khoa nội và khoa ngoại, thân nhiệt hạ xuống 38oC, các chứng khác hơi biến chuyển. Căn cứ vào bệnh tình, khoa nội khoa ngoại hội chẩn, quyết định tạm hoãn không mổ, theo dõi điều trị bảo tồn. Vẫn truyền kháng sinh vào tĩnh mạch, nhưng sau 3 ngày thân nhiệt không hạ, các chứng cũng không bớt. Vì vậy nên chuyển sang đông y. Căn cứ mạch huyền sác, rêu lưỡi vàng dày, kém nhuận, chất lưỡi đỏ, cho dùng bài thuốc trên, uống 6 thang thì nhiệt hạ xuống còn khoảng 37o 5 C, ăn được nhiều hơn, bụng đỡ chướng. Uống thêm 6 thang nữa, thân nhiệt bình thường, các chứng đều hết, kiểm tra siêu âm không thấy rõ chất dịch ở hai chỗ cũ, lại uống 6 thang nữa, khỏi bệnh ra viện.

Bàn luận: Áp xe gan là một chứng bệnh nghiêm trọng, do ami hoặc do khuẩn. Nguyên nhân bệnh khác nhau thì cách chữa cũng phải khác. Đông y gọi áp xe gan là can ung, cũng do 2 nguyên nhân: (1) do tà độc nội uẩn, khí tuệ huyết ứ, lâu ngày thối rữa thành ung; (2) do vấp ngã, lạc thương huyết ứ, loét thành ung. Bệnh tuy nghiêm trọng, nhưng chỉ cần xét rõ căn nguyên bệnh, điều trị kịp thời, kết hợp chặt chẽ đông tây y, phát huy các sở trường của đông y, tây y, tìm ra cách chữa thích hợp là có thể đạt hiệu quả tốt.

132. Viêm túi mật (thời kỳ mang thai)

Biện chứng đông y: Thai phụ chi lạc tâm thống.

Cách trị: Hóa thấp nhiệt để thanh bên trong, ôn kinh khí để tán bên ngoài, lý huyết khí để trừ đau.

Đơn thuốc: Gia vị hỏa long tán.

Công thức: Xuyên luyên tử (sao) 9g, Tiểu hồi (sao) 9g, Ngải diệp (sao nước muối) 4,5g, Sài hồ 3g, (Đạm) hoàng cầm 4,5g. Sắc uống, mỗi ngày 1 thang.

Hiệu quả lâm sàng: Khương XX, nữ, 31 tuổi, nội trợ. Nằm bệnh viện vì bụng ngực đầy đau, sau khi khám chẩn đoán là viêm túi mật, kết quả điều trị không rõ. Ngày 8-4- 1950 xin hội chẩn. Bệnh nhân đau vùng ngực bụng, lúc đau lúc không, người sốt rét, rêu lưỡi dày, hơi vàng xám đen. Khi hết đau thì rêu lưỡi cũng bớt dần xám đen, cũng hết sốt rét, khi đau quá thì muốn ngất đi. Có thai đã 5 tháng, mạch huyền mà hơi sắc. Đông y cho rằng tâm là vua (quân), nó chẳng tiếp thu tà mà thường là tà xâm phạm vào chi lạc của tâm, không phải là chân tâm thống cho nên phân tích chứng này là thai phụ chi lạc tâm thống. Vì lúc đau thì lại có sốt rét nên cho dùng Gia vị hỏa long tán. Được 2 thang thì hết đau, hết đau thì không có cơn sốt rét, rêu lưỡi đã hết vàng xám. Khám lại, bỏ Sài hồ. Hoàng cầm trong thang, chỉ dùng bài Hỏa long tán, uống thêm 2 thang để củng cố, không còn cơn đau nữa, khỏi bệnh ra viện. Mùa xuân 1951, bệnh nhân cho biết sau khi ra viện chưa tái phát. Đứa con đẻ ra to khỏe.

133. Viêm túi mật cấp

Biện chứng đông y: Hỏa gặp khí của can đởm làm trở ngại khí, khí huyết bất lợi.

Cách trị: Sơ can lợi đởm

Đơn thuốc: Gia giảm sài hồ thang.

Công thức: Sài hồ 18g, Đại hoàng 9g, Bạch thực 9g, Chỉ thực 9g, Hoàng cầm 9g, Bán hạ 9g, Uất kim 9g, Sinh khương 12g. Sắc uống, mỗi ngày 1 thang. Sắc 2 lần chia uống làm 3 lần.

Hiệu quả lâm sàng: Lý XX, nữ, 54 tuổi. Bệnh nhân đột nhiên đau kịch liệt ở vùng gan, đau thúc vào dạ dày, lăn lộn trên giường, mồ hôi vã ra. Tiêm dolantin mới hết đau, nhưng không bao lâu lại đau. Bệnh nhân to béo, hai má đỏ phây, lưỡi đỏ sẫm, rêu vàng, đã 4 ngày chưa đại tiện mà miệng thì đắng nôn luôn. Tây y chẩn đoán là viêm túi mật cấp (sỏi mật?). Đông y cho chứng này là khí uất hỏa kết ở can đởm, hoàng ngạch sang vị, làm cho phủ khí bất lợi, do đó đại tiện bí kết không thông; hỏa gặp khí của can đởm là trở ngại khí, vì vậy khí huyết đều không lợi, gây đau đớn không chịu nổi với miệng đắng, nôn luôn. Sau khi chẩn đoán, cho uống Gia giảm sài hồ thang, hết một thang thì hết đau, ngủ được, hết 2 thang thì đại tiện được, hết nôn, hết 3 thang thì đại tiện dễ dàng, hết đau đớn và các chứng khác.

134. Viêm túi mật cấp (đơn thuần)

Biện chứng đông y: Thấp nhiệt khí trệ, sắc ở can đởm, tổn thương tì vị, mật tiết không thông.

Cách trị: Thanh lý tiết nhiệt.

Đơn thuốc: Đại sài hồ thang gia vị.

Công thức: Sài hồ 12g, Hoàng cầm 10g, Đại hoàng 10g, Chỉ thực 10g, Chế bán hạ 10g, Bạch thực 12g, Uất kim 10g, Nguyên hồ 10g, Công anh 30g, Quảng mộc hương 9g, Cam thảo 5g, Sinh khương 3 lát, Đại táo 3 quả. Sắc uống, mỗi ngày 1 thang.

Hiệu quả lâm sàng: Lý XX, Nữ, 49 tuổi, sơ chẩn ngày 16-9-1978. Ba ngày qua bệnh nhân đau bụng trên từng cơn, lan đến trước sau ngực sườn xuyên tới vai, lưng, ngày vừa rồi càng nặng thêm. Khám ngoại khoa chẩn đoán là viêm túi mật cấp đơn thuần, chuyển điều trị đông y. Bệnh nhân biểu hiện chứng hoàng đản không rõ rệt, miệng đắng họng khô, ăn uống không ngon, thỉnh thoảng lợn giọng nôn, lại có cảm giác sốt, sợ lạnh, đại tiện khô táo, kém ngủ, lưỡi đỏ nhạt, rêu vàng nhạt, mạch huyền sắc, tả quan thì huyền mà có lực. Cho bài Đại sài hồ thang gia vị, uống được 3 thang, giảm đau sườn, còn buồn nôn, rêu lưỡi vàng nhạt hơi dày, đại tiện bình thường. Vẫn cho bài trên, bỏ Đại hoàng, Hoàng cầm, thêm Hoàng liên 5g, Trúc nhự 10g, uống tiếp 3 thang, bệnh nhân chuyển biến tốt hơn, ăn uống được nhiều hơn. Bài này bỏ Trúc nhự, Chỉ thực, cho uống thêm 3 thang. Sau khi uống thuốc thì các chứng đã hết về cơ bản. Đổi sang dùng bài Tiêu dao tán gia giảm 3 thang bệnh khỏi.

Bàn luận: Viêm túi mật cấp là thuộc phạm trù "hiếp thống" của đông y. Nói chung người mà nhiệt không rõ phần lớn là thuộc khí uất, nên trước hãy dùng Tiêu dao tán để sơ can lý khí chỉ thống. Ca bệnh này có sốt rét, do đó trước hết phải thanh đởm tiết nhiệt hòa vị, ứng dụng Đại sài hồ thang gia vị mà điều trị, sau đó dùng Tiêu dao tán gia giảm, có công hiệu hoàn toàn.

135. Nhiễm khuẩn đường mật mạn tính

Biện chứng đông y: Khí trệ huyết ứ.

Cách trị: Sơ can lý khí, hành ứ tiêu đản.

Đơn thuốc: Sài hồ nga truật thang.

Công thức: Sài hồ 12g, Bạch thực 12g, Thanh bì 10g, Thái tử sâm 30g, Nga truật 12g.

Sắc uống mỗi ngày 1 thang. Lưỡi đỏ rêu vàng có thể thêm Kim tiền thảo, Nhân trần, Đại hoàng.

Hiệu quả lâm sàng: Trần XX, nữ, 34 tuổi, công nhân, sơ chẩn ngày 10/1/1976. Mười năm trước, bệnh nhân bị sỏi mật nên cắt bỏ túi mật, sau đó thỉnh thoảng phát sốt, sốt lạnh, phía phải bụng trên khó chịu, mắt vàng, đái vàng. Mỗi lần điều trị bằng thuốc thanh nhiệt lợi đờm có chuyển biến tốt, nhưng ít lâu sau lại tái phát, bệnh nhân kêu tinh thần mệt mỏi, kém ăn đại tiện lúc lỏng lúc đặc, miệng khô đắng, tiểu tiện hơi vàng. Lưỡi nhạt, rêu trắng, mạch huyền. Bụng trên ấn đau không rõ rệt. Chụp đường mật không thấy sỏi đó là đám lạc ứ trệ không được thanh lọc. Cho dùng Sài hồ nga truật thang, uống liền 7 thang, hết hẳn đau bụng, các chứng khác giảm nhiều, bệnh nhân ra viện, sau đó có uống mấy thang nữa, bệnh khỏi hoàn toàn. Theo dõi mấy năm chưa thấy tái phát.

Bàn luận: Bệnh "đản" có phân biệt âm hoàng và dương hoàng, có chia ra tại tạng tại phủ. Có người nói: "hoàng nói chung là thuộc người thấp nhiệt" như thế là sai. Cần biết "bệnh ở bách mạch, ứ nhiệt ở lý", sắc bại thì thấy vàng. Thân nhiệt nấu ở huyết, là sản phẩm khổ hàn, lại có cái hại lưu ứ. Vì vậy trị hoàng thì trước hết phải trị huyết mà hành rồi thì hoàng tự nhiên tiêu là lẽ chẳng cần bàn cãi. Phép hành ứ tiêu đản có căn cứ ở sách vở. Lấy lý khí hành huyết, phối giáng ôn thông dùng để trị sỏi mật, làm mãi càng nghiệm. Người xưa nói "bệnh lâu thì ứ nhiều" phạm điều trị mãi mà không khỏi là phần lớn liên quan đến huyết ứ do đó thường trên cơ sở biện chứng dùng thuốc, nên coi trọng sự hoạt huyết hóa ứ,

huyết mà dùng phép sơ can lý nhiệt không hiệu quả, thì thêm thuốc trị phần huyết, thường có công hiệu. Trong bài Sài hồ nga trật thang có Sài hồ để thăng phát mộc uất đối với bệnh khổ mạn sườn ngực do can khí uất trệ và các chứng hàn nhiệt do uất khí huyết lâu ngày thì rất hợp, mà lại sợ làm cho can mộc hoạt động lên, do đó đem các chất toan thu của Bạch thược nhập vào can kinh; còn Thanh bì lợi khí, Sài hồ tán khí do đó dùng Thái tử sâm để chế tính lợi tính tán của chúng; dùng Nga truật để phá huyết ở trong khí, tiêu tích thông lạc, tuy là thuốc tiết, nhưng cũng có thể ích khí, giúp cho sự tiêu trừ ứ trệ.

136. Viêm túi mật mạn tính

Biện chứng đồng y: Can khí uất kết phạm vào vị.

Cách trị: Sơ can giải uất, tiêu trệ hóa vị.

Đơn thuốc: Khoan cách lợi phủ thang.

Công thức: Thương truật 12g, Hậu phác 9g, Trần bì 9g, Sơn tra 30g, Xuyên liên 3g, Bình lang phiến 12g, Quảng mộc hương 6g, Sài hồ 9g, Chỉ xác 12g, Bạch thược 18g, Ô tặc cốt 9g, Thiên thảo 12g, Cam thảo 3g. Sắc uống, mỗi ngày 1 thang, nếu rất đau ở sườn thì thêm Nguyên hồ 9g, Uất kim 12-30g; kém ăn thì thêm Mạch nha 30g, ợ chua thì thêm Ngõa lãng tử 12g, Thích vị bì 15g; đại tiện bí thì thêm Lại phục tử 12g.

Hiệu quả lâm sàng: Trần XX nữ, 65 tuổi. Ngày thường bệnh nhân hay đau dạ dày, đã kiểm tra ở bệnh viện, chẩn đoán là viêm túi mật mạn tính. Ngày 21/3/1980 sơ chẩn. Người gầy sút, sắc mặt không tươi, ngáp liên hồi, cho biết đau dạ dày đã hơn 10 năm, sau khi ăn thịt lại càng đau dữ dội. Ăn ít, bụng đầy trướng, sôi bụng, 4-5 ngày mới đại tiện một lần, rắn, tiểu tiện ít, lưỡi đỏ nhạt, rêu dày bản, mạch huyền hoãn. Đây là các chứng thuộc về can khí uất kết, không thể sơ lợi tì thổ, tì hư không vận hành được thủy thấp cản trung, phủ khí không thông, bệnh lâu ngày vào lạc, vị lạc ứ trở. Vì phải làm thông lục phủ cho nên cần dùng phép sơ can giải uất, tiêu trệ hòa vị để điều trị. Dùng bài Khoan cách lợi phủ thang, uống liền 30 thang, các chứng đều hết. Sau đó dùng Hương sa dưỡng vị hoàn để củng cố.

137. Viêm túi mật lên cơn cấp tính kèm sỏi mật

Biện chứng đông y: Can đởm uất trệ.

Cách trị: Sơ can lợi đởm hóa ứ chỉ thống (lúc cấp tính) lý khí hỏa huyết kiện vị tiêu trệ (lúc mạn tính).

Đơn thuốc: Thanh đởm chỉ thống thang (lúc cấp tính). Phức phương kim linh tử tán (lúc mạn tính).

Công thức: Thanh đởm chỉ thống thang: Sài hồ 12g, Hoàng cầm 10g, Bán hạ 10g, Hàng thược 12g, Đại hoàng 12g (cho sau), Chỉ thực 12g, Nguyên hồ 10g, Mộc hương 10g, Trạch lan 12g, Sinh khương 6g, Đại táo 3 quả, Tam thất phân 5g (chia 2 lần chiêu với nước thuốc). Sắc uống, mỗi ngày 1 thang (lúc cần thiết có thể mỗi ngày 2 thang chia làm 4 lần).

Phức phương kim linh tử tán: Xuyên luyện tử (Kim linh tử) (sao) 30g, Nguyên hồ 30g, (tẩm dấm nướng), Uất kim 60g, Bồ công anh 60g, Kê nội kim 30g. Tất cả tán bột mịn, mỗi lần uống 6, mỗi ngày 3-4 lần, 3 thang là một liệu trình thời gian dùng thuốc kiêng ăn cay, dầu mỡ tanh.

Hiệu quả lâm sàng: Hai bài trên phối hợp điều trị hơn 100 ca đều có hiệu quả tốt. Nói chung lúc cấp tính thì dùng trên dưới 3 thang. Thanh đởm chỉ thống thang đã có thể khống chế bệnh, sau đó mới đổi sang dùng Phức phương kim linh tử tán, dùng 1-3 đợt có thể làm cho bệnh giảm hoặc khỏi hẳn. Vương XX, nữ, 50 tuổi, vốn có bệnh "tâm khẩn thống" lúc phát lúc hư, mỗi tháng lên cơn 2-3 lần, đã 10 năm nay. Mỗi khi bệnh phát thì hết sức đau đớn, đau gập người lẫn lộn, đau bụng lan âm, chụp phim, chẩn đoán là viêm túi mật mạn tính kèm sỏi mật, thường dùng kháng sinh, atropin, nhưng kết quả kém. Khi bệnh nhân đến khám thì đang lên cơn cấp tính, triệu chứng như trên, đại tiện khó táo, tiểu tiện vàng đỏ, lưỡi đỏ, rêu vàng dày, mạch huyền khẩn, củng mạc hơi vàng. Các chứng đó là can đởm uất trệ. Cho uống Thanh đởm chỉ thống thang, một thang thì đỡ, 3 thang thì các chứng hết. Sau đó đổi dùng Phức phương kim linh tử tán. Trong thời gian liệu trình thứ nhất chỉ lên cơn 2 lần, mức độ nhẹ hơn trước. Lại uống thêm một đợt nữa bệnh

nhân có cảm giác trong bụng đã thoải mái, chức năng tiêu hóa tốt, các chứng trước kia không thấy trở lại. Cho đến nay đã ngừng thuốc 3 năm, bệnh chưa tái phát.

138. Sỏi mật

Biện chứng đông y: Can khí uất kết, mộc uất hóa hỏa.

Cách trị: Sơ can lý khí, thanh nhiệt hóa trệ, lợi đờm bài thạch

Đơn thuốc: Thanh đờm hóa thạch thang.

Công thức: Sài hồ 6g, Nga bất thực thảo 15g, Diên hồ 6g, Kim tiền thảo 15g, Kim linh tử 10g, Hoàng cầm 9g, Uất kim 6g, Thông thảo 3g, Bồ công anh 12g, Bắc nhân trần 15g.

Sắc uống mỗi ngày 1 thang.

Hiệu quả lâm sàng: Dương XX, nam, 54 tuổi, công nhân, đến khám ngày 8-10-1974. Bệnh nhân đau tức bụng trên đã hơn một năm, có lúc đau kịch liệt. Thường hay đau sau lúc ăn cơm trưa, bắt đầu đau âm ỉ liên tục, rồi dần dần đau nặng thêm, xuyên bên bả vai đến mức toát mồ hôi hột, không chịu nổi. Sau điều trị xuất viện vẫn đau lại, thường miệng khô, buồn nôn, nôn mửa, ăn uống không ngon, vùng bụng đầy hơi, tiểu tiện ít mà đỏ. Lúc đau thì bụng cự án, không vàng da, chất lưỡi đỏ, rêu vàng dày, mạch tả quan huyền cấp, hữu quan huyền sắc. Đó là can khí uất kết, mộc uất hóa hỏa. Nên trị bằng phép sơ can lý khí, thanh nhiệt hóa trệ, lợi đờm bài thạch. Uống Thanh đờm hóa thạch thang 6 thang giảm hẳn đau sườn, cũng chưa thấy lên cơn đau dữ dội. Mạch tả huyền sắc, hữu huyền tế, lưỡi đỏ rêu mỏng vàng, tiểu tiện khá nhiều, can khí đã thưa thoáng, hỏa có biểu hiện đi xuống. Vẫn dùng bài thuốc trên uống thêm 4 thang nữa, hết hẳn đau. Nhưng dạ dày vẫn còn đầy tức, ăn ít, mạch tả huyền hữu tế, lưỡi đỏ rêu trắng, đó là tì gặp mộc quấy phá, do đó phải kiện tì hóa thấp, lại dùng thêm bài thuốc lý can khí (Xuyên phác 9g, Phục linh 9g, Kim linh tử 9g, Bạch thược 9g, Mạch nha 9g, Mộc hương 6g, Đảm thảo 6g, Đảng sâm 12). Sau khi uống 5 thang thì ăn được, hết tức trong dạ dày. Sau 1 tháng lại đến bệnh viện kiểm tra, chụp X quang không còn thấy sỏi mật trên phim nữa.

Bàn luận: Thanh đờm hóa thạch thang dùng khi lên cơn sỏi mật cấp, bao giờ cũng có hiệu quả. Trong bài có vị Nga bất thực thảo là kinh nghiệm dân gian được thực tiễn xác minh, thuốc này có tác dụng mạnh lợi đờm bài thạch.

139. Viêm tụy cấp (thể phù đơn thuần)

Biện chứng đông y: Can đởm thấp nhiệt uất trệ, phủ kín mất thông giáng.

Cách trị: Sơ can thanh nhiệt lợi thấp, thông phủ công hạ.

Đơn thuốc: Tả di thang.

Công thức: Sinh đại hoàng 15g, Hậu phác 10g, Chỉ xác (sao) 10g, Quảng mộc hương 10g, Bồ công anh 30g, Sài hồ 15g, Hoàng cầm 15g, Nhân trần 30g. Sắc uống nếu đại tiện bí kết thì thêm Huyền minh phấn 12g, (chiêu với nước thuốc); bụng chướng nặng thêm Bình lang 15g, Xuyên luyện tử 10g, nôn mửa nhiều thêm Khương trúc như 10g, Đại giả thạch 15g.

Hiệu quả lâm sàng: Theo dõi lâm sàng 7 ca viêm tụy cấp tính, chữa bằng bài Tả di thang gia giảm đều khỏi trong thời gian ngắn.

Ông XX, nữ 70 tuổi, vào viện ngày 23-1-1978. Đau bụng trên liên tục, bột phát thành cơn trong 2 ngày, kèm theo nôn oẹ nhiều lần, nôn ra nước, có lẫn 1 con giun. Đau lan ra vùng lưng. Nôn xong có đỡ đau bụng hơn, đã hai ngày không đại tiện. Từ khi bị bệnh ăn rất ít, miệng khô, đắng. Trước đây chưa từng bị bệnh tương tự. Kiểm tra: Dáng vẻ đau đớn cấp tính, mất nước độ nhẹ, củng mạc không vàng rõ rệt. Rêu lưỡi vàng hơi bẩn, chất lưỡi đỏ, nghe phổi không thấy tiếng ran, tim đập 90 lần/phút, nhịp đều, không có tiếng bệnh lý. Bụng phẳng, thổ bụng. Vùng giữa mũi ức và rốn có ấn đau rõ rệt, ấn đau rõ rệt nhất ở vùng bụng trên hơi lệch về bên trái, không có phản ứng thành bụng, không có hiện tượng ấn tay xuống rồi nhấc tay lên mới đau, không sờ thấy khối cục, nhu động ruột tăng nhiều, tứ chi hoạt động bình thường, da không có ban chẩn, hệ thần kinh bình thường không gây được phản xạ bệnh lý. Bạch cầu 22 000/mm³, trung tính 96%, lympho 4%, amylase huyết thanh 1024 đơn vị (phương pháp Winslow). Chẩn đoán lâm sàng là viêm tụy cấp tính (thể phù đơn thuần). Cho dùng Tả di thang thêm Huyền minh phấn 15g (chiêu với nước thuốc), Xuyên luyện tử 10g. Sắc uống 1 thang chia làm 2 lần, cách 6 tiếng uống lần thứ hai. Ngày 24-1 khám lại, sau khi uống thuốc, hết nôn, bớt đau bụng,

nhưng còn chưa đại tiện được. Cho uống thêm 1 thang nữa, sau khi uống 4 tiếng đồng hồ bắt đầu đi ngoài ra phân loãng, đi tất cả 5 lần, đau bụng dần dần dứt hẳn, thấy đói, cho một ít thức ăn lỏng. Ngày 25-1 hết đau bụng, tinh thần chuyển biến tốt, hết lợm giọng nôn oẹ, muốn ăn đã ăn được 1 chút thức ăn lỏng. Amylase huyết thanh giảm còn 32 đơn vị. Giữ ở lại viện theo dõi 1 hôm, thấy bệnh khởi ổn định cho ra viện.

140. Viêm tụy cấp

Biện chứng đông y: Thấp nhiệt, tức trở trung tiêu.

Cách trị: Thanh nhiệt giải độc thông phủ.

Đơn thuốc: Gia giảm đại thừa khí thang.

Công thức: Sinh đại hoàng 9g (cho vào sau), Nguyên minh phấn 9g (chiêu với nước huốc), Chỉ thực 12g, Sinh sơn tra 15g, Hồng đằng 30g, Bại tương thao 30g.

Sắc uống mỗi ngày 2 thang.

Hiệu quả lâm sàng: Trịnh XX, nữ, 23 tuổi. Khám ngày 9-3-1973. Người bệnh buổi trưa hôm trước ăn quá nhiều thịt mỡ, đến đêm đau bụng trên dữ dội, cự ấn, đau lan ra vùng sống lưng, lợm giọng buồn nôn, miệng khô, bí đại tiện. Hiện sốt 38 độ C, xét nghiệm bạch cầu 17100/mm³, trung tính 82%, amylase, huyết thanh 1600 đơn vị. Mạch tiểu huyền, rêu lưỡi mỏng vàng bẩn. Đây là do thấp nhiệt cùng tắc trở trung tiêu, lan đến tụy tạng, không thông được thì đau. Cấp tốc dùng phép thanh nhiệt giải độc thông phủ, cho dùng bài thuốc Gia giảm đại thừa khí thang, uống hết 1 thang liền bớt đau bụng, uống hết 2 thang đau bụng khỏi hẳn, hết sốt. Xét nghiệm máu thường quy và amylase huyết thanh đều trở lại bình thường.

Bàn luận: Viêm tụy cấp tính đối với đông y thuộc phạm trù "vị tâm thống", cổ nhân có câu "đau tâm vị phải dụng hiệp dược". Chữa bằng bài thuốc Gia giảm đại thừa khí thang dùng cho gần 100 trường hợp bệnh viêm tụy cấp tính, luôn thu được kết quả tốt. Trong bài thuốc, vị Đại hoàng đắng hàn tả hỏa giải độc, tẩy sạch dạ dày và ruột, Mang tiêu mạn hàn, nhuận táo, nhuận kiên, phá kết, Chỉ thực đắng ôn, hành khí phá kết, trừ đầy; Sơn tra tiêu thức ăn thịt, thoát mủ tiêu thũng, 6 vị trên phối hợp thuốc tụy ít nhưng có tác dụng đúng bệnh, vì thế mà khỏi bệnh.

141. Viêm tụy cấp

Biện chứng đông y: Bạo ẩm thương tì, tì vị không thực hiện được chức năng thông giáng khí.

Cách trị: Thông lý công hạ.

Đơn thuốc: Giảm vị đại hãm hung thang.

Công thức: Đại hoàng phân (sống) 9-15g, Huyền minh phân 15-30g, hai thứ bột thuốc pha vào 200 ml nước, chia uống lần trong 6 giờ. Nếu sau 6 giờ mà không đi ngoài được thì lại dùng 1 lượng thuốc trên pha vào 200 ml nước, uống 100 ml, còn 100 ml thụt giữ lại ở ruột, lấy đi ngoài làm chuẩn. Sau khi đi ngoài được mọi chứng cấp tính sẽ giảm bớt rõ rệt. Lúc đó lại điều trị theo biện chứng, có thể tiếp tục chữa bằng bài thuốc Gia giảm đại sài hồ thang cho đến khi khỏi.

Hiệu quả lâm sàng: Theo dõi điều trị 100 bệnh nhân, trong đó có 6 trường hợp viêm tụy xuất huyết cấp tính, amylase niệu phần lớn trên 1024 đơn vị (Phương pháp Winslow). Điều trị bằng cách trên, toàn bộ đều khỏi bệnh, người khỏi nhanh nhất mất 4 ngày, người lâu nhất 60 ngày. Bình quân sau 3,26 ngày điều trị amylase giảm xuống mức bình thường.

142. Viêm tụy cấp

Biện chứng đông y: Nhiệt nội không thoát hết, khí âm đều hư, ra mồ hôi vong dương.

Cách trị: Dưỡng âm thanh nhiệt, ích khí liễm hãn.

Đơn thuốc: Sinh mạch tán hợp nhị giáp long mẫu thang gia giảm.

Công thức: Mạch đông 15g, Ngũ vị tử 9g, Bạch thược 12g, Hoàng kỳ 18g, Miết giáp 10g, (sắc trước), Bạch vi 6g, Thạch斛 10g, Long cốt, Mẫu lệ (nung) mỗi thứ 30g, (sắc trước).

Sắc uống mỗi ngày 1 thang. Với bệnh nhân dương hư muốn thoát thì thêm Phụ tử; khí hư nặng thì thêm Nhân sâm (hay Đảng sâm); huyết hư thì thêm Thục địa, Đương quy; huyết nhiệt thì thêm Sinh địa, Đơn bì; nhiệt độc nội thịnh hoặc thấp nhiệt uẩn chứng thì tùy chứng mà thêm thuốc thanh nhiệt giải độc hay thanh nhiệt hóa thấp.

Hiệu quả lâm sàng: Ngô XX, nam, 58 tuổi, nhân viên. Người bệnh ăn cơm trưa ở nhà bạn, lúc về giữa đường đột nhiên thấy ớn lạnh, toàn thân khó chịu, tiếp theo là đau vùng bụng trên và sườn. Ngay hôm đó chuyển đến khám chữa ở một bệnh viện, cho uống tetramycin, sau vẫn không chuyển. Hôm sau kiểm tra: bạch cầu 18000/mm³, trung tính 84%, lympho 12%, đơn nhân 4%. Kiểm tra nước tiểu: bilirubin dương tính, urohilinogen 1:70, xử lý theo bệnh viêm túi mật cấp tính, cho dùng tetracyclin, thuốc nước lợi đờm... Dùng thuốc xong vẫn không có hiệu quả rõ rệt. Bệnh nhân cảm thấy sợ lạnh, phát sốt, ra mồ hôi, lườn và bụng đau dữ hơn. Đến ngày thứ tư mới đến đây xin chữa. Qua kiểm tra, số lượng bạch cầu vẫn cao, amylase niệu 1200 đơn vị, chẩn đoán là viêm tụy cấp tính. Cho thuốc kháng sinh, truyền dịch, tụy sốt có lui, bụng cũng bớt đau, nhưng vẫn ra nhiều mồ hôi và ngày càng nhiều hơn. Theo đó các chứng cũng trầm trọng thêm. Gia đình bệnh nhân xin cho dùng thuốc đông y. Xem bệnh nhân dáng tiêu tụy, sắc mặt trắng bệch, vẻ mệt mỏi, tứ chi không ấm, ăn uống kém, miệng khát đòi nước uống, tìm hồi hộp, mất ngủ, bụng sườn đau nhất là phía bên trái. Lưỡi

bệu, rìa lưỡi có hàn răng, giữa lưỡi không có rêu, xung quanh có rêu vàng mỏng, mạch tế sác vô lực.

Người nhà kể thay: ngày thứ hai từ khi phát bệnh có ra mồ hôi, ban ngày ra ít ban đêm ra nhiều, khi tỉnh thì ít mồ hôi, hễ cứ ngủ là mồ hôi nhiều. Tối hôm gần đây đi ngủ mồ hôi ra ướt đầm như vừa dội nước tắm, mỗi tối phải thay quần áo lót đến 2-3 lần. Tổng hợp mạch chứng, bệnh nhân bị đau sườn bụng cấp tính (viêm tụy cấp) vì bệnh tình kéo dài nên lúc này chủ yếu chứng thuộc âm hư nhiệt uất, dương khí suy, phải dưỡng âm thanh nhiệt, ích khí liễm hãn. Cho dùng bài Sinh mạch tán hợp Nhị giáp long mẫu thang gia giảm, uống liền 2 thang, mồ hôi giảm nhiều, ngủ tốt hơn, nhưng vẫn thấy khát đòi uống nước. Giữ nguyên bài thuốc cũ cho thêm Thiên hoa phấn 9g, uống 1 thang mồ hôi tiếp tục giảm, tứ chi từ lạnh chuyển sang ấm, giấc ngủ khá yên ổn, ăn uống khá hơn, đau bụng, sườn cũng đỡ. Chỉ còn mệt mỏi, yếu sức, tinh thần không phấn chấn, mạch tế vô lực. Cách chữa có hiệu quả, vẫn dùng bài thuốc này bỏ Thiên hoa phấn mà thêm Đảng sâm 15g, uống 1 thang mồ hôi dứt hẳn, tinh thần chuyển biến tốt, các chứng lui dần. Tiếp tục thanh nhiệt sinh tân, điều dưỡng khí huyết để củng cố về sau.

Bàn luận: Qua thực tiễn lâm sàng nhận thấy dùng bài Sinh mạch tán hợp nhị giáp long mẫu thang gia giảm điều trị viêm tụy cấp không những có thể áp dụng vào các giai đoạn phát triển của bệnh mà đối với viêm tụy cấp kèm choáng thời gian sớm thì điều trị vẫn có kết quả rất tốt.

Trong bài thuốc, vị Mạch đông tươi nhuận, Thạch học dưỡng âm, dùng tính ngọt, hàn của nó để thanh nhiệt sinh tân. Miết giáp phối hợp với Bạch vị ích âm tiết nhiệt, hợp với Bạch thược có thể trừ được hư nhiệt ở phần âm; Long cốt, Mẫu lệ an thần, nung lên sẽ kiêm thêm tác dụng thu liễm, làm hết mồ hôi, lại cho Ngũ vị phụ tá vào càng tăng cường khả năng thu mồ hôi, an thần; Hoàng kỳ ích khí cố biểu, tăng thêm lượng dụng, lại hỗ trợ với Long mẫu nung, Ngũ vị tử sẽ càng phát huy công hiệu ích khí liễm nhiệt. Tổng hợp tính năng các vị thuốc sẽ đạt được tác dụng dưỡng âm thanh nhiệt, ích khí, liễm hãn.

143. Viêm tụy cấp

Biện chứng đông y: Can uất khí trệ, nhiệt náu ở tì vị.

Cách trị: Thư can lý khí, thanh nhiệt táo thấp, thông lý công hạ.

Đơn thuốc: Thanh di thang.

Công thức: Sài hồ 16g, Hoàng cầm 10g, Hồ liên 10g, Bạch thược 15g, Mộc hương 10g, Nguyên hồ 10g, Đại hoàng 15g (cho sau), Mang tiêu 10g (chiêu với nước thuốc).

Sắc uống mỗi ngày 1 thang. Với người đau nặng có thể tùy tình hình thêm thuốc hành khí hoạt huyết; nhiệt nặng thì thêm thuốc thanh nhiệt giải độc; có giun thì thêm Sủ quân tử, Khổ luyện căn bì, Bình lang; nếu có kèm huyết hoại tử mới được cho thêm Đại hãm hung thang (Cam toại mặt 1g, Đại hoàng 15-30g cho sau, Mang tiêu 10-15g chiêu uống với nước thuốc).

Hiệu quả lâm sàng: Tính từ năm 1961 đến nay, đã dùng bài Thanh di thang có gia giảm để điều trị lâm sàng chữa các loại viêm tụy cấp tính, tổng cộng hơn 1.100 trường hợp. Phân tích thống kê cho thấy: chữa khỏi lâm sàng 72%, khỏi về cơ bản 21,5%, điều trị bằng phẫu thuật hay giữa chừng chuyển sang mổ 2,3%, tử vong 0,9%. Còn lại là chữa ở phòng khám nên không theo dõi được kết quả.

144. Nhiễm khuẩn cấp đường tiết niệu

Biện chứng đông y: Thấp nhiệt trú hạ tiêu, uẩn kết bàng quang.

Cách trị: Thanh nhiệt giải độc, lợi thấp thông lâm, hành khí hoạt huyết.

Đơn thuốc: Gia vị ngân bồ tiêu độc ẩm.

Công thức: Bồ công anh 30g, Kim ngân hoa 20g, Kim tiền thảo 30g, Đan sâm 12g, Hương phụ 6g, Tiểu kế 15g, Bạch mao căn 15g, Phù bình 15g, Đại phúc bì 10g. Sắc uống, mỗi ngày 1 thang, chia 4 lần.

Hiệu quả lâm sàng: Bài thuốc Gia vị ngân bồ tiêu độc ẩm có tác dụng thanh nhiệt giải độc, lợi thấp thông lâm, hành khí hoạt huyết. Các nghiên cứu của dược lý học hiện đại đã chứng minh bài này có tác dụng như một kháng sinh phổ rộng. Nếu dựa trên cơ sở bài thuốc này mà kết hợp biện chứng gia giảm, dùng để điều trị các bệnh nhiễm khuẩn hệ tiết niệu thường hiệu quả rất nhanh. Mấy năm lại đây đã dùng bài này làm thuốc cơ bản gia giảm để điều trị 4 trường hợp nhiễm khuẩn hệ tiết niệu, nói chung chỉ uống 2-4 thang là các chứng chuyển biến rõ rệt, 5-9 thang thì nước tiểu chuyển âm tính, trong số đó có 5 bệnh nhân nằm viện điều trị nên có phối hợp với kháng sinh, còn lại 49 trường hợp đều là chữa ngoại trú dùng bài thuốc này đều có kết quả tốt.

145. Viêm cầu thận cấp

Biện chứng đông y: Phong hàn át biểu, vệ khí bị uất.

Cách trị: Sơ phong phát biểu, tuyên phế lợi thủy.

Đơn thuốc: Ma hoàng thang gia vị.

Công thức: Ma hoàng 5g, Hạnh nhân 10g, Phù bình 8g, Quế chi 5g, Tử tô diệp 13g, Phòng kỷ 15g, Tang bì 13g, Đinh lịch tử 13g. Sắc uống, mỗi ngày 1 thang.

Hiệu quả lâm sàng: Trương XX, nam, 34 tuổi, nông dân. Mặt bệnh nhân bị phù, nửa thân trên nặng, kèm theo đau đầu, nhức tay chân, hàn nhiệt, ngực đầy tắc, không nằm thẳng được. Xét nghiệm nước tiểu: hồng cầu (++) , albumin (++) , trụ hạt (+), bạch cầu (ít). Chẩn đoán là viêm cầu thận cấp, vào viện điều trị. Từng dùng thuốc tây nhưng không kết quả, đổi sang đông y. Cho dùng 2 thang Ma hoàng thang gia vị. Sau khi uống thuốc, ra ít mồ hôi, hơi bớt phù, các chứng khác có giảm. Khám lại lần thứ hai, phù tuy nhẹ bớt, nhưng vẫn không nằm thẳng được lâu, đôi lúc ho, rêu lưỡi trắng bản, mạch phù nhu. Theo nguyên tắc phù từ lưng trở lên phải cho ra mồ hôi, đã tiến hành phát hãn lợi thủy để trong ngoài cùng tiêu. Lại dùng bài Ma hoàng thang gia vị, thêm Xuyên phác 7g. Uống 2 thang, phù rút quá nửa. Vẫn giữ nguyên bài thuốc, giảm Phù bình xuống còn 4g, uống tiếp 2 thang. Bệnh khỏi ra viện.

146. Viêm cầu thận cấp

Biện chứng đông y: Thấp nhiệt rót xuống dưới, đốt làm thương tổn âm của thận và bàng quang.

Cách trị: Thanh nhiệt lợi niệu chỉ huyết.

Đơn thuốc: Gia vị đạo xích thang.

Công thức: Sinh địa 12g, Mộc thông 12g, Cam thảo tiêu 6g, Trúc diệp 9g, Biển súc 12g, Thạch vĩ 12g, Đại tiểu kế 30g, Hải kim sa 12g, Bạch mao căn 30g. Sắc uống mỗi ngày 1 thang.

Hiệu quả lâm sàng: Lý XX, nam, 18 tuổi, học sinh. Tới khám ngày 14-4-1963 mắc bệnh đã 2 tuần, đi tiểu nhiều lần, cấp, nóng và đau ống đái, đái máu. Lưng đau phát sốt, đầu vàng, phù, sắc mặt đỏ tím, lưỡi đỏ, rêu mỏng màu vàng, thở gấp. Mạch huyền sắc xích nhu sắc. Thử nước tiểu: hồng cầu đầy vi trường, bạch cầu 6-8 cái, albumin (++) . Tây y chẩn đoán là viêm cầu thận cấp. Đây là bệnh huyết lâm thể thấp nhiệt, chữa phải theo phép thanh nhiệt lợi niệu chỉ huyết. Cho dùng bài Gia vị đạo xích thang. Uống 5 thang, các chứng tiểu tiện nhiều lần, đau nóng ống đái giảm quá nửa, hết đái máu, phù cũng rút quá nửa. Đó là biểu hiện sự khí hóa của tam tiêu đang dần phục hồi, thấp nhiệt sắp rút. Cho uống tiếp 8 thang tiểu tiện trở lại bình thường, hết phù, các chứng khác đều hết. Xét nghiệm nước tiểu đã bình thường. Khuyến uống thêm 3 thang nữa để củng cố hiệu quả.

Bàn luận: Đây là chứng huyết lâm do thấp nhiệt rót xuống thiêu đốt làm tổn thương âm lạc của thận và bàng quang. Nếu mạch huyền sắc, xích nhu sắc, đó là mạch thấp nhiệt, còn mặt đỏ, lưỡi đỏ, rêu mỏng vàng, đầu vàng, sốt nóng đều là biểu hiện tà của thấp nhiệt uất mà bốc lên. Phù là triệu chứng, thấp nhiệt bị tắc trệ, tam tiêu mất chức năng khí hoá, huyền phù không thông thoát, thấp tà đọng lại; còn tiểu tiện nhiều lần, đi tiểu nóng, đau, đái máu, đau lưng là do thấp nhiệt rót xuống hạ tiêu, đốt tổn thương âm lạc. Chữa bệnh này phải thanh nhiệt lợi niệu lương huyết cầm máu. Trong bài Gia vị đạo xích thang chú trọng dùng Đại tiểu kế, Bạch mao căn để thanh thấp nhiệt, khôi phục âm lạc, cầm đái máu, bệnh khỏi.

147. Viêm cầu thận cấp

Biện chứng đông y: Thấp làm rối trung tiêu, ngoại cảm phong hàn.

Cách trị: Giải biểu lợi niệu, hành khí tiêu thủy.

Đơn thuốc: Phong thủy thang.

Công thức: Bồ công anh 15g, Ngưu tinh thảo 15g, Sinh hoàng kỳ 20g, Tiêu bạch truật 10g, Tang bì 10g, Trần bì 10g, Đại phúc bì 10g, Lai phục tử 15g, Trần hương 2g, Râu ngô 12g. Sắc uống mỗi ngày 1 thang.

148. Viêm cầu thận cấp

Biện chứng đông y: Ngoại tà tập phế, phế khí ung uất không thông.

Cách trị: Sơ phong giải biểu, tuyên phế lợi thủy.

Đơn thuốc: Phong thủy thũng hiệu phương.

Công thức: Thoa bồ đào 20g, Thấu cốt thảo 20g, Tùng la trà 20g, Ma hoàng 20g, Đại táo 7 quả. Sắc uống, mỗi ngày 1 thang.

Hiệu quả lâm sàng: Lý XX, nữ, 30 tuổi, xã viên. Bệnh nhân 1 tháng trước đây bị cảm, viêm amidan. Mấy ngày gần đây đột nhiên mặt và mắt phù, chườm đắp ba ngày phù toàn thân, kèm theo sốt nóng, sợ gió, đôi lúc bị ho, chân tay đau nhức nhối, tiểu tiện kém. Vì bệnh tình phát triển nhanh nên tới cấp cứu. Khám thấy các chứng nêu trên, rêu lưỡi trắng, mạch phủ hoãn. Bệnh này thuộc phong thủy thũng. Phổi vốn coi việc túc giáng, chủ việc tuyên thông khí hóa, là đầu nguồn trên của nước. Nay vì do tà xâm nhập vào phế, phế khí ung uất không thông, do đó mất chức năng điều hòa thủy đạo dẫn xuống bàng quang. Chữa nó phải sơ phong, giải biểu, tuyên phế lợi thủy. Cho dùng bài thuốc Phong thủy thũng hiệu thang. Uống hết 1 thang, phù nề rút bớt thân thể cảm thấp nhẹ nhõm. Uống hết 3 thang, phù nề rút hết, vui vẻ về nhà. Về sau bệnh nhân biên thư cho biết bệnh không tái phát.

Bàn luận: Trong bài thuốc trên, Thoa bồ đào và Thấu cốt thảo sơ phong giải biểu, Ma hoàng, Tùng la trà tuyên phế lợi thủy. Nếu không có Tùng la trà có thể thay bằng Hoa trà, không có Thoa bồ đào có thể thay bằng Bạch bồ đào. Uống xong ra mồ hôi.

149. Chứng tăng urê huyết hay viêm cầu thận cấp suy thận

Biện chứng đông y: Thấp khốn tỳ dương, trọc âm thượng nghịch.

Cách trị: Ôn dương giáng trọc, hành khí lợi thủy.

Đơn thuốc: Ôn dương giáng trọc thang.

Công thức: Phục phụ tử 10-15g, Đại hoàng 10-15g, Bán hạ 10-15g, Hậu phác 10g, Hắc bạch sử 15g, Trạch tả 15-30 g, Sinh khương 10-15g. Sắc uống mỗi ngày 1 thang. Tùy bệnh tình mà thêm Trần bì, Sinh mẫu lệ để tăng thêm hiệu quả. Nếu đau đầu, huyết áp cao thì thêm Câu đằng; sốt nóng thì thêm Liên kiều; ăn không được thì thêm Cốc mạch nha; khí hư hàn thịnh thêm Quế chi, Nhân sâm.

Hiệu quả lâm sàng: Đã dùng bài Ôn dương giáng trọc thang làm cơ bản, có gia giảm tùy chứng, kết hợp với tây y để điều trị 10 trường hợp chứng tăng urê huyết do viêm thận cấp tính, mạn tính gây nên, kết quả 8 trường hợp khỏi, 1 trường hợp đỡ, 1 trường hợp chưa khỏi đã tự động bỏ về.

150. Viêm cầu thận mạn

Biện chứng đông y: Tì thận dương hư.

Cách trị: Ôn dương lợi thủy, kiện tì bổ thận.

Đơn thuốc: Phức phương tam thảo thang.

Công thức: Bạch truật 9g, Trạch tả 9g, Vân linh bì 24g, Quế chi 4,5g, Ngưu tinh thảo 30g, Lộc hàm thảo 30g, ích mẫu thảo 30g, Xa tiền tử 15g, Đảng sâm 24g, Phụ tử 9g.

Sắc uống mỗi ngày 1 thang. Cứ 15 ngày là một đợt điều trị, uống cho đến khi chứng bệnh khỏi hẳn thì bỏ Phụ tử, tiếp tục uống 1 tháng nữa để củng cố.

Hiệu quả lâm sàng: Diệp XX, nam, 45 tuổi. Khám lần đầu ngày 3-11-1977. Người bệnh 8 năm trước bị viêm cầu thận cấp, điều trị ở một bệnh viện bằng corticoid đã đỡ và ra viện, sau bệnh lại tái phát, chữa chạy nhiều mà không khỏi. Khi bệnh nhân đến khám, mặt phù bụng báng lưng đau mỏi, sợ rét, các chi lạnh, mặt tái, yếu sức mệt mỏi, lưỡi bệu, mạch trầm nhược. Xét nghiệm nước tiểu: albumin niệu (+++), hồng cầu (++). Chứng này là tì thận dương hư, chữa nó phải ôn dương lợi thủy, kiện tì bổ thận, cho dùng bài Phức phương tam thảo thang có thêm Dâm dương hoắc 9g, Mao căn 30g. Sau khi uống 5 thang, xét nghiệm lại: albumin (++), trụ niệu (++), hồng cầu (+). Uống bài thuốc trên có gia giảm tùy chứng bệnh, tổng cộng 15 thang, các chứng đều hết. Xét nghiệm nước tiểu chuyển âm tính. Cuối cùng lại uống bài trên, bỏ Phụ tử, liền trong 1 tháng để củng cố. Đến tháng 2-1979 hỏi thăm, được biết kiểm tra chức năng thận và nước tiểu đều bình thường, có thể tham gia lao động nông nghiệp.

Bàn luận: Theo dõi lâm sàng thấy dùng bài Phức phương tam thảo thang để chữa viêm cầu thận mạn thể tì thận dương hư, đạt hiệu quả khá tốt. Nhất là trong khi tây y đang bỏ dần hormon, phối hợp điều trị bằng đông y không những có thể chuyển albumin niệu thành âm tính mà hiệu quả lại được củng cố. Có 20 trường hợp hồ sơ bệnh án khá đầy đủ, kết quả điều trị đều tốt.

151. Viêm thận mạn

Biện chứng đông y: Tì thận dương hư, thấp có tì dương, bệnh lâu ngày khí hư gây ứ đọng.

Cách trị: Ôn bổ thận dương, kiện tì hóa thấp, dưỡng huyết hoạt huyết hóa ứ.

Đơn thuốc: Chân vũ thang, Phòng kỉ phục linh thang gia giảm.

Công thức: Hoàng kỳ 6g, Phụ tử 5g, (cho trước), Phòng kỉ 9g, Quế chi 5g, Phục linh 15g, Dâm dương hoắc 15g, Đan sâm 30g, Đảng sâm 15g, Đương quy 15g. Sắc uống mỗi ngày một thang.

Hiệu quả lâm sàng: Dương XX, nam, 55 tuổi, nông dân. Tới khám ngày 12-1977. Bệnh nhân kể: 5 năm trước bị phù thũng, đi tiểu nhiều lần, đau lưng, nằm viện điều trị đã đỡ rồi ra viện, lúc đó đã hết phù. Vài năm sau thường thấy lưng đau căng, đứng nhiều thì đau nặng thêm. Tiểu tiện nước giải trong lúc đầu thì ít khi đi nhiều, sau thường xuyên đi nhiều. Nhiều lần đến bệnh viện xét nghiệm nước tiểu, albumin từ (++) đến (+++). Mấy năm nay dùng nhiều loại thuốc tây y, đông y, song ngày càng suy nhược, lưng đau, sợ lạnh, sức yếu, chân tay nặng nề. Khi tới khám bệnh nhan sắc mặt tái, dinh dưỡng kém, lưỡi trắng nhạt, rêu trắng trơn, mạch trầm, tế, huyền. Huyết áp 160/3 mmHg. albumin niệu (+++), có ít hồng cầu. Chứng này là tì thận dương hư, thấp khốn tì dương, bệnh lâu ngày khí hư ứ đọng. Trị nó phải ôn bổ thận dương, kiện tì hóa thấp, dưỡng huyết hoạt huyết hóa ứ. Cho dùng Chân vũ thang, Phòng kỉ phục linh thang gia giảm, uống 3 thang. Khám lại: albumin niệu hết, giảm đau lưng, đi tiểu bình thường. Cho uống 3 thang nữa để củng cố. Sau đó nhiều lần xét nghiệm nước tiểu đều không thấy albumin niệu. Bệnh nhân cứ cách vài ngày cho đến nửa tháng lại uống 1 lần. Theo dõi 3 năm tiểu tiện luôn bình thường, tinh thần ngày một tốt, có thể tham gia lao động bình thường.

Bàn luận: Trường hợp bệnh nhân viêm thận mạn tính này biểu hiện ra thể chất ngày một suy, albumin niệu suốt 5 năm không giảm. Cho nên trong bài thuốc chủ yếu là để tráng thận dương, trọng dụng Hoàng kỳ để bổ khí mà tráng dương, trước sau bổ đồng

thời dưỡng huyết hoạt huyết, phù chính ép hư thì ứ bị trừ. Dù bệnh lâu ngày nhưng vẫn có công hiệu nhanh chóng, thể chất phục hồi, albumin niệu mất, hiệu quả củng cố.

152. Viêm cầu thận mạn (thể phù)

Biện chứng đông y: Tì thận dương hư, thủy thấp nội đình, khí huyết ứ trệ.

Cách trị: Hoạt huyết hóa ứ, lợi thủy tiêu thũng.

Đơn thuốc: Gia vị hóa ứ thận viêm phương.

Công thức: Ích mẫu thảo 30g, Đan sâm 15g, Dương quy 15g, Mao căn 15g, Xa tiền tử 15g, Trạch tả 15g, Hồng hoa 12g, Xuyên khung 12g, Ngưu tất 12g, Bạch truật 12g, Ma hoàng 10g. Sắc uống mỗi ngày 1 thang.

Hiệu quả lâm sàng: Dương XX, nữ, 26 tuổi. Năm 1971 bị viêm cầu thận cấp. Sau đó bị phù, vàng đầu, đau lưng, tái phát liên tục, từng nằm viện 2 lần, chẩn đoán viêm cầu thận mạn, tinh thần không phấn chấn, lời nói, đầu vàng, mắt hoa, tứ chi lạnh, toàn thân căng đau, lưng mỏi, chân mềm yếu, nước tiểu ít, trong, tắt kinh đã 2 năm. Rêu lưỡi trắng bản, lưỡi tím, rìa lưỡi có điểm ứ, mạch trầm sắc. Xét nghiệm nước tiểu: albumin (+++, bạch cầu 0-4, hồng cầu 0-2). Cho dùng 6 thang bài thuốc trên. Khám lần thứ hai: tinh thần khá hơn, lượng nước tiểu tăng, bớt phù nề, lưng và khớp tứ chi đau lạnh. Cần phải hoạt huyết hóa ứ, ôn dương lợi thủy. Uống bài thuốc trên bỏ Ma hoàng, Mao căn, thêm Nhục quế 3g, Ba kích 15g, Bồ cốt chỉ 12g, 6 thang. Khám lần thứ ba: hành kinh, phù cơ bản rút hết, lưng và khớp chân tay đỡ đau, lạnh. Xét nghiệm nước tiểu: albumin (+), bạch cầu 0-2. Tiếp tục ôn thận kiện tì bằng bài thuốc: Chế phụ phiếu (sắc trước), Bạch truật mỗi thứ 10g, Ba kích thiên, Độc hoạt, Phục linh mỗi thứ 12g, Nhục quế 3g, (tán bột, chiêu với nước thuốc). Uống 10 thang, khám lại lần thứ 4: mọi chứng ở toàn thân đều hết. Xét nghiệm nước tiểu bình thường. Uống tiếp 5 thang bài thuốc trên để củng cố. Theo dõi 2 năm, không thấy tái phát, có thể tham gia lao động.

Bàn luận: Sự vận hành của nước trong cơ thể dựa vào sự vận chuyển của tì, khí, sự điều hòa của phế khí và sự đóng mở của thận khí. Nếu phế, tì, thận mất chức năng thì vận hành của nước trong cơ thể bị trở ngại, thủy thấp dừng ứ bên trong, trào dâng mà thành

phù. Thấp là âm tà, rất dễ làm trở ngại làm tắc khí cơ, thương tổn dương khí, lâu ngày dương hư hàn thắng, hàn thấp ngưng trệ, thì huyết không thông, dẫn tới khí trệ mất đi thì khí huyết lưu thông, phế, tì, thận phục hồi chức năng sinh lý, thông đường tuần hoàn nước, các chứng sẽ hết. Vì bệnh này hư thực lẫn lộn song gốc là hư, nên sau khi trừ được ứ trệ, phải kịp thời bổ hư trị gốc mà củng cố hiệu quả điều trị.

153. Chứng tăng urê huyết (viêm cầu thận mạn, suy thận)

Biện chứng đông y: Thận dương suy, trọc tà nội trở.

Cách trị: Ôn dương tả hạ.

Đơn thuốc: Giáng đạam thang.

Công thức: Thục phụ tử 30g, Sinh đại hoàng 30g, Mẫu lệ (nung) 50g.

Sắc đặc còn 150ml, hòa thêm 15g, Nguyên minh phấn 15g, đờ cho ấm rồi thụt giữ ở ruột, ngày 1 lần.

Hiệu quả lâm sàng: Tiên XX, nam, 44 tuổi. Người bệnh mắc tăng huyết áp đã 3-4 năm, rồi mặt phù, lợm giọng, nôn mửa, bệnh viện chẩn đoán là viêm cầu thận mạn. Sau đó nhiều lần chữa thuốc đông tây, bệnh vẫn dai dẳng không dứt. Cách 1 năm, do mặt phù, lợm giọng, nôn mửa nặng thêm nên đến khám. Kiểm tra: dự trữ kiềm 44,3 dung tích %, đạam phi protit 123 mg%, K+14,7 mg%. 12 ngày sau đột nhiên hôn mê, tứ chi co giật, nôn ra chất màu cà phê, phân đen. Kiểm tra: dự trữ kiềm 36,6 dung tích %, đạam phi protit 206 mg%, K+20mg%. Na+230mg%, chẩn đoán là chứng tăng urê huyết, nhận vào viện. Kiểm tra: ngủ mê mệt, sắc mặt đen sạm, da toàn thân khô, mép và miệng có máu chảy rỉ ra, đồng tử to bằng nhau, còn phản ứng với ánh sáng, tim đập đều, tần số 84 lần/phút, vùng trước tim tiếng thổi độ I ở van 2 lá, không nghe thấy tiếng cọ sát màng tim, phổi (-), gan ở dưới bờ sườn 1,5cm, dưới mũi ức 3cm, chất không cứng. Lách không sờ thấy. Huyết áp 140/110mmHg, albumin niệu (+), hồng cầu (+), có ít bạch cầu. Ngón tay có khi co giật ngắt đoạn. Đại tiểu tiện đều không đi được. Lưỡi khô, bệu, rêu vàng đen, miệng hôi, mạch tế, trầm, huyền. Chứng này là âm dương đều kiệt, khí huyết đều suy, chính khí thiếu thốn, trọc tà dấy lên, che ngăn thanh không, xâm vào quyết âm. Trị bệnh phải một mặt phù chính, ích khí sinh tân và bổ âm dương, cho dùng Nhân sâm, Phong học làm trà uống, lại uống thêm Kim quĩ thận khí hoàn, mặt khác phải khử tà, bên trong dùng bài thuốc sắc ghi ở trên để phân thanh hóa trọc, lại dùng bài quý dương nghiệm phương: Bội lan, Xuyên liên,

Xương bồ, Viễn chí, Trúc nhự, Thái tử sâm, Đại giả thạch (nung), Sinh địa. Bên ngoài dùng thuốc thấm phân màng bụng bài Giáng đạ thang sắc đặc 150ml hòa với Nguyên minh phân để thụt giữ ở ruột, mỗi ngày 1 lần. Điều trị như thế trong 10 ngày, đạ phi protit giảm còn 123 mg%, điều trị sau 1 tháng giảm còn 42,5mg% thì cho ra viện.

Bàn luận: Qua theo dõi lâm sàng, dùng Giang đạ thang thụt giữ ở ruột quả có thể làm giảm bệnh, giảm đạ phi protit ứ đọng trong máu. Phối hợp với các phương pháp khác để chữa chứng tăng urê huyết thì có thể thu được hiệu quả tương đối tốt.

154. Viêm bể thận

Biện chứng đông y: Thấp nhiệt nội uẩn, trút xuống bàng quang, mất chức năng khí hóa, thủy đạo bất lợi.

Cách trị: Thanh nhiệt, lợi thấp, lợi niệu, thông lâm.

Đơn thuốc: Ngân bồ tiêu độc ẩm.

Công thức: Bồ công anh 30-40g, Kim ngân hoa 15-30g, Lục nhất tán 12g, Đan sâm 12g, Hương phụ 6g.

Sắc uống mỗi ngày 1 thang. Nếu kèm theo chứng sợ rét sốt nóng thì thêm Tang diệp 9g, Bạc hà 9g, nếu nước tiểu đỏ thì thêm Tiểu kế 12g, Ngẫu tiết 12g. nếu bệnh lâu ngày cơ thể hư nhược thì thêm Dương quy 12g, Đảng sâm 12g.

Hiệu quả lâm sàng: Ứng dụng bài Ngân bồ tiêu độc ẩm, có gia giảm tùy từng bệnh nhân, đã chữa cho 36 trường hợp viêm bể thận cấp tính, mạn tính, kết quả khỏi hẳn 30 trường hợp, chuyển biến tốt 3 trường hợp, vô hiệu quả 3 trường hợp. Lý XX, nữ, 39 tuổi, công nhân. Khám lần đầu ngày 23-4-1972. Lâm sàng chẩn đoán viêm bể thận mạn đã 1 năm rưỡi, 10 ngày trước đây lại thấy bệnh nhân nặng lên tiểu tiện đau, nóng, dâm dề không ngớt, lưng đau, miệng khát, chất lưỡi đỏ, mạch hoạt sắc. Xét nghiệm nước tiểu: albumin (++) , hồng cầu, bạch cầu đều tăng. Đây là chứng thấp nhiệt tà độc, nội kết bàng quang mất chức năng khí hóa thủy đạo bất lợi. Chữa nó phải thanh nhiệt lợi thấp, lợi niệu thông lâm. Cho dùng bài Ngân hồ tiêu độc ẩm thêm Hoàng bá 9g, Thạch vi 12g, Biển súc 12g, uống 10 thang thì tiểu tiện thông các chứng bệnh đều giảm, chỉ còn đau mỗi thắt lưng bên phải, đầu vàng, chân tay mềm yếu, bụng đầy kém ăn. Lưỡi chuyển màu hồng nhạt, mạch tế sắc. Đó là tà còn sót lại chưa hết, tì thận dương hư. Lấy bài thuốc trên bỏ Thạch vi, Biển súc, thêm Tang kí sinh 9g, Câu kỉ 9g, Tật lê 9g, Tiêu tam tiên 9g. Uống hết 5 thang, xét nghiệm nước tiểu bình thường, các chứng đều hết, bệnh khỏi.

Bàn luận: Trong bài thuốc này, vị Bồ công anh theo sách Bản thảo bị yếu coi là "thông lâm diệu phẩm"; Ngân hoa thanh nhiệt; Lục nhất tán lợi thủy thông lâm; thấp nhiệt ứ nấu trong bị tiêu trừ, thông thoát đường thủy đạo hạ tiêu, bệnh tất khỏi.

155. Viêm bể thận mạn

Biện chứng đông y: Bàng quang thấp nhiệt uẩn kết, thủy đạo bất lợi, lâu ngày thương tổn đến thận âm.

Cách trị: Thanh nhiệt lợi thủy, tư thận dưỡng âm.

Đơn thuốc: Ngân kiều thạch học thang.

Công thức: Kim ngân hoa 10g, Liên kiều 10g, Sinh địa, Thục địa mỗi thứ 10g, Phấn đan 6g, Hoài sơn được 10g, Vân phục linh 10g, Xuyên thạch học 10g (cho vào trước), Trạch tả 10g, Cam thảo 5g. Sắc uống mỗi ngày 1 thang.

Hiệu quả lâm sàng: Lương XX, nữ, 26 tuổi, bệnh nhân kể: bị đau lưng kèm đái buốt dai dẳng đã hơn 1 năm. Một năm lại đây, lưng đau mỏi, lạnh lưng, xét nghiệm nước tiểu thấy bạch cầu tăng lên. Nhiều lần đi đái buốt, nhưng không đái dắt. Đã dùng nhiều loại thuốc tây, nhưng bệnh không giảm. Một tuần lại đây, lưng lại đau dữ. Kiểm tra: vùng thận phải gõ đau, dương tính, điểm ấn đau ở phía trên đoạn giữa ống dẫn niệu, dương tính. Khi ngồi không sờ thấy 2 thận. Nuôi cấy nước tiểu đoạn giữa: có mọc khuẩn *Staphylococcus albus*, đếm có trên 10 vạn/ml. Chất lờ hơi đỏ, rêu mỏng, mạch tế huyền. Chẩn đoán lâm sàng là viêm bể thận mạn tính. Cho dùng Ngân kiều thạch học thang; uống 7 thang, các chứng bệnh tiêu tan, cấy lại nước tiểu chuyển âm tính. Cho uống thêm 7 thang nữa để củng cố. Về sau 2 lần cấy lại nước tiểu, đều âm tính.

156. Sỏi tiết niệu

Biện chứng đông y: Thận hư, thấp nhiệt uẩn kết.

Cách trị: Thanh nhiệt lợi thấp, thông lâm chỉ thống.

Đơn thuốc: Tang căn tam kim nhị thạch thang.

Công thức: Tang thu căn (Tang chi cũng được) 30g, Kim tiền thảo 30g, Hải kim sa 30g, Kê nội kim 10g (rang cát tán nhỏ, chia ra uống), Hoạt thạch 30g, Thạch vi 15g, Vương bất lưu hành 9g, Ngưu đằng 9g, Tì giải 9g. Sắc uống mỗi ngày 1 thang chia làm 3 lần. Nếu tích nước bể thận thì thêm Bạch giới tử (sao), Lai phục tử (sao) mỗi thứ 15g.

Hiệu quả lâm sàng: Giang XX, nam, cán bộ. Tháng 9-1977, đang đi công tác đột nhiên bị đau lưng, cứ hơi ngửa lên cúi xuống là xương sống đau như gãy, không chịu nổi. Mọi hoạt động bị hạn chế. Nước tiểu vàng đỏ, có máu rõ ràng. Uống thuốc, tiêm thuốc đều không đỡ, lập tức đưa về điều trị. Bệnh nhân vẻ đau đớn, mặt trắng bệch, mồ hôi vã ra. Kể rằng lưng đau từng cơn đau lan xuống bụng dưới, cơn đau lan xuống bẹn. Xét nghiệm nước tiểu: albumin (+), hồng cầu (+++), bạch cầu 6-9. Rêu lưỡi vàng, dày, bẩn, mạch trầm, huyền, có lực. Chụp phim chuẩn đoán là sỏi thận phải. Bệnh nhân xin uống thuốc đông y. Bèn cho uống liền 5 thang bài thuốc trên. Sau đó bệnh nhân lại đến, mừng rỡ kể rằng: buổi sáng đi tiểu, bỗng thấy bị tắc, dòng nước tiểu bị ngắt, đau nhói không chịu được, đường niệu như có vật gì kẹt lại. Bèn lấy sức rặn mạnh, viên sỏi to bằng hạt đỗ tương theo nước tiểu bắn ra, chợt cảm thấy khắp người nhẹ nhõm như vừa trút được gánh nặng. Lưng dần dần hết đau. Đi chụp phim X quang, hai thận và niệu quản không còn thấy bóng của sỏi. Bèn cấp cho thuốc bổ thận kiện tì trừ thấp để củng cố. Sau nửa năm hỏi lại, lưng không còn đau tái phát, xét nghiệm nước tiểu hoàn toàn bình thường. Nghe tin Giang XX bị sỏi đường niệu nhờ đông y mà thải được. Trần XX cũng đến yêu cầu chữa đông y. Ông này từng đi khám chẩn bệnh là sỏi niệu đạo trái kèm theo nước ứ bể thận trái. Dùng bài thuốc trên, bỏ Tì giải, thêm Bạch giới tử (sao) Lai phục tử (sao) đối với chứng ứ nước bể thận, uống liền 8

thang, trước sau đi tiểu ra 4 hạt sỏi to bằng hạt đỗ xanh. Các chứng lâm sàng đều cơ bản tiêu tan.

Bàn luận: Sỏi là một trong những bệnh thường gặp ở hệ tiết niệu. Sỏi phần nhiều bắt nguồn từ thận và bàng quang. Sỏi này chỉ có thể mổ lấy ra hoặc tự thải ra chứ rất khó hòa tan, vì vậy dễ tạo thành tắc đường niệu hoặc nhiễm khuẩn, nếu không kịp thời xử lý thì bể thận bị ứ nước, rồi chứng tăng urê huyết sẽ tới rất nguy hiểm. Mấy năm nay, chữa sỏi tiết niệu theo phương pháp kết hợp đông tây y, tức là tây y chẩn đoán rõ ràng chính xác (bao gồm kích thước, hình dáng, số lượng hạt sỏi, chức năng của thận tốt hay xấu, có nhiễm khuẩn không) rồi cho dùng bài thuốcy thải sỏi thích hợp để thải sỏi ra một cách kết quả, giải trừ đau đớn cho bệnh nhân. Qua những tư liệu tích lũy được, việc thải sỏi quyết định bởi vị trí, kích thước và độ nhẵn của viên sỏi. Nếu các điều kiện trên thuận lợi, lấy bài thuốc trên làm chính, có gia giảm thêm thì hiệu quả thu được khá tốt. Nói chung sau khi uống thuốc, viên sỏi đều thải được ra ngoài.

157. Sỏi bàng quang

Biện chứng đông y: Thấp nhiệt, ứ trở, hư nhược.

Cách trị: Lợi thấp hóa ứ, kết thông trở, bổ thận ích khí.

Đơn thuốc: Niệu lộ kết thạch thang.

Công thức: Hải kim sa 15g, Kim tiền thảo 15g, Xa tiền tử 10g, Mộc thông 6g, Bạch vân linh 10g, Thanh, Trần bì mỗi thứ 10g, Hoạt thạch 12g, Hồ phách mặt 3g. Sắc uống mỗi ngày 1 thang. Nếu nhiệt nặng thêm Đại hoàng, Sơn chi, Cam thảo sao. Nếu thấp nặng thêm Trư linh, Dĩ nhân; nếu đau kịch liệt thêm Nguyên hồ sách, Tiểu hồi hương, Xích thực, Nga truật; nếu khí hư thêm Đảng sâm, Hoàng kỳ, Sơn dược; nếu đái ra máu thêm Bồ hoàng, Đại tiểu kế; thận hư thêm Tang kí sinh, Xuyên đoạn, Thỏ ti tử, Nhục quế, Phụ phíến.

Hiệu quả lâm sàng: Lý XX, nam, 43 tuổi, công nhân nông trường. Tới khám ngày 2-5- 1974. Mắc bệnh đã 2 năm, đau hai bên bụng dưới, lan ra lưng, đau nhói như kim châm, lúc phát lúc không, đi tiểu bị đứt đoạn, khi đi tiểu, đau dương vật, mót giải, đôi khi đái máu. Ăn không ngon, thân thể nặng nề, gầy yếu. Miệng khát, không uống được nhiều. Rêu lưỡi bản, mạch hoãn, mạch trái hơi trầm. Kiểm tra nước tiểu (-). Chụp X quang, xác định sỏi bàng quang, ở vùng bàng quang có thể thấy bóng viên sỏi đường kính vài centimet. Chứng này là thấp trọng ứ trệ, chữa nó phải hóa thấp hành khí chỉ thống thông lâm. Cho uống 7 thang bài thuốc trên có giảm. Khám lại: đau bụng dưới hơi giảm, đi tiểu còn có lúc đau, thân thể gầy yếu, rêu lưỡi và mạch vẫn như cũ. Lại theo bài thuốc cũ có gia giảm, cho uống 7 thang. Tổng cộng dùng 1 thang. Chụp X quang kiểm tra sỏi đã bị tống thải ra hết.

158. Sỏi niệu quản

Biện chứng đông y: Thấp nhiệt uẩn kết.

Cách trị: Thanh nhiệt lợi thấp, thông lâm trục thạch.

Đơn thuốc: Trục thạch thang.

Công thức: Kim tiền thảo 30g, Hải kim sa đẳng 18g, Bạch thược 10g, Sinh địa 12g, Kê nội kim 6g, Hồ phách mặt 3g, (chiêu uống với nước thuốc), Quảng mộc hương 4,5g (cho vào sau), Tiểu cam thảo 4,5g. Sắc uống mỗi ngày 1 thang, chia làm 2 lần.

Hiệu quả lâm sàng: Lý XX, nữ, 33 tuổi, cán bộ, tới khám ngày 14-1-1976. Từ ngày 29-12-1975 do bị đau lưng, đi đái dắt, mót đái, đái đau nên tới bệnh viện chụp X quang vùng bụng, ảnh cho thấy hình thận trái dường như hơi to. Ngang ụ ngòi trái trong tiểu khung có một đám mờ to bằng hạt lạc, bên cạnh lại có đám mờ nhỏ bằng nửa hạt gạo. Chẩn đoán là sỏi ở đoạn dưới niệu quản trái, kèm theo ứ nước ở bể thận trái. Bệnh nhân sợ mổ nên yêu cầu chữa bằng đông y. Lưỡi đỏ, rêu mỏng hơi vàng mạch huyền tế, hơi sác. Cho uống 6 thang "Trục thạch thang". Hết đau lưng, nhưng thỉnh thoảng cảm thấy đau trong thời gian rất ngắn. Mấy ngày nay cảm thấy chỗ đau chuyển xuống dưới. Mỗi lần đi tiểu xong thấy đau ở lỗ đái. Lưỡi vẫn như trước. Mạch huyền thốn nhược. Giữ nguyên bài thuốc, cho uống tiếp 14 thang, thì đái ra 2 viên sỏi, 1 viên bằng hạt lạc, 1 viên bằng nửa hạt gạo, hoàn toàn phù hợp với ảnh X quang. Ngoài ra còn đái ra một số chất như cát mịn. Sau đó bệnh cơ bản tiêu tan. Khuyến bệnh nhân uống bài thuốc lợi thủy thông lâm gồm: Trân châu thảo 12g, Tiểu diệp phong vĩ thảo 12g, Tiểu sinh địa 12g, Tiểu cam thảo 4,5g, Kim tiền thảo 18g, Quảng mộc hương 3g (cho sau), lại uống mấy thang để củng cố.

159. Sỏi niệu quản

Biện chứng đông y: Hạ tiêu thấp nhiệt.

Cách trị: Thanh nhiệt tiêu thạch, lợi thủy thông lâm.

Đơn thuốc: Bài thạch thang.

Công thức: Kim tiền thảo 30g, Kê nội kim (sống) 15g, Biền xúc 15g, Cù mạch 15g, Hoạt thạch 30g, Xa tiền tử 15g, Mộc thông 6g, Đông quy tử 30g, Lưu hành tử 18g, Ngưu tất 10g, Bạch mao căn 30g. Sắc uống mỗi ngày 1 thang.

Hiệu quả lâm sàng: Dùng bài thuốc trên chữa đường tiết niệu nói chung không cần gia giảm, đặc biệt đối với bệnh thành cơn, cấp tính thì hiệu quả càng tốt. Liệu trình thường là 30 ngày. Tổng kết trong 100 trường hợp thì tỉ lệ thải được sỏi ra ngoài là 56%, làm tan sỏi 4%.

160. Sỏi niệu quản

Biện chứng đông y: Thấp nhiệt hạ chú.

Cách trị: Tiêu thạch thông lâm, hành khí hóa ứ, thanh lợi thấp nhiệt.

Đơn thuốc: Niệu lộ bài thạch thang số 2.

Công thức: Kim tiền thảo 30g, Thạch vi 30g, Xa tiền tử 24g, Mộc thông 10g, Cù mạch 15g, Biển súc 24g, Chi tử 20g, Đại hoàng 12g, Hoạt thạch 15g, Cam thảo sao 10g, Ngưu tất 15g, Chỉ xác 10g. Mỗi ngày 1 thang chia sắc làm 2 lần, một lần uống hết. Trong thời gian uống thuốc cố gắng uống nhiều nước, hoạt động nhiều, phối hợp gián đoạn với Tổng công kích liệu pháp. Phương pháp tổng công kích liệu pháp như sau: 8g30 uống 500ml nước, uống 75mg dihydrochlorothiazid; 8g45 uống 1 thang "Niệu lộ bài thạch thang" số 2; 9g00 uống 500ml nước; 9g30 uống 500ml nước, tiêm bắp 1mg atropin 9g35 điện châm: huyện Chiếu hải (-), Tam âm giao (+), kích thích tương đối mạnh, sóng điện ngắt quãng, lưu kim 25 phút, 10 giờ xuống giường hoạt động.

Hiệu quả lâm sàng: Ứng dụng bài thuốc trên phối hợp với tổng công kích liệu pháp để điều trị 400 trường hợp sỏi niệu quản, trong đó thải ra sỏi có 240 trường hợp (60%), sỏi di chuyển xuống dưới 69 trường hợp (17,3%). Cộng tỉ lệ kết quả 77,3%. Trung bình thời gian điều trị là 19,2 ngày.

Bàn luận: Cần nắm vững bài thuốc thải sỏi trên thích ứng với các chứng sau: 1. Sỏi có đường kính ngang nhỏ hơn 1cm, đường kính dài nhỏ hơn 2cm, 2. Hệ tiết niệu không có dị dạng về giải phẫu và những biến đổi bệnh lý, 3. Chức năng thận bên bệnh còn tốt.

161. Sỏi thận và ứ nước bể thận

Biện chứng đông y: Thận khí hư tổn.

Cách trị: Ôn thận hành thủy.

Đơn thuốc: Phụ kim thang.

Công thức: Thục phụ tử 12g, Kim tiền thảo 30g, Trạch tả 10g, Thục hoàng địa 20g. Sắc uống, mỗi ngày 1 thang.

Hiệu quả lâm sàng: Lưu XX, nam, 46 tuổi, nhân viên, khám lần đầu ngày 15-6-1977. Bị sỏi thận phải đã hơn 1 năm, uống thuốc thải sỏi và phối hợp "tổng công kích" nhiều lần không kết quả. Vì bị ứ nước nhẹ, bệnh viện khuyên nên mổ, nhưng bệnh nhân yêu cầu dùng đông y. Đầu vầng, mắt hoa, mặt phù, lưng bên phải nặng, bụng dưới và 2 chân lạnh, nước tiểu đục, đêm đi tiểu nhiều. Môi lưỡi trắng nhợt, mạch phù, hư mà trì. Chẩn đoán lâm sàng là sỏi thận và ứ nước bể thận. Sau khi uống 20 thang "Phụ kim thang", thể lực dần dần hồi phục. Tháng 9 năm ấy chụp phim kiểm tra thấy sỏi đã di chuyển xuống đoạn trên của niệu quản. Lúc ấy bụng dưới bị đau, trướng và nặng, tiểu tiện không lợi. Dùng bài thuốc cũ, thêm Đông qui tử 12g, Nhục quế 3g. Uống liền 25 thang cuối cùng thải ra 1 viên sỏi cỡ 0,9 x 1,4cm. Chụp phim không còn thấy sỏi. Các chứng đều đã hết.

Bàn luận: Chữa bệnh sỏi thận sao thêm ôn nhiệt? Kha Vân Bá nói rằng: "Trong thận có hỏa thì mới có thể trị thủy được", ứ bể nước do sỏi gấn đọng phần nhiều thuộc dương hư. Ôn vận thận dương là phép trị bệnh tốt, đặc biệt là đối với bệnh dương hư lâu ngày, có khả năng chịu được lượng Phụ tử nhiều hơn người bình thường. Xuất hiện cảm giác lạnh 2 chân là biểu hiện thận dương hư, đó là chứng có thể dùng Phụ phiến. Đau lưng đái ra máu, mủ mà dùng Phụ, Quế là vị thuốc tân, cam đại nhiệt thì dường như khó giải thích. Nhưng cần biết đau lưng, đái ra máu mủ là các chứng bệnh của sỏi. Căn cứ vào chỗ bụng dưới lạnh đau, thích nóng, thích xoa nắn, thì Kim tiền thảo thạch thông lâm, lại được đại nhiệt của Phụ tử, như vậy tính hãm tiêu tan mà giữ lại được tính thông lợi, một bên hàn một bên nhiệt, một đằng thông một đằng tắc, thăng

giáng cùng tác dụng, chúng trợ giúp lẫn nhau để đạt kết quả. Dùng các vị khô, cam hàn như Kim tiền thảo, Đông qui tử, thêm Nhục quế để trợ lực cho Phụ tử. Khí hóa hành, nhiệt giải tà xuất, đó là cái vững của sự không vững, sự thông của cái không thông. Thông dương không phải là ở chỗ thông lợi mà là do ôn, thận dương mà phần chân thì tinh ẩn sẽ dần sẽ phục chính, cho nên chủ ý không phải là chữa đau, lạnh bụng dưới mà quan trọng là ở chỗ khôi phục chức năng của thận, do vậy mà sỏi bị đẩy xuống.

162. Bí đái

Biện chứng đông y: Thận dương hư, Bàng quang khí hóa thất thường.

Cách trị: ôn thận thông dương, hóa khí hành thủy.

Đơn thuốc: Ngũ linh tán và Sâm phụ thang gia vị.

Công thức: Quế chi 10g, Phục linh 15g, Bạch truật 10g, Trạch tả 10g, Trư linh 10g, Đảng sâm 15g, Phụ tử 10g, Ô dược 12g. Sắc uống mỗi ngày 1 thang.

Hiệu quả lâm sàng: Vương XX, nữ, 69 tuổi, nội trợ. Khám lần đầu ngày 8-4-1980. Người bệnh kể, tiểu tiện không thông đã 12 ngày. Trước khi tới khám đã nằm điều trị năm ngày ở trạm xá địa phương. Đã thông đái, dùng neostignin, châm cứu, uống thuốc Bỏ trung ích khí thang, kết quả không rõ, vẫn phải thông đái, bỏ thông đái lại bí như cũ. Nên 10 giờ tối ngày 7-4-1980 đến khám. Đã kiểm tra Nội khoa, Ngoại khoa, X quang đều không phát hiện điều gì khác thường, nên ngày 8-4 chuyển sang chữa đông y. Người bệnh tiểu tiện không thông, bụng dưới trướng nặng, lưng mỏi, sắc mặt vàng vờ, tinh thần mệt mỏi, yếu ớt, tứ chi tê dại, không ấm, đầu vầng, hơi thở ngắn, lưỡi nhạt, rêu mỏng trắng, mạch tế nhược. Căn cứ vào chứng và mạch thấy đây là chứng thận dương hư, bàng quang khí hóa thất thường. Phải trị bằng ôn thận thông dương hóa khí hành thủy. Bèn cho dùng "Ngũ linh tán và Sâm phụ thang gia vị". Khám lần 2 ngày 12-4; Sau khi uống 2 thang thì rút ống thông đái, uống hết 3 thang đến 5 giờ chiều ngày 11 thì tự đi tiểu được 1 lần ra khoảng 400 ml, đến tối số lần đi tiểu tăng lên dần, cứ khoảng 7-8 hoặc 10 phút lại đi 1 lần, lượng nước tiểu không nhiều, cả đêm không ngủ, đến sáng hôm sau đi tất cả khoảng 30-40 lần. Bệnh nhân mệt vô cùng, đã hết chứng bệnh, lưỡi chuyển hồng nhạt, mạch vẫn tế nhược. Cho bệnh nhân ra viện dặn uống thêm 3 thang nữa. Ngày 18 tháng 4 con bệnh nhân đến cho biết mỗi ngày đi tiểu 6-7 lần, không có khó chịu nữa, tinh thần và thể lực đã khôi phục, đã làm được công việc nội trợ bình thường. Cho uống Kim thận khí hoàn 3 ngày để củng cố thêm.

163. Bí đái

Biện chứng đông y: Tà nhiệt ngu ở hạ tiêu, thận quan không làm chức năng đóng mở, bàng quang khí hóa vô lực.

Cách trị: Ôn dưỡng thiếu hỏa, thăng thanh, giáng trọc.

Đơn thuốc: Gia vị thông quan hoàn (thang).

Công thức: Tri mẫu 10, Hoàng bá 10g, Nhục quế 10g, Thục phụ 10g, Chỉ xác 10g, Thăng ma 4,5g. Sắc uống.

Hiệu quả lâm sàng: La XX, 38 tuổi, xã viên. Bệnh nhân viêm phổi, sốt cao hôn mê, bí đái mà vào viện. Bệnh viện dùng các thuốc kháng sinh kết hợp với hormon, đồng thời thông đái, đến ngày thứ tư thì hạ sốt, thần trí tỉnh táo. Tuy khỏi viêm phổi rồi vẫn chưa hết bí đái, dùng thuốc tây... nhiều lần không khỏi, cần phải đặt ống thông liên 2 tuần. Vì sức yếu, nằm lâu, mông bị loét. Sau đó lại châm cứu và đắp ống gạo vào rốn vẫn không hết bí đái. Cho uống "Gia vị thông quan hoàn". Uống xong bệnh nhân thấy nhu động ruột tăng, sau 1 giờ thì tiểu tiện thông lợi.

Bàn luận: "Gia vị thông quan hoàn" bắt nguồn từ bài "Thông quan hoàn" (còn có tên Tư thận hoàn, trong sách "Lam thất bí tàng" của Lý Đông Viên. Bài này có 3 vị Tri mẫu, Hoàng bá, Nhục quế chủ trị nhiệt ở phần huyết của hạ tiêu, bệnh nhân bí tiểu tiện. Lấy cái khổ hàn của Tri mẫu mà tả hạ tiêu lại dùng 1 lượng nhỏ Nhục quế để giúp khí hóa do đó mà đạt được tác dụng thông lợi tiểu tiện. Bài này tăng lượng Nhục quế phối ngũ với Phụ tử, nhằm ôn dưỡng thiếu hỏa, lấy thiếu hỏa để sinh khí. Lại dùng thêm Chỉ xác, Thăng ma nhằm làm cho thanh dương thăng mạnh, trọc âm tụ giáng xuống do đó mà tiểu tiện thông lợi.

164. U tuyến tiền liệt kèm bí đái

Biện chứng đông y: Tì thận đều hư.

Cách trị: Ích khí kiện tì, ôn thận bổ dương, sáp lợi đồng dung.

Đơn thuốc: Lão nhân long bế thang.

Công thức: Đảng sâm 24g, Hoàng kỳ 30g, Phục linh 12g, Bạch quả 9g, Tì giải 12g, Xa tiền 15g, Vương bất lưu hành 12g, Ngô thù du 5g, Nhục quế 6g, Thục địa 30g, Nhục thung dung 15g, Cam thảo tiền 10g. Sắc uống, mỗi ngày 1 thang. Nhiễm khuẩn do thông đái, tiểu tiện đau nóng thì thêm Ngân hoa 30g, Thổ phục linh 30g, tiểu tiện có lẫn máu thì thêm Địa du thán 30g, toàn thân phù thũng thì thêm Trần bì, Đại phúc bì, Thông thảo, mỗi thứ 10g, người uống thuốc mà ăn uống giảm đi thì thêm Trần bì 10g, Sa nhân 9g.

Hiệu quả lâm sàng: Theo dõi 65 ca, chữa khỏi 40 ca, chuyển biến tốt 11 ca; vô hiệu 6 ca, chuyển sang mổ 3 ca, ghi chép không rõ 5 ca. Trong số các ca khỏi có 4 ca tái phát, lại dùng bài trên điều trị vẫn có công hiệu. Người dùng ít nhất 2 thang, nhiều nhất 30 thang, bình quân trên dưới 10 thang, trong đó có 12 ca dùng từ 2 đến 5 thang, 15 ca 6-8 thang, 27 ca 10-19 thang, 3 ca 20-30 thang.

165. U tuyến tiền liệt kèm bí đái

Biện chứng đông y: Âm hư nhiệt náu ở hạ tiêu, bàng quang khí hóa bất lợi.

Cách trị: Tư âm giáng hỏa, hóa khí lợi thủy.

Đơn thuốc: Tư thận thông quan thang.

Công thức: Tri mẫu 18g, Hoàng bá 18g, Nhục quế 3g. Sắc uống mỗi ngày 1 thang.

Hiệu quả lâm sàng: Lý XX, 65 tuổi. Người bệnh thân thể hư nhược, thấy tiểu tiện khó đã hơn 1 tháng. Sau khi kiểm tra ở bệnh viện đã chẩn đoán là u tuyến tiền liệt. Tuần lễ gần đây đái ít mà khó ra, như muốn đái song chỉ nhỏ từng giọt, bụng dưới đầy muốn xệ xuống, khó chịu, đầu vầng tai ù, lưng khớp đau rũ, miệng khô họng ráo, lưỡi đỏ ít rêu, mạch tế sắc. Đây là âm hư nhiệt náu ở hạ tiêu, bàng quang khí hóa bất lợi. Nên trị bằng phép tư âm giáng hỏa, hóa khí thủy lợi. Cho dùng "Tư thận thông quan thang". Uống được 3 ngày thì tự mình đi đái dễ dàng. Dặn sau đó uống Tri bá địa hoàng hoàn (bán ở trên thị trường) để có kết quả lâu dài.

Bàn luận: U tuyến tiền liệt kèm bí đái là bệnh thường thấy ở người già. Dùng "Tư thận thông quan thang" rất có thể nhanh chóng chữa khỏi chứng này, sau đó lại cho Tri bá địa hoàng hoàn để củng cố hiệu lực. Trên lâm sàng cho thấy phương pháp này đơn giản, có hiệu quả.

166. U tuyến tiền liệt kèm bí đái

Biện chứng đông y: Cả khí lẫn âm đều khuyết, bàng quang không khí gây tắc đái

Cách trị: Bổ mạnh trung khí, tư thận thông quan

Đơn thuốc: Hoàng kỳ cam thảo thang, kết hợp với Tư thận thông quan hoàn.

Công thức: Hoàng kỳ 30g, Cam thảo 10g, Nhục quế 6g, Hoàng bá 6g, Tri mẫu 6g.

Mỗi ngày 1 thang, sắc chia 2 lần uống.

167. Viêm tuyến tiền liệt mạn

Biện chứng đông y: Tì thận khí hư, bàng quang không khí hóa được, thấp ứ náu ở hạ tiêu.

Cách trị: Cố tì thận, lợi bàng quang, hóa thấp trọc.

Đơn thuốc: Gia vị bàng quang hóa trọc thang.

Công thức: Bắc hoàng kỳ 18g, Đảng sâm 15g, Tang phiêu tiêu 9g, Đan sâm 12g, Nữ trinh tử 15g, Thổ ti tử 12g, Tiểu hồi 4.5g, Đại ô dược 9g, Thạch tả 12g, Xa tiền tử 9g, Lưỡng đầu tiên 9g, Vương bất lưu hành (tiết lệ quả) 15g. Sắc uống mỗi ngày 1 thang.

Hiệu quả lâm sàng: Giao X, nam, 58 tuổi, cán bộ, sơ chẩn ngày 25-4-1977. Từ tháng 10 năm 1974 bệnh nhân đã đi đái vặt, đái gập, đái đau, có cảm giác căng đau, ngắt quãng ở bụng dưới, ở tầng sinh môn, ở thắt lưng cùng, ở háng, đôi lúc có rét run, sốt. Đã kiểm tra ở bệnh viện thấy hồng cầu trong nước tiểu (+) bạch cầu (+) trong dịch tuyến tiền liệt có ít bạch cầu, một ít tiểu thể lecithin, nuôi cấy có mọc Staphylococcus albus. Chẩn đoán là viêm tuyến tiền liệt mạn, dùng thuốc tây phối hợp với điện trị liệu 2 tháng, bệnh hơi giảm nhưng vẫn thường phát lại. Sau khi dùng 120 thang thuốc đông dược vẫn chưa thấy có hiệu quả rõ. Khi đến khám vẫn đái vặt mà tắc, có lúc xón, niệu đạo thì cảm giác đau buốt, hai bên bụng dưới đau chướng, tầng sinh môn khó chịu, nhiều lúc đầu vầng nhức (có cao huyết áp) rìa lưỡi có hàn răng, rêu lưỡi trắng dày. Đây là chứng tì thận khí hư, phải trị bằng cách cố tì thận, lợi bàng quang, hóa thấp trọc. Cho "Gia vị bàng quang hóa trọc thang". Uống được 3 thang thì nước tiểu đỡ đục hơn, đái thông hơn, bụng dưới đỡ đau chướng. Tiếp tục uống 10 thang nữa, các chứng không ngừng cải thiện, bụng dưới và tầng sinh môn đỡ khó chịu nhiều, tiểu tiện thông lợi, đại tiện bình thường, tinh thần và ăn uống đều tốt. Lại cứ theo bài trên uống mấy thang nữa để củng cố thêm hiệu quả.

Bàn luận: Viêm tuyến tiền liệt mạn là một bệnh thường thấy ở người già. Một số người mắc bệnh lâu ngày lại dùng nhiều thuốc danh lợi đến nỗi gây tì thận khí hư, khí hóa của bàng quang không tiến hành được, đái vặt mà không thông, thấp nhiệt đọng lại, khí cơ

không mở được, không thông ất đau làm cho thắt lưng cùng, bụng dưới và tầng sinh môn đau đơn khó chịu. Ca này dùng "gia vị bàng quang hóa trọc thang", trong bài có Thỏ ti tử, Nữ trinh tử, Tang phiêu diêu để cố thận, Hoàng kỳ Đan sâm để bổ khí, Tiểu hồi hương, Đại ô dược để hành khí hóa thấp, Đan sâm, Lưỡng đầu tiên, Vương bất lưu hành để hoạt huyết tán kết, Trạch tả, Xa tiền tử để lợi niệu thông lọc, các vị thuốc này cùng hợp lực, uống liên tục làm cho bệnh mau khỏi hơn.

168. Đái không kìm được

Biện chứng đông y: Thận khí bất túc, thận dương suy vi, bàng quang thất ước.

Cách trị: Bổ ích thận khí, ôn bổ thận dương.

Đơn thuốc: Củng đề thang gia giảm.

Công thức: Bổ cốt chỉ 20g, Cửu tử 15g, Thỏ ti tử 20g, Bạch truật 15g, Phục linh 15g, Phụ tử 15g, Quế chi 10g, Ba kích 20g, Đảng sâm 15g, Thục địa 20g, ích trí nhân 10g, Sa nhân 8g. Sắc uống mỗi ngày 1 thang.

Hiệu quả lâm sàng: Hầu XX, nữ, 73 tuổi, sơ chẩn ngày 16-10-1977. Kể tiểu tiện không kìm được đã 4 năm. Trước đó 4 năm bệnh nhân đi đái vật không rõ nguyên nhân, nước tiểu trong, lưng đau, đùi yếu, ho nhiều thở ngắn, toàn thân mệt mỏi, tay chân lạnh, sợ rét, sau đó bệnh tình tăng dần, tiểu tiện không kìm được, có nước tiểu là rỉ không kể ngày hay đêm, ba năm nay chưa từng vào nhà vệ sinh đi tiểu, rất khổ sở. Khám thấy mặt trắng bệch, ủ rũ, nói yếu, lưỡi nhạt rêu trắng mỏng, mạch trầm nhược, hai mạch xích càng nhược. Đây là thận khí bất túc, thận dương suy vi, bàng quang không chế ước được, phải trị bằng phép bổ ích thận khí, ôn bổ thận dương. Dùng bài "Củng đề thang gia giảm". Uống được 5 thang, bệnh tình cải thiện rõ rệt. Uống tiếp bài trên gia giảm, tất cả 16 thang thì khỏi bệnh.

Bàn luận: Thận là gốc của tiên thiên, là nguồn sinh đẻ phát dục của con người có quan hệ mật thiết với các tổ chức phủ tạng khác. Thận với bàng quang có quan hệ biểu lý với nhau, sự đóng mở của bàng quang do thận quản lý, dựa vào sự khí hóa của thận cho nên nói là "thận tư nhị tiện", vậy. Chỉ cần thận khí đầy đủ chức năng khí hóa bình thường thì bàng quang đóng mở bình thường, thận khí mà hư, khí hóa không tốt ắt bàng quang không chế ước được, cho nên tiểu tiện nhiều lần, thậm chí không kìm được. Khí là dương, nếu thận khí hư nhược, tất nhiên dẫn đến chỗ thận dương bất túc, cho nên sinh ra một loạt các biểu hiện hư hàn như ghê lạnh, mặt bệch, lưỡi nhạt, mạch trầm. Do đó có thể thấy bệnh này tuy ở bàng

quang mà gốc lại ở thận. Trị bệnh phải dựa trên nguyên tắc tìm đến gốc do đó phải bổ ích thận khí, ôn bổ thận dương, thận khí khôi phục được, thận dương bổ được, thì chứng bàng quang thất ước tự khỏi. Trong bài thuốc có Cốt chỉ, Cửu tử. Thỏ ti tử, Ba kích, Thục địa đều là các thứ bổ thận, Đảng sâm, bạch truật, Phục linh để ích khí kiện tì, phù thổ chế thủy, Phụ tử, Quế chi ôn bổ thận dương, lại thêm Sa nhân để ngừa vị ngọt ngậy của các thuốc. Phép chữa và thuốc tương ứng với nhau làm các chứng đều tan, bệnh khỏi nhanh.

169. Đái không kìm được

Biện chứng đông y: Thận khí hư, bàng quang thất ước.

Cách trị: Bổ thận cố nhiếp

Đơn thuốc: Gia vị bổ trung ích khí thang.

Công thức: Hoàng kỳ 12g, ích trí nhân 9g, Sài hồ 4,5g, Đảng sâm 12g, Tang phiêu tiêu 9g, Trần bì 4,5g, Đương qui 9g, Phúc bồn tử 12g, Thăng ma 4,5g, Cam thảo 6g, Bạch truật 9g. Sắc uống mỗi ngày 1 thang.

Hiệu quả lâm sàng: Trịnh XX, nữ, 30 tuổi, sơ chẩn ngày 20-12-1971. Bệnh nhân mặt trắng bạch, không tự kiềm chế tiểu tiện được. Mạch yếu, rêu lưỡi mỏng. Sau khi khám cho dùng "Gia vị bổ trung ích khí thang". Uống liền 5 thang, sắc mặt người bệnh trở lại bình thường, các chứng giảm. Duy vẫn còn mạch yếu, rêu lưỡi mỏng. Bài thuốc trên có gia giảm uống thêm 5 thang để củng cố hiệu quả.

Bàn luận: Dùng bài thuốc Trung ích khí thang thêm Tang phiêu tiêu, Phúc bồn tử, ích trí nhân để bổ thận cố nhiếp nên kết quả nhanh chóng.

170. Đái dầm

Biện chứng đông y: Thận khí bất cố.

Cách trị: Bổ thận ích khí cố nhiếp.

Đơn thuốc: Gia vị tang phiêu tán (thang).

Công thức: Đảng sâm 15g, Tang phiêu tiêu 15g, Viễn chí 4,5g, Phục thần 15g, Ngũ vị tử 6g, Ô dược 6g, Sơn dược 12g, Thạch xương bồ 6g, Miết giáp 12g, Đương qui 9g, Thỏ ti tử 12g, ích trí nhân 15g, Bổ trung ích khí hoàn 30g (bao), Đoạn long cốt 12g, Đoạn mẫu lệ 12g. Sắc uống mỗi ngày 1 thang.

Hiệu quả lâm sàng: Cao X, 16 tuổi, sơ chẩn ngày 12-3-1973. Bệnh nhân từ nhỏ đã đái dầm, nay đã hơn 10 năm, rất khổ tâm, xin chẩn trị, chữa theo thận khí bất cố, dùng "Gia vị tang phiêu tán". Uống liền 7 thang, khỏi hẳn đái dầm.

171. Đái máu (chưa rõ nguyên nhân)

Biện chứng đông y: Nhiệt ở hạ tiêu, tổn thương huyết lạc.

Cách trị: Thanh nhiệt tả hỏa chỉ huyết.

Đơn thuốc: Gia vị xích tiểu đậu đương qui tán (thang).

Công thức: Xích tiểu đậu 30-45g, Đương qui 9-12g, Mã xỉ hiện 30g. Sắc uống mỗi ngày 1 thang.

Hiệu quả lâm sàng: Trần XX, nữ, 26 tuổi đã có chồng, năm tháng nay liên tục xét nghiệm nước tiểu thấy hồng cầu (+) đến (+++), có lúc hơi có albumin. Lúc đầu qua xét nghiệm chẩn đoán là viêm bàng quang, lúc đó đau lưng và tiểu tiện nóng rát, sau đó các chứng trên đều hết nhưng soi kính thấy máu trong nước tiểu vẫn còn chưa hết. Chụp X quang vùng bụng, chụp tĩnh mạch bể thận, nuôi cấy nước tiểu, kiểm tra tìm được trực trùng kháng acid trong nước tiểu 24 giờ, tất cả đều không thấy gì khác thường. Đã 5 tháng, chạy chữa bằng nhiều thứ thuốc đông tây y chưa thấy kết quả. Đến chẩn trị, kiểm tra thấy trong nước tiểu albumin (-) có một ít bạch cầu, nhiều hồng cầu (+++), ngoài ra không có gì đặc biệt. Cho dùng "Gia vị xích tiểu đậu tương qui tán" (thang), uống được 6 thang, kiểm tra lại các xét nghiệm nước tiểu đã bình thường, Dặn bệnh nhân cứ theo bài trên tiếp tục uống 1 tháng nữa để củng cố. Đã nhiều lần xét nghiệm nước tiểu, trừ một vài lần ngẫu nhiên thấy 0-3 hồng cầu, tất cả đều tốt.

172. Đái máu (không rõ nguyên nhân)

Biện chứng đông y: Khí huyết đều suy, khí không thống huyết.

Cách trị: Bổ khí nhiếp huyết, dưỡng huyết chỉ huyết.

Đơn thuốc: Huyết lâm an dật thang.

Công thức: (Hồng) nhân sâm 6g, Bắc hoàng kỳ 15g, Toàn đương qui 10g, (Tĩnh) địa long 10g, Tiêm mao căn 15g, (Phấn) cam thảo 3g. Sắc uống, mỗi ngày 1 thang.

Hiệu quả lâm sàng: Dịch XX, 72 tuổi, cán bộ hưu, sơ chẩn ngày 5-8-1963. Đã 7 năm bệnh nhân tiểu tiện có máu, tái phát mỗi năm 3-4 lần, mỗi lần khoảng 20-25 ngày, mỗi lần đều không rõ nguyên nhân. Mỗi lần như thế, tiểu tiện màu đỏ, rỏ giọt mãi khó hết. Đã chẩn trị ở bệnh viện, đã soi bàng quang và chụp ngược dòng, không tìm ra nguyên nhân đái máu, điều trị mãi không khỏi. Khám thấy mạch hư nhược, chất lưỡi nhạt bệu non, rêu trắng mỏng, sắc mặt không bóng. Đó là khí huyết đều suy, khí bất thông huyết, cần chữa bằng phép bổ khí nhiếp huyết dưỡng huyết chỉ huyết. Cho dùng "Huyết lâm an dật thang". Uống được 5 thang, hết đái máu, ăn được. Tuy vậy tinh thần còn kém, mạch và lưỡi vẫn như trước. Đổi dùng Bát chân thang thêm Hoàng kỳ, cho uống 20 thang, điều lý củng cố. Ba năm sau hỏi lại nói là sau khi dùng thuốc chưa tái phát.

Bàn luận: Bệnh nhân già quá tuổi bấy chục, người hư nhược, khí huyết đều suy, khí chẳng thống huyết, cho nên đái ra máu không dùng, đến nỗi cả khí lẫn huyết đều suy cho dùng bài thuốc kinh nghiệm "Huyết lâm an dật thang", trong đó coi trọng Hồng sâm, Hoàng kỳ để bổ khí huyết, phối hợp với Đương qui để dưỡng huyết hoạt huyết; Địa long, Mao căn để lương huyết chỉ huyết; Cam thảo để điều hòa các thuốc, như vậy chữa cả gốc lẫn ngọn và đã cầm được máu, sau lại dùng Bát chân thang gia vị, cùng bổ cả khí lẫn huyết để tốt về sau, làm cho bệnh lâu ngày cũng khỏi.

173. Đái máu dương chấp (bệnh giun chỉ)

Biện chứng đông y: Thấp nhiệt hạ trú.

Cách trị: Thanh nhiệt, thông lâm, kiện tì hóa trọc.

Đơn thuốc: Dưỡng trấp niệu thang.

Công thức: Tì giải 30g, Hải kim sa 30g, Vân linh 18g, Thạch vi 30g, Biển súc 15g, Bạch mao căn 30g, Hạng liên thảo 15g, Lục nhất tán 15g, Bạch truật 12g, Trư linh 12g. Sắc uống mỗi ngày 1 thang.

174. Sa thận (hai bên)

Biện chứng đông y: Trung tiêu hư hàn.

Cách trị: Ôn trung hành khí.

Đơn thuốc: Ôn trung hành khí thang.

Công thức: Nhục quế 5g, Can khương 10g, Đảng sâm 20g, Hoàng kỳ 20g, Cát căn 12g, Sài hồ 10g, Hoa bình lang 8g, Chỉ xác 12g, Cửu hương trụng 10g, Ngũ linh chi 6g, Kê nội kim 10g, Cam thảo 8g. Sắc uống mỗi ngày 1 thang, chia làm 2 lần. Đồng thời có thể kết hợp trị bằng phép châm.

Hiệu quả lâm sàng: Cam X, nữ, 29 tuổi, công nhân, đến khám ngày 4/11/1977. Từ năm 1975 lại đầy bụng trên đầy trướng khó chịu, vùng lưng căng thẳng, thân thể ngày một gầy mòn. Đã kiểm tra bằng siêu âm phát hiện hai thận sa xuống, chẩn đoán là sa thận. Dùng bài "Ôn trung hành khí thang gia giảm" để trị. Đồng thời châm các huyệt Quan nguyên, Trung quản, Túc tam lý, mỗi ngày một lần. Điều trị hơn 20 ngày bệnh tình cải thiện, tinh thần chuyển biến tốt, đã kiểm tra siêu âm và chụp X quang, vị trí 2 thận đều khôi phục như thường, nửa năm sau hỏi lại, tình hình tốt.

Bàn luận: Dùng phép Ôn trung hành khí, sử dụng bài "Ôn trung hành khí thang" để điều trị sa dạ dày cũng có kết quả tương đối tốt. Ca bệnh trên ngoài hai thận sa, dạ dày cũng sa, dùng bài trên để trị đồng thời chứng sa dạ dày cũng chuyển biến tốt, dạ dày từ dưới đường nối hai mào chậu 14 cm kéo lên còn 2 cm, vùng dạ dày cảm thấy dễ chịu. Đã theo dõi 64 ca sa dạ dày, chữa khỏi 32 ca, có kết quả rõ rệt 20 ca, chuyển biến tốt 9 ca, vô hiệu 3 ca.

175. Chứng không có tinh trùng

Biện chứng đông y: Thận khí tiên thiên hao tổn, tì khí hậu thiên không mạnh, can mất tác dụng thúc đẩy sự sinh sản làm cho tinh trùng không có.

Cách trị: Bổ ích tì thận bình can.

Đơn thuốc: Tứ quân bát vị hợp tễ gia vị.

Công thức: Thục địa 50g, Sơn dược 10g, Đơn bì 10g, Trạch tả 10g, Phụ tử 10g, Sài hồ 10g, Bạch thược 10g, Câu kỷ 25g, Vân linh 15g, Bạch truật 15g, Nhân sâm 20g, Đương qui 30g, Cam thảo 5g.

Sắc uống mỗi ngày 1 thang.

Hiệu quả lâm sàng: Triệu XX, nam, 30 tuổi, công nhân, kết hôn hơn 1 năm, vì vợ không có thai nên đi khám ở bệnh viện, kết quả phía vợ không bệnh tật gì. Xét nghiệm tinh dịch chồng thì không có tinh trùng, đã nhiều lần điều trị vẫn không chuyển biến gì. Có cảm giác đau lưng, hai đùi mỗi yếu, ngoài ra việc ăn uống đại tiểu tiện, ngủ đều bình thường. Vọng chẩn: dinh dưỡng khá, lưỡi đỏ ít rêu. Mạch chẩn: trầm tế mà hoãn. Xét nghiệm tinh dịch ước lượng 2 ml sắc trắng như sữa. Soi không thấy tinh trùng, nhiều lecithin.

Bàn luận: Tinh chất của sự ăn uống gọi là tinh của hậu thiên, thận là tiên thiên, tì là hậu thiên, tinh tiên thiên (sinh dục), được tinh của hậu thiên (ẩm thực) nuôi dưỡng thì mới có thể sản sinh ra tinh trùng liên tục, mà trong việc ăn uống dinh dưỡng của hậu thiên, thức ăn muốn biến thành chất dinh dưỡng, tinh phải dựa vào sự ôn dương của thận khí, thận khí có sung túc thì mới làm cho bệnh môn tương hỏa chuyển được vào can đờm để có thể giúp cho sự tiêu hóa của tì vị, do đó bệnh này phải áp dụng phép bổ ích tì thận bình can. Dùng bài "Tứ quân bát vị hợp tễ gia vị", sau khi uống hết 21 thang, khám tinh dịch thấy đặc dính như mầu xám, mỗi mm³ có khoảng 60 triệu tinh trùng. Uống tiếp bài này 15 thang nữa tinh trùng tăng lên tới 70 triệu, 80% có sức hoạt động. Năm sau vợ sinh con gái.

176. Đau dây thần kinh sinh ba

Biện chứng đông y: Can âm hư khuyết, can dương thượng cang, thượng nhiều thanh không.

Cách trị: Dưỡng huyết nhu can, bình can tức phong, giải kinh chỉ thống.

Đơn thuốc: Ngũ bạch thang.

Công thức: Bạch thược 30g, Bạch tật lê 12g, Bạch phụ tử 9g, Bạch cương tâm 10g, Bạch chỉ 9g. Sắc uống mỗi ngày 1 thang.

Hiệu quả lâm sàng: Lý XX, nữ, 48 tuổi. Mặt bên phải của bệnh nhân đã hơn 3 năm đau từng cơn. Mỗi lần đau phần nhiều vì gặp gió hoặc các kích thích khác, đau khoảng 10 giây, đau như điện giật, một nửa mặt cơ bị co giật, chảy nước mắt v.v... Đã phải vào bệnh viện nhiều lần để điều trị, chẩn đoán là đau dây thần kinh sinh ba, đã uống thuốc như dilantin sodium, v.v... Châm cứu, không có tác dụng. Đến xin điều trị thì thấy đầu váng, bực bội mất ngủ, mặt đỏ, miệng và họng khô, lưỡi đỏ, rêu vàng mỏng, mạch huyền tế và mạnh. Đây là chứng can âm hư khuyết, can dương thượng cang, thượng nhiều thanh không. Cần trị bằng phép dưỡng huyết nhu can, bình can tức phong, giải kinh chỉ thống. Cho dùng "Ngũ bạch thang", dùng thêm Câu đằng, Ngưu tất. Uống được 3 thang, các chứng giảm nhiều, lại uống 6 thang, các chứng khỏi hết, không lên cơn đau nữa. Sau đó lại uống thêm Kỉ cúc địa hoàng hoàn 1 tháng liền để củng cố hiệu quả. Sau khi khỏi còn theo dõi 5 năm chưa thấy tái phát.

Bàn luận: "Ngũ bạch thang" gia giảm ngoài hiệu lực điều trị đau dây thần kinh sinh ba tương đối tốt, còn có hiệu lực nhất định đối với chứng đau đầu do cao huyết áp. Ca này trong bài thuốc đã dùng Bạch thược để dưỡng huyết nhu can, hòa âm tiềm dương, dùng Bạch tật lê, Bạch phụ tử, Cương tâm, Câu đằng để bình can tức phong, lấy Bạch chỉ để tăng sức thông khiếu, lại có vị Ngưu tất mà theo nghiên cứu dược lý hiện đại thì có tác dụng giãn mạch, hạ huyết áp, giảm đau, do đó thu được kết quả tốt.

177. Đau dây thần kinh sinh ba

Biện chứng đông y: Phong hàn ẩn náu ở não, làm tắc trệ thanh không.

Cách trị: Khư phong tán hàn, thông kinh, chỉ thống.

Đơn thuốc: Lư thống ninh.

Công thức: Xuyên khung 50g, Tất bát 50g, Bạch chỉ 50g, Xuyên tiêu 50g. Sắc uống, mỗi ngày 1 thang. Người thiên về nhiệt có thể thêm Đảm tinh 10g, Sơn chi 15g, người thiên về hàn có thể thêm Tế tân 5g, Chế Xuyên ô 15g.

Hiệu quả lâm sàng: Từ năm 1967 đã theo dõi "Lư thống ninh" gia giảm điều trị 200 ca bệnh đau dây thần kinh sinh ba, bình quan một liệu trình dài 2 tuần lễ, phần lớn bệnh nhân đã khỏi hoặc thuyên giảm rõ rệt, tổng cộng tỉ lệ khỏi là 90%, hỏi lại 1 năm sau trong số 150 ca, trừ 18 ca có tái phát còn tất cả đều có kết quả vững chắc.

Bàn luận: Trong thời gian uống "Lư thống ninh", bệnh nhân nên ngừng mọi phương pháp điều trị khác, nói chung 4-6 ngày là có kết quả. Đối với người uống thuốc một tuần rồi mà không thấy giảm đau thì tăng lượng Xuyên khung lên 75g, qua 10 năm theo dõi lâm sàng, thêm Xuyên khung lên như thế chưa thấy phát sinh tác dụng phụ. Căn cứ các tư liệu nghiên cứu dược lý hiện đại thì các thành phần chủ yếu điều trị đau thần kinh sinh ba trong bài này, có thể là chứa tetra methyl pyraxin và piperin. Thực tiễn cho thấy bài này dùng điều trị đau đầu do mạch máu, đau thắt ngực, viêm nút thần kinh đều có tác dụng nhất định.

178. Đau dây thần kinh sinh ba

Biện chứng đông y: Khí trệ huyết ứ, uất mà phát sốt, ứ nhiệt quấy lên, thanh không thất lợi.

Cách trị: Hành khí hoạt huyết, hóa ứ thông lạc, thanh khí tĩnh não.

Đơn thuốc: Gia vị thực dược cam thảo thang.

Công thức: Bạch thực (sao) 18g, Chích cam thảo 9g, Chế hương phụ 9g, Qui vĩ 12g, Đào nhân 9g, Thích tật lê 9g, Cam cúc hoa 9g, Đại xuyên khung 5g, Sinh thạch cao 25g, Cao bản 5g, Toàn dương qui 9g, Hồng hoa (tươi) 9g.

Sắc uống mỗi ngày 1 thang.

179. Đau dây thần kinh sinh ba

Biện chứng đông y: Khí hư huyết trệ, phong đàm quấy lên.

Cách trị: Bổ ích khí huyết khu phong hóa đàm, khu ứ thông kinh.

Đơn thuốc: Hóa ứ khu phong chỉ thống thang.

Công thức: Sinh hoàng kỳ 15g, Đương qui 6g, Xích thực 12g, Phòng phong 6g, Khương hoạt 3g, Ngô công 2 con, Đào nhân 12g, Hồng hoa 12g, Huyền sâm 15g. Sắc uống, mỗi ngày 1 thang.

Bàn luận: Bài thuốc này là tiếp thu từ dân gian Tân Cương. Trong bài có Ngô công, công thức nguyên thủy là Toàn yết, nhưng Toàn yết khó kiếm, thay bằng Ngô công, hiệu quả không có gì khác.

180. Đau dây thần kinh sinh ba

Biện chứng đông y: Dương minh lạc hư, can phong thừa cơ tấn công.

Cách trị: Bình can tức phong chỉ thống.

Đơn thuốc: Tam thoa thần kinh thống phương.

Công thức: Kinh giới thán 9g, Thạch quyết minh 30g, (cho trước), Nguyên hồ 15g, Bạch tật lê 9g, Nộm câu đằng 12g, Bạch cương tàm 9g, Hương bạch chỉ 4,5g, Mãn kinh (sao) 9g, Trần bì 4,5g, Toàn yết phán 3g, (nuốt chửng). Sắc uống mỗi ngày 1 thang.

181. Viêm thần kinh mặt

Biện chứng đông y: Phong thấp đàm trở, ứ đĩnh kinh mạch.

Cách trị: Khư phong tán hàn, khử ứ hóa đàm, thông kinh hoạt lạc.

Đơn thuốc: Ngô công kiều chính ẩm.

Công thức: Ngô công 1 con (bỏ đầu, chân), Địa long 12g, Đương quy 12g, Khương hoạt 10g, Phòng phong 10g, Bạch chỉ 10g, Xuyên khung 9g, Xích thực 10g, Kê huyết đằng 15g. Sắc uống mỗi ngày 1 thang.

Hiệu quả lâm sàng: Đã theo dõi 5 ca viêm thần kinh mặt chữa bằng "Ngô công kiều chính ẩm" đều khỏi cả.

182. Viêm thần kinh mắt

Biện chứng đông y: Khí của cơ thể hư, nhược, lại thêm phong đàm, kinh mạch ứ trệ, phạm đến đầu mắt.

Cách trị: Bổ khí hoạt huyết, khu phong hóa đàm, khứ ứ thông lạc.

Đơn thuốc: Bổ dương hoàn ngũ thang hợp Khiên chính tán phương.

Công thức: Sinh hoàng kỳ 100g, Quy vĩ 6g, Xích thược 5g, Can địa long 3g, Xuyên khung 3g, Đào nhân 3g, Hồng hoa 3g, Toàn yết 10g, Bạch phụ tử 6g, Cương tằm 6g. Sắc uống mỗi ngày 1 thang.

Hiệu quả lâm sàng: Trường XX, nam, 25 tuổi, xã viên, nửa tháng trước tự nhiên thấy mắt tê, sau đó thấy mắt lệch sang trái, nói phều phào, khi ăn uống thì chảy ra ngoài qua mép, tinh thần căng thẳng, tự tìm thuốc vờn, bôi máu lươn, không có chuyển biến gì, sau lại chữa cả đông tây y cũng không kết quả, đến xin chẩn trị. Chẩn đoán là viêm thần kinh mắt bên phải, cho uống Khiên chính tán phương, một tuần thì thấy mắt đỡ méo, uống thuốc trên 5 thang nữa chưa thấy công hiệu thêm. Vì vậy chuyển sang cho uống bài "Bổ dương hoàn ngũ thang hợp Khiên chính tán phương", 5 thang, thì mắt cơ bản đã hết liệt. Lại uống 5 thang nữa, mắt trở lại bình thường, bệnh khỏi. Một năm sau hỏi lại, chưa thấy tái phát.

Bàn luận: Sau khi chữa khỏi ca viêm thần kinh mắt này bằng "Bổ dương hoàn ngũ thang hợp Khiên chính tán phương" rồi để dùng chữa cho những người bệnh viêm thần kinh mắt khác đều thấy tác dụng tốt.

183. Đau dây thần kinh mặt.

Biện chứng đông y: Can không được nuôi, can phong động ở trong.

Cách trị: Nhu can tức phong hoạt lạc.

Đơn thuốc: Tứ vị thực dược thang gia vị.

Công thức: Bạch thực 30g, Sinh mẫu lệ 30g, Đan sâm 15g, Cam thảo 15g, Cát căn 15g, Sinh hoàng kỳ 15g. Sắc uống mỗi ngày 1 thang.

Hiệu quả lâm sàng: Bành XX, nữ, 51 tuổi, công nhân. Hơn nửa năm nay mặt bên trái và chân răng đột nhiên đau dữ dội kèm nửa mặt bị co giật. Lúc đầu đau chân răng và nửa mặt bên trái chưa rõ nguyên nhân, sau đó có mức độ đau và số cơn đau tăng dần, mỗi cơn kéo dài vài giây đến vài chục giây. Gặp nhẹ hoặc nhai không cẩn thận là có thể gây cơn đau, nhất là sau khi ăn tôm rang thì càng rõ rệt, đau như dùi đâm, điện giật, kèm theo co giật ở dưới xương gò má trái, trước tai trái. Khi có cơn đau dữ dội, nửa đêm cũng chạy khỏi phòng nhảy nhót lung tung hoặc để nước máy xối vào chân răng, kêu la khóc lóc, ảnh hưởng rất xấu đến sự ăn ngủ, người bứt rứt không yên. Bệnh nhân kể có mấy lần đau không chịu nổi muốn chết được. Có lúc thấy răng hàm trên bên trái lung lay, răng lợi sưng đau, mồm hôi. Đã điều trị ở nhiều nơi, uống thuốc đông (khu phong, hoạt huyết, thanh nhiệt giải độc), thuốc tây (trấn tĩnh, kháng sinh), châm cứu, tự bệnh nhân lại hãm nhiều tu hồng sâm, mạch đông để uống như trà đều vô hiệu. Ngày 6-12-1978 tới xin điều trị. Khám thấy: tay phải ôm má trái, vẻ mặt đau đớn, răng hàm số 2 hàm trên bên trái lung lay, vùng lợi gần đó hơi tấy đỏ, sờ vào đau nhẹ, bờ lợi có thể thấy một ít chất trắng vàng. Lưỡi đỏ nhạt rêu mỏng, mạch trầm tế mà huyền. Sự tái phát đột nhiên những cơn đau dữ dội ở vùng mặt và chân răng cùng với những cơn co giật vùng mặt má, được quy là bệnh do phong tà vi "phong mà thắng thì tất phải động", bạo phong đến và đi rất nhanh. Nhưng bệnh nhân không có biểu hiện sợ gió và sốt mà lại có bứt rứt, bồn chồn, và ức uất, tác động lẫn nhau, mạch trầm tế huyền, tức là can không được

nuôi, can phong động ở bên trong mà không phải là tác động của ngoại phong. Răng lung lay, lợi sưng đỏ, sờ thấy đau nhẹ bờ lợi có ít chất vàng trắng, miệng hôi là có nhiệt trong dương minh vị. Nên trị bằng phép nhu can tức phong hòa lạc, thêm thanh vị bài độc, uống 4 thang bài "Tứ vị thược dược thang gia vị" làm chính. Lần khám thứ hai" sau khi uống thuốc tất cả các triệu chứng kể trên đều chuyển biến rõ rệt, tinh thần cải thiện nhiều, lưỡi hơi đỏ, rêu mỏng trắng, mạch trầm tế. Lại uống tiếp bài trên 5 thang nữa. Lần khám thứ ba: hết đau vùng chân răng, mặt cũng hết co giật, lợi bớt sưng đỏ rõ rệt, bờ lợi trở lại bình thường. Đã thử ăn tôm rang 1 lần không thấy tái phát. Người bệnh kể mấy năm gần đây đại tiện khô táo. Cho uống tiếp 5 thang bài thuốc trên có thêm 15g Qua lâu nhân để củng cố hiệu quả điều trị. Tháng 5 năm 1980 khám lại, người bệnh nói từ cuối năm 1978 dùng tất cả 14 thang bài thuốc trên hoàn toàn không thấy mặt, chân răng đau trở lại, răng hàm thứ hai bên trái cũng không lung lay nữa, cổ tật đã khỏi hẳn.

Bàn luận: Chứng đau này, sách của Vương Khẳng Đường đời Minh "chứng trị chẩn thắng" có nói "Các chứng mặt đau đều thuộc hỏa, nơi hội tụ của các (đường kinh) dương là mặt, hỏa lại là dương vậy". Thực ra mặt đau có nguyên nhân hỏa mà cũng có nguyên nhân hàn phong, bệnh án này mặt đau chính là phong. Chỉ vì người bệnh mặt đau lại luôn luôn có kèm răng đau nhức đầu, cho nên khi biện chứng thường ngộ nhận phong chứng là nhiệt chứng hoặc quy nhầm nội phong thành ngoại phong mà cho những bài thuốc có nhiều vị thanh nhiệt tán phong. Chữa bệnh đau mặt đầu tiên phải bàn đến nguyên nhân, mà khi bàn đến nguyên nhân chứng phong thì đầu tiên phải bàn đến vấn đề nội phong hay ngoại phong, nếu không thì làm sao có thể "biết tà ở đâu đến mà chữa trị". Nếu không thì "bệnh có nguyên nhân bên trong mà lại phát tán bừa bãi, ắt gió nóng càng dữ dội thêm, như lò đã đỏ lại quạt thêm gió làm sao dập được lửa. "Tứ vị thược dược thang gia vị" là một bài thuốc có hiệu quả từ nhiều năm nay dùng để trị các chứng can phong gây ra như đau đầu, đau mặt, đau nửa đầu, đau răng. Trong bài này trọng dụng Bạch thược, Sinh mẫu lệ để nhu can tiềm dương, tức phong, Bạch thược cùng với Cam thảo, cam và toan hóa âm hoãn cấp chỉ thống, Đan sâm để dưỡng huyết hòa lạc. "Giới dĩ tiềm chi", "Cao giả ức chi", "toan dĩ thu chi", "huyết dịch dĩ nhu chi" can sẽ được như dương bị nổi lên sẽ được giữ lại ở thân thủy như vậy sẽ đối cứng thành mềm, biến động thành tĩnh, phong sẽ tắt, đau sẽ hết.

184. Viêm đa thần kinh

Biện chứng đông y: Thể tạng vốn hư nhược, hàn thấp thấm vào phá hoại bên trong kinh mạch cơ da, khí huyết bị trở ngại, gân mạch không thư.

Cách trị: Ích khí kiện tì, tán hàn trừ thấp, thông kinh hoạt lạc.

Đơn thuốc: Khởi nuy thang.

Công thức: Sinh hoàng kỳ 30g, Tây đảng sâm 15g, Bạch truật 9g, Mạch nha (sao) 15g, Trần bì 3g, Quảng mộc hương 5g, Thăng ma 3g, Tế tân 3g, Bạch phụ tử 5g, Kê huyết đằng 9g, Thân cân thảo 15g, Ngưu tất 9g, Mã tiền tử (chế) 1,5g, Viễn chí 9g. Sắc uống mỗi ngày 1 thang.

Hiệu quả lâm sàng: Thường XX, nam, 23 tuổi, sơ chẩn ngày 14-6-1978. Bệnh nhân nói thể tạng vốn hư nhược, 10 ngày trước sau khi phòng sự xong thì xuống sông với đồ vật, sáng sớm hôm sau ngủ dậy thấy từ thắt lưng xuống tới hai đầu gối đều tê, hai hôm sau càng nặng chân tay rã rời không làm gì được, bìu dái co lên bụng. Đã điều trị ở địa phương không khỏi. Sau đó đến một bệnh viện điều trị, chẩn đoán là viêm da thần kinh, đã dùng vitamin B12... nhưng không thấy kết quả mới đến chúng tôi xin điều trị. Bệnh nhân thấy toàn thân tê dại tay chân nặng trĩu, hai chân thông, miệng không khát, âm nang teo, trong lòng không yên. Đại tiểu tiện điều hòa. Chất lưỡi đỏ tái, rêu lưỡi mỏng trắng hơi vàng, mạch trầm tế hơi sác. Chứng này là "Tì hư khí nhược, hàn thấp thấm vào kinh lạc da cơ", đúng là thuộc phạm trù "nuy tí" của đông y. Sách "Tố vấn, Chương Uỷ luận" viết: " Trị nuy độc thủ dương minh". Chính thuộc dương minh, bễ lục phủ ngũ tạng chủ nhuận tông cân, tông cân chủ thúc thì lợi cơ quan. Dựa vào đó, cho dùng "Khởi nuy thang", người bệnh dùng 3 thang, bệnh đã thấy giảm một nửa, dùng liền 12g thang, các triệu chứng mất hẳn, đi bộ hơn 2km về nhà, khỏi bệnh. Theo dõi 3 tháng, mọi mặt đều tốt công tác như thường.

Bàn luận: Ca bệnh này dùng "Khởi nuy thang", trong đó có Sinh hoàng kỳ, Đảng sâm, Bạch truật, Trần bì, Mạch nha (sao), Mộc

hương để ích khí kiện tì hòa vị. Thăng ma thang phát tì dương, thúc cho tì khí thông tới tứ chi, bắp thịt. Tế tân, Bạch phụ tử, Thân cân thảo, Ngưu tất, Mã tiền tử (chế), Kê thuyết đằng khư phong tán hàn, trừ thấp lợi khiếu, thông kinh hoạt lạc, Viễn chí làm yên tâm thần, các vị phối ngũ tất tì khí thăng, khí huyết hòa, hàn thấp khử, kinh mạch thông, lợi cho cơ quan khỏi được bệnh nuy.

185. Viêm đa thần kinh

Biện chứng đông y: Thể tạng hư nhược, huyết ứ ngăn trở bên trong, lại cảm ngoại tà, tà bế kinh lạc.

Cách trị: Ích khí dưỡng huyết, trừ thấp tán hàn, khử ứ thông lạc

Đơn thuốc: Kiện bộ cường cân thang.

Công thức: Bắc hoàng kỳ 60g, Dương quy 15g, Bạch thược 12g, Xuyên kung 9g, Xích thược 12g, Đào nhân 9g, Hồng hoa 9g, Đỗ trọng 15g, Ngưu tất 9g, Mộc qua 9g, Phòng phong 12g, Tần giao 9g, Uy linh tiên 12g, Trần bì 12g, Xương sọ chó 15g, Cam thảo 3g, Sinh khương 3g. Sắc uống mỗi ngày 1 thang chia làm 3 lần (trẻ em giảm bớt liều lượng). Tê chi trên thì thêm Khương hoạt 12g, tê chi dưới thì thêm Độc hoạt 12g, tê vùng mặt thì thêm Toàn yết 3g, Ngô công 1 con.

Hiệu quả lâm sàng: Đã theo dõi dùng bài thuốc "Kiện bộ cường cân thang" gia giảm điều trị 7 ca viêm đa thần kinh đều khỏi cả.

186. Viêm đa thần kinh

Biện chứng đông y: Tì hư khí nhược, hạ nguyên khuỵ tôn.

Cách trị: Ích khí kiện tì, Ôn bổ nguyên dương.

Đơn thuốc: Bổ ích cường nuy ẩm.

Công thức: Hoàng kỳ 21g, Dương quy 15g, Xuyên ngư tất 15g, Mộc qua 12g, Bạch truật 12g, Thỏ ti tử 15g, Đỗ trọng (sao) 15g, Thục địa 12g, Phục linh 12g.

Mỗi ngày 1 thang, sắc uống 3 lần lấy tất cả 600 ml cứ 8 giờ uống 200 ml.

Hiệu quả lâm sàng: Lý X.X, nam, 38 tuổi, liệt tay chân đã 45 ngày, vào viện ngày 15-10- 1972. Kể rằng khi phát bệnh thì đau đầu, sốt, toàn thân đau, sau đó đến tay chân, đầu ngón tay đau đớn, tê dại có cảm giác khác thường kiểu đeo găng tay, đi bị tất ngấn ở chân, như có kiến bò. Đã dùng Penicilin, cortison, các loại vitamin và thuốc đông y chưa thấy kết quả rõ rệt. Khám thấy: vẻ mặt đau khổ của bệnh mạn tính ngũ quan bình thường, huyết áp 120/70 mmHg, mạch đập 92 lần/phút, thân nhiệt 38 độ C. Tay chân liệt, cơ run mu tay trái, các cơ tay chân mô ngói cái, mô ngón út đều teo rõ rệt. Chuẩn đoán lâm sàng là viêm đa thần kinh. Đầu tiên chúng tôi cho thuốc kháng cảm nhiễm hợp tể, chống nhiễm khuẩn (Bản lam căn 30g, Ngư tinh thảo 30g, Ngân hoa 30g, sắc uống mỗi ngày 1 thang) dùng liền 7 ngày, không chế được các chứng đau mình mảy, sốt. Sau đó lại cho dùng "Bổ ích cường nuy ẩm" phối hợp với liệu pháp tiêm huyết, các huyết được chọn là Ngoại quan, Khúc trì, Túc tam lý. Hoàn khiêu, Tam âm giao, mỗi lần chỉ tiêm 2 huyết, mỗi huyết tiêm hỗn hợp vitamin B1 25mg, vitamin B12 12,5mg, mỗi ngày 1 lần, tất cả 60 ngày, các chứng đều chuyển tốt rõ rệt, cơ lực tay chân khôi phục đến độ 4 trở lên. Dặn tiếp tục điều trị kiên trì, củng cố 20 ngày nữa chữa khỏi bệnh về cơ bản, ra viện. Sau khi ra viện, đã tham gia lao động nông nghiệp, tình trạng tốt. Theo dõi chưa thấy tái phát.

Bàn luận: Chúng tôi đã trị nhiều ca viêm đa thần kinh bằng "Kháng cảm nhiễm hợp tể", "Bổ ích cường nuy ẩm" và "Tiêm huyết" đều đạt kết quả khá lý tưởng. Cần chú ý là khi bệnh nhân bị nhiễm khuẩn thì đầu tiên nên dùng hợp tể chống nhiễm khuẩn này điều trị một thời gian khỏi rồi sẽ dùng "Bổ ích cường nuy ẩm", "Tiêm huyết", để trị là thỏa đáng nhất.

187. Viêm đa thần kinh nhiễm khuẩn

Biện chứng đông y: Thấp nhiệt tấn chú, lưu tán gân cốt.

Cách trị: Thanh nhiệt khử thấp thông lạc.

Đơn thuốc: Tam diệu hoàn gia vị thang.

Công thức: Thương truật 30g, Hoàng bá 20g, Ngưu tất 15g, Tục đoạn 15g, Kê huyết đằng 25g, Kim ngân hoa 25g, Bản lam căn 25g, Đại thanh diệp 15g, Công anh 50g, Liên kiều 15g, Thạch học 20g, Hoạt thạch 20g, Cam thảo 10g. Sắc uống mỗi ngày 1 thang.

Hiệu quả lâm sàng: Đỗ XX, nam, 19 tuổi, sốt đã 3 ngày, sau đó thấy hai tay khó cử động, không đủ sức cầm đồ vật, nhưng vẫn chịu khó làm việc 1 ngày nữa. Hôm sau tiếp đến chân khó cử động. Ba hôm nữa thì ăn cơm không cầm nổi thìa không đi lại được, phải có người công, không tự mình đi ra nhà vệ sinh để đại tiểu tiện. Khám thấy: thân nhiệt 37,2 độ C, tứ chi liệt mềm, không thể tự vận động. Nắm bóp chân thấy đau, mất phản xạ sâu. Chẩn đoán là viêm đa thần kinh nhiễm khuẩn (chứng nuy). Chữa bằng phép thanh nhiệt khu thấp thông lạc. Cho dùng "Tam diệu hoàn gia vị thang" sau khi uống 4 thang thì đứng được, đi được vài bước, Chữa trong nửa tháng, trừ ngôi sớm đứng lên còn khó, ngoài ra có thể cầm nắm đồ vật, đi lại cơ bản phục hồi như thường.

Bàn luận: "Tam diệu hoàn gia vị thang" có Thương truật là vị khổ ôn, táo thấp cường tì, Hoàng bá khổ hàn thanh thấp nhiệt ở hạ tiêu, hai vị thuốc kết hợp với nhau có thể táo thấp thanh nhiệt, chủ trị thấp nhiệt tấn chú, gân cốt đau đờn, thấp nhiệt xuyên xuống, phần dưới có mụn nước cả đến chứng thấp nhiệt thành nuy. Nếu mắc chứng nuy tí cước khí, mụn nhọt do thấp nhiệt gây nên thì trên lâm sàng thường lấy bài thuốc này làm bài thuốc chính. Trong thiên "Sinh khí thông thiên luận" sách Tố Vấn có nói "Thấp nhiệt không lui thì gân lớn, gân nhỏ đuôi dài, mềm cơ thì cong, đuôi dài thì teo". Đó là thấp nhiệt thấm vào mà dẫn tới tí thông, nuy nhược. Nuy tí do thấp nhiệt thì phải chú trọng thanh nhiệt táo thấp, không nên dùng các thuốc cường cân tráng cốt. Ngưu tất là thứ để có thể cường cân cốt, lại có thể dẫn thấp nhiệt đi xuống, chữa đầu gối sưng đỏ có hiệu quả. Chứng nuy là chứng có tứ chi teo yếu vô lực không cử động được.

188. Đau thần kinh hông

Biện chứng đông y: Phong hàn thấp tí, bế tắc kinh lạc.

Cách trị: Trừ thấp tán hàn, ôn thông kinh mạch.

Đơn thuốc: Tân phương quế chi thang.

Công thức: Quế chi 30-60g, Bạch thược 15-3g, Sinh khương 3-5 lát, Cam thảo 5-6 g, Đại táo 5-10 quả, Bắc hoàng kỳ 15-30g, Đương quy 10-15g, Xuyên ngư tất 10-15g, Độc hoạt 10-15g.

Sắc uống mỗi ngày 1 thang.

Bàn luận: Nếu người đau thần kinh hông thể chất dương thịnh thể hiện ở lưỡi đỏ rêu vàng, mạch huyền hoặc thực mà sắc, thì nên cẩn thận khi dùng "Tân phương quế chi thang".

189. Đau thần kinh hông

Biện chứng đông y: Phong hàn thấp tà, quấy nhiễu ở bên trong kinh mạch

Cách trị: Khu phong trừ thấp, ôn kinh, thông lạc

Đơn thuốc: Gia giảm thiên kim ô đầu thang.

Công thức: Chế xuyên ô 9g, Thục phụ tử 9g, Nhục quế 9g, Phòng phong 9g, Thục tiêu 9g, Tế tân 3g, Độc hoạt 15g, Can khương 5g, Tần giao 15g, Đương quy 30g, Bạch thược 12g, Phục linh 12g, Cam thảo 3g, Đại táo 5 quả.

Sắc uống mỗi ngày 1 thang. Người đau nhiều ở thắt lưng thì nên thêm Đỗ trọng 12g, Thục đoạn 12g, Ngưu tất 12g. Người hư khí thì nên thêm Nhân sâm 6-9g, Hoàng kỳ 15-30g. Người chân tê nhiều thì nên thêm Toàn tòng 9g, Ngô công 2 con, Địa long 9g. Miếng khát, đại tiện bí thì bỏ Nhục quế, Phụ tử, Thục tiêu, Tế tân.

Hiệu quả lâm sàng: Đã theo dõi dùng "Gia giảm thiên kim ô đầu thang" điều trị có theo dõi 110 ca đau thần kinh hông, trong đó ttthể nặng 30 người, thể nhẹ 80 người đều có hiệu quả khá tốt. Một số người trong khi điều trị đã dùng phối hợp "Rượu thuốc" tác dụng càng tốt hơn. (cách chế rượu thuốc: Sinh đỗ trọng 9g, Sinh xuyên ô 9g, Sinh thảo ô 9g, Xuyên ngưu tất 9g, Xuyên mộc qua 9g, Toàn đương quy 9g, Lão quán thảo 9g, Sinh cam thảo 9g, rượu trắng loại I 1000 ml, các thứ thuốc trên đem ngâm rượu, bỏ lọ đậy kín, sau 1 tuần là uống được, mỗi ngày 2 lần, mỗi lần 10 ml, tối đa không quá 15ml, người không uống được rượu thì không dùng).

Bàn luận: Qua thực tiễn lâm sàng, chúng tôi nhận thấy bài thuốc và rượu thuốc trên có hiệu quả tốt đối với đau thần kinh hông nguyên phát, còn đối với bệnh nhân thứ phát như đau thần kinh hông do thoát vị đĩa đệm, thắt lưng cứng hóa thì hiệu quả ít. Tuy nhiên cũng có hiệu lực nhất định với các bệnh xương cột sống, thẳng lưng có biểu hiện tăng sinh.

190. Đau thần kinh hông

Biện chứng đông y: Hàn thấp tà chuyển vào kinh lạc, khí huyết ứ tắc làm đường kinh không thông.

Cách trị: Khử thấp tán hàn, ôn thông kinh mạch, hóa ứ chỉ thống.

Đơn thuốc: Gia vị quế ô thang.

Công thức: Quế chi 12g, Bạch thược 30g, Đan sâm 30g, Chế xuyên ô 9g, Chích cam thảo 9g.

Sắc uống mỗi ngày 1 thang. Người bệnh đau nhiều thì có thể thêm Chế nhũ hương 9g, Chế một dược 9g, Ngưu tất 9g, Xuyên mộc qua 9g, Đào nhân 9g; chi dưới tê nhiều thì thêm Toàn yết 9g.

Hiệu quả lâm sàng: Đã dùng "Gia vị quế ô thang" điều trị có theo dõi 587 ca đau thần kinh hông, thấy 524 người sau khi uống thuốc 3-7 ngày đã khỏi hẳn về lâm sàng. Ngoài ra có 63 ca đau thần kinh hông do bị chèn ép, sau khi uống bài thuốc này thì triệu chứng có thuyên giảm rõ rệt trên lâm sàng, nhưng chưa khỏi hoàn toàn.

Bàn luận: Thực tiễn lâm sàng chứng tỏ, nếu bệnh nhân đau nhiều, bệnh tình khá nặng thì lúc đầu có thể uống mỗi ngày 2 thang, chia làm nhiều lần, đợi mấy hôm sau bệnh giảm sẽ uống mỗi ngày 1 thang, hiệu quả rất tốt.

191. Đau thần kinh hông

Biện chứng đông y: Hàn tà ngừng trệ, uất tắc kinh mạch.

Cách trị: Dưỡng huyết ôn kinh, thông mạch chỉ thống.

Đơn thuốc: Sài quế ôn kinh thang.

Công thức: Sài hồ 10g, Quế chi 10g, Bạch thược 10g, Đương quy 15g, Hồi hương (sao) 10g, Vân linh 10g, Nguyên hồ 10g, Xuyên ngư tất 10g, Xuyên luyện tử 10g, Sinh khương 6g, Thục phụ tử 10g, Cam thảo 6g. Sắc uống, mỗi ngày 1 thang.

192. Đau thần kinh hông

Biện chứng đông y: Phong thấp hạ chú xuyên qua kinh lạc ngăn cản khí huyết.

Cách trị: Khư phong thắng thấp, thông kinh chỉ thống.

Đơn thuốc: Thông lạc chấn kinh thang.

Công thức: Đan sâm 30-45g, Câu đằng 30g, Huyết kiệt 5g, Hy thiên thảo 15g, Ngô công 2 con, Địa long 12g, Sài hồ 6g. Sắc uống mỗi ngày 1 thang. Nếu thấy khát, miệng đắng, rêu lưỡi vàng, mạch sắc thì có thể thêm Ngân hoa 30g, Hoàng bá 9g, Thương truật 6g. Người thiên về hàn thì có thể thêm Quế chi 10g. Phụ phiên 6g. Người thiên về thấp, đùi tê đau tức thì thêm Dĩ nhân 30g, Thông thảo 6g, Tang chi 15g. Chân co duỗi khó khăn thì thêm Cửu tiết phong 15g, Tục đoạn 15g, Mộc qua 6g. Có các chứng do ngoại thương kiêm ứ huyết nội trở thì thêm Hồng hoa 6g, Cốt toái bổ 15g.

Hiệu quả lâm sàng: Theo dõi 36 ca đau thần kinh hông sau khi dùng "Thông lạc chấn kinh thang" gia giảm có 24 ca khỏi, 8 ca chuyển biến tốt, 4 ca vô hiệu.

193. Đau thần kinh hông

Biện chứng đông y: Cân mạch mệt mỏi tổn thương, khí huyết không vận đường kinh không thông.

Cách trị: Thư cân hoạt lạc, hoãn cấp chỉ thông.

Đơn thuốc: Gia vị thược dược cam thảo thang.

Công thức: Sinh bạch thược 50g, Chích cam thảo 50g, Nguyên hồ 15g, Anh túc xác 15g.

Sắc uống mỗi ngày 1 thang, chia làm 3 lần. Đau bên trái nhiều thì thêm Đan sâm 20g, đau bên phải nhiều thì thêm Hoàng kỳ 20g, người hàn thì thêm một lượng Xuyên ô thích hợp.

Hiệu quả lâm sàng: Hồ XX, nam, 40 tuổi, công nhân, hai năm trước bị vẹo lưng sau đó cảm thấy mông mạt phía sau đùi mạt ngoài bắp chân cho đến mu bàn chân chi dưới bên phải đau đi đau lại. Mấy ngày nay do lao lực bệnh tăng lên. Đã dùng thuốc đông tây y kết quả không tốt. Khám thấy mạt bệch, vể mạt đau khổ, bắp thịt ở đùi phải hơi teo, co lại đầu gối lỏng, co duỗi khó, mạch trầm mà vô lực, chất lưỡi nhạt, rêu lưỡi trắng mỏng. Chẩn đoán lâm sàng là đau thần kinh hông. Đây là bệnh hư lâu ngày làm cho khí huyết thông vận được, gân mạch không được nuôi dưỡng, lại gặp lao thương đường kinh không thông, cần trị bằng phép nhu cân hoạt lạc, hoãn cấp chỉ thống. Cho uống "Gia vị thược dược cam thảo thang". Dùng được 3 thang, các chứng giảm quá nửa. Tiếp tục dùng bài trên thêm Hoàng kỳ, Ngưu tất mỗi thứ 20g, nhằm bổ ích khí huyết, dưỡng cân hoạt lạc. Lại uống 9 thang nữa, mọi chứng khỏi hoàn toàn. Theo dõi 2 năm chưa thấy tái phát.

194. Đau thần kinh gian sườn

Biện chứng đông y: Can uất khí trệ, ứ huyết nội trở.

Cách trị: Thư can lý khí, hóa ứ chỉ thống.

Đơn thuốc: Đan chi tức thống thang.

Công thức: Đan sâm 12g, Linh chi (sao) 10g, Hương phụ 12g, Dương quy 10g, Phật thủ 12g, Sài hồ 10g, Tam thất phân 3g, (chiêu với nước thuốc), Bạch thược 12g, Nguyên hồ 12g, Cam thảo 6g.

Sắc uống mỗi ngày 1 thang.

Hiệu quả lâm sàng: Dương XX, nam, 36 tuổi. Đau xuyên hai bên sườn, lúc đau lúc không, ảnh hưởng tới hoạt động. Theo lời kể thì nguyên nhân không rõ, chỉ thấy trước khi bị bệnh thì tinh thần không thoải mái do cãi nhau trong gia đình. Mạch huyền, sáp, lưỡi bình thường, rêu trắng. Chẩn đoán lâm sàng là đau thần kinh gian sườn. Đây là chứng can uất khí trệ, ứ huyết nội trở. Cho dùng bài Đan chi tức thống thang, uống 2 thang khỏi ngay đau, mọi chứng đều hết, bệnh khỏi.

Bàn luận: Thực tiễn lâm sàng trong nhiều năm cho thấy, bài Đan chi tức thống thang dùng chữa đau thần kinh gian sườn thu được kết quả tốt, đồng thời đem chữa chứng đau, khó chịu ở hai bên sườn do viêm gan mạn hoặc xơ gan thời kỳ đầu cũng cho kết quả mỹ mãn.

195. Đau đầu do thần kinh

Biện chứng đông y: Phong hàn nội kết, trở trệ kinh mạch, thượng phạm thanh không.

Cách trị: Khử phong tán hàn, thông kinh chỉ thống.

Đơn thuốc: Cứu não thang.

Công thức: Tân di 9g, Xuyên khung 30g, Tế tân 3g, Dương quy 30g, Mạn kinh tử 6g.

Sắc uống mỗi ngày 1 thang. Nếu đầu đau tức, mắt đỏ thì thêm Câu đằng 30g, Long đởm thảo 6g, Thạch quyết minh 30g; khí hư mệt mỏi thì thêm Sinh kỳ 15g, Đảng sâm 12g; mất ngủ mộng mị thì thêm Táo nhân (sao) 15g, Dạ giao đằng 15g, Sinh, Long mẫu mỗi thứ 15g; đau lâu không rút, ứ trở mạch lạc thì thêm Thủy diệt (đĩa) 3g, Ngô công 3 con, Toàn trùng 5g, bị hành nôn mửa thì thêm Bán hạ 10g, Ngô thù du 6g, Sinh khương 5 lát, bị nhiệt nôn mửa thì thêm Đại giả thạch 15g, Trúc nhự 10g.

Hiệu quả lâm sàng: Trương XX, nữ, 18 tuổi, kế toán. Đau đầu đã 12 năm, chữa chạy nhiều mà vô hiệu. Tới khám ngày 12-6-1977. Người bệnh ngay từ nhỏ đã khổ vì đau đầu, cách vài ngày bệnh phát 1 lần, nhẹ thì phải nằm nghỉ ngơi, nặng thì phải tiêm hoặc uống thuốc giảm đau mới đỡ. Nửa năm nay, bệnh phát liên tục và càng kịch liệt hơn, châm cứu, hoặc uống thuốc giảm đau không còn tác dụng. Khám thấy vẻ mặt đau đớn, tỉnh táo, biểu hiện lạnh nhạt, hai mắt không có Thần, đồng tử to đều, đáy mắt không có gì khác thường, huyết áp 126/74 mmHg, lưỡi đỏ nhạt, mạch huyền tế mà sấp. Chẩn đoán lâm sàng là đau đầu do thần kinh. Khám xong cho dùng Cứu não thang có thêm Thủy diệt 3g, Ngô công 3 con, Toàn trùng 5g. Uống 1 thang, đau đầu giảm hẳn. Uống 4 thang các chứng đều hết. Căn bệnh kéo dài 12 năm bỗng chốc khỏi hẳn. Để củng cố hiệu quả, giảm bớt liều lượng của bài thuốc trên, cho thêm Bạch thược 15g, Thục địa 15g, để dưỡng huyết tư âm, nhu can cố bản. Cho dùng 3 thang. Theo dõi 2 năm, bệnh không tái phát.

Bàn luận: Bài Cứu não thang được chép trong trong sách "Biện chứng lục" của Trần Sĩ Phong thời Thanh. áp dụng có gia giảm vào lâm sàng để chữa bệnh đau đầu do thần kinh thu được kết quả rất tốt, mà với các chứng đau đầu dai dẳng khác cũng có kết quả khá. Từ tháng 5-1977 đến tháng 4-1980 dùng bài Cứu não thang có gia giảm chữa cho 80 bệnh nhân đau đầu dai dẳng khác nhau phần lớn chỉ 3 đến 6 thang là khỏi hẳn hoặc giảm nhẹ.

196. Đau đầu do thần kinh

Biện chứng đông y: Can uất khí trệ, ứ trở mạch lạc, thượng phạm thanh không não mất sự nuôi dưỡng.

Cách trị: Sơ can giải uất, hóa ứ thông kinh, hành khí chỉ thống.

Đơn thuốc: Sơ can hóa ứ chỉ thống thang.

Công thức: Sài hồ 15g, Xuyên khung 35g, Đào nhân 5g, Hồng hoa 5g, Hương phụ 20g, Phòng phong 15g, Khương hoạt 5g, Bạch chỉ 5g. Sắc uống mỗi ngày 1 thang.

Hiệu quả lâm sàng: Lưu XX, nam, 51 tuổi, công nhân. Khám lần đầu ngày 31-5-1975. Bệnh nhân kể đau đầu phát đi phát lại đã 12 năm. Mấy tháng nay trở nên kịch liệt, kèm theo tâm phiền buồn nôn, mắt mọng đau, lúc nặng phải đánh vào đỉnh đầu mới đỡ. Có khi kéo dài 2-3 ngày liền. Đã khám chữa nhiều lần ở bệnh viện, chẩn đoán là đau đầu do thần kinh, uống nhiều loại thuốc là không kết quả rõ rệt. Nay đến khám thấy mạch huyền, tế, chỉ có mạch xích bên trái phù, lưỡi rêu xám trắng, chất lưỡi tím xanh. Hợp chứng và mạch lại, thì đây là can uất khí trệ, ứ trở mạch lạc, thượng phạm thanh không, não mất nhu dưỡng. Chữa nó phải sơ can giải uất, hóa ứ thông kinh, hành khí chỉ thống. Cho dùng bài Sơ can hóa ứ chỉ thống thang. Uống được 3 thang, bệnh chứng giảm hẳn. Thêm vào bài thuốc Bán hạ 15g, Hoàng cầm 35g, Thương truật 20g, để tăng cường sức hòa giải thiếu dương kiện tì lý trung.

Uống 3 thang nữa các chứng cơ bản tiêu trừ. Lúc này bệnh nhân bị cảm, sốt nhẹ. Bèn cho thêm vào bài thuốc các vị Thạch cao 25g, Sinh địa 25g, lại cho uống mấy thang nữa, các chứng đều hết, bệnh khỏi. Theo dõi nhiều năm, không tái phát.

Bàn luận: Người bệnh mắc đau đầu do thần kinh lâu 12 năm. Trong đông y có câu "Đau lâu ngày tất ứ" chữa trị phải theo cách hoạt huyết hóa ứ. Nhưng khảo xét kỹ nguyên lý "Can là bể máu" của người xưa thì muốn trị huyết trước tiên phải trị can, can khí mà thông suốt thì khí huyết điều hòa, tâm được máu nuôi, đường mạch thông suốt, huyết bị ứ ất phải hoá, nên các chứng tiêu trừ.

Dựa theo lý ấy, dùng bài Sơ can hóa ứ chỉ thống thang trong đó, có vị Sài hồ là thuốc chủ yếu để sơ can, phối hợp với các vị hành khí, hoạt huyết, hóa ứ, chỉ thống sẽ khiến được can khí thông suốt, khí huyết điều hoà, tâm mạch thông, huyết ứ tan, đau phải dứt. Ngoài ra, trong bài thuốc dùng lượng Xuyên khung đến 35g, theo như kinh nghiệm thực tiễn của chúng tôi thì vì bài này để trị đau đầu do thần kinh nên bắt buộc phải trọng dụng Xuyên khung, nếu không kết quả sẽ kém.

(Lời người dịch: nên cẩn thận khi dùng Xuyên khung liều cao như vậy).

197. Đau đầu do thần kinh

Biện chứng đông y: Can vị hư hàn, trọc khí thượng nghịch, khí bất hành huyết, huyết bất dinh cân.

Cách trị: Ôn can noãn vị, dưỡng huyết dinh cân.

Đơn thuốc: Tứ vật gia ngô thù du thang.

Công thức: Thục địa hoàng 10g, Đương quy 10g, Bạch thược 6g, Xuyên khung 5g, Ngô thù du 5g, Tây đảng sâm 15g, Sinh khương 10g, Đại táo 10g.

Sắc uống mỗi ngày 1 thang. Người nôn oẹ nhiều thì thêm Pháp bán hạ 10g.

198. Đau đầu do mạch máu

Biện chứng đông y: Ngoại cảm nội thương, ú trở mạch đạo.

Cách trị: Khử tà an lý, thông kinh hoạt lạc, hóa ú chỉ thống.

Đơn thuốc: Đầu thông linh thang.

Công thức: Dương quy 10g, Xuyên khung 15g, Sinh địa hoàng 10g, Bạch thược 15g, Đào nhân 10g, Hồng hoa 10g, Phòng phong 10g, Bạch chỉ 10g, Khương hoạt 10g, Độc hoạt 6g, Câu đằng 20g, Kê huyết đằng 30g. Sắc uống mỗi ngày 1 thang. Nếu kiêm phong hàn thì thêm Ma hoàng 10g, Tế tân 10g, Phụ tử 10g, kiêm phong nhiệt thì thêm Sinh thạch cao 30g, Sài hồ 10g, Hoàng cầm 10g, kiêm ú huyết thì tăng thêm lượng vị thuốc hoạt huyết trong bài thuốc, lại thêm Xích thược 10g, kèm đờm thấp thì thêm Ngũ linh tán; kèm can thận âm hư thì thêm Sinh long cốt 30g, Mẫu lệ 30g, Sinh địa tăng lên 15g.

Bàn luận: Qua thực tiễn lâm sàng nhận thấy áp dụng bài Đầu thông linh thang có gia giảm thích hợp để điều trị, ngoài bệnh đau đầu do mạch máu ra, đối với chứng đau đầu do căng thẳng, đa số trường hợp đều thu được kết quả khá tốt. Ngoài ra trong khi điều trị, sau khi dùng thuốc được vài thang, lượng Xuyên khung trong thang có thể tăng lên 20-30g. Còn khi chữa đau đầu do căng thẳng thì vị Bạch thược trong thang có thể tăng đến 30g. Nếu người bệnh kiêm cả mấy dạng thì có thể dùng kiêm cả mấy dạng kể trong bài thuốc. Thực tiễn lâm sàng chứng tỏ dùng như thế kết quả điều trị rất tốt.

199. Đau đầu do mạch máu

Biện chứng đông y: Ứở kinh mạch, kinh khí bất thư, thang dương bất cử, nhiễm loạn thanh không

Cách trị: Ích khí cử dương, hóa ứ thông lạc.

Đơn thuốc: Tân phương huyết phủ trục ứ thang.

Công thức: Bắc hoàng kỳ 15g, Xuyên khung 10g, Nhũ hương 10g, Sinh địa hoàng 20g, Xích thược 10g, Ngưu tất 12g, Ngô công 2 con, Đào nhân 10g, Tế tân 8g, Cam thảo 6g, Hồng hoa 8g.

Sắc uống mỗi ngày 1 thang.

Hiệu quả lâm sàng: Quách X, nam, 40 tuổi, công nhân. Tới khám ngày 24-2-1979. Từ hơn 10 năm trước đã phát chứng đau đầu, sau nặng dần, mỗi tháng lên cơn 2-3 lần, có khi liên tục mấy ngày, chủ yếu là đau không chịu nổi ở trán và 2 thái dương. Khám không thấy khác thường. Chẩn đoán là đau đầu do mạch máu. Đã dùng nhiều thứ thuốc tây và đông y mà chưa đạt kết quả, nên tới khám. Mạch trầm huyền mà sáp, lưỡi đỏ thẫm, rêu trắng. Hợp mạch với chứng thì đây là bệnh đã lâu năm, bệnh lâu tất ứ, tất hư, ứ thì trở lạc, hư thì khí huyết không khả năng hoạt động. Hai cái cùng dẫn tới ứ huyết trở trệ, kinh khí bất thư, thanh dương bất cử, thanh không thất lợi. Chữa nó phải ích khí cử dương, hóa ứ thông lạc. Cho dùng bài Tân phương huyết phủ trục ứ thang, uống 6 thang, các chứng giảm nhiều, nếu còn phát, thì cũng chỉ hơi đau. Cho uống tiếp 6 thang rồi ngừng lại theo dõi, thấy bệnh ổn định. Hơn 1 năm sau hỏi thăm, không thấy tái phát.

Bàn luận: Đau đầu lâu ngày dần thành cố tật, nếu muốn công hiệu nhanh thì các vị thuốc bình thường không trị nổi, phải làm thêm vào thuốc khử ứ hoạt huyết những vị khu phong thông lạc. Tế tân là vị tân nhiệt, giới về khu não phong, thúc đẩy các vị hoạt huyết ứ vào thẳng ổ bệnh, hợp sức công phá các ứ tích, hiệu quả rõ rệt. Vì thế trong các sách chép vị Tế tân phần nhiều chỉ dùng 1-3g, ở đây lại dùng đến 8g, Riêng về vị Tế tân này, các bậc tiền bối đã từng đi sâu nghiên cứu, cho rằng chỉ cần biện chứng mà dùng thuốc

chính xác thì lượng dùng lớn mới có thể chém tương chiếm cửa ải, giống như quân lính chốt ở mũi tiên phong vậy. Tác giả đã chữa cho vợ bị chứng cảm mạo, lượng tăng tới 9g, mà không thấy có phản ứng xấu. Vì vậy vị thuốc này có thể tăng lượng một cách thích hợp, không phải lo ngại gì. Nếu lại phối hợp các vị phù hợp thì càng không e ngại nữa. Tuy nhiên với bệnh nhân thể chất hư nhược thì tốt nhất là hãy cho lượng như bình thường.

200. Đau đầu do mạch máu

Biện chứng đông y: Can mộc ứ uất, hỏa hỏa làm thương tổn đến âm, âm huyết bất túc, kinh khí bất hư, bế tắc não lạc, lại thêm phong tà, thượng nhiều hanh không.

Cách trị: Dưỡng âm thanh nhiệt, khử phong thông lạc, hóa đờm chỉ thống.

Đơn thuốc: Thược dược mẫu đơn thang.

Công thức: Sinh bạch thược 30g, Mẫu đơn bì 10g, Cam thảo 10g, Dương quy 12g, Sinh địa hoàng 12g, Xuyên khung 6g, Đào nhân 10g, Hồng hoa 6g, Cúc hoa 10g, Câu đằng 12g.

Sắc uống mỗi ngày 1 thang.

Hiệu quả lâm sàng: Chu XX, nữ, 18 tuổi, khám lần đầu ngày 12-8-1978. Đau đầu đã 4 năm, gần như ngày nào cũng lên cơn, đau nhiều ở mé đầu phải, kèm nôn oẹ, ảnh hưởng tới ăn uống, sinh hoạt và học tập, rất khổ sở. Đã khám chữa ở bệnh viện, chẩn đoán là đau đầu do mạch máu kiểu đau nửa đầu, dùng thuốc đã nhiều mà không kết quả. Lần này đến khám, do tinh thần căng thẳng nên đau đầu càng nặng, nhìn sắc mặt kém tươi, rìa lưỡi và đầu lưỡi đỏ, ít rêu, mạch huyền, tế, đó là chứng mộc uất phong động. Dùng bài Thược dược mẫu đơn thang, uống liền 7 thang, chứng đau nửa đầu khỏi đến tám phần. Bèn cho thêm Phục linh 12g vào thang thuốc cũ, cho uống liền hơn 30 thang, khỏi đau đầu, các chứng đều hết. Sau hơn 3 năm, tình trạng vẫn tốt.

Bàn luận: Bài thuốc dùng cho ca bệnh này là do kết hợp 3 bài Thược dược cam thảo thang, Đào hồng tứ vật thang, Đan chi tiêu dao tán thêm bột mà thành, đem điều trị bệnh đau đầu do mạch máu kiểu đau nửa đầu được thực tế lâm sàng chứng tỏ cho kết quả rất lý tưởng.

201. Đau đầu do mạch máu

Biện chứng đông y: Khí trệ huyết ứ, trở yết thanh không.

Cách trị: Hoạt huyết hóa ứ, thông kinh chỉ thống.

Đơn thuốc: Gia vị huyết phủ trục ứ thang.

Công thức: Xuyên khung 9g, Sài hồ 10g, Đương quy 12g, Sinh địa 12g, Đào nhân 12g, Hồng hoa 9g, Chỉ xác 9g, Xuyên ngư tất 9g, Xích thực 9g, Cát cánh 9g, Nguyên hồ 6g, Cam thảo 6g.

Sắc uống mỗi ngày 1 thang.

Hiệu quả lâm sàng: Lý XX, nữ, 27 tuổi, kế toán, chưa kết hôn. Tới khám ngày 20-4-1979. Bị bệnh đau nửa đầu có chu kỳ đã hơn 16 năm. Hồi đầu khoảng vài tháng lên cơn một lần, sau mỗi tháng một lần, bắt đầu từ mùa đông năm ngoái mỗi tuần một lần. Trước mỗi lần lên cơn, mắt như nhìn thấy hình ảnh động của gương phản chiếu, tiếp sau đau nhói ở vùng tai phải, kéo dài từ 20 phút đến vài giờ, lúc nặng thì nôn mửa, sau cơn đau mệt mỏi, buồn ngủ. Những lần lên cơn dường như không có liên quan rõ rệt với khí hậu, tinh thần hoặc chế độ ăn uống. Kể rằng dì và em gái đều có bệnh sử tương tự. Đã chữa ở bệnh viện, chẩn đoán là đau nửa đầu do mạch máu, chữa trong nhiều năm không khỏi, người bệnh rất khổ sở. Nay lại sắp lên cơn nên tới khám. Biểu hiện sắc mặt tối tăm, đờ đẫn, lưỡi tím thâm, đầu lưỡi trái có mảng ứ, mạch trầm, sáp. Đây là chứng đau nửa đầu thể huyết ứ, vì bệnh lâu ngày ứ trệ, che phủ thanh đạo, không thông ất đau. Phải chữa bằng hoạt huyết hóa ứ, dùng bài Gia vị huyết trục ứ thang, khi khám lại cho thêm Toàn yết 3g, uống tất cả 50 thang, các chứng khỏi hết. Trong khi uống thuốc có 3 lần lên cơn, nhưng thời gian cách quãng kéo dài dần, mức độ đau cũng nhẹ. Ngừng thuốc đã hơn một năm mà không tái phát.

202. Đau đầu do mạch máu

Biện chứng đông y: Khí huyết đều hư, huyết hư sinh phong, thượng nhiều thanh không.

Cách trị: Bổ ích khí huyết, sơ phong chỉ thống.

Đơn thuốc: Quy kỳ khương hoạt thang.

Công thức: Toàn dương quy 24g, Hoàng kỳ (nướng) 24g, Khương hoạt 15g (cho sau).

Sắc uống mỗi ngày 1 thang. Nếu nôn mửa nhiều thì thêm Khương bán hạ 6g, khí trệ huyết ứ thì thêm Xuyên khung 10g, Xạ hương 0,15g, nếu kèm can hỏa thì thêm Câu đằng 18g, Bạch tật lê 10g, Hoàng cầm 10g; âm hư hỏa vượng thì thêm Đan bì 10g, Sinh địa hoàng 15g; nếu đờm trọc nặng thì thêm Pháp hạ 6g, Trúc nhự 10g.

Hiệu quả lâm sàng: Hoàng XX, nữ, 52 tuổi, nông dân tới khám ngày 21-6-1978. Đã 4 năm đau đi đau lại vùng đầu bên trái, hễ cứ làm lụng vất vả hoặc suy nghĩ thái quá là lên cơn, đau lan ra đỉnh đầu, trán, lồm giọng, nôn mửa, vàng đầu, mệt mỏi, sức yếu, người hoảng hốt, thở gấp, ăn uống giảm sút. Dáng người gầy gò, sắc mặt không tươi. Kiểm tra điện não đồ, chụp phim não đều không phát hiện được gì khác thường, chẩn đoán lâm sàng là đau nửa đầu do mạch máu, dùng nhiều loại thuốc trấn tĩnh, giảm đau cũng như thuốc đông y bình can tức phong mà không có kết quả rõ rệt. Năm nay bệnh nặng thêm, đau đầu liên tiếp, mỗi tuần 2-3 lần, mỗi lần kéo dài 1-3 giờ, người bệnh rất khổ sở. Khám lục mạch trầm, tế, vô lực, lưỡi nhạt, rêu mỏng trắng. Kết hợp mạch chứng chẩn đoán là bệnh lâu ngày, hư nhiều, lại dùng nhiều thuốc đắng, táo khiến khí huyết khuy hao, huyết hư sinh phong, thượng nhiều thanh không. Cổ nhân có câu "Trị phong trước tiên phải trị huyết, huyết mà hành thì phong tự diệt". Theo đó bèn cho dùng bài Quy kỳ khương hoạt thang, thêm Pháp hạ 6g, uống liền 3 thang, các chứng đều đỡ. Tuy có lên cơn một lần nhưng đau nhẹ, thời gian đau cũng ngắn. Nhưng bệnh nhân kêu miệng nhạt, ăn uống kém. Lấy bài thuốc trên bỏ Pháp hạ, mỗi lần uống lại uống thêm Hương sa lục

quân tử hoàn 6g. Dùng thuốc liền hơn 20 ngày, ngoài cảm giác đôi khi váng đầu, còn đều cảm thấy thoải mái. Đó là bệnh lâu ngày dẫn đến hư nhược, nguyên dương bất túc. Bèn cho dùng Nhân sâm dương vinh hoàn để củng cố. Sau phát hai lần, nhưng nhẹ hơn trước nhiều, vẫn trị bằng bài thuốc trên, chỉ vài thang là khỏi. Theo dõi hơn một năm nay không tái phát.

Bàn luận: Bài thuốc Quy kỳ khung hoạt thang do vị đông y lão thành Đường Vĩnh Tế truyền lại, dùng trong lâm sàng có gia giảm để chữa cho những bệnh nhân bị đau đầu tương tự như trên, mỗi lần dùng đều cho kết quả tốt.

203. Đau nửa đầu

Biện chứng đông y: Đờm ngưng khí trệ, phong tà công kích lên đầu.

Cách trị: Khử phong trừ đàm.

Đơn thuốc: Thiên đầu thống thang.

Công thức: Xuyên khung 30g, Bạch chỉ 2g, Sài hồ 3g, Hương phụ 6g, Bạch giới tử 10g, Bạch thược 15g, Uất lý nhân 3g, Cam thảo 3g. Sắc uống mỗi ngày 1 thang.

Hiệu quả lâm sàng: Chu XX, nữ, công nhân. Tới khám ngày 12-6-1970. Đã hai ngày nay bệnh nhân bị đau nửa đầu bên trái, đau rất dữ dội, kêu la không ngớt, cả đêm không ngủ. Đêm hôm trước bồn chồn khác thường, cực kỳ đau khổ, xé rách cả một tấm chăn. Đã điều trị bằng thuốc tây y nhưng không hiệu quả, được con dìu đến khám bệnh. Khám thấy tinh thần tỉnh táo, người gầy, vẻ mặt đau đớn cấp tính. Nghe tim phổi không thấy gì khác thường. Huyết áp 120/80 mmHg. Chất lưỡi đỏ nhạt, rêu mỏng trắng, gốc hơi bẩn, mạch huyền tế. Chứng này thuộc về đàm ngưng khí trệ, phong tà thương công. Cần trị bằng cách khử phong trừ đàm. Cho uống "Thiên đầu thống thang". Uống được 1 thang, đau giảm được quá nửa, tự cảm thấy bệnh mười phần đã lui được bảy, tám, đêm đã ngủ được yên được một lúc, rất phấn khởi. Lại uống tiếp 2 thang, đã hết đau nửa đầu, thần sắc trở lại bình thường, bệnh khỏi hẳn. Theo dõi hơn 8 năm sau, không thấy bệnh tái phát.

204. Động kinh

Biện chứng đông y: Can hỏa đàm nhiệt, hợp với phong nhiều loạn bên trong, che mờ tâm khiếu.

Cách trị: Thanh can tả hỏa, hóa đàm tuyên khiếu, tức phong chỉ kinh.

Đơn thuốc: Gia vị tức phong định giản thang.

Công thức: Trần bì 3g, Pháp hạ 6g, Nam tinh 6g, Hóa bì 6g, Sài hồ 3g, Hoàng cầm 3g, Thanh đại 1,5g, Lô hội 1,5g, Đương quy 9g, Câu đằng 9g, Chích hoàng kỳ 15g, Tây đằng sâm 9g, Bạch truật 6g, Can khương 6g. Sắc uống mỗi ngày 1 thang.

Hiệu quả lâm sàng: Bạch XX, nữ, 32 tuổi. Tới khám ngày 5-4-1969. Bệnh nhân cho biết bị động kinh đã hơn 10 năm. Trước mỗi lúc lên cơn thường rú lên tiếng như lợn dê kêu, sau đó liền hôn mê, ngã ra đất, bất tỉnh nhân sự, miệng sùi bọt trắng, hai mắt trợn ngược, chân tay co giật, ỉa đái dầm dề. Lúc bệnh nặng, mỗi ngày thấy người mỗi mệt rã rời, còn không thấy triệu chứng gì khác.

Mạch huyền sắc mà hoạt, rêu lưỡi vàng bẩn. Chứng này thuộc về can hỏa đàm nhiệt, hợp với phong làm nhiều loạn bên trong, che mờ tâm khiếu. Cần trị bằng phép thanh can tả hỏa, hóa đàm tuyên khiếu, tức phong chỉ kinh. Sau khi khám, chúng tôi cho uống "Gia vị tức phong định giản thang" gia giảm, đã uống tất cả 50 thang, bệnh cũ đã hết, khỏe mạnh như thường. Theo dõi mười năm, không thấy tái phát.

Bàn luận: Trong bài thuốc này, vị Thanh đại, Hoàng cầm, Lô hội, Sài hồ có tác dụng thanh can tả hỏa; Trần bì, Pháp hạ, Nam tinh, Hóa bì có tác dụng hóa đàm khai trọc. Người xưa có nói "tỳ là nguồn gốc sinh ra đàm", cho phối hợp dùng Đảng sâm, Hoàng kỳ, Trần bì, Bạch truật để bổ tỳ ích khí, vừa có thể triệt được nguồn gốc sinh ra đàm, lại vừa có thể giảm bớt tác dụng khổ, hàn làm hỏng vị của Thanh đại, Lô hội, phát huy tác dụng tức phong thông lạc của Đương quy, Câu đằng. Sách "Kim quỹ" có nêu "người bị bệnh đàm ẩm, nên dùng ôn dược để hóa". Do đó chúng tôi có phối hợp sử dụng

Can khương cùng với Pháp hạ, Nam tinh, Hóa bì để ôn hóa đàm trọc. Trong bài thuốc, cùng lúc có sử dụng các vị hàn ôn hư thực, là phù hợp với sự phức tạp và ngoan cố của bệnh động kinh, cho nên sử dụng trên lâm sàng đạt hiệu quả tốt. Nhưng vì đây là một bệnh diễn biến phức tạp và lâu dài, nên tuyệt nhiên không thể dùng 1-2 thang thuốc mà khỏi được, nhất thiết phải uống thuốc kiên trì trong khoảng thời gian dài, bệnh mới có thể khỏi được.

205. Động kinh

Biện chứng đông y: Đàm trở ứng trệ, nghịch làm đờm theo khí dâng lên làm tắc thanh khiếu.

Cách trị: Giáng nghịch trừ đàm, khai khiếu tinh thần.

Đơn thuốc: Khương phân thang.

Công thức: Sinh khương 9g, Sinh bạch phân 3g. Hai vị này đem dùng đũa gỗ trộn đều thành dạng hồ, thêm nước vừa đủ, khi bệnh nhân lên cơn đem đổ vào miệng cho uống nhiều lần.

Hiệu quả lâm sàng: Lưu XX, nữ, 7 tuổi. Khám ngày 18-4-1964 Bệnh nhân đột nhiên hôn mê ngã vật xuống, mãi không tỉnh lại. Miệng đùn rớt dãi, chân tay lạnh cứng, cầm khẩu, bàn tay nắm chặt, khí úng, thở thô, trong cổ họng có tiếng đờm rít. Rêu lưỡi trắng bản, mạch trầm mà hoạt. Cho cấp cứu bằng "Khương phân thang" đổ nhiều lần vào miệng. Lát sau bệnh nhi tỉnh lại như thường, lại chạy chơi.

Bàn luận: "Khương phân thang" chủ yếu dùng để trị cho những bệnh nhân lên cơn động kinh mà thường mãi không tỉnh lại, tức là dùng cho những thực chứng đàm quyết thì tốt. Bài thuốc này nhằm giảm bớt đau khổ cho bệnh nhân phải chịu đựng thời gian lên cơn kéo dài. Trong bài thuốc này, Bạch phân tinh vị chua hàn, táo thấp khứ đàm, Sinh khương tinh vị cay ấm, hạ khí khứ đàm. Hai vị phối hợp, hành khí tan đờm, thần tỉnh mà khiếu được khai.

206. Động kinh

Biện chứng đông y: Phong đàm ứng trệ, nhiều loạn thanh không, che mất tâm khiếu.

Cách trị: Khu phong hóa đàm, thông kinh khai khiếu.

Đơn thuốc: Định giản thang.

Công thức: Cúc hoa 9g, Câu đằng 9g, Bạc hà 3g, Đảm nam tinh 3g, Khương bán hạ 3g, Trần bì 3g, Vân phục linh 9g, Cương tằm 9g, Trúc nhự 9g, Thiên trúc hoàng 3, Tuyên mộc qua 9g, Ti qua lạc 9g, Chính cam thảo 3g, Đạm trúc điệp 9g, (trên đây là liều dành cho trẻ em). Sắc uống mỗi ngày 1 thang. Nếu đàm nhiệt thịnh, có thể thêm Hoàng cầm (sao) 3g, Địa long 9g; nếu sau khi lên cơn co giật mà chân tay tê dại thì có thể thêm Nhân đông đằng 9-12g, Tang chi 9-12g, Kê huyết đằng 9-12g; nếu đầu vầng mắt hoa, bồn chồn không yên thì có thể thêm Long xỉ 12-15g; với người nhiệt chứng không rõ thì thêm Khương hoạt tùy mức từ 3 đến 9g, Độc hoạt 3-9g; nếu tiêu hóa không tốt có thể tùy liệu thêm lượng vừa đủ Mạch nha, Cốc nha, Dĩ nhân.

Hiệu quả lâm sàng: Trần XX, nam, 5 tuổi. Tới khám ngày 28-4-1978, Bệnh nhi đẻ thuận, đủ tháng. Sau khi sinh, phát triển bình thường. Từ tháng 12-1977 bắt đầu phát sinh chân tay vô lực, không đi được, qua điều trị thì bệnh khỏi. Nhưng sau đó lại thấy cơ thể suy nhược, ăn uống kém, rồi lên cơn động kinh. Khi tới khám, đúng vào lúc lên cơn động kinh, thấy bệnh nhi hai mắt lác đi, chân tay co giật, mép sùi bọt trắng, sắc mặt trắng bệch, người không tỉnh táo, lưỡi đỏ, rêu vàng bẩn, vân tay đỏ. Sau khi cho dùng "Định giản thang". Trước sau khám tất cả 5 lần, cho dùng bài thuốc này có gia giảm, tất cả uống 24 thang, các triệu chứng đã khỏi, bình phục. Về sau bố mẹ bệnh nhi có viết thư cảm ơn, kể rằng bệnh cháu bé đã khỏi hẳn.

207. Động kinh

Biện chứng đông y: Phong đàn nội tụ, uất lâu hóa nhiệt, nhiệt đốt can âm, can dương thượng cang.

Cách trị: Trấn can tức phong, tư âm giáng hỏa, trừ đàm định kinh.

Đơn thuốc: Tam thạch thang.

Công thức: Sinh đại giả thạch 120g, Linh từ thạch 60g, Kim môg thạch 15g, Toàn yết 9g, Trần bì 9g, Pháp bán hạ 9g, Đạm trúc nhự 9g, Đả nam tinh 9g, Sinh cam thảo 6g. Sắc uống mỗi ngày 1 thang.

Hiệu quả lâm sàng: Tôn XX, nam, 18 tuổi, học sinh. Hơn 10 năm nay bị bệnh động kinh, đã dùng nhiều loại thuốc để chạy chữa mà không khỏi. Gần đây, bệnh tình lại phát triển, ngày nào cũng lên cơn, ít thì 1-2 lần, nhiều thì tới mấy lần. Khi lên cơn bệnh nhân thình lình thét lên, hai mắt trợn ngược, tay chân co giật, mép sùi đờm dãi, bệnh nhân vô cùng đau khổ. Khám thấy bệnh nhân tâm thần ngơ ngác, nói năng không lưu loát, trí nhớ kém, phân khô, mạch trầm huyền hữu lực hơi sác, chất lưỡi hơi đỏ, rêu vàng, trắng bẩn. Sau khi khám, cho dùng "Tam thạch thang" uống được một tuần đã giảm lên cơn, chỉ còn 2 lần, hơn nữa các triệu chứng cũng giảm đi rõ rệt. Rêu lưỡi giảm, mạch trầm huyền. Lại dùng bài thuốc trên, tiếp tục cho uống hơn 20 thang nữa, các cơn động kinh đã bị ngăn chặn. Ngừng uống thuốc đã mấy năm, trong suốt thời gian này chỉ có 1 lần lên cơn, với các triệu chứng rất nhẹ. Trí nhớ của bệnh nhân đã khá hơn rất nhiều so với trước đây, cũng đã làm được một số công việc trong gia đình.

208. Động kinh

Biện chứng đông y: Hàn uất hóa nhiệt, tâm âm khí hư, can phong nội động, hiệp đờm ngược lên.

Cách trị: Hóa đàm tức phong, tư âm định kinh.

Đơn thuốc: Giản chứng hoàn.

Công thức: Thiên trúc hoàng 15g, (tán mịn riêng), Trầm hương 9g, Thiên đông 60g, Bạch thược 90g; Phục thần 120g, Chích cam thảo 18g, Viễn chí nhục 60g (đun chín), Mạch đông 60g (bỏ lõi), Toàn phụng hoa 45g, Tô tử 30g, Chế hương phụ 90g, Khương bán hạ 30g, Tọa giác giác 60g (bỏ vỏ đen, bỏ hạt rồi sao lên). Tất cả đem tán mịn lấy một lượng bột Hoài sơn dược vừa đủ, trộn đều cùng với nước, làm hoàn, lấy Chu sa làm áo, mỗi lần uống 9g, mỗi ngày uống 2-3 lần.

Hiệu quả lâm sàng: Sái XX, nam, 25 tuổi. Tới khám ngày 6-9-1978. Bệnh nhân bị động kinh đã 9 năm nay, đã tìm nhiều cách chữa trị nhưng chưa có kết quả. Trước khi tới khám, ngày nào cũng uống Phenytoin Natri (Dilantin), nhưng cứ khoảng 10- 20 hôm lại lên cơn 1 lần, khi lên cơn bao giờ cũng bắt đầu bằng một tiếng kêu thét, sau đó hôn mê ngã xuống, mép sùi bọt trắng, chân tay co giật. Sau khi khám, cho điều trị một đợt "Giản chứng hoàn". Bệnh nhân uống trong khoảng hơn một tháng. Trong suốt thời gian này không thấy lên cơn. Lại tiếp tục cho dùng một đợt nữa, khuyên nên chịu khó kiên trì uống liên tục. Uống hết thuốc thì bệnh khỏi, theo dõi gần 2 năm, tình trạng bệnh nhân tốt, khoẻ như người thường, không thấy tái phát cơn động kinh.

Bàn luận: Bài thuốc "Giản chứng hoàn" này rút từ "Tiên tỉnh trai y học quảng bút ký" với tên gốc là "Bổ tâm ninh chi hoàn", gia giảm mà thành, đã thu được kết quả lý tưởng trên lâm sàng.

209. Rối loạn tuần hoàn não (hoặc tai biến mạch máu não)

Biện chứng đông y: Khí hư mà huyết hành không thông mạch lạc ứ trệ.

Cách trị: Bổ ích khí huyết, tiêu ứ thông lạc.

Đơn thuốc: Gia vị bổ dương hoàn ngũ thang.

Công thức: Hoàng kỳ 30g, Xích thực 12g, Xuyên khung 6g, Dương quy 9g, Địa long 9g, Đào nhân 9g, Hồng hoa 9g, Bạch phụ tử 9g, Cương tằm 15g, Toàn yết 15 con. Sắc uống, mỗi ngày 1 thang.

Hiệu quả lâm sàng: Trần XX, nam, 40 tuổi, cán bộ. Tới khám tháng 8-1972. Bệnh nhân đi xa thăm người nhà, mấy ngày đi đường rồi tiếp khách quá mệt, một buổi sớm ngủ dậy đột nhiên có cảm giác tê cứng nửa mặt bên phải, mồm méo, mắt lác đi, nửa người bên phải cử động bị hạn chế, đi lại chậm chạp, nói năng hơi khó khăn. Chúng tôi khám thấy: mạch trầm huyền, lưỡi nhạt, rêu trắng hơi bẩn. "Tà đã tụ lại, khí tất phải hư", khí mà hư thì huyết hành không thông, mạch lạc bị ứ trệ. Bệnh nhẹ nên xuất hiện các triệu chứng về kinh lạc, miệng méo mắt lác, nói năng khó khăn, cử động nửa người bị hạn chế, đi lại chậm chạp. Mạch trầm, lưỡi nhạt là thuộc chứng lý hư. Cần trị bằng phép bổ ích khí huyết, tiêu ứ thông lạc. Cho dùng "gia vị bổ dương hoàn ngũ thang". Uống liền 10 thang, bệnh nhân cảm thấy mặt mũi dễ chịu, nói năng dần dần trở lại lưu loát, nhưng mồm và mắt cử động khép mở vẫn không tự nhiên, đi lại chưa được linh hoạt, mạch trầm trì. Trầm là khí hư không đạt, trì là huyết hành không thuận lợi, nên vẫn xử lý theo hư chứng. Vẫn dùng bài thuốc trên, tăng thêm vị Hoàng kỳ lên 60g, thêm Tế tân 1,5g để ôn kinh thông tị, nhập lạc thu phong, lại cho uống liền 10 thang, tự cảm thấy có kết quả rõ rệt, mồm, mắt cử động đã bình thường, chỉ còn cảm thấy miệng khô, đầu vầng, mạch trầm hơi sác, rêu mỏng trắng. Bài thuốc trên, bỏ Tế tân, Bạch phụ tử, thêm Thiên ma 6g, Thạch斛 9g, để khứ phong tư âm. Lại uống liền tiếp 10 thang nữa, đã giảm các chứng vầng đầu, miệng khô, chân tay đã cử động gần như bình thường, mạch trầm hơi sác, rêu

mỏng trắng, tiếp tục uống 10 thang thuốc nữa, các triệu chứng đều hết, không còn di chứng gì nữa.

Bàn luận: Trường hợp bệnh này đông y gọi là trúng phong, các diễn biến bệnh nhẹ, chữa kịp thời, thuốc đúng bệnh cho nên khỏi nhanh, không để lại di chứng. Trong bài thuốc có Kỳ, Quy để bổ khí dưỡng huyết, Khung, Thược để lý khí hòa huyết, Đào, Hồng để phá ứ sinh tân, Địa long, Toàn yết để thông lạc trấn kinh, Cương tằm, Bạch phụ tử để khứ phong hóa ứ. Các vị trên phối hợp với nhau, cùng bổ ích khí huyết, tiêu ứ thông lạc, do đó mà thu được hiệu quả khá tốt.

210. Xuất huyết dưới màng nhện

Biện chứng đông y: Ứ huyết nội trở, uất lâu sinh nhiệt, nhiệt làm tổn thương kinh mạch, huyết không đi đúng đường tràn ra mà thành bệnh.

Cách trị: Hành khí hoạt huyết, khử ứ sinh tân.

Đơn thuốc: Huyết phủ trực ứ thang.

Công thức: Đương quy 9g, Sinh địa hoàng 15g, Đào nhân 15g, Hồng hoa 9g, Chỉ thực 9g, Xích thực 15g, Sài hồ 6g, Cam thảo 3g, Cát cánh 4,5g, Xuyên khung 4,5g, Ngưu tất 9g. Sắc uống, mỗi ngày 1 thang.

Hiệu quả lâm sàng: Triệu XX, nữ, 11 tuổi. Vào viện ngày 10-11-1973. Giữa trưa hôm đó bệnh nhi muốn ra ngoài chơi, đột nhiên hôn mê ngã lăn ra đất, nôn, vội vàng đưa đến bệnh viện cấp cứu. Khám thấy: thân nhiệt 36,7 độ C, mạch đập 98 lần/phút, huyết áp 110/60 mmHg, bạch cầu 32.400/mm³, đang trong trạng thái hôn mê, sắc mặt trắng bệch, phản xạ với ánh sáng chậm, cổ cứng, chân tay lạnh, tim phổi gan lách không có gì khác thường. Cho tiêm penixillin, gentamycin và truyền dịch. Ngày thứ ba sau khi vào viện, bệnh tình vẫn chưa đỡ, vẫn ở trạng thái nửa hôn mê, thân nhiệt 38,3 độ C, đồng tử bên phải to hơn bên trái, phản xạ với ánh sáng chậm, rãnh mũi mép phía bên phải nông, cổ cứng rõ rệt, Kerning và Brudzinski đều dương tính, phía bên phải rõ rệt. Sau khi vào viện 4 ngày, tiến hành chọc ống sống, dịch não tủy có máu, phần trên trong, có màu vàng nhạt, chẩn đoán lâm sàng là xuất huyết dưới màng nhện. Đông y nhận định rằng chủ yếu là ứ huyết nội trở, tràn ra thành bệnh, cần phải hành khí hoạt huyết, khử ứ sinh tân. Sau khi khám cho dùng "Huyết phủ trực ứ thang". Dùng thêm ít thuốc trấn tĩnh Aminazin, Luminal. Uống được 10 thang giảm nhiều đau đầu, các triệu chứng kích thích màng não đã hết, tinh thần khá lên. Xét nghiệm lại dịch não tủy, các chỉ tiêu đều trở về bình thường. Tiếp tục chăm sóc thì tình trạng cháu bé ổn định, bệnh khỏi. Ngày 17-12-1973 ra viện.

Bàn luận: Bài thuốc "Huyết phủ trực ứ thang" nguyên lấy từ "Y lâm cải thác", có tác dụng hoạt huyết hóa ứ, chủ trị ứ huyết ngưng trở, kiêm can khí uất trệ, có các triệu chứng như đau ngực, đau mạng sườn, đau đầu mất ngủ, tim đập hồi hộp, hay tức giận, trong y văn đã ghi lại không ít người dùng bài thuốc này để trị đau thắt ngực, các di chứng sau chấn động sọ não, đều có kết quả tốt. Chúng tôi điều trị xuất huyết dưới màng nhện, đã quan sát trên lâm sàng nhiều năm, thấy kết quả khả quan. Từ thực tế đó nhận thấy rằng nếu bệnh ở giai đoạn đầu, thoát tiên nên dùng "Tê giác địa hoàng thang gia giảm" để lương huyết cầm máu, chờ bệnh tình ổn định, lại cho dùng "Huyết phủ trực ứ thang", thì kết quả sẽ lý tưởng.

211. Nghẽn mạch não

Biện chứng đông y: Âm hư sinh nhiệt, nội phong nhiễu động, kinh mạch huyết trệ.

Cách trị: Dưỡng âm thanh nhiệt, thông kinh hoạt huyết.

Đơn thuốc: Hi thiêm chí âm thang.

Công thức: Chế hi thiêm thảo 50g, Can địa hoàng 15g, Diêm tri mẫu 20g, Đương quy 15g, Câu kỷ tử 15g, Xích thược (sao) 2g, Quy bản 10g, Ngưu tất 10g, Cam cúc hoa 15g, Uất kim 15g, Đan sâm 15g, Hoàng bá 5g. Sắc uống, mỗi ngày 1 thang.

Hiệu quả lâm sàng: Trần XX, nam, 50 tuổi, giáo viên trung học, tới khám ngày 4-2-1973. Hơn 20 ngày trước, sau khi tỉnh ngủ, muốn trở mình thì cảm thấy chân tay không linh hoạt khó khăn lắm mới lật được từ phải sang trái, khi muốn trở mình lại thì không lật được nữa. Rồi mũi méo xệch, nói năng thều thào không rõ. Nửa người bên trái bình thường, nửa người bên phải bị liệt mềm. Đã khám chữa ở một bệnh viện, chẩn đoán lâm sàng là nghẽn mạch não, nằm viện hơn nửa tháng, điều trị không thấy kết quả rõ rệt, khuyên nên điều trị bằng thuốc đông y. Khám thấy tức ngực tâm phiền, cổ khô thèm uống, nước tiểu sẫm màu, mạch huyền tề mà sác, chất lưỡi đỏ, rêu mỏng ít tân dịch. Đó là âm hư nhiệt tăng, nội phong nhiễu động, kinh mạch huyết trệ. Cho dùng "Hi thiêm chí âm thang", trong đó bỏ bớt Đương quy 5g, bỏ Hoàng bá, thêm Liên kiều 15g, Chi tử 15g, Hoa phấn 15g. Uống 3 thang, nhiệt đã lui, nói năng rõ ràng, giảm méo mồm. Nhiệt ở kinh tâm đã lui, nhưng huyết nhiệt ứ trệ trong kinh cân vẫn chưa hết hẳn. Lại dùng nguyên phương, bỏ Liên kiều, Chi tử, thêm Quất lạc 10g, Quảng địa long 5g, uống 7 thang đã hồi phục nửa người bên phải (khỏi liệt). Tuy nhiên vẫn thấy chất lưỡi còn đỏ, mạch vẫn huyền tề, đó là âm hư, cần tiếp tục tu dưỡng. Chuyển cho dùng "Lục vị địa hoàng hoàn", uống 10 thang, các chứng đều hết, khỏe mạnh như thường.

Bàn luận: Phàm các chứng trúng phong âm hư đều thấy vàng đầu, ù tai, hoa mắt, ít ngủ, đột nhiên cứng lưỡi khó nói, mồm mũi méo đi, bán thân bất toại, hai bàn tay nắm chặt, cả người thẳng

cứng có khi co giật, mặt đỏ người nóng, phiền táo không yên, nặng thì có thể đột nhiên hôn mê, nói khó khăn, bí đái, táo bón v.v..., có thể dùng Hi thiêm thảo phối hợp với Đại bổ âm hoàn chủ yếu để bổ dưỡng âm tinh của thận bị khuynh tổn, đồng thời dùng Đương quy, Câu kỷ, Ngưu tất để ôn dưỡng khí trong kinh âm không tiết được. Xích thực, Uất kim, Đan sâm, Cam cúc hoa để hoạt được yên, phong bị dập tắt, bệnh sẽ khỏi.

212. Nghẽn mạch não

Biện chứng đông y: Can dương quá tăng, phong dương nội động, bức huyết nghịch lên, lạc ở não bị tổn thương, làm cản trở, nghẽn tắc thanh khiếu.

Cách trị: Bình can tức phong, tiềm dương thông lạc.

Đơn thuốc: Đan câu lục chi ẩm gia giảm.

Công thức: Đan sâm 30-60g, Câu đằng 15-30g, Hi thiêm thảo 12-24g, Hạ khô thảo 12-24g, Địa long 9g, Hồng hoa 6g, Tang chi 15g, Quất chi 15g, Tùng chi 15g, Đào chi 15g, Sam chi 15g, Trúc chi 15g, Cam thảo 3g. Sắc uống, mỗi ngày 1 thang. Với bệnh nhân nhiều đờm dãi thì thêm Toàn qua lâu 15g, Lai phục tử 20g, với người hôn mê thì thêm Uất kim 9g, Xương bồ 9g; nếu huyết áp giữ nguyên không hạ thì thêm Đại giả thạch 20g, Ngưu tất 20g; người bệnh đã lâu, dịch huyết bất túc, mạch tế huyền thì thêm Dương quy 15g, Hà thủ ô 15g; nếu thận tinh không đủ, đau lưng mỏi gối, mạch trầm tế huyền thì thêm Câu kỷ 15g, Sơn dược 15g.

Hiệu quả lâm sàng: Đã dùng "Đan câu lục chi ẩm gia giảm" điều trị cho 16 bệnh nhân, 10 ca khỏi, 4 ca có chuyển biến tốt, 2 ca không có kết quả.

Bàn luận: Thực tiễn lâm sàng chứng minh bài thuốc "Đan câu lục chi ẩm gia giảm" còn có hiệu quả tốt trong điều trị mất ý thức do tai biến mạch máu não. Trong bài thuốc này có Đan sâm, Hồng hoa để hoạt huyết khứ ứ, Câu đằng để bình can tức phong, Hi thiêm thảo khứ phong thông lạc, Hạ khô thảo thanh tả can hỏa, Địa long làm thông kinh lạc, Lục chi sơ đạt lạc mạch; Cam thảo thanh nhiệt dưỡng vị, các vị phối hợp lại có tác dụng bình can tức phong, hoạt huyết thông lạc.

213. Choáng

Biện chứng đông y: Vong âm vong dương.

Cách trị: Hồi dương cứu nghịch, bổ ích khí âm.

Đơn thuốc: Kỳ phụ sinh mạch tán dương.

Công thức: Hoàng kỳ 15g, Thục phụ 9g, Nhân sâm 9g, Mạch đông 12g, Ngũ vị tử 9g.

Sắc uống nhiều lần, mỗi ngày 1 thang.

Hiệu quả lâm sàng: Đã sử dụng "Kỳ phụ sinh mạch tán" trên lâm sàng điều trị cho 30 bệnh nhân bị choáng, trong đó có 24 ca sau 4 giờ các triệu chứng bắt đầu chuyển biến tốt rõ rệt, huyết áp tăng lên, sắc mặt hồng hào hơn, chân tay ấm lại dần, mạch đều và có lực hơn trước, hiện tượng đổ mồ hôi cũng giảm bớt dần. 6 trường hợp khác do cơ thể bệnh nhân vốn đã suy nhược, nên sau 24 giờ các triệu chứng mới bắt đầu chuyển biến tốt. Giang XX, nữ, 27 tuổi, nông dân. Bệnh nhân có tiền sử bệnh tim, ho đã hơn 20 ngày, 5 ngày nay thở gấp, mồm miệng xanh nhợt, chân tay phù, vào viện ngày 12-12-1978. Khám thấy: sắc mặt trắng bệch, mồm miệng tái nhợt, chân tay lạnh ngắt, mồ hôi vã ra không ngớt, 2 gò má đỏ, miệng khô, đái ít, chất lưỡi đỏ nhạt, rêu trắng, mạch hơi tế, bệnh thuộc về do ồm lâu, khí huyết bị tổn hại dẫn đến âm dương mất cân bằng, có nguy cơ âm kiệt ở trong, dương thoát ra ngoài, phải cấp tốc hồi dương cứu nghịch, bổ ích khí âm, dùng bài "Kỳ phụ sinh mạch tán" làm chủ phương. Mấy giờ sau khi uống thuốc, tinh thần đã tỉnh táo, sắc mặt hơi hồng hào trở lại, tay chân ấm lên, ít ra mồ hôi, chất lưỡi đỏ nhạt, rêu mỏng trắng, mạch tế nhược, biết rằng thuốc đã trúng bệnh, cho uống tiếp 2 thang nữa. Ngày 16-12 hết mồ hôi, tinh thần đã khá hơn nhiều, đã có thể xuống đất đi lại nhưng còn cảm thấy chân tay nặng nề, ăn không ngon, đổi dùng Dưỡng tâm thang để củng cố kết quả điều trị, ngày 20-12 bệnh nhân ra viện.

Bàn luận: Choáng trong tây y dùng để chỉ trạng thái bệnh nguy hiểm, tương đương với vong âm vong dương trong đông y. Biểu hiện

lâm sàng là hệ thống tuần hoàn bị trở ngại, huyết áp xuống thấp, tim đập nhanh, thở gấp, mạch tế nhược, đái ít, người không tỉnh thậm chí hôn mê. Quá trình cấp cứu phải được theo dõi chặt chẽ.

214. Ngủ nhiều từng cơn

Biện chứng đông y: Đàm thấp nội trở, úng trệ trung tiêu.

Cách trị: Hóa cầm trừ thấp, kiện tì hòa vị.

Đơn thuốc: Gia vị nhị trần thang.

Công thức: Bạch truật 12g, Phục linh 12g, Trần bì 6g, Bán hạ 9g, Thạch xương bồ 9g, Cam thảo 6g.

Sắc uống, mỗi ngày 1 thang.

Hiệu quả lâm sàng: Trương XX, nữ, 38 tuổi. Tới khám ngày 8-10-1975. Đã 4 tháng nay, bất kể ngày đêm, bệnh nhân lúc nào cũng buồn ngủ, nhất là sau bữa ăn, gọi thì tỉnh, tỉnh rồi lại ngủ lại. Kèm theo các chứng: tức ngực, kém ăn, ăn vào dễ nôn ra, nặng đầu hoa mắt, cơ thể nặng nề mỗi mệ, ăn không ngon miệng, miệng hôi, nhiều đờm, kinh nguyệt bình thường, bạch đới khá nhiều như nước mũi, không hôi; lưỡi dầy, rìa lưỡi hằn vết răng, chất lưỡi trắng nhạt, rêu trắng bản, mạch nhu mà hoãn. Đã điều trị ở nhiều nơi nhưng không có hiệu quả. Khám thấy bệnh này thuộc về tì hư bất vận, thủy thấp ngưng lại, ngưng tụ thành đờm, đờm thấp nghẽn trở, tì dương không phán chấn, thanh dương không thăng, vị mất hòa giáng. Cần trị bằng phép hóa đờm trừ thấp, kiện tì hòa vị. Cho dùng "Gia vị nhị trần thang". Uống được 2 thang các chứng đều hết, bệnh khỏi.

Bàn luận: "Linh khu" có nói: "Dương khí thịnh thì mở mắt, âm khí thịnh thì nhắm mắt, vì dương chủ về động, âm chủ về tĩnh, âm khí thịnh tất sinh ra ngủ nhiều. Lý Đông Viên đã nói: "Tì khí hư tất sinh buồn ngủ". Chu Đan Khê cũng đã nói: "Tì vị bị thấp, nặng nề mỗi mệ, sinh ra buồn ngủ". Trường hợp này là tì hư bất vận, thủy thấp nội đình, ngưng tụ thành đờm, đờm thấp vây tì làm tì dương không phán chấn, sinh tức ngực kém ăn, miệng dính đờm nhiều, người nặng nề buồn ngủ, lưỡi bệu, rìa lưỡi có vết hằn răng, chất lưỡi nhạt, rêu lưỡi trắng bản, mạch nhu mà hoãn. Đờm trọc ngưng tụ, thanh dương không thăng thì đầu nặng, mắt mờ, vị không hòa giáng mà lại trào ngược lên, làm cho ăn vào lại dễ nôn ra. Các triệu

chúng trên rõ ràng là tì hư thấp tụ, cho nên điều trị phải chọn các vị thuốc táo thấp kiện tì, lý khí hòa trung. Trong bài thuốc trên, Bán hạ tính vị tân ôn có tác dụng táo thấp hóa đàm, hòa trung ngừng nôn; Trần bì lý khí hóa đàm, làm cho khí thuận đàm giáng; Bạch truật, Phục linh kiện tì lợi thấp; Thạch xương bồ phương hương hóa thấp, khai vị khoan trung; Cam thảo hòa trung bổ thổ, kiện tì hóa thấp. Các vị phối hợp, tì kiện mà thấp hóa, tuy chỉ uống 2 thang mà thuốc đã trúng, bệnh đã khỏi. Do đó có thể thấy trị bệnh không cứ phải dùng nhiều thuốc, mà cần biện chứng chuẩn xác, dùng thuốc đúng bệnh.

215. Ngộ độc Streptomycin (váng đầu, đầu lác lự)

Biện chứng đông y: Bệnh của tương hỏa ở kinh thiếu dương tam tiêu.

Cách trị: Bình can tức phong kiêm tả thiếu dương tương hỏa.

Đơn thuốc: Giải liên thang (Thanh giải độc Streptomycin).

Công thức: Bạch thược 20g, Sinh địa 25g, Cúc hoa 10g, Tật lê 15g, Bạch chỉ 10g, Cát căn 15g, Sinh thạch cao 25g, Giả thạch 20g. Sắc uống, mỗi ngày 1 thang.

Hiệu quả lâm sàng: Trương XX, 40 tuổi, nữ, Tới khám ngày 25-1-1975. Ngày 22-11-1974, bệnh nhân bị viêm phổi, phải tiêm liên tục penicillin và streptomycin tới 1 tháng liền, sau đó lại tiêm riêng streptomycin trong 3-4 ngày, thấy xuất hiện váng đầu, đầu lác lự, co cơ. Bốn ngày sau khi ngừng tiêm streptomycin, vì thấy các triệu chứng trên ngày càng trầm trọng, nên cho tiêm 6542, không có hiệu quả. Từ đó, các triệu chứng kể trên không thấy giảm bớt, đôi khi còn xuất hiện chảy máu cam, tâm phiền, phân khô. Chẩn đoán lâm sàng là phản ứng ngộ độc streptomycin. Chất lưỡi đỏ, mạch trầm sấp. Cho dùng "Giải liên thang", uống 12 thang thì bệnh khỏi, theo dõi 2 năm sau không thấy tái phát.

Bàn luận: Chúng tôi đã dùng bài thuốc "Giải liên thang" điều trị cho 8 bệnh nhân bị ngộ độc streptomycin, các triệu chứng gần giống nhau, chủ yếu biểu hiện ở váng đầu, đầu lác lự, co cơ, tâm phiền, kết quả điều trị đều rất khả quan.

216. Teo não toả lan

Biện chứng đông y: Trung khí hư tổn, gân cốt suy phế.

Cách trị: Ích khí dưỡng can bổ thận.

Đơn thuốc: Hoàng kỳ, quế chi, ngũ vật thang gia giảm.

Công thức: Hoàng kỳ 150g, Bạch thược 50g, Quế chi 20g, Sinh khương 10g, Đại táo 5 quả, Đương quy 20g, Ngưu tất 20g. Sắc uống, mỗi ngày 1 thang.

Hiệu quả lâm sàng: Tiết XX, nữ, 45 tuổi, cán bộ. Tới khám ngày 27-3-1974. Từ năm 1970, bệnh nhân bắt đầu dần dần bị đau đầu vầng đầu, trí nhớ giảm sút rõ rệt, ngay việc trong ngày hôm đó cũng có thể quên, chân tay rã rời, mỗi mệt. Từ năm 1973 không đứng vững được nữa, tay không cầm nổi đũa, nhai cơm toàn vãi ra ngoài. Đã bơm khí vào não và chụp não ở một bệnh viện, chẩn đoán là teo não toả lan (mặt trên, mặt dưới thùy đỉnh, cả hai bên thùy chẩm, nhất là bên phải). Bệnh nhân rất gầy, toàn thân không thể cử động, chân tay teo nhũn, rụng hết răng. Chất lưỡi bệu, không có rêu, mạch trầm nhược. Cho dùng "Hoàng kỳ, quế chi, ngũ vật thang gia giảm" Uống được 30 thang tới ngày 27-4 khám lại thấy có người đỡ có thể đi được. Nhưng đại tiện táo bón, miệng khô, đầu hơi đau, mạch nhược, lưỡi nhạt dễ khô, như vậy là bệnh đã chuyển, nhưng âm dịch vẫn còn thiếu, vẫn dùng nguyên phương, thêm hỏa ma nhân, Thốn vân, Thủ ô, Thiên hoa phấn, Sinh địa, Cúc hoa, bệnh nhân tiếp tục uống tới ngày 30-5 đã có thể chống gậy đi được khoảng 200 mét, các cơ bị teo đã có chuyển biến tốt. Chỉ còn đùi bên trái đau nhức, toàn thân vẫn mệt mỏi, chất lưỡi hơi tím đen, mạch nhược. Vậy là khí âm đang dần dần trở lại, cần phải chữa cả ngọn và gốc, cho bài thuốc sau: Hoàng kỳ 150g, Bạch thược 50g, Quế chi 20g, Đương quy 20g, Địa long 20g, Ngưu tất 200g, Thủ ô 25g, Thốn vân 25g, Nữ trinh tử 25g, Thổ ty tử 25g, Địa long 20g, Thổ miết trùng 10g, sắc uống mỗi ngày 1 thang. Cứ như vậy điều trị nửa năm, hết teo, trí nhớ phục hồi, hoạt động bình thường. Tây y khám thấy trừ ngón chân cái bên trái còn hơi mất cảm giác, ngoài ra không có biểu hiện bất thường nào ở hệ thống thần kinh, cơ bản đã khỏi bệnh và ra viện.

217. Thân não hủy Myêlin

Biện chứng đông y: Âm hư dương vượng, phong đàm trở lạc.

Cách trị: Khử phong hóa đàm thông lạc, dưỡng huyết bình can.

Đơn thuốc: Phức phương khử phong thông lạc phương.

Công thức: Sinh kỳ 15g, Cương tằm 4,5g, Toàn yết 3g, Câu đằng 30g, Huyền sâm 12g, Tri bá 10g, Cát cánh 7,5g, Ngô công 4 con, Cúc hoa 10g, Sinh địa 15g, Thích tật lê 10g.

Sắc uống, mỗi ngày 1 thang. Rượu mật rắn trần bì một chai, mỗi ngày uống 2 lần, mỗi lần nửa chai.

Hiệu quả lâm sàng: Vương XX, nam, 29 tuổi. Chiều ngày 9-8-1967 bắt đầu cảm thấy chóng mặt, đau nhức vùng gáy, hai chân mềm nhũn, lúc đi đường cứ vẹo sang bên phải, hai mắt nhìn không linh hoạt, nhìn một vật thành hai. Một tuần sau không đi lại được. Sau khi khám ở khoa thần kinh, chẩn đoán là thân não hủy myêlin. Đã uống cortison và nhiều loại vitamin, không có kết quả rõ rệt. Ngày 29-7, tới khám thấy vầng đầu, căng đầu, ù tai, tê dại mặt và tay phải, run giật, con mắt chuyển động không linh hoạt, mắt trái không liếc ra ngoài được, hai mắt liếc vào trong đều kém, lưỡi tê, nói khó, ăn uống khó khăn, đùi phải không đứng lên được, đi lại khó khăn, đại tiểu tiện bình thường. Trước khi bị bệnh, không sốt và tiêm phòng gì cả, không nghiện rượu, thuốc lá. Phản xạ đầu gối tăng, bên phải mạnh hơn bên trái, phản xạ Babinski phải dương tính, rêu lưỡi trắng, mạch trầm tế hoạt, chứng này là âm hư dương cang, phong đàm trở lạc. Trị bằng phép khử phong hóa đàm thông lạc, dưỡng huyết bình can. Cho uống "Phức phương khử phong thông lạc phương". Uống được 14 thang, ngày 16-11 khám lại, các chứng trên đều giảm rõ rệt, không còn vầng đầu, đi lại không bị loạng choạng. vẫn còn cảm thấy mệt mỏi, có lúc thấy căng đầu, nửa đầu bên trái đau, vẫn còn nhìn một vật thành hai, tay phải tê, mạch trầm tế, rêu lưỡi trắng. Vậy là sau khi uống thuốc, bệnh chuyển biến tốt, nhưng khí huyết chưa đủ, lạc mạch vẫn bất hoàn cần phải nuôi dưỡng khí huyết, sơ thông lạc mạch. Cho dùng nguyên phương, bỏ Cát cánh, Sinh kỳ đổi thành 30g, thêm Thủ ô

đăng 30g, Mộc qua 12g, tiếp tục cho uống. Ngày 18-12, khám lại: hết vầng đầu, nhìn rõ mọi vật, nói năng rõ ràng, đi lại không khó khăn. Nhưng tay và môi vẫn thấy tê, rêu mỏng trắng, mạch trầm hoạt. Vì vậy, trong bài thuốc trên thay Thủ ô đăng bằng Thủ ô 15g, khuyên nên tiếp tục uống. Ngày 21-2-1968, khám lại: cảm giác tê đã giảm bớt, tinh thần và sức khỏe đã như thường, chỉ còn thấy căng đầu, ăn, ngủ, đại tiểu tiện đều bình thường rêu sạch, mạch hoà, lúc này bệnh nhân đã đi làm được hơn 2 tháng, không thấy có khó chịu. Chúng tôi khuyên nên điều dưỡng bằng thuốc hoàn để củng cố kết quả điều trị.

Bài thuốc như sau: Sinh kì 60g, Thủ ô 30g, Toàn phúc hoa 30g, Giả thạch 30g, Xích thược 30g, Toàn yết 10g. Ngô công 10 con, Câu đằng 30g, Sinh địa 60g, Xích thược 30g, Bạch thược 30g, Đương quy 60g, Xuyên khung 30g, Cúc hoa 30g, Sinh thạch quyết 30g, Tật lê 30g, Thỏ ti tử 30g, Nữ trinh tử 30g, Tiên mao 30g, Hồ phách 3g, Tiên linh ti 30g, đem tất cả tán mịn trộn mật làm hoàn, mỗi viên nặng 10g, ngày uống 2 lần vào buổi sáng và buổi tối, mỗi lần 1 viên.

Bàn luận: Biểu hiện lâm sàng thể hiện sự tổn thương bó tháp (như khó cử động, tăng phản xạ đầu gối, xuất hiện các phản xạ bệnh lý v.v...), lại có liệt thân kinh sọ não ngoại biên (như hoạt động của nhãn cầu không linh hoạt, nhìn một vật thành hai, khó nói, nuốt khó v.v...) tây y chẩn đoán là thân não hủy Myêlin, nguyên nhân của bệnh cho tới nay người ta vẫn chưa biết rõ, cũng chưa có cách điều trị đặc biệt. Theo quan điểm đông y, bệnh này không giống với các quy luật trúng phong nói chung, nếu như không có phương pháp kết hợp cả phân tích bệnh lẫn phân tích chứng, thì có thể cho rằng đây là một quái bệnh (bệnh lạ). Qua phân tích tỉ mỉ các triệu chứng bệnh quan sát thấy khi bệnh nhân phát bệnh thì bỗng nhiên cảm thấy chóng mặt, đau đầu, đó chính là cảm thụ phong tà, do chính khí không đủ, âm huyết không đủ, phong tà nhập lý, nhất thời không được giải, hóa thành táo, cô dịch thành đờm, phong đờm làm tắc kinh lạc, dẫn đến chân tay tê dại, trở ngại vận động. Can chủ cân, âm huyết không đủ, cân mất sự nuôi dưỡng, sẽ sinh chân tay run, khó nói, âm hư dương vượng, can khí thượng nghịch, phong đờm lên nhiều ở trên, sẽ dẫn tới căng đầu, vầng đầu, ù tai; can khai khiếu ở mắt, âm huyết không đủ, không thể dưỡng mục, sẽ thấy con ngươi chuyển động không linh hoạt, hai mắt nhìn mọi vật không rõ. Cần dùng dưỡng huyết bình can, tán phong hóa đờm, thông lạc. Trong bài thuốc dùng tứ vật thang thêm Đan sâm để dưỡng huyết hoạt huyết, dùng riêng một vị Hoàng kỳ để bổ khí,

khí là soái của huyết, khí huyết lưỡng bổ, mới có thể dưỡng huyết làm đầy mạch. Khí huyết đầy đủ thì vận hành sẽ thông suốt; lại dùng Tật lê, Cúc hoa để bình can tán phong, Cương tằm, Câu đằng, Toàn yết, Ngô công, Mật rắn Trần bì để khu phong trấn kinh hóa đàm thông lạc. Vì phong phạm vào vùng đầu mặt là chủ yếu, nên dùng Cát căn để dẫn thuốc lên phía trên, tuyên phế hóa đàm, lại dùng Huyền sâm, Tri bá để dưỡng âm thanh hỏa ở kinh can. Vì bệnh nhân có âm huyết bị hư nhược, ngoại tà thừa lúc chính khí hư mà nhập vào, chính khí không đủ sức đẩy ngoại tà ra ngoài, ngoại tà vào kinh lạc, ở lâu trong đó, phong từ hỏa mà ra, cô dịch thành đờm, âm huyết hư khuyết, làm đường mạch không đầy, khí huyết tuần hành chậm chạp, sau khi bị tà nhập, khí huyết dễ bị ứ trệ ngưng kết lại mà thành ứ huyết, đờm huyết kết lại với nhau làm tắc kinh lạc sinh ra bệnh. Khi điều trị, lúc đầu lấy khu phong hóa đàm thông lạc làm chủ, dưỡng huyết bình can là bổ trợ. Do coi trọng việc khu phong hóa đàm và ích khí dưỡng huyết, khí đủ thì huyết hành, làm cho khí huyết lưu thông, huyết đủ thì đường mạch cũng đầy ứ, ứ khí tân sinh, khí huyết vận hành, khí thuận thì đờm dễ hoá, huyết hoạt thì đờm dễ tiêu, vừa phù chính vừa khu tà, làm nổi bật đặc điểm của việc trị đờm, cho dùng thuốc được 2 tuần thì các triệu chứng đều giảm nhẹ, lại chuyển sang lấy dưỡng khí huyết làm chủ, thêm một bước khai thông kinh lạc, trọng điểm là phù trợ chính khí, khí huyết sung thịnh, kinh lạc lưu thông, ứ huyết ngưng đàm đều bị hóa tán. Tuy gọi là "quái bệnh", nhưng đã chữa bằng cách trị đờm, nên thu được kết quả rất tốt.

218. Bệnh rỗng tử sống

Biện chứng đông y: Tỳ thận bất túc, khí huyết đều hư, phong hàn hoàn thành bên trong, làm tắc kinh lạc.

Cách trị: Ôn thận kiện tì, bổ khí dưỡng huyết, ôn kinh thông dương.

Đơn thuốc: Gia vị ôn bổ thông dương phương.

Công thức: Sơn dược 30g, Thục địa 15g, Ma hoàng 4,5g, Bào khương 9g, Lộc giác sao (sấy, có thể dùng A giao thay) 12g, Quế chi 9g, Bổ cốt chi 12g, Bạch truật 15g, (thỏ sao), Sao thần khúc 9g, Hương phụ (chế dấm) 12g, Đương quy 12g, Thục phụ tử 9g, Sơn thù du 12g, Mộc hương 9g, Sinh hoàng kỳ 12g, Cốt toái bổ 12g, Kê huyết đằng 12g.

Mỗi ngày 1 thang, sắc 2 lần, trộn lẫn rồi chia làm đôi uống lúc sáng và tối.

Hiệu quả lâm sàng: Cao XX, 45 tuổi. Tới khám ngày 30-5-1970. Mùa xuân 5 năm trước, bệnh nhân bắt đầu thấy tay trái giảm cảm giác, tê dại, sau đó tiếp tục thấy nửa đầu bên trái, vùng lưng ngực và cánh tay không có mồ hôi, có chỗ lạnh, chân tay tê dại, có giảm giác khác thường, ngày càng nặng, thỉnh thoảng vô ý bị bỏng. Bàn tay trái sức nắm kém, không cầm được vật nặng. Sau khi khám ở khoa thần kinh, chẩn đoán là bệnh rỗng tử sống. Nhiều năm nay bệnh nhân còn đi ỉa lỏng, mỗi ngày đi tới 2-3 lần, phân loãng, sau khi đại tiện có lúc thấy đau bụng. Tình trạng phát dục và dinh dưỡng bình thường, mặt vàng, tinh thần không phấn chấn, chất lưỡi đỏ, nhạt, rêu lưỡi mỏng trắng, mạch trầm tế mà nhược, Chứng này thuộc về tỳ thận bất túc, khí huyết đều hư, phong hàn hoàn thành bên trong, làm tắc kinh lạc. Cần trị bằng phép ôn thận kiện tì, bổ khí dưỡng huyết, ôn kinh thông dương. Cho uống "Gia vị ôn bổ thông dương phương", uống được 6 thang cảm thấy dễ chịu, ăn đã ngon miệng hơn, ăn được nhiều hơn, rêu lưỡi và mạch không thay đổi. Nguyên phương bỏ Mộc hương, Hoàng kỳ, lại tiếp tục cho uống. Uống được hơn nửa tháng, bệnh tình chuyển biến tốt rõ rệt, đại tiện đã bình thường, giảm cảm giác tê ở nửa người bên trái, rêu

lưỡi mỏng trắng, mạnh trầm tế, có lực hơn trước. Lại dùng bài thuốc trên có gia giảm. Bệnh nhân uống thuốc không liên tục hơn nửa năm, cảm giác tê ở cánh tay trái ngày càng đỡ, dần dần đã có cảm giác nóng, đau, sức bóp bàn tay trái đã khá hơn không khác gì bên tay lành, ra mồ hôi bình thường, chức năng hồi phục bình thường. Theo dõi 5 năm không cần dùng thuốc gì nữa, sức khỏe tốt.

219. Xơ cứng cột bên tủy mạn tính tiến triển

Biện chứng đông y: Can thận khuy hư, tinh huyết không đủ, gân cốt không được nuôi dưỡng.

Cách trị: Tư âm thanh nhiệt, bổ ích can thận.

Đơn thuốc: Phi bộ thang.

Công thức: Quy bản 12g, Thục địa 30g, Tri mẫu 12g, Hoàng bá 12g, Trần bì 12g, Bạch thược 25g, Ngưu tất 10g, Sao đỗ trọng 18g, Xuyên đoạn 18g, Thỏ ti tử 18g, Dương quy 12g, Vân linh 12g, Bạch truật 12g, Trích cam thảo 10g. Sắc uống, mỗi ngày 1 thang.

Hiệu quả lâm sàng: Vương XX, nam, 27 tuổi, đầu xuân 1974 phát bệnh. Đầu tiên cảm thấy bỗng nhiên không điều khiển được chân tay, hoạt động vô lực, tưởng rằng làm việc quá mệt mỏi nên không để ý, không điều trị gì hết. Sau đó càng ngày càng nặng, tay không cầm được đồ vật, chân không đứng được xuống đất. Đã dùng nhiều loại thuốc như vitamin B1, B12, galantamin, nhưng không khỏi. Sau đó một thầy thuốc đông y chẩn đoán nhầm là phong thấp, cho uống hơn 30 thang thuốc, bệnh tình trái lại càng thêm nặng, ăn uống ít, dần dần đi đến chỗ nằm liệt giường. Lại chẩn đoán là xơ cứng cột bên tủy mạn tính tiến triển. Khám thấy mạch trầm tế vô lực, nhất là 2 bên mạch xích, chất lưỡi đỏ, rêu ít, lưỡi mỏng. Bệnh nhân kể trước đây có tay chân mềm nhũn mà không thấy đau, xuất tinh sớm và liệt dương. Hiện tim phổi gan lách, máu lắng đều bình thường. Chứng này thuộc về can thận khuy tổn, tinh huyết không nuôi dưỡng được gân cốt kinh mạch, gọi là "cốt nuy bệnh", phải trị bằng tư âm thanh nhiệt, bổ ích can thận. Cho uống liền 30 thang "Phi bộ thang" mỗi thang sắc 2 lần, chia ra uống vào 2 buổi sáng tối. Khám lại: Tay đã cầm được bát đũa, chóng nạng đi lại được, nhưng thân sắc mệt mỏi, sợ lạnh, lại dùng nguyên phương, thêm Lộc giác giao 12g, Hoàng kỳ 30g, uống hơn 20 thang nữa, tứ chi đã hồi phục hoạt động bình thường.

Bàn luận: "Phi bộ thang" là từ hai bài thuốc "Hổ tiềm hoàn" của "Đan Khê tâm pháp" và "Lộc giác giao hoàn" của "Y học chính truyền" kết hợp với kinh nghiệm lâm sàng gia giảm mà xây dựng nên.

220. Di chứng chấn động não

Biện chứng đông y: Bị thương vào đầu, làm ứ tắc đường kinh lạc của não.

Cách trị: Hóa ứ thông lạc, tỉnh não khai khiếu.

Đơn thuốc: Gia giảm thông khiếu hoạt huyết thang.

Công thức: Xuyên khung 9g, Xích thược 12g, Hồng hoa 9g, Đào nhân 6g, Xạ hương 0,15g, (chiêu với nước thuốc), Cát căn 12g, Bạch chỉ 6g, Ngưu tất 10g, Câu đằng 12g, Cúc hoa 10g. Hành, gừng, rượu lượng thích hợp để dẫn thuốc. Sắc uống, mỗi ngày 1 thang.

Hiệu quả lâm sàng: Tăng XX, nam, 9 tuổi, học sinh. Tới khám ngày 17-2-1979. Bệnh nhi trước đây khỏe mạnh. Hôm trước, đánh nhau bị đâm một quả rất mạnh vào sau gáy, ngã ngay xuống đất, mấy phút sau tỉnh lại, kêu được mấy tiếng, rồi chân tay co giật, hai bàn tay nắm chặt, răng nghiến chặt, gọi không thưa nữa. Ba phút sau bắt đầu tỉnh lại, từ đó hay bị đau đầu, ngày nào cũng có cơn co giật, mỗi cơn kéo dài vài phút. Sau khi khám, tây y chẩn đoán là di chứng chấn động não, đã điều trị nhưng không có hiệu quả, tới viện chúng tôi xin chữa. Khám thấy mạch trầm huyền, chất lưỡi đỏ thẫm, rêu vàng. Tổng hợp mạch và chứng thấy bệnh nhân thuộc về lạc ở não bị ứ trở. Cần trị bằng phép hoạt huyết hóa ứ, tỉnh não khai khiếu. Cho dùng "Gia giảm thông khiếu hoạt huyết thang", uống được 3 thang, các triệu chứng đều giảm, thời gian lên cơn co giật đã rút ngắn, chỉ còn đau đầu thì vẫn như trước. Chất lưỡi đỏ, rêu vàng, mạch trầm huyền. Vẫn dùng bài thuốc trên, thêm Thạch quyết minh 20g, uống tiếp 6 thang, sau mấy ngày không thấy tái phát co giật, tinh thần khá hơn, đã bớt đau đầu, lưỡi mạch như trước. Lại dùng bài thuốc này, bỏ không dùng hành, gừng để dẫn thuốc nữa, cho uống tiếp 6 thang, uống hết thì các triệu chứng đều lui, bệnh khỏi hẳn. Theo dõi một năm nay không thấy bệnh tái phát, bệnh nhi tiếp tục đi học, học khá.

221. Di chứng chấn động não

Biện chứng đông y: Ứ tắc não lạc, kiêm hiệp can phong.

Cách trị: Hoạt huyết hóa ứ, an thần tức phong.

Đơn thuốc: Khử ứ an thần thang.

Công thức: Đan sâm 30g, Đương qui 9g, Hồng hoa 6g, Điền tam thất 3g, (tán bột, uống với nước thuốc), Phục thần 12g, Cốt toái bổ 12g, Tục đoạn 12g, Địa long 9g, Câu đằng 18g, Cam thảo 3g.

Sắc uống, mỗi ngày 1 thang. Với người đau đầu nặng có thể thêm Huyết kiệt 3g, Nguyên hồ 6g, với người rất chóng mặt thì thêm Sinh thạch quyết 15g, Tật lê 9g; với người mất ngủ nhiều có thể thêm Trân châu mẫu 30g, sau khi các triệu chứng bệnh đã giảm rõ rệt, có thể bỏ Điền tam thất, tùy tình hình mà thêm Hà thủ ô 12g, Nữ trinh tử 9g.

Hiệu quả lâm sàng: Chúng tôi đã dùng "Khử ứ an thần thang" gia giảm điều trị cho 16 trường hợp di chứng chấn động não, trong đó có 10 nam, 6 nữ, tuổi ít nhất 19, nhiều nhất 63 tuổi, sau khi điều trị có 11 trường hợp khỏi hẳn, 4 trường hợp chuyển biến tốt, 1 trường hợp không kết quả.

222. Chấn động não kèm xuất huyết dưới màng nhện

Biện chứng đông y: Ngoại thương bạo lực làm tổn thương đến lạc của não, khí huyết ứ tắc, thanh không thông lợi.

Cách trị: Hoạt huyết hóa ứ, thông kinh chỉ thống.

Đơn thuốc: Thanh não trực ứ thang.

Công thức: Sinh địa hoàng 15g, Bạch thược dược 12g, Xích thược dược 12g, Đào nhân 10g, Hồng hoa 10g, Câu đằng 15g, Thạch quyết minh 15g, Ti qua lạc 12g, Cúc hoa 12g, Trúc nhự 12g, Cam thảo 3g. Sắc uống, mỗi ngày 1 thang.

Hiệu quả lâm sàng: Hà XX, nam, 41 tuổi, công nhân. Bị tai nạn xe, ngã ngựa xuống đất, bị thương vào đầu, cảm thấy ngơ ngẩn thất thần, đầu đau như búa bổ, kèm theo sốt, không ngủ, không ăn, nôn, đã mấy ngày rồi. Tây y khám, chẩn đoán là chấn động não kèm theo xuất huyết dưới màng nhện. Khám thấy bệnh nhân đang trong trạng thái nửa hôn mê, mạch huyền, rêu lưỡi vàng dày. Chứng này thuộc về ngoại thương tổn não, khí huyết ứ tắc, uất lâu phát nhiệt, bên trong nhiễu loạn thanh không. Cần trị bằng phép hoạt huyết hóa ứ, thông kinh chỉ thống. Cho uống "Thanh não trực ứ thang". Ngoài ra dùng sirô Kim bất hoán 500 ml uống xen kẽ nhiều lần với Vân Nam bạch dược 4g. Uống thuốc được hơn nửa tháng, các triệu chứng đều hết, hồi phục như thường, lại trở về đi làm.

223. Bệnh tâm thần phân liệt

Biện chứng đông y: Can uất khí trệ, khí hỏa đàm thăng nhiều loạn thần minh.

Cách trị: Bình cao giải uất, tả nhiệt hóa đàm lý khí tán kết.

Đơn thuốc: Bình cuồng thang.

Công thức: Kim mông thạch 25g, Uất kim 15g, Tam lăng 10g, Nga truật 10g, Mộc hương 5g, Nhị sủu 15g, Sinh đào nhân 15g, Chỉ xác 10g, Sinh đại hoàng 15g, Can khương 5g, Mang tiêu 30g, (chia uống với nước thuốc).

Sắc uống, mỗi ngày 1 thang. Đối với bệnh nhân nữ, mỗi khi tới kỳ kinh nguyệt bệnh tình thêm nặng, kèm theo chứng ứ huyết, có thể phối hợp uống thêm "Hoạt huyết tán": Tam thất 50g, Huyết kiệt 50g, Hồ phách 50g, Tây hồng hoa 30g, Chu sa 20g, Xạ hương 2g, Băng phiến 10g, tất cả đem tán mịn, cho vào lọ kín, mỗi ngày uống 2 lần, mỗi lần 2-3g.

Hiệu quả lâm sàng:

Ca thứ nhất: nữ, 16 tuổi. Vì uất giận không nguôi mà dẫn tới tinh thần thất thường, khi khóc khi cười, không ăn không ngủ, nói năng lung tung, mỗi kỳ kinh nguyệt bệnh lại nặng thêm, đã nằm điều trị mấy lần ở một bệnh viện tâm thần, vẫn chưa chữa khỏi. Khám thấy đúng là bệnh tâm thần phân liệt, cho dùng "Bình cuồng thang", phối hợp với uống "Hoạt huyết tán", uống được mấy thang, các triệu chứng đều lui, bệnh khỏi. Sau đó đã đi làm, theo dõi mấy năm cũng không thấy bệnh tái phát.

Ca thứ hai: nữ, 23 tuổi. Do bị kinh hải quá mức, lại thêm cãi nhau mà tức giận, dẫn tới tinh thần thất thường, lúc khóc lúc cười, cả đêm kêu khóc không ngủ, chỉ ăn một ít hoa quả, không cơm cháo, người nhà vô cùng lo lắng thương xót. Khám xong cho dùng "Bình cuồng thang", uống được 1 thang, các triệu chứng lui được quá nửa, bệnh đã thấy chuyển biến nhiều, uống liền 3 thang, các chứng lui hết, bệnh khỏi hẳn.

Bàn luận: Bài thuốc "Bình cuồng thang" có các vị mạnh, tác dụng tả hạ rất mạnh, khi dùng cho bệnh nhân ỉa chảy không nặng lắm thì có thể theo quy định chung, uống mỗi ngày 1 thang. Đối với người ỉa chảy nặng thì có thể cho uống cách nhật, còn đối với bệnh nhân nặng hơn nữa thì có thể ngừng dùng thuốc. Theo quan sát lâm sàng, nói chung sau khi uống thuốc, các bệnh nhân đi lỏng nhiều tức là thuốc có công hiệu tốt, phân lỏng có thể ở dạng nước, dịch nhầy lẫn máu, có bọt, sau khi đi ra được hết thì bệnh có nhiều hy vọng chữa khỏi. Nhưng cần chú ý đề phòng hư thoát.

224. Bệnh tâm thần phân liệt

Biện chứng đông y: Khí hỏa giao uất, nhiệt kết với huyết, khí trong phủ không thông, ứ nhiệt nung nấu.

Cách trị: Thông phủ tả nhiệt, hành ứ tán kết.

Đơn thuốc: Cường tỉnh thang.

Công thức: Sài hồ 12g, Đại hoàn 9g, Chỉ thực 9g, Đan bì 12g, Đào nhân 12g, Xích thực 9g, Bán hạ 9g, Trúc nhự 9g, Sinh khương 12g, Chi tử 9g, Uất kim 9g, Trần bì 9g. Sắc uống, mỗi ngày 1 thang.

Hiệu quả lâm sàng: Lý XX, nữ, 20 tuổi. Bệnh nhân mới sinh con được 20 ngày. Do chuyện vặt mà cãi nhau với hàng xóm, tức giận sinh ra tâm thần thất thường, chửi bới mọi người, quăng hết mọi đồ dùng, có lúc trợn mắt hoa chân múa tay như muốn đánh nhau, nhưng không làm gì mọi người, suốt ngày hò hát kêu gào, bồn chồn không ngủ, đã bảy đêm liền không chợp mắt, tinh thần hưng phấn quá mức. Tây y chẩn đoán là bệnh tâm thần phân liệt. Đã cho uống aminazin, nhưng vô hiệu. Bệnh nhân hai mắt mở trừng trừng, hỏi người nhà thì được biết bệnh nhân đã mấy ngày không đại tiện, đau bụng dưới, cự án, khi phát bệnh thì đã hết máu hôi, mạch huyền hoạt hữu lực, môi đỏ thẫm, rêu lưỡi vàng bản. Sau khi khám, cho dùng "Cường tỉnh thang". Uống được 1 thang, đại tiện lỏng, tháo ra rất nhiều, đều là phân nhầy thối khắm, đêm ấy ngủ được, gọi không tỉnh dậy, sau một đêm ngủ say, khi tỉnh dậy tinh thần đã tỉnh táo, như vừa trải qua một cơn mê, lại có máu hôi, bệnh khỏi.

225. Bệnh tâm thần phân liệt

Biện chứng đông y: Đàm hỏa thượng viêm, bế tắc tâm khiếu.

Cách trị: Hóa đàm khai khiếu, thanh hỏa an thần.

Đơn thuốc: Thiết lạc ẩm.

Công thức: Mạch đông 12g, Thiên đông 12g, Chiết bối mẫu 12g, Đan sâm 12g, Huyền sâm 12g, Phục linh 12g, Phục thần 12g, Câu đằng 12g, Liên kiều 12g, Trần bì 5g, Đảm nam tinh 5g, Thạch xương bồ 5g, Viễn chí 5g, Chu sa 3g (uống với nước uống). Sinh thiết lạc 200g, (sắc trước 1 giờ).

Sắc uống, mỗi ngày 1 thang, (với bệnh nhân tạng âm hư, có thể tùy tình hình mà giảm bớt lượng Sinh thiết lạc hoặc bỏ hẳn).

Hiệu quả lâm sàng: Hồ XX, nam, 30 tuổi, nông dân, tới khám ngày 10-3-1963. Tháng trước, gia đình bất hòa, lại bị cảm phong hàn, uống Lộc tiên quá nhiều. Sau đó đột nhiên đập phá, đánh người bất kể thân sơ, trèo lên cao cởi bỏ quần áo, sức lực tăng lên bội phần, không phân biệt bẩn sạch, không biết đói khát. Chẩn đoán lâm sàng là bệnh tâm thần phân liệt, điều trị gần 1 tháng mà hiệu quả chưa thấy rõ. Khám thấy sắc mặt đỏ sẫm, chất lưỡi đỏ tím, rêu lưỡi vàng bẩn, mạch huyền đại, chứng này thuộc về đàm hỏa thượng viêm, bế tắc tâm khiếu. Cần trị bằng phép hóa đàm khai khiếu, thanh hỏa an thần. Cho dùng "Thiết lạc ẩm", uống liền hai ngày các triệu chứng giảm hẳn. Ngày 12-3 khám lại thấy bệnh nhân ăn nói đã mạch lạc, tâm thần đã ổn. Lại cho dùng tiếp 4 thang nữa, bỏ Sinh thiết lạc. Uống hết thì bệnh khỏi. Theo dõi mười năm không thấy tái phát.

226. Bệnh tâm thần phân liệt

Biện chứng đông y: Can đởm thực hỏa, hiệp đờm trọc che mờ tâm khiếu.

Cách trị: Thanh tả can đởm, khoát đàm khai khiếu.

Đơn thuốc: Gia giảm long đàm tả can thang.

Công thức: Long đàm thảo 9g, Sơn chi tử 9g, Hoàng cầm 9g, Sao sài hồ 3g, Sinh địa hoàng 12g, Trần đảm tinh 6g, Xương bồ 6g, Uất kim 9g, Sinh đại hoàng 15g, Thục đại hoàng 15g, Huyền minh phấn 12g, Hoàng liên 3g, Sinh thiết lạc 30g. Sắc uống thay nước, nhiều lần trong 2 ngày một thang.

Hiệu quả lâm sàng: Hứa XX, nữ, 21 tuổi. Mới kết hôn được nửa tháng, không toại nguyện, buồn rầu ảo não, phát bệnh cuồng, cả đêm không ngủ, nói năng lung tung, có lúc kêu gào la hét. Khi khám, bệnh nhân cười sằng sặc không ngớt, trèo lên bàn nhảy múa, mặt đỏ, thể thực, lưỡi đỏ rêu vàng, mạch hoạt sắc hữu lực. Bệnh thuộc về can đởm xuất hỏa hiệp đờm che mờ tâm khiếu. Cho dùng "Gia giảm long đàm tả can thang". Uống trong 2 ngày hết 1 thang, ngày thứ ba khám lại thấy thần sắc đã chuyển biến rõ rệt, tự kể rằng sau khi uống thuốc có đại tiện mấy lần, đi ra phân nâu đen, chất như keo dính, ban đêm đã ngủ yên, tỉnh táo, nói năng rành mạch. Lại cho dùng: Gia giảm đan chi tiêu dao tán" (thang) để củng cố kết quả. Uống 5 thang, gồm: Đan bì 9g, Sơn chi tử 9g, Hoàng cầm 9g, Đương quy 10g, Bạch thược 9g, Phục linh 9g, Bạch truật 9g, Cam thảo 3g, Bạc hà 3g (cho sau), Uất kim 9g, theo dõi hơn 4 năm, không thấy tái phát.

227. Rối loạn chức năng thần kinh thực vật (ra mồ hôi trộm)

Biện chứng đông y: Khí âm không đủ.

Cách trị: Bổ khí cố biểu, dưỡng âm liễm hãn.

Đơn thuốc: Đương quy chỉ hãn tiền.

Công thức: Đương quy thân 30g, (ngâm trong sữa phụ nữ nửa giờ vớt ra hong khô rồi cho vào thuốc), Bạch thược 12g, Quy bản 30g (sắc trước). Bạch truật 10g, Phòng phong 5g, Cam thảo 3g, Ngũ vị tử 6g, Thạch斛 10g, Ngọc trúc 15g, Sinh hoàng kỳ 15g. Sắc uống, mỗi ngày 1 thang.

Hiệu quả lâm sàng: Trần XX, nam, 28 tuổi, giáo viên. Tới khám tháng 12-1963. Bệnh nhân kể rằng ban đêm ra mồ hôi trộm, ngủ thì ra mồ hôi, tỉnh lại không có mồ hôi nữa, áo ướt đầm, cả chăn chiếu cũng ướt, không ngủ yên được, đã đi chữa ở nhiều nơi, uống thuốc nhưng đều vô hiệu. Chất lưỡi nhạt, mạch trầm tế, bệnh là do khí âm đều hư, vệ biểu không giữ được, cần trị bằng cách bổ khí cố biểu, dưỡng âm liễm hãn. Cho bệnh nhân uống "Đương quy chỉ hãn tiền" là bài thuốc gia truyền của chúng tôi. Uống được 1 thang, các triệu chứng đã giảm nhẹ, uống 2 thang thì bệnh khỏi hẳn.

228. Rối loạn chức năng thần kinh thực vật (ngáp nhiều)

Biện chứng đông y: Can uất khí trệ, uất mà thành nhiệt, đờm thấp nội sinh, nội nhiễu tâm thần.

Cách trị: Thư can giải uất, hòa vị hóa đàm, thanh dưỡng tâm thần.

Đơn thuốc: Ôn đảm thang và Sài hồ thư can tán gia giảm phương.

Công thức: Sài hồ 10g, Bạch thược 10g, Hương phụ 10g, Xuyên khung 10g, Chỉ thực 9g, Trần bì 10g, Bán hạ 10g, Vân linh 10g, Trúc nhự 12g, Giới bạch 10g, Qua lâu 15g, Xương bồ 15g, Viễn chí 10g. Sắc uống, mỗi ngày 1 thang.

Hiệu quả lâm sàng: Quách XX, nam, 52 tuổi, cán bộ. Tới khám ngày 12-9-1976. Nửa tháng trước bệnh nhân có cảm giác bức bối tức ngực, tim đập hồi hộp, mất ngủ, nôn ra một ít thức ăn, miệng hơi đắng, đôi lúc ngáp liên tục nửa giờ hoặc hàng giờ, số lần ngáp ít cũng vài chục, nhiều tới hơn một trăm cái, không thể tự kìm lại được. Khi ngáp, nước mắt nước mũi chảy ra, sau một trận ngáp thì hụt hơi không buồn nói năng, cả người rã rời như nhão ra, đau mỏi các cơ vùng mặt, cổ. Bệnh nhân vô cùng đau khổ, đã đi khám và điều trị theo tâm thần bất giao mà không có kết quả. Khám thấy mạch huyền hoạt, rêu mỏng vàng bản. Sắc mặt xạm. Tổng hợp mạch và chứng thấy bệnh thuộc về can uất khí trệ, uất mà hóa nhiệt, đờm thấp nội sinh, nhiễu loạn tâm thần. Cần trị bằng cách thư can giải uất, hòa vị hóa đàm, thanh dưỡng tâm thần. Đầu tiên cho dùng "Ôn đảm thang và Sài hồ thư can tán gia giảm phương". Uống được 6 thang, bệnh nhân đã thấy đỡ ngáp rõ rệt, ít nôn ợ, ngực bớt tức, nhưng ngủ vẫn kém. Lại cho dùng bài thuốc trên, thêm Đan sâm 24g, Toan táo nhân 15g, Chi tử 10g, Dạ giao đằng 30g, uống thêm 6 thang nữa, đã hết ngáp, ăn ngủ đều tốt hơn nhiều. Lại cho dùng bài thuốc này, thêm Câu kỷ, Nguyên nhục nuôi can thận, dưỡng tâm thần để củng cố kết quả lâu dài, cho uống thêm 6 thang nữa, bệnh khỏi hoàn toàn, theo dõi hơn 3 năm không thấy tái phát.

229. Rối loạn chức năng thần kinh thực vật (ra nhiều mồ hôi)

Biện chứng đông y: Đại hãn hãm dương.

Cách trị: Phù dương liễm hãn.

Đơn thuốc: Phù dương liễm hãn phương.

Công thức: Thục phụ kiện 30g (sắc trước), Nhục thung dung 12g, Sinh địa 12g, Sơn thù nhục 12g, Ba kích 1g, Ngũ vị tử 12g, Đảng sâm 60g, Sinh hoàng kỳ 60g, Quế nguyên nhục 60g, Kê huyết đằng 18g, Quế chi 3g, Sinh bạch thược 9g, Kim anh tử 24g. Sắc uống, mỗi ngày 1 thang.

Hiệu quả lâm sàng: Bão XX, nam, 41 tuổi. Bệnh nhân người vốn béo bệu, tim hồi hộp thở gấp, luôn luôn ra mồ hôi. Chợt một hôm đầu mùa hè, mồ hôi ra đầm đìa, sợ gió, môi tím tái, sắc mặt trắng bệch, chân tay lạnh ngắt. Mạch hư không liễm (thu về) mà thấy tán loạn, lưỡi nhạt, rêu mỏng. Sau khi khám liền cho dùng "Phù dương liễm hãn phương". Sau khi bệnh nhân uống 4 thang, đã ngừng ra mồ hôi, tay chân đã ấm hơn, mạch nhu hoãn, lưỡi nhạt rêu trắng. Tuy vậy ăn vẫn còn ít. Lấy bài thuốc trên, bỏ Phụ kiện, Nhục thung dung, Sinh địa, Quế chi, Bạch thược, Quế nguyên nhục, Ba kích, thêm Kê nội kim 9g, Sơn tra 9g. Lại cho uống 6 thang, các triệu chứng đều hết.

Bàn luận: Trường hợp rối loạn chức năng thần kinh thực vật này, theo đông y, là chứng đại hãn hãm dương, tiên lượng tuy không thể xác định là xấu, nhưng có nguy cơ thoát, cũng dễ biến chuyển. Nếu không dùng Phụ tử, Sâm, Kỳ thi sẽ không thể ích khí phù dương, mà nếu không ích khí phù dương thì sẽ không thể liễm hãn phòng thoát (thu liễm mồ hôi, đề phòng hư thoát). Thêm vào đó, Bạch thược, Quế chi dùng để hòa dinh vệ mà củng cố cơ biểu, có tác dụng cực kỳ quan trọng trong quá trình phù dương liễm hãn này.

230. Suy nhược thần kinh

Biện chứng đông y: Can uất khí trệ, hóa hỏa thương âm, tâm âm bất túc, thần vô sở phụ.

Cách trị: Sơ can giải uất, tư âm nhuận táo, dưỡng tâm an thần.

Đơn thuốc: Tiêu cam bách hợp thang.

Công thức: Bách hợp 40g, Dạ giao đằng 50g, Đương quy 15g, Bạch thược 20g, Uất kim 1g, Hương phụ 15g, Liên kiều 15g, Liên tử tâm 15g, Sinh địa hoàng 20g, Mạch nha 50g, Trân châu mẫu 30g, Cam thảo 15g, Đại táo 9 quả. Sắc uống, mỗi ngày 1 thang.

Hiệu quả lâm sàng: Đã dùng "Tiêu cam bách hợp thang" điều trị cho 50 bệnh nhân suy nhược thần kinh, trong đó trừ 3 trường hợp có kèm các triệu chứng của tuổi già, còn tất cả các bệnh nhân khác đều có tiến triển tốt hoặc khỏi hẳn, đạt được kết quả điều trị tương đối lý tưởng. Thang XX, nữ, 43 tuổi, cán bộ. Tới khám ngày 19-12-1978. Nửa tháng nay, bệnh nhân đêm nằm không ngủ được, tâm phiền, hay quên, tức ngực, thường thở vắn than dài. Chất lưỡi đỏ, rêu mỏng vàng, mạch huyền sắc. Tây y chẩn đoán là suy nhược thần kinh, chuyển tới cho chúng tôi điều trị. Khám thấy chứng bệnh thuộc về can uất khí trệ, hóa hỏa làm thương âm, tâm âm không đủ, thần vô sở phụ. Cần trị bằng pháp sơ can giải uất, tư âm nhuận táo, dưỡng tâm an thần. Cho dùng "Tiêu cam bách hợp thang". Bệnh nhân uống liền 12 thang, các triệu chứng đều hết, hồi phục như thường.

Bàn luận: Trường hợp này sử dụng "Tiêu cam bách hợp thang" là bài thuốc chúng tôi phối hợp Tiêu giao tán với Cam mạch đại táo thang, Bách hợp địa hoàng thang gia giảm mà thành. Chúng tôi dùng bài thuốc này không những điều trị suy nhược thần kinh có kết quả khá tốt, mà điều trị bệnh hysteria cũng đạt hiệu quả rất lý tưởng. Suy nhược thần kinh, bệnh hysteria, trong tây y đều xếp vào phạm trù bệnh thần kinh chức năng. Triệu chứng lâm sàng của các bệnh nhân này khá phức tạp và đa dạng, thậm chí nhiều hệ thống đều có thể biểu hiện chắc nắn bị rối loạn, bệnh nhân cảm thấy vô cùng đau khổ, nhưng khi kiểm tra, phần lớn lại rất khó phát hiện

các triệu chứng thực thể dương tính, các xét nghiệm lý, hóa cũng thường không thấy gì khác, do đó mà không biết nên bắt đầu chữa từ đâu, đành chịu bó tay, không có phương pháp đặc hiệu, nhiều khi chỉ có thể xử lý các triệu chứng. Đông y cho rằng nguyên nhân loại bệnh này phần lớn do do ưu sầu, uất ức, tức giận, lo nghĩ sau đó bị thương không giải thoát được, mong muốn không được đáp ứng v.v... gây xúc động tâm lý tinh thần mãnh liệt mà sinh bệnh. Vì bệnh có căn nguyên tình chí thường liên lụy tới 2 tạng tâm can, về mặt sinh lý thì tâm chủ thần minh, can có chức năng sơ tiết, hoạt động tinh thần, tư duy là do tâm khống chế, quản lý, còn việc sơ thông khí của thân thể lại do can làm chủ. Do đó, những ba động quá mạnh của cảm xúc tâm thần trước hết phạm đến tâm. Đúng như đã nêu trong "Thiên khẩu vấn sách linh khu": "Bi ai ưu sầu thì tâm động, tâm động thì lục phủ ngũ tạng đều bị chuyển lay". Trên lâm sàng thấy rõ bao giờ bệnh nhân cũng kêu ca triệu chứng đầu tiên là mất ngủ, tâm phiền, tim hồi hộp. Uất ức, tức giận của người bệnh khó giải thoát là do can mộc không thể điều đạt, khí không được sơ tiết, do vậy mà sinh ra các triệu chứng tức ngực, thở dài, vui buồn thất thường hoặc lo buồn muốn khóc. Cần phải trị bằng phép sơ can giải uất, tư âm nhuận táo, dưỡng tâm an thần. Mà các vị thuốc của "Tiêu cam bách hợp thang" đều có tác dụng tương ứng, do đó có thể thu được hiệu quả khá tốt.

231. Suy nhược thần kinh

Biện chứng đông y: Tâm thận bất giao.

Cách trị: Tư âm giáng hỏa, giao thông tâm thận.

Đơn thuốc: Giao thái ẩm.

Công thức: Hoàng liên 6g, Nhục quế 6g, Huyền sâm 10g. Sắc uống, mỗi ngày 1 thang, chia làm 3 lần.

Hiệu quả lâm sàng: Ngao XX, nữ, 24 tuổi. Tới khám ngày 24-11-1962. Bệnh nhân mất ngủ đã hơn nửa năm, mỗi đêm chỉ ngủ được độ 1 tiếng, một tháng nay bệnh càng nặng thêm, vầng đầu hoa mắt, họng khô, miệng khát, thích uống nước nóng, nửa thân trên thấy nóng bức, nửa thân bên dưới lại thấy lạnh, mặt đỏ, thần sắc kém, đêm tiểu tiện nhiều, đại tiện khó khăn, kinh nguyệt sớm, máu kinh màu đỏ xẫm, 8 ngày mới sạch kinh. Khám thấy sáu mạch hơi sắc, ba mạch bên trái trầm tế, mạch xích bên phải trầm nhược, đầu lưỡi đỏ, rêu vàng trắng. Hỏi kỹ về nguyên nhân bệnh mới biết bệnh nhân bị trĩ thường hay bị chảy máu, lại thêm có bệnh phụ khoa. Tổng hợp mạch và chứng, thấy do mất khá nhiều máu, âm huyết hư tổn, tâm âm không đủ, hỏa không hạ xuống, dẫn đến tâm thận bất giao. Cần trị bằng phép tư âm giáng hỏa, giao thông tâm thận. Theo lời người xưa "Người giỏi về bổ âm phải biết tìm âm trong dương", chúng tôi đã dựa vào bài thuốc "Giao thái hoàn" để đưa ra bài thuốc "Giao thái ẩm", uống 1 thang, đến đêm bệnh nhân đã ngủ được hơn 3 tiếng, giảm hẳn các triệu chứng vầng đầu, hoa mắt, họng khô. Như vậy thuốc có kiến hiệu, lại cho dùng tiếp bài thuốc trên, tăng Huyền sâm lên tới 24g, để dưỡng thận âm, thêm Cam thảo 3g để hòa trung, lại cho uống riêng 60g mật ong để nhuận tràng. Sau khi uống tiếp 4 thang nữa, các triệu chứng đều hết, đã ngủ được như thường. Theo dõi thấy tình trạng sức khỏe người bệnh tốt.

232. Suy nhược thần kinh

Biện chứng đông y: Lao lực mệt mỏi làm thương tổn bên trong, thận âm khuy hư, thủy hỏa bất tề, tâm thận bất giao.

Cách trị: Tư âm thanh nhiệt, giao thông tâm thận.

Đơn thuốc: Bách hợp an miên thang.

Công thức: Bách hợp 24g, Sao táo nhân 12g, Long cốt 15g (sắc trước), Bá tử nhân 10g, Ngũ vị tử 6g, Chế thủ ô 24g, Thục địa 15g, Đương quy 10g, Sinh kỳ 15g, Viễn chí 10g, Quy bản 24g (sắc trước), Trần bì 6g, Đông quy tử 10g. Sắc uống, mỗi ngày 1 thang.

Bàn luận: "Bách hợp an miên thang" là một bài thuốc gia truyền, dùng trên lâm sàng điều trị các bệnh nhân suy nhược thần kinh đều có thể thu được kết quả tốt trong một thời gian ngắn.

233. Suy dinh dục (liệt dương)

Biện chứng đông y: Âm dương lưỡng khuy.

Cách trị: Tư âm tráng dương ích thận.

Đơn thuốc: Gia vị ích tinh tráng dương hoàn.

Công thức: Thục địa 15g, Sơn thù nhục 15g, Sơn dược 15g, Phục linh 12g, Câu kỷ 15g, Nhục thung dung 12g, Toả dương 12g, Dâm dương hoắc diệp 30g, Ba kích nhục 12, Bạch nhân sâm 12, Sao tảo nhân 12g, Thỏ ti tử 12g, Thiên môn đông 9g, Lộc nhung 6g, Cam thảo 9g.

Tất cả đem tán mịn trộn mật làm hoàn, mỗi viên nặng 9g, mỗi ngày uống 3 lần, mỗi lần 1 viên, uống với nước đun sôi để nguội. Không ăn thức ăn tanh, lạnh.

Hiệu quả lâm sàng: Vương XX, nam, 38 tuổi, cán bộ. Tới khám ngày 8-11-1962. Từ năm 1961, bệnh nhân đã bắt đầu phát hiện khi giao hợp dương vật không cương lên được, có lúc bị hoạt tinh, sau khi đi giải có ra ít dịch trắng đục, từ eo lưng trở xuống sợ lạnh, tim hồi hộp, khí đoản, mất ngủ, hay quên, sắc mặt xanh xám, thể trạng béo bệu, môi lưỡi nhạt, không có rêu, tinh thần mỏi mệt, khổ não, không thể ở trong buồng lạnh, tiếng nói nhỏ yếu, mạch huyền tế vô lực, mạch xích trầm, trì. Chứng này thuộc về âm dương lưỡng khuy, liệt dương. Cần trị bằng phép tư âm tráng dương ích thận. Cho dùng "Gia vị ích tinh tráng dương hoàn". Sau khi uống thuốc 1 đợt, mạch chuyển hoãn hoạt, mạch xích vẫn chậm, tự cảm thấy các triệu chứng đã giảm được tới hai phần ba, có nghĩa là âm dương của thận đã dần dần được hồi phục, lại tiếp tục dùng bài thuốc cũ, thêm hai đợt nữa, bệnh khỏi hoàn toàn.

Bàn luận: Sách "Loại chứng trị tài" viết: "Thương tổn vào trong tất (dương vật) không cương lên được, liệt dương, phần nhiều do sắc dục làm kiệt hết tinh khí, quá suy nhược, hoặc do lo nghĩ làm cho thần bị tổn thương, hoặc do sợ hãi mà tổn tới thận..., cũng có người thấp nhiệt hạ trú, gân lớn mềm nhão mà sinh chứng liệt dương". Căn cứ các triệu chứng thấy trường hợp này có thể do sắc dục quá

độ, kiệt tinh thương âm, âm tổn đến dương, âm dương đều khuy mà sinh liệt dương. Mạch huyền tế, mạch xích trầm, trì là thuộc mạch dương suy. Liệt dương hoạt tinh. Sau khi đi giải có ra ít dịch trắng đục, từ eo lưng trở xuống sợ lạnh, không dám ở trong buồng lạnh, là dương hư âm khuy, tinh quan bất cố. Tim hồi hộp hay quên, mất ngủ là âm tinh của thận không đủ, dẫn tới tâm thận bất giao. Trị bằng phép tư âm tráng dương ích thận. Đơn thuốc này dùng Thục địa, Thù nhục, Sơn dược, Phục linh để tư âm bổ thận. Nhục thung dung là vị cam toan và ôn (ấm) vào thận để bổ hỏa của mệnh môn, trấn tinh ích tủy, Toả dương là vị cam, ôn bổ âm, ích tinh hưng dương, Ba kích nhục cam tân hơi ôn vào thận, làm cường âm ích tinh, Dâm dương hoắc là vị tân hương cam ôn vào can, thận, có tác dụng bổ mệnh môn, ích tinh khí, Thỏ ti tử là vị cam ôn bình hòa, cường âm ích tinh, Câu kỷ là vị cam bình, thanh can, tư thận, ích khí sinh tinh trợ dương, Lộc nhung là vị cam ôn thuần dương, sinh tinh bổ tủy, dưỡng huyết trợ dương, làm cho dương của thận phục hồi, âm của thận sẽ đầy, sinh tinh mà khỏi bệnh. Đó thực là như "Tố Vấn - Sinh khí tông thiên luận" đã viết: "Âm bình dương bí, tinh thần nãi trị".

234. Suy sinh dục

Biện chứng đông y: Thận dương hư suy, tinh quan bất cố.

Cách trị: Bổ thận trợ dương, ích thận cố tinh.

Đơn thuốc: Bổ tử hoàn.

Công thức: Phá cố chỉ 240g (sao với nước muối), Vân linh 120g, Cửu tử 60g.

Dem các vị trên ngâm trong dấm cũ, mức dấm cao hơn thuốc 1 khoát ngón tay, đem ninh cạn thành bột, làm hoàn to bằng hạt thâu dầu, mỗi lần uống 20 hoàn, mỗi ngày 2 lần vào sáng sớm và tối.

Hiệu quả lâm sàng: Triết XX, nam, 25 tuổi, xã viên. Tới khám ngày 29-4-1979. Vào tháng 2, bệnh nhân bị cảm lạnh, qua điều trị thấy khỏi dần. Vài hôm sau cảm thấy đôi lúc bụng dưới và bìu dái co giật, nhưng vì bản thân bệnh nhân không để ý, nên chẳng điều trị gì cả. Sau khi kết hôn, động phòng với vợ, không lâu đã xuất hiện triệu chứng tình dục giảm sút, dương vật không cương lên được, hoặc có cương lên nhưng không cứng, đã qua các phương pháp điều trị bằng thuốc đông tây y mà chưa có kết quả. Gần đây lại xuất hiện di tinh, hoạt tinh, kèm theo đau lưng, mỏi gối rã rời vô lực, có lúc lạnh cả người, trí nhớ giảm rõ rệt, đầu căng vầng vất, đái vặt, kém ăn, lưỡi nhạt rêu trắng, mạch hư nhược. Cho dùng 1 liệu "Bổ tử hoàn". Ngày 15-6 khám lại, sau khi bệnh nhân dùng hết 1 liệu thuốc, hoạt động cương nhu của dương vật đã được phục hồi cơ bản, tinh không tự xuất, tinh thần chuyển biến tốt, cho uống thêm 1 liệu, tất cả các triệu chứng đều lui, theo dõi về sau không thấy tái phát.

Bàn luận: Bệnh này là do cảm hàn đi thẳng vào quyết tâm, hàn khách can mạch, hàn chủ thu dẫn, ngưng trệ mà có lúc sinh ra cảm giác bụng dưới và bộ phận sinh dục co giật. Lại thêm sau khi cưới tình dục không điều độ, tổn thương đến thận dương, tinh quan bất cố, dẫn đến liệt dương. Trong bài thuốc có Bổ cốt chỉ vị tân, khổ, đại ôn bổ thận trợ dương, ích thận cố tinh, Cửu tử cam ôn cố tinh

ngừng di tinh, lại dùng Phục linh là để kiện tì ích khí hóa tinh huyết mà dưỡng tiên thiên, sắc bằng nước dấm cũ để lấy vị chua sáp làm tăng thêm tác dụng giữ gìn tinh khí.

235. Suy sinh dục

Biện chứng đông y: Thận dương bất túc, mệnh hỏa suy vi.

Cách trị: Ôn thận tráng dương.

Đơn thuốc: Hải hà tán.

Công thức: Sinh hải hà (tôm biển sống) 500g, Hạch đào nhân 80 cái, Dâm dương hoắc 200g, Rượu trắng 250ml. Trước tiên đổ rượu vào bình đựng đủ rộng, châm lửa đốt, khi rượu đã nóng thì cho Tôm biển vào, Rượu ngập hết, ngâm kỹ trong tôm. Lấy tôm rượu ra sấy cho khô. Dem Hạch đào nhân bỏ vỏ, ngâm nước muối, sấy khô cùng tán với Hải hà thành bột mịn, chia thành 20 gói, mỗi ngày dùng 1 gói chia làm 2 lần, mỗi lần lấy 10g, Dâm dương hoắc, sắc với 100ml nước uống cùng với Hải hà tán. Một đợt điều trị là 2 tháng. Trong thời gian uống thuốc phải kiêng phòng sự.

Hiệu quả lâm sàng: Vương XX, nam, 25 tuổi, xã viên, sau khi lấy vợ vì dương vật không cương cứng lên được nên không thoả mãn nhu cầu của vợ, vợ chồng bất hòa, người bệnh vô cùng đau khổ, đã từng tìm nhiều thầy để chữa, tuy uống đã nhiều thứ bổ thận tráng dương nhưng chưa thấy tác dụng rõ rệt. Chúng tôi cho dùng "Hải hà tán" uống được 2 tuần lễ, dương vật đã cứng lên được, dùng liền hơn một tháng bệnh khỏi. Sau lại dặn uống thêm Lục vị địa hoàng, lấy âm để tích dương, củng cố căn nguyên. Hơn một năm hỏi lại, mừng vợ đã sinh 1 con.

Bàn luận: Trong bài có tôm biển vị cam hàn, sắc trong lúc chín thì biến ra đỏ, là một thuốc quan trọng tư bổ các kinh can thận tâm; Hạch đào nhân chuyên lợi tam tiêu, bổ mệnh môn; Dâm dương hoắc bổ âm trợ dương; ba thứ bổ cả âm dương, giúp ích lẫn nhau nên hiệu quả nhanh.

236. Dương vật cương cứng dị thường (bệnh cường trung)

Biện chứng đông y: Can thận âm khuỵ, tương hỏa sí thịnh.

Cách trị: Bổ âm chế dương.

Đơn thuốc: Tri bá địa hoàng hoàn gia vị.

Công thức: Tri bá địa hoàng (thuốc bán trên thị trường) mỗi ngày uống 2 lần sớm tối theo liều người lớn. Quy bản 24g, Mẫu lệ 24g, Côn bố 60g, Hải táo 60g. Sắc lấy nước, mỗi ngày 1 thang chia sớm tối, cùng uống với Tri bá địa hoàng hoàn.

Hiệu quả lâm sàng: Chung X, nam, 27 tuổi, vì thủ dâm mà mắc bệnh dương vật cương cứng không thôi đã hơn 1 năm, lại thêm váng đầu căng óc, mặt đỏ miệng khát, buồn bực không yên, mùa hạ nóng nực, khổ không nói hết, dùng nước đá để ngâm lạnh, chườm để đỡ nhưng không ích gì. Đã dùng các thuốc đông như Long đờm tả can thang, Tri bá địa hoàng hoàn, Tam giác phục mạch thang... uống tới mấy chục thang mà chưa thấy kết quả, lo lắng mất ăn mất ngủ, kém phẩn khởi. Mới nhìn thì thân thể còn khỏe, lưỡi sạch không rêu, mạch huyền sắc hữu lực, rõ ràng là bệnh thủy khuỵ ở dưới, tương hỏa sí thịnh. Hỏi thì biết đã từng dùng thuốc theo đơn uống với nước muối để nguội, mỗi ngày hai lần, mỗi lần khoảng 250ml, sau khi uống thì thấy dương vật dần mềm nhưng tác dụng chưa được bền vững, vì nghĩ rằng gốc bệnh này là can thận âm hư biểu hiện dương cương mà cam hàn thì dương âm, khổ hàn thì hóa táo, cho nên dùng Long đờm tả can thang không có kết quả, hoặc mặn có thể vào xương làm nhuyễn kiên, chúng tôi đã dùng Tri bá địa hoàng hoàn thêm Quy bản, Mẫu lệ, Côn bố, Hải táo, cho uống liền 10 thang để theo dõi. Sau khi uống xong 10 thang, bệnh khởi.

Bàn luận: Đã dùng bài này thêm Trần bì 6g, Sao bạch truật 9g, uống hơn 20 thang, chữa khỏi bệnh nhân mắc bệnh này đã hơn nửa năm. Dương vật cương cứng khác thường lâu ngày không xuống đông y gọi là "bệnh cường trung" bệnh do can thận âm hư, tương hỏa sí thịnh, tuy có kết hợp chứng thấp nhiệt, tì hư, vẫn lấy bổ âm chế dương làm gốc. Dùng bài Tri bá địa hoàng hoàn không thấy hiệu quả rõ rệt tức là hiệu lực của thuốc không đạt, phải dùng thêm

Hải tảo, Côn bố, Quy bản, Mẫu lệ để tăng cường tác dụng tư âm
nhuyễn kiên mới đạt được hiệu quả. Đây chỉ là một kinh nghiệm
lâm sàng của chúng tôi, xin nêu lên để tham khảo.

237. Chứng mộng du

Biện chứng đông y: Tâm can dinh hư, tâm hỏa rối loạn làm thần chí không yên.

Cách trị: Dưỡng huyết an thần.

Đơn thuốc: Gia vị Cam mạch đại táo thang.

Công thức: Cam thảo 12g, Tiểu mạch 24g, Đại táo 10 quả, Toan táo nhân 15g, Thảo hà xa 9g, Bá tử nhân 9g, Sinh địa 15g. Sắc uống mỗi ngày 1 thang.

Hiệu quả lâm sàng: Trần XX, nam, 38 tuổi, kế toán, sơ chẩn ngày 29-12-1956. Từ nửa cuối năm 1953, bị váng đầu mất ngủ, hay nằm mơ, tim hồi hộp, hay quên, ngủ hay nói mê không ngớt, gần đây nửa đêm không tự chủ dậy đi lung tung, lúc đó thần chí mơ hồ, ngăn lại cũng không tỉnh, nếu dắt ép về giường ngủ thì hôm sau tinh thần mệt mỏi, chân tay bải hoải, hỏi đêm qua tình hình thế nào thì chẳng biết gì. Ăn uống ít, miệng khô mà đắng, tâm phiền, lưỡi sạch, mạch huyền nhuyễn. Sau khi chẩn đoán cho dùng "Gia vị cam mạch đại táo thang". Uống được 24 thang thì các chứng đều hết. Theo dõi 7 năm, chưa thấy tái phát.

Bàn luận: Về chứng mộng du thì đông y cho rằng, nguyên nhân phần lớn do hai tạng tâm can hư mà ra. Tâm thì chủ về huyết mà chứa thần, can chức huyết mà che chở hồn, dương nhập vào âm thì ngủ, dương xuất khỏi âm thì thức tỉnh, khí huyết đầy đủ thì tâm thần được nuôi dưỡng, can tàng được hồn, ngủ được yên, còn khi âm huyết khuy tổn, tất can hỏa vượng lên mà tâm hỏa tự bốc, làm cho hồn mộng mung lung mà ngủ chẳng yên, đầu váng mắt hoa cùng lúc sinh ra. Dùng "Gia vị cam mạch đại táo thang" có tác dụng dưỡng huyết an thần nên khỏi bệnh.

238. Histeria (ý bệnh)

Biện chứng đông y: Nhiệt tà nội kết, nhiễu loạn thần minh.

Cách trị: Dưỡng âm trừ nhiệt, giải uất trừ phiền.

Đơn thuốc: Gia vị chi tử xỉ thang.

Công thức: Sinh chi tử 9g, Đạm đậu xỉ 115g, Mạch môn đông 10g, Quảng uất kim 10g, Thạch xương bồ 10g, Đạm trúc điệp 5g, Chích cam thảo 6g.

Sắc uống, mỗi ngày một thang. Người thực nhiệt thì thêm Đại hoàng, Chỉ thực, Hậu phác, người can dương mạnh thì thêm Sinh thạch cao, Cúc hoa, Tang diệp, Kỷ quả, người đờm thấp thịnh thì thêm Đảm nam tinh, Quất hồng, Bạch phục linh; người âm hư nội nhiệt thì thêm Toan táo nhân, Sinh a giao, Sinh kê tử hoàng.

Hiệu quả lâm sàng: Triệu XX, nữ, 46 tuổi, nông dân, sơ chẩn ngày 6-5-1976. Bệnh nhân kể là mắc bệnh đã 8 năm, lên cơn từng đợt. Mỗi lần phát bệnh thì tâm phiền, tinh thần rối loạn, hai mắt nhắm lại, răng cắn chặt, cứ thế kéo dài 3-5 ngày đến hơn 10 ngày. Lúc tinh thần bị kích động thì phát bệnh luôn luôn. Mỗi lần bệnh phát thì đại tiện bí kết, thường ba ngày đi ngoài một lần, tiểu tiện vàng. Đã từng uống nhiều thứ thuốc trấn tĩnh và thuốc tẩy, chưa thấy kết quả tốt. Khám thấy thể chất người bệnh tốt, tinh thần u uất, trí lực bình thường, chất lưỡi ở rìa và đầu lưỡi đỏ, rêu lưỡi ở giữa thì vàng, mạch trầm huyền có lực.

Chẩn đoán lâm sàng là histeria. Đây là vì uất nhiệt kết lại bên trong, lên phạm thần minh. Cần trị bằng phép dưỡng âm thanh nhiệt, giải uất trừ phiền. Chúng tôi đã dùng "Gia vị chi tử xỉ thang", trong bài này lại cho thêm Đại hoàng (chế rượu) 10g, Chỉ thực (sao) 9g, Hậu phác (chế gừng) 9g. Cả thầy gia giảm thêm bột uống hơn 20 thang, bệnh khỏi hết.

Trương X.X, nữ, 50 tuổi, cán bộ, sơ chẩn ngày 33-2-1975. Bệnh nhân cho biết đã mắc bệnh tới 10 năm, lúc phát bệnh thì nặng đầu, tức ngực tâm phiền, sau đó răng cắn chặt, đờm dãi sùi ra, tinh thần không tỉnh táo, tay chân lạnh, hai tay nắm chặt, sau khi khóc to thì

các chứng lui dần. Tỉnh thoảng vì tinh thần không thư thái bệnh lại lên cơn, mỗi lần cơn bệnh kéo dài trên dưới 2 giờ. Kinh nguyệt bình thường, ngoài ra không thấy có gì đặc biệt. Chẩn đoán lâm sàng là hysteria. Cho dùng gia vị "Chi tử xỉ thang", bỏ Mạch môn đông, thêm Bạch biển đậu 21g, Đảm nam tinh 6g, Mao quất hồng 12g, Bạch phục linh 30g, Đại táo 3 quả; dùng thuốc khoảng 30 thang, bệnh khỏi hẳn chưa thấy tái phát.

239. Thấp khớp cấp

Biện chứng đông y: Phong hàn vào lạc, khí huyết không thông, kinh mạch tắc nghẽn.

Cách trị: Khư phong tán hàn, thông kinh hoạt lạc.

Đơn thuốc: Kháng phong thấp thang.

Công thức: Chế xuyên ô 10g, Quế chi 10g, Khương hoạt 10g, Phòng phong 10g, Bào sơn giáp 10g, Kỳ xà 10g, Chế nhũ hương, Một dược, mỗi thứ 10g, Tế tân 3g, Ma hoàng 3g, Ngô công 4 con.

Sắc uống, mỗi ngày một thang.

Hiệu quả lâm sàng: Lương XX, nữ, 28 tuổi, công nhân, ngày 2-4-1976 được bệnh viện xí nghiệp chẩn trị. Bệnh nhân đau di chuyển các khớp toàn thân, hơi sưng từng chỗ, rên rĩ liên tục, nằm liệt giường đã hơn 1 tháng. Tây y chẩn đoán là thấp khớp cấp, chữa không khỏi. Chồng mang đến khoa đông y. Khám thấy chất lưỡi đỏ nhạt, rêu trắng hơi bẩn, mạch trầm trì, thử máu: huyết trầm 40mm/giờ. ASLO 1250 đơn vị, chữa bằng thuốc khư phong tán hàn, thông kinh hoạt lạc. Cho uống "Kháng phong thấp thang", đúng căn nguyên bệnh, chỉ uống 5 thang, các chứng giảm hẳn. Lại uống tiếp bài này 5 thang nữa. Lúc khám lại, cùng chồng đi bộ đến, đã hết đau đớn phù nề, mạch tế bình, chất lưỡi đỏ nhuận, rêu trắng tan hết. Kiểm tra lại huyết trầm 4mm/giờ, ASLO 6225 đơn vị. Dùng bài trên bỏ bớt Sơn giáp, Xuyên công, Kỳ xà, Ma hoàng, thêm Dương quy, Hoàng kỳ mỗi thứ 15g, Bạch thược, Tần giao mỗi thứ 10g. Theo dõi 4 năm, chưa thấy tái phát.

Bàn luận: Y học hiện đại cho rằng thấp khớp có liên quan với nhiễm liên cầu khuẩn tan huyết týp A. Khuẩn thể và các chất bài tiết của liên cầu khuẩn có tính kháng nguyên rất cao, kích thích cơ thể sản sinh ra kháng thể, hình thành phức hợp miễn dịch kháng nguyên kháng thể, khi phức hợp miễn dịch này đọng lại ở các khớp thì sinh ra chứng viêm khớp. Đối với bệnh này, y học hiện đại chưa có cách điều trị đặc hiệu, chỉ xử lý triệu chứng. Trong khi chữa bệnh này chúng tôi tuân thủ nghiêm ngặt nguyên tắc biện chứng

luận trị của đông y tìm ra gốc bệnh, quý hồ tinh nhất, cốt sao đạt được cái tinh của phép biện chứng, phép chữa trị phải tinh, thuốc dùng phải tinh. Như ca bệnh này là phong hàn thấp tí, nhưng chủ yếu là phong hàn, cách trị ắt tinh nhất ở "ôn". Dùng các vị thuốc khư phong tán hàn, thông kinh hoạt lạc, không vì lý do phong thấp nhiệt cần chống nhiễm khuẩn mà dùng bừa các thuốc "thanh" còn thuốc thuộc loại trùng có thể có tác dụng xua tan các phức hợp miễn dịch.

240. Thấp khớp cấp

Biện chứng đông y: Phong thấp và nhiệt đánh lộn, lan khắp các khớp, khí huyết bị tắc nghẽn.

Cách trị: Sơ phong thông lạc, thanh nhiệt lương huyết.

Đơn thuốc: Tang phòng thang.

Công thức: Tang chi 47g, (sắc trước), Xuyên khung 15g, Ti qua lạc 12g, Sinh địa 24g, Phòng phong 9g, Câu đằng 12g, Ngưu tất 9g, Hoàng bá 9g, Bạch thược 12g, Nguyên sâm 12g, Tần giao 12g. Sắc uống, mỗi ngày một thang.

Hiệu quả lâm sàng: Lư XX, nam, 28 tuổi, nông dân. Thân thể cao lớn, vốn thích ăn nhậu các thứ cay táo nhiệt, trung tuần tháng 12 năm 1974 ngoại cảm phát sốt, phải điều trị 7 ngày, bệnh lui nhưng hai chân đau mỗi, cử động khó chịu, dần dần co quắp, trở mình khó khăn, cuối cùng nằm liệt giường không dậy được, đã trị đông tây y tới nửa tháng không thấy chuyển biến tốt. Ngày 6 tháng 1 năm 1975, người nhà đem đến điều trị, thấy hai chân cả đùi lẫn bắp đều co quắp, đau và nóng, không co duỗi cử động gì được, nằm liệt giường, ăn uống, đại tiểu tiện đều cần có người giúp đỡ. Miệng khô, đái vàng, đại tiện bí, chất lưỡi đỏ rêu vàng, mạch huyền tế sắc. Bệnh do thích ăn nhậu hút chất cay. Kinh lạc trước có nhiệt ẩn náu, lại gặp ngoại cảm phong hàn, thấp tà quấy phá, nhiệt ở lý vì ngoại tà bao vây nên uất lại, khí huyết mất sự tuyên thông, lại kéo triền miên lâu ngày, tà khí từ ngoài vào cùng với nội nhiệt ở mãi không đi, hóa hỏa thương âm, tổn hại tân dịch, làm cản mạch mất sự tư dưỡng mà gây bệnh.

Phép chữa chứng bệnh này là phải sơ phong thông lạc, thanh nhiệt lương huyết, dùng bài "Tang phòng thang", hai ngày thì ra mồ hôi, đi ngoài được, bệnh hơi giảm, vẫn dùng bài thuốc đó bỏ Tần giao, ngày thứ sáu thì đau đớn giảm hẳn, nằm ngồi được, ngày thứ mười có thể ra khỏi giường đứng lên, chống gậy tập đi. Bài thuốc trên thêm Xuyên mộc qua 12g, Ngũ gia bì 9g, chữa 1 tháng khỏi như bình thường tuy vẫn còn thấy vùng lưng tức tối vô lực, phải dùng đến các thuốc tư âm bổ thận, dùng liền 7 ngày để củng cố về sau.

241. Thấp khớp

Biện chứng đông y: Phong và thấp tắc ở trong, ngoại tà xâm nhập quấy phá, mạch lạc nghẽn tắc, khí huyết không thông.

Cách trị: Hoạt huyết, thông lạc, khử phong thấp.

Đơn thuốc: Tích toàn hoàn.

Công thức: Kim mao cầu tích 30, Toàn yết 30g, Thổ miết trùng 30g, Đại hồi hương 30g. Tất cả tán bột mịn phun nước làm hoàn to bằng hạt ngô đồng, mỗi lần uống 10g, mỗi ngày uống 2 lần.

Hiệu quả lâm sàng: Theo dõi một cách có hệ thống 106 ca bệnh này, khỏi 20 ca, có tác dụng rõ 32 ca, có tác dụng 43 ca, vô hiệu 11 ca, tỉ lệ hữu hiệu toàn bộ 89,6%.

242. Thấp khớp

Biện chứng đông y: Hàn tà thấp tà xâm nhập quấy phá, đọng lại ở kinh lạc, khí huyết vận hành bất thông.

Cách trị: Khu phong hành thấp, thanh hóa uất nhiệt.

Đơn thuốc: Gia vị quế chi thực dược tri mẫu thang.

Công thức: Quế chi 9g, Ma hoàng 9g, Phòng phong 9g, Phụ phiên 9g, Bạch truật 15g, Thương truật 15g, Cam thảo 15g, Sinh khương 15g, Bạch thực 30g, Tri mẫu 30g, Thạch cao 30g, Hoàng bá 30g, ý mễ 60g. Sắc uống, mỗi ngày 1 thang.

Hiệu quả lâm sàng: Trịnh XX, nam, 45 tuổi, sơ chẩn ngày 21 tháng 10 năm 1975, gặp mưa bị ướt, nên tà của hàn thấp đình trệ lại làm cho các khớp ở chân sưng đỏ đau đớn, đã dùng nhiều thuốc đông thuốc tây chữa hiệu quả không rõ rệt, sau lại dùng hormon điều trị, bệnh lúc nặng lúc nhẹ, thời tiết thay đổi càng đau nặng. Khám thấy người bệnh sắc mặt vàng xanh, tinh thần mệt mỏi, chất lưỡi đỏ rêu vàng bẩn, các khớp tay chân đau đớn, khó co duỗi, cảm thấy sưng nóng, gặp lạnh thì hơi bớt, sốt sợ gió, tâm phiền miệng khát, mạch hoạt sác. Đây là cảm hàn thấp, tà uất hóa nhiệt, phải trị bằng phép khu phong hành thấp, thanh hóa uất nhiệt. Dùng 5 thang "Gia vị quế chi thực dược tri mẫu thang", uống xong thì các khớp đỡ đau, tiểu tiện còn vàng đỏ, thấp nhiệt còn chưa hết, vẫn dùng bài thuốc trên, thêm Trạch tả 24g, Phòng kỷ 5g, uống 3 thang nữa thì khỏi trên lâm sàng, ra viện.

Bàn luận: Tà của hàn thấp xâm nhập quấy nhiễu, ngưng đọng ở kinh lạc khí huyết vận hành không thông mà sinh ra bệnh này, tà của hàn thấp uất mà hóa nhiệt ứ các khớp sưng đau, thấp nặng ứ các khớp không lợi, lý do làm cho phát sốt miệng khát, mạch hoạt sác, rêu vàng bẩn chính là do thấp nhiệt nội uất. Quế chi thực dược tri mẫu thang thêm các thuốc thanh nhiệt lợi thấp, trừ được thấp nhiệt của biểu lý, lại khử được tà của hàn thấp, nhưng thấp có tính chất nặng nề bám dính khó mà trừ được nhanh chóng, phải thêm Trạch tả, Phòng kỷ để bắt cái thấp phải theo tiểu tiện mà tống ra. Trong bài thuốc giảm lượng Ma, Quế, Phụ, bởi vì ở đây

nhiệt nặng hơn hàn, giữ tính năng ôn kinh tán phát của chúng, dùng nhiều thuốc thanh nhiệt lợi thấp, là trị cái thấp nhiệt quá đáng, đồng thời đuổi tà tán hàn, thanh nhiệt khử thấp.

243. Thấp khớp

Biện chứng đông y: Phong hàn thấp tà làm bế tắc kinh lạc.

Cách trị: Ôn kinh thông lạc, khu phong chỉ thống.

Đơn thuốc: Túi thuốc chườm.

Công thức: Lưu hoàng 60g, Bạch chỉ 30g, Xuyên khung 30g, Nhũ hương, Một dược mỗi thứ 10g.

Các thuốc trên hỗn hợp tán bột mịn bỏ vào túi vải, dàn đều điều chỉnh chiều dày 0,3cm, dùng dây buộc chặt ngang dọc (như bọc tã cho trẻ em). Lấy miếng gừng tươi xát mặt cắt vào chỗ đau, sau đó đặt túi thuốc lên, ngoài đắp nóng thêm, xê dịch nếu nóng quá. Mỗi ngày làm một lần, mỗi lần dùng xong bảo quản kín không cho há khí, dùng được 2 tuần.

Bàn luận: Bài này lấy Lưu hoàng làm chủ, lấy thêm các thứ cay xuyên qua lạc, hoạt huyết định thống, làm cho sức nhiệt của nó có thể vào tới chỗ sâu của cơ nhục, đạt tác dụng ôn kinh thông lạc khu thấp trấn thống. Bài này do chế biến thuốc cứu "Thái ất", "Lôi hoả", mà ra, nhưng diện tích chườm nóng lớn hơn, sức nhiệt sâu hơn. Túi thuốc chườm nóng này dễ sử dụng, rẻ nên bệnh nhân có thể tự làm. Trong thực tế, đối với các chứng viêm cân cơ, viêm quanh khớp vai, viêm cột sống phì đại, tổn thương phần mềm v.v... đều có hiệu quả.

244. Nốt thấp dưới da

Biện chứng đông y: Phong thấp tà xâm nhập thịt da.

Cách trị: Sơ phong khử thấp, hoạt huyết thông lạc.

Đơn thuốc: Gia giảm kinh phòng tứ vật thang.

Công thức: Đương quy 12g, Xích thược 12g, Sinh địa 12g, Kinh giới 9g, Phòng phong 6g, Khổ sâm 15g, Ngưu tất 12g, Tô mộc 6g, Bồ công anh 30g, Cam thảo 6g. Sắc uống, mỗi ngày một thang.

Hiệu quả lâm sàng: Vũ XX, nữ, 24 tuổi, công nhân, đến khám ngày 10 tháng 7 năm 1962, mắc bệnh đã hơn 1 năm, triệu chứng chủ yếu là hai chân và vùng mắt cá có các cục cứng màu đỏ tía đi lại có cảm giác đau vướng. Đã khám tây y, chẩn đoán là hạt hạch thấp dưới da. Bệnh nhân vàng đầu mặt nhợt, mặt vàng đỏ, chất lưỡi đỏ sẫm, rêu lưỡi trắng mỏng, mạch phù hoạt sác. Đó là do tà của phong thấp xâm nhập da thịt, vào sâu dinh huyết phong thấp và huyết cũng kết lại không tan đi mà thành ra. Phải trị bằng phép sơ phong khử thấp, hoạt huyết thông lạc. Cho dùng "Gia giảm kinh phòng tứ vật thang". Uống được 8 thang thì các cục cứng đỏ tía đã hết, đi lại như thường, mạch chuyển hoạt sác. Đó là phong thấp tà đã tan, dịch huyết tuần hành đã thông, vẫn dùng bài trên bỏ Kinh phòng, thêm Địa đinh 15g, Liên kiều 15g, để khử độc tà của thấp nhiệt còn sót lại, đánh thông kinh lạc. Uống 5 thang nữa để được công hiệu hoàn chỉnh.

Bàn luận: Theo lý luận của "Tố vấn, Sinh khí thông thiên luận" thì "dinh khí không thuận, đi ngược vào trong thịt, sinh ra ung thũng" và theo "Y tông kim giám" thì chứng ngoại khoa lưu chú có các nguyên nhân thấp đàm, ứ huyết, phong thấp, dùng biện chứng để tìm ra nguồn thì ca bệnh này là chứng phong thấp lưu chú, phong thấp nhập lạc, ngưng kết không tan, ngăn cản huyết dịch tuần hành, thành cục cứng đỏ tía mà đau chướng. Dùng thuốc khu phong khử thấp, hoạt huyết thông lạc, trong đó có thêm Ngưu tất, Tô mộc, Bồ công anh để hành huyết khử ứ, tiêu ung tán kết, cuối cùng mới thêm Địa đinh, Liên kiều để thanh lọc cái tà còn sót lại, cho nên thu được kết quả điều trị có thể nói là mỹ mãn.

245. Thấp khớp cấp

Biện chứng đông y: Thể chất dương thịnh, trong có nhiệt ẩn náu, phong hàn thấp tà quấy nhiễu.

Cách trị: Khư phong thấp, thanh nhiệt giải độc.

Đơn thuốc: Khư phong lợi thấp hoạt huyết (uống) thuốc rửa hoạt thông (rửa ngoài).

Công thức: Khư phong lợi thất hoạt huyết phương: Đương quy 9g, Hồng hoa 6g, Tần giao 9g, Phòng phong 9g, Tang kí sinh 12g, Mộc qua 9g, Ngưu tất 9g, Uy linh tiên 9g, Tì giải 9g, Thương truật 9g, Phục linh 9g. Sắc uống, mỗi ngày 1 thang.

Thuốc rửa Hoạt thông: Sinh địa 15g, Đơn bì 9g, Xích thực 9g, Ngân hoa 15g, Tử hoa địa đing 15g, Hoàng bá 9g, Mộc thông 9g, Tì qua lạc 9g, Sắc nước ngâm tắm chỗ bị bệnh mỗi ngày 2-3 lần.

Hiệu quả lâm sàng: Lưu X, nữ, thanh niên, đến khám đầu tháng 10 năm 1978. Mất cá chân sưng nóng và đau, không đi lại được, khớp gối cũng đau, không nghĩ đến ăn uống, bệnh đã hơn 20 ngày. Mạch tế sác, lưỡi sạch không rêu. Xét nghiệm máu lắng 54mm/giờ. Chẩn đoán lâm sàng là thấp khớp cấp. Đã dùng một ít thang thuốc, ngoài ra đã dùng "Thuốc rửa Hoạt thông" để rửa nhưng hiệu quả không rõ. Sau đó đổi sang uống "Khư phong lợi thấp hoạt huyết phương", nhưng vẫn rửa ngoài bằng "Thuốc rửa Hoạt thông". Dùng thuốc đến ngày 21 tháng 10 mắt cá chân đã hết sưng, hết đau, nhưng khớp đầu gối có vẻ còn sưng đau. Dặn kiên trì uống thêm ít thang nữa nhằm đạt công hiệu đầy đủ. Hạ tuần tháng 11 năm ấy, anh của người bệnh đến cho biết cô em dùng thuốc xong đã khỏi bệnh ngay, tốc độ máu lắng giảm xuống bình thường, công tác trở lại.

Bàn luận: Thấp khớp là thuốc phạm trừ "tí chứng" của đông y. Tí là có ý nghĩa bịt kín, ứng với trường hợp kinh lạc cơ biểu của người ta bị phong hàn thấp khí quấy rối, khí huyết không thông, cho nên các khớp đau đờn, lại thêm tê mỏi đều gọi là tí chứng. Có một loại nhiều tí, là do thể chất dương thịnh, trong thì có nhiệt ẩn náu, tuy

có gặp phong hàn thấp tà nhưng vẫn có nhiều biểu hiện kiểu nhiệt. "Kim quỹ dục" nói: tạng phủ kinh lạc trước có chứa đầy nhiệt, mà gặp phong hàn thấp khí bên ngoài đến, nhiệt là hàn tà, khí không thông, hàn lâu ngày hóa nhiệt, ất sinh tí nung đốt mà sinh bực bội. Bệnh của họ Tì là chứng bệnh này. Cho dùng Đương quy, Hồng hoa là để hoạt huyết, Tần giao, Phòng phong, Tang ký sinh. Tì giải là các thứ khư phong thấp. Mộc qua lợi cân cốt; Ngư tất làm mạnh lưng gối; Uy linh tiên chủ về các chứng tì ngoan (ngoan cổ); Thương truật, Phục linh làm khô tì lợi thấp. Lại dùng các thức thanh nhiệt giải độc sắc lên ngâm rửa để cho tính thuốc do lỗ chân lông mà đi vào, trong ngoài phối hợp mà trị bệnh, mới có kết quả tốt.

246. Viêm đa khớp dạng thấp

Biện chứng đông y: Phong hàn thấp tà, ứ trệ kinh lạc.

Cách trị: Hoạt lạc chỉ thống.

Đơn thuốc: Tuyên lạc thông tí thang.

Công thức: Đương quy 15g, Thục địa 15g, Thương nhĩ tử 10g, Phòng phong (tổ ong) 10g, Ô xà 20g, Thổ miết trùng 10g, Toàn yết 3g, Ngô công 2 con, Sơn giáp châu 10g, Sơn long 30g, Dâm dương hoắc 20g, Kê huyết đằng 25g, Khương tang 5 con, Hải đồng bì 15g.

Sắc uống mỗi ngày 1 thang. Nếu là hành tí: khử Thục địa, thêm Thiên ma 15g, Uy linh tiên 15g, Thanh phong đằng 15g; nếu là hàn tí: thêm Phụ tử 15g, nếu là thấp nhiệt: khử Dâm dương hoắc, Thục địa, thêm Thương truật 15g, Hoàng bá 15g, Mộc thông 10g, Tử kinh bì 10g, Bạch tiền bì 15g, Bội lan 15g. Có sưng nề: khử Thục địa thêm Bạch giới tử 15g, Mộc miết tử 1 hạt, Xích tiểu đậu 50-100 g.

Hiệu quả lâm sàng: Trương XX, nữ, 38 tuổi, nhân viên mua bán, viêm đa khớp dạng thấp đã gần 10 năm. Gần đây niêm mạc lở loét. Bệnh kéo dài không công tác được, thậm chí nằm liệt giường, tự dùng các thuốc hormon v.v... vẫn thấy còn đau, sưng nề, biến dạng, v.v... Uống hơn trăm thang "Tuyên lạc thông tí thang gia giảm" thì khỏi, theo dõi 5 năm vẫn đi làm bình thường.

247. Viêm đa khớp dạng thấp

Biện chứng đông y: Phong hàn thấp tà, xâm nhập kinh lạc, lưu lại ở các khớp.

Cách trị: Khử phong tán hàn, sơ cân hoạt lạc.

Đơn thuốc: Ma hoàng ôn tí thang.

Công thức: Ma hoàng 10g, Khương hoạt 10g, Độc hoạt 10g, Thệ xuyên ô 10g, Thí thảo ô 10g, Bát lý ma 1g, Quế chi 10g, Hoàng kỳ 20g, Xuyên ngư tất 12g, Mộc qua 12g, Uy linh tiên 12g, Kê huyết đằng 10g, Tế tân 3g, Chế phụ 10g, Thân cân thảo 10g, Tâm cốt phong 10g, Thương nhĩ tử 10g, Tần giao 10g, Tang kí sinh 10g, Chích cam thảo 10g, Đương qui, Bạch thực đế phù chính khí.

248. Viêm đa khớp dạng thấp

Biện chứng đông y: Phong hàn thấp tà, đọng ở các khớp, uất lâu hóa nhiệt, khí trệ huyết ứ.

Cách trị: Sơ phong thanh nhiệt, hoạt huyết hóa ứ.

Đơn thuốc: Hi đồng ẩm, xạ hương, tam thất hoàn.

Công thức: Hi đồng ẩm: Hi thêm thảo 30g, Hải đồng bi 30g, Nhãn đông đằng 30g, Tang chi (non) 30g, Kê huyết đằng 15g, Tần giao 10g, Tri mẫu 10g, Cát căn 10g, Sinh ý mễ 30g, Phòng kỷ 10g. Thêm nước vừa đủ, nấu sôi 20 phút, sắc lại còn 300 ml, uống lúc còn ấm, mỗi ngày 2 lần. Xạ hương tam thất hoàn: Sinh toàn yết 60g. Tam thất 30g, Địa long 90g, Sinh hắc đậu 60 hạt, Xuyên ô 15g, Xạ hương 3g (nghiền nhỏ, bỏ vào sau). Tất cả nghiền thành bột mịn, dùng hồ gạo làm thành hoàn to bằng hạt đỗ xanh, mỗi ngày uống 2 lần (sáng, chiều) mỗi lần 7 đến 10 hoàn, với nước ấm.

Hiệu quả lâm sàng: Hứa XX, 27 tuổi, nhân viên thương nghiệp. Mắc bệnh viêm đa khớp dạng thấp đã 7 năm, thỉnh thoảng lại phát, mỗi lần phát bệnh thì sốt, các khớp lớn thì sưng đỏ, nóng đau, không hoạt động được, đã vào bệnh viện trước sau 3 lần; ở viện điều dưỡng đã chữa 2 đợt, mấy ngày trước lại thấy toàn thân khó chịu, các khớp đau, đến nay gót chân, gân gót cũng sưng đỏ đau, không hoạt động được. Ngày 28 tháng 7 năm 1977 đến khám, vợ phải dìu đi, sắc mặt bệch, dáng đau khổ, các khớp ngón tay, ngón chân, các khớp mắt cá, gối sưng đỏ, sờ thấy nóng rục, mạch tế nhu, rêu lưỡi trắng mỏng. Cho uống "Hi đồng ẩm", khám lại 8 lần. dùng tất cả 30 thang thuốc, các triệu chứng đỡ dần dần. Trong thời gian chữa bệnh, dùng kèm "Xạ hương tam thất hoàn", Trong bài thuốc tùy theo triệu chứng mà thêm Phòng phong, Bạch truật, Hoàng kỳ v.v... là các thuốc cố biểu. Theo dõi 10 tháng, gặp thời tiết thay đổi thì hơi khó chịu, các khớp chưa sưng lại, đã trở về công tác.

Bàn luận: Bệnh viêm đa khớp dạng thấp thuộc phạm vi trừ chứng "tí" của đông y. "Chứng tí" phát sinh là do lỗ chân lông mở kết, doanh vệ không vững chắc, phong hàn thấp tà thừa hư xâm nhập vào mà thành. Vì tà làm tắc chính khí, không tuyên hành

được mà đọng lại, khí huyết ngưng trệ, lâu thành ra tí. Tí là có ý bất thông, bất thông tắc thống, thấp tà trú ở khớp nên sưng, tà lâu hóa nhiệt, chuyển thành nhiệt tí, ca bệnh trên dùng phép sơ phong thanh nhiệt, hoạt huyết hóa ứ, phối hợp với thuốc lá côn trùng để thu tà có công hiệu.

249. Viêm đa khớp dạng thấp

Biện chứng đông y: Phong thấp ú trệ kinh lạc.

Cách trị: Khu phong thắng thấp, khứ ú thông lạc.

Đơn thuốc: Long xà tán.

Công thức: Địa long 250g, Phòng phong 60g, Toàn trùng 20g, Bạch hoa xà 4-6 con, Ô tiêu xà 60g.

Tất cả các thuốc trên rang khô, tán thành bột, rây mịn rồi cho vào nang nhựa, mỗi lần uống 4-6 nang, mỗi ngày 3 lần, mỗi đợt dùng một liều thuốc trên.

Bàn luận: Bài này chủ yếu dùng để chữa các bệnh viêm đa khớp dạng thấp. Nhưng đối với các bệnh thấp khớp, viêm quanh khớp vai, đau thần kinh hông cũng có công hiệu.

250. Viêm đa khớp dạng thấp

Biện chứng đông y: Thấp nhiệt đọng lại ở khớp.

Cách trị: Thanh nhiệt giải độc, khử thấp hoạt lạc.

Đơn thuốc: Thương truật phòng kỷ thang gia vị.

Công thức: Thương truật 12g, Phòng kỷ 12g, Thông thảo 12g, ý dĩ 15g, Địa long 12g, Ngưu tất 12g, Tô mộc 9g, Bồ công anh 30g, Kim ngân hoa 24g, Liên kiều 12g, Cam thảo 4,5g.

Sắc uống mỗi ngày 1 thang.

Hiệu quả lâm sàng: Dương XX, nam, 18 tuổi, công nhân. Đến khám ngày 10/7/1970. Bệnh nhân sưng đau các khớp chân đã 2 tháng, hai đùi đau đớn, đi lại khó khăn và rất đau, có lúc phát sốt, không muốn ăn uống, sắc mặt vàng đỏ, môi và lưỡi đỏ sẫm, rêu lưỡi trắng, gốc lưỡi hơi vàng, mạch tế sắc mà nhu. Bệnh này do thấp nhiệt đọng lại ở khớp gây nên thấp nhiệt tí sưng đau, phải thanh nhiệt giải độc, khử thấp hoạt lạc. Cho dùng "Thương truật phòng kỷ thang gia giảm". Uống được 4 thang, hết sưng hết đau các khớp các chứng cũng hết. Cho dùng tiếp 2 thang, để củng cố hiệu quả.

Bàn luận: Từ sự phân tích mạch chứng của ca bệnh này ta thấy bệnh nhân vốn có nhiệt ẩn náu ở trong lại có hàn thấp hóa nhiệt, thấp và nhiệt cùng câu kết đọng lại ở khớp làm tắc nghẽn kinh lạc, doanh hệ tuần hoàn không điều hòa nữa mà sinh ra chứng thấp nhiệt tí. Trước hết dùng "Thương truật phòng kỷ thang gia vị" để thanh nhiệt giải độc, khu phong hoạt lạc. Vì trong bài thuốc có Bồ công anh, Kim ngân hoa, Liên kiều để thanh nhiệt giải độc, tiêu ung tán kết, Tô mộc hành huyết khứ ứ thông lạc nên có tác dụng chữa bệnh nhanh.

251. Viêm đa khớp dạng thấp

Biện chứng đông y: Phong tà bệ nghẽn kinh lạc.

Cách trị: ích khi khu phong thanh nhiệt thông lạc

Đơn thuốc: Kỳ kỷ thổ địa thang.

Công thức: Hoàng kỳ 12g, Phòng kỷ 15g, Thổ phục linh 30g, Địa cốt bì 20g, Phòng phong 12g, Đương qui 12g, Bạch truật 12g, Đại phong bì 20g, Khương hoạt 10g, Độc hoạt 10g, Tang chi 20g, Câu đằng 15g, Ngưu tất 10g, Lôi công đằng 6-12g. Sắc uống mỗi ngày 1 thang.

Bàn luận: Lôi công đằng trong bài này còn gọi là Hoàng đằng, Đoạn trường thảo v.v... vị hơi đắng, hơi cay, tính ôn rất độc, có các tác dụng khu phong thông lạc khử thấp chỉ thống, có hiệu quả tốt đối với chứng viêm đa khớp dạng thấp, có thể sử dụng phối hợp trong bài thuốc, cũng có thể sử dụng đơn độc. Nói chung người lớn mỗi ngày uống 6-15g, tối đa 30g, dùng quá liều có thể ngộ độc hoặc chết. Cần chú ý khi dùng.

252. Viêm đa khớp dạng thấp

Biện chứng đông y: Thận tinh không đầy đủ, phong hợp với đờm thấp thành chứng tì.

Cách trị: Bổ tinh dưỡng dịch, hóa thấp thông lạc, trừ phong định thống.

Đơn thuốc: Địa hoàng hợp tễ.

Công thức: Sinh địa hoàng 60g, Thục địa hoàng 30g, Bạch truật (sao) 60g, Đạm can khương 12g, Xuyên ô (chế) 6g, Bắc tế tân 4,5g, Ngô công 3 con (đã nát), Sinh cam thảo 5g.

Mỗi ngày 1 thang, nước sắc 2 lần, uống làm 3 lần. Một tuần lễ sau khi bệnh chuyển biến tốt thì giảm lượng Sinh địa, thêm Hoàng kỳ 30g.

Bàn luận: Bài "Địa hoàng hợp tễ" được xây dựng trên cơ sở kinh nghiệm hiện đại dùng độc vị Can sinh địa để trị có kết quả bệnh viêm đa khớp dạng thấp. Trên lâm sàng thấy dùng độc vị Can sinh địa thì hiệu quả chậm, tác dụng chỉ thống kém, khi dùng lượng lớn thì có tác dụng phụ, người bệnh đau bụng ỉa chảy. Sau khi uống 3-5 ngày thì bệnh nhân thường không muốn uống tiếp. Bài thuốc này có dùng thêm các thuốc lý trung như Bạch truật, Can khương để ôn trung kiện tì, thẩm thấp hóa ứ, lại thêm Xuyên ô, Tế tân, Ngô công để khu phong định thống, hiệu quả tăng lên rõ rệt, tác dụng phụ giảm hẳn đi.

253. Sốt cao

Biện chứng đông y: Tà nhiệt vào dương minh, đọng ở da thịt.

Công thức: Cam hàn thanh nhiệt.

Đơn thuốc: Thanh nhiệt thang.

Công thức: Sinh thạch cao 50g, Tri mẫu 10g, Cam thảo 10g, Ngạnh mẽ 100g (bỏ bao mà sắc), Hoàng liên 5g, Hoàng cầm 10g, Sơn chi 10g, Hoàng bá 10g, Sinh khương 3 lát để dẫn thuốc.

Sắc uống mỗi ngày 1 thang.

Hiệu quả lâm sàng: Khương XX, nam, 14 tuổi, học sinh, sơ chẩn ngày 2/3/1978, cho biết sau khi phải cảm thì sốt cao, đã dùng các thuốc kháng sinh để giải nhiệt chân thống và truyền dịch để điều trị, nhưng vẫn sốt cao trên 39,2 độ C, kéo dài 8 ngày không lui, cả nhà hoang mang lo sợ.

Các triệu chứng hiện nay là: thân nhiệt 39,2 độ C, mặt đỏ, miệng khô khát, bồn chồn không yên, mồ hôi hầm hập. Lưỡi đỏ sẫm, rêu vàng khô mà dày, sốt cao kéo dài không lui với 4 chứng là người nóng, miệng khát, ra mồ hôi, mạch hoạt sắc mà đại, có thể chẩn đoán là chứng nhiệt ở dương minh "Nội kinh" viết: nhiệt ất bình phu hoãn, lỗ chân lông mở, mồ hôi ra nhiều, tà nhiệt vào dương minh đọng ở da thịt không khử được, làm cho người nóng cao không lui. Thân nhiệt không lui ất bì phu tri hoãn, hoãn ất lỗ chân lông mở và ra mồ hôi do đó mồ hôi hầm hập. Mồ hôi ra và nhiệt thịnh ất hại đến tân dịch làm cho miệng khát mà rêu lưỡi vàng khô. Nóng dữ ất huyết dịch sôi sục, tuần hoàn tăng nhanh, các lạc mạch nhỏ bé sung huyết, biểu hiện ra các chứng mặt đỏ, mắt đỏ, lưỡi đỏ, sẫm, mạch hoạt sắc mà đại v.v... có thể sơ bộ chẩn đoán là chứng nhiệt ở dương minh, dùng phép cam hàn thanh nhiệt phối hợp thêm các thuốc khổ hàn thích hợp dùng bài Bạch hổ thang và Hoàng liên giải độc thang phối hợp (tức là bài Thanh nhiệt thang nói trên). Ngày 4 tháng 3 người nhà bệnh nhân hết sức mừng rỡ đến báo cho biết: hiệu quả của thuốc này đặc biệt tốt, hôm ấy uống hết 1 thang thuốc thì chứng người nóng đã lui một nửa, uống hết một nước sắc thứ hai thì thân nhiệt hạ xuống tới 36,4 độ C, bệnh khỏi.

254. Sốt nhẹ

Biện chứng đông y: Ôn tà phạm phế, chuyển ngược lên tâm bảo, tổn thương đến âm của can thận, ôn tà lâu ngày hư nhiệt không lui.

Cách trị: Tư âm thanh nhiệt.

Đơn thuốc: Thanh cốt tán gia giảm.

Công thức: Địa cốt bì 15g, Thanh hao 5g, Tri mẫu 12g, Đơn bì 12g, Hoài ngư tất 10g, Thái tử sâm 15g, Mạch đông 10g, Ngũ vị tử 6g, Phi hoạt thạch 10g, Cam thảo 3g.

Sắc uống mỗi ngày 1 thang.

Hiệu quả lâm sàng: Đoạn XX, nam, 30 tuổi, cán bộ. Tháng 9 năm 1979 đột nhiên sốt cao, thân nhiệt 39 độ C, điều trị ngay tại bệnh xá đơn vị. Khởi đầu chữa theo cảm mạo, theo dõi mấy ngày không hiệu quả phải vào bệnh viện. Qua nhiều xét nghiệm loại trừ các bệnh truyền nhiễm virút, vi khuẩn, rickettsia và các bệnh phong thấp nhiệt, bệnh máu, bệnh viêm gan. Tuy đã hội chẩn nhiều lần song chưa có chẩn đoán xác định, phải cho điều trị triệu chứng và nâng sức, nằm bệnh viện hơn 2 tháng sốt cao lui dần, thân nhiệt xuống đến 37,5 độ C thì xuất viện. Sau khi xuất viện cứ sốt nhẹ mãi không dứt. Ngày 25/3/1980 đến khám bệnh viện chúng tôi, thấy thần kinh suy sụp, mặt vàng bọt, người gày gò, mạch trầm tế mà hơi sắc, chất lưỡi đỏ non, đến khám 8 lần. dùng "Thanh cốt tán gia giảm" tất cả 24 thang, thân nhiệt giảm xuống dưới 37 độ C, theo dõi 1 tuần lễ chưa thấy lên cao, hết cả chứng vàng đầu, tim nhanh, sức khỏe được phục hồi.

Bàn luận: Sốt là triệu chứng thường thấy trên lâm sàng, có thể phát sinh trong nhiều quá trình bệnh lý. Đông y qui nạp về hai phương diện "ngoại cảm" và "nội thương", sốt do nội thương thì nhiệt độ thường thấy là sốt nhẹ, nguyên nhân bệnh lý phần nhiều là thể chất hư nhược hoặc nhiệt bệnh lâu ngày không khỏi, đến nỗi âm tinh bị tổn khuyết, trên lâm sàng tương đối hay gặp, ca bệnh nói trên là thuộc về nhiệt bệnh thương âm, nhưng lại kèm thấp tà kéo dài (rêu lưỡi trắng hơi vàng) thêm Hoạt thạch, Cam thảo để lợi thấp thanh nhiệt. Bài Thanh cốt tán này gốc từ cuốn "Chứng trị chuẩn thang".

255. Sốt nhẹ

Biện chứng đông y: Khí hư phát nhiệt.

Cách trị: Bổ khí thăng đề.

Đơn thuốc: Bổ trung ích khí thang.

Công thức: Hoàng kỳ 30g, Bạch truật 9g, Trần bì 9g, Thăng ma 6g, Sài hồ 10g, Đảng sâm 12g, Đương qui 9g, Cam thảo 9g. Sắc uống mỗi ngày 1 thang.

Bàn luận: Những trường hợp sốt không rõ nguyên nhân mà không lui dùng phép bổ khí thăng đề, uống bổ trung ích khí thang phần lớn đạt kết quả như mong muốn. Kiểu sốt nhẹ này thân nhiệt nói chung trên dưới 38 độ C mà lâu ngày không khỏi, bạch cầu đều bình thường, đồng thời có những triệu chứng thở ngắn, lưỡi nói, ăn giảm, tinh thần mệt mỏi, yếu sức, phân mềm, lỏng mạch lui hoặc hư sắc vô lực, có lúc cũng thấy miệng khô môi đỏ, lưỡi đỏ dày v.v.... rất dễ chẩn đoán nhầm là âm hư, cho dùng thuốc dưỡng âm thanh nhiệt thường vô hiệu hoặc lại sốt nặng thêm. Dùng "Bổ trung ích khí" để chữa bệnh này quan trọng nhất là dùng lượng thuốc hợp lý. Lượng Hoàng kỳ phải cao, nói chung trên dưới 30g, Sài hồ trên dưới 10g, Sài hồ vốn có thể thanh nhiệt nhưng sốt do hư khí mà nếu không cùng dùng với Hoàng kỳ thì khó có công hiệu, đây chính là phép "Cam ôn đại nhiệt". Những điều kể trên là kinh nghiệm của cụ Trương Hải Phong.

256. Sốt nhẹ

Biện chứng đông y: Can đởm khí trệ, chứng bệnh của thiếu dương.

Cách trị: Sơ can thanh nhiệt, kiện tì lý khí.

Đơn thuốc: Tiêu sài hồ thang gia giảm.

Công thức: Sài hồ 9g, Hoàng cầm 15g, Liên kiều 15g, Song hoa 15g, Bản lam căn 30g, Bán hạ 9g, Đảng sâm 12g, Trần bì 9g, Thanh hao 12g, Chỉ xác 9g, Tiêu tam tiên mỗi thứ 9 g, Nhân sâm 6g (uống riêng nước). Sắc uống mỗi ngày 1 thang.

Hiệu quả lâm sàng: Đã điều trị 7 ca sốt nhẹ không điển hình như ca dưới đây đều khỏi. Chu XX, nam, 59 tuổi, cán bộ, 8 tháng trước do sỏi mật nên đã cắt bỏ túi mật, một tháng trước đây sốt nhẹ (37,1 - 37,5 độ C) không rõ nguyên nhân. Bạch cầu 6999/mm³, trung tính 72%, lympho 28%, gan có chức năng bình thường và không có triệu chứng thực thể, chiếu ngực và các xét nghiệm khác đều không thấy gì bất thường. Đã dùng nhiều thứ thuốc kháng khuẩn không có công hiệu, xin khám chữa đông y. Căn cứ tình trạng sốt nhẹ phải đi phải lại, vầng đầu, rức đầu, ăn xong thì đầy bụng, ăn uống không ngon, sút cân, ngũ tâm phiền nhiệt, miệng đắng, họng khô, ngực sườn đau âm ỉ, người yếu dễ ra mồ hôi, rêu lưỡi mỏng trắng, chất lưỡi đỏ thắm, mạch huyền. Đã phân tích các triệu chứng trên, đưa ra phép chữa và cách dùng thuốc. Cho bài trên 6 thang, thân nhiệt trở lại bình thường, các triệu chứng giảm nhẹ rõ rệt, lại uống thêm bài trên 8 tháng nữa, thân nhiệt bình thường bệnh khỏi.

Bàn luận: Người bệnh này thể chất yếu đuối, lại đã bị cắt bỏ túi mật, tuy đã quá 6 tháng nhưng chính khí chưa hồi phục, như vậy bất luận tình chí nội thương hoặc tà thừa hư xâm nhập đều có thể làm cho can khí ứ trệ, can chủ vệ sơ tiết, tính thích điều đạt, ứ lâu ất có thể hóa nhiệt phát thành chứng bệnh của thiếu dương. Sách "Thương hàn luận" nói: "Thiếu âm mà bị bệnh thì miệng đắng họng khô, mắt hoa vậy", lại viết "hàn nhiệt đi đi lại lại, sườn ngực đầy khó chịu, chẳng muốn ăn uống, tâm phiền muốn nôn... thì phải dùng Tiêu sài hồ thang để chữa vậy". Cách trị ca bệnh này là theo

phép của Tiêu sài hồ thang, lại kết hợp với bệnh chứng cụ thể của người bệnh là dùng các thuốc phù chính hòa trung và thanh nhiệt giải độc, lấy sài hồ, Thanh hao để giải uất nhiệt của thiếu dương, Bản lam căn, Liên kiều, Hoàng cầm, Song hoa giải độc kháng khuẩn để thanh trừ nội tà của thiếu dương, Nhân sâm, Đảng sâm, Cam thảo bổ khí hòa trung tăng cường sức kháng bệnh của cơ thể, Trần bì, Bán hạ, Tiêu tam tiên, Chỉ xác kiện tì hòa vị, tiêu trừ các triệu chứng ở đường tiêu hóa. Phép điều trị và thuốc phù hợp với bệnh làm tăng tác dụng của thuốc, vừa công vừa bổ, đem lại kết quả nhanh chóng.

257. Sốt nhẹ (sốt mùa hè)

Biện chứng đông y: Thư nhiệt hiệp thấp.

Cách trị: Tuyên khai ôn hóa.

Đơn thuốc: Thanh tuyên ôn hóa ẩm.

Công thức: Liên kiều 15g, Phục linh 9g, Hà diệp 6g (có thể dùng 1 tàu lá sen tươi), Hạnh nhân 9g, Bội lan 9g, Mao căn 12g, Trần bì 6g, ý nhân 9g, Trúc diệp 6g, Cam thảo 3g, Song hoa 6g.

Sắc uống thay nước trà.

Bàn luận: Mùa hè nóng nực mà sốt (sốt mùa hè) không lui và buổi chiều sốt tăng, bụng trên tắc khó chịu, khát nhiều song uống ít, hoặc cứ đến mùa hè thu thì mình nóng hoặc không thoải mái, rêu lưỡi bẩn, mạch trệ, hoặc cảm phải thứ thấp mà sốt nhẹ không lui, đều có thể dùng bài này. Các chứng kể trên phần lớn là do thấp và nhiệt kết hợp gây lên, nếu không dùng phép khinh thanh tuyên hoá, một mặt thanh nhiệt, một mặt dùng thuốc phương hóa thấp tà thì không thể có công hiệu. Còn nếu có cả tiểu tà có thể thêm Lô căn và Bạc hà. Nếu tiểu tiện đỏ và ít thì có thể thêm Hoạt thạch (Thanh tuyên ôn hóa ẩm) cũng có thể chữa bệnh nhân bị gan mạn tính có các chứng can nhiệt tì thấp, biểu hiện chủ yếu là ăn ít, toàn thân mệt mỏi, sườn đau bụng chướng, miệng đắng lưỡi khô, buồn nôn, tay chân nặng nề yếu sức, lưỡi bẩn dính, trong miệng cũng bẩn dính. Trên cơ sở bài trên mà thêm Nhân trần, Sa nhân. Còn nếu dưới vùng dưới tim mà đầy tắc thì lúc đó có thể thêm Uất kim, Qua lâu xác, Chỉ xác.

258. Sốt nhẹ kéo dài

Biện chứng đông y: Dương hư khí nhược.

Cách trị: Ôn bổ dưỡng khí.

Đơn thuốc: Ôn dương ích khí phương.

Công thức: Đảng sâm 40g, Hoàng kỳ 50g, Cam thảo 10g, Thăng ma 10g, Tử tô 10g, Dương qui 15g, Bạch truật 15g, Trần bì 15g, Xuyên khung 5g, Phục thần 30g, Bán hạ 10g, Quế chi 15g, Ngũ vị tử 15g, Viễn chí 15g, Táo nhân 15g, Bá tử nhân 15g. Sắc uống, mỗi ngày 1 thang.

Hiệu quả lâm sàng: Lý XX, nữ, 24 tuổi, sơ chẩn ngày 15/2/1978. Bốn năm trước đây, sốt nhẹ kéo dài mãi không lui. Thân nhiệt lúc nào cũng xấp xỉ 37 độ C, đã chữa bằng thuốc tây trước sau không hạ nhiệt. Triệu chứng biểu hiện là: đầu nhức, chóng mặt, yếu sức, thở ngắn, lười nói, tự đổ mồ hôi, tim đập, trong lòng hoảng loạn không yên, ngủ ít hay mơ, sợ gió sợ lạnh, tay chân không ấm, lúc vận động thì thở gấp như xuyên, mặt trắng bệnh, lưỡi nhạt non mà ít rêu, mạch hơi nhược. Mạch chứng của dương hư. Đó là căn cứ để chẩn đoán là dương hư. Dương lui hãm xuống, thanh dương thì không thể thăng lên ở đầu mặt, gây đầu nhức chóng mặt, sắc mặt trắng bệnh. Dương nhược ất khí nhược, khí nhược ất công năng của cơ thể suy thoái làm cho hơi thở ngắn, lười nói, toàn thân yếu mệt. Tâm khí hư, ất tim đập trong lòng hoảng loạn ngủ ít mơ nhiều. Vệ khí hư ất không thể cổ biểu nên mồ hôi tự ra. Dương hư mà sao lại nóng? Đó là vì dương khí của cơ thể trong tình trạng bình thường thì không ngừng tỏa ra ở cơ biểu, dương hư không đủ sức vượt ra ngoài mà uất lại ở đa cơ vì vậy mà 4 năm nay sốt nhẹ không lui. Cho uống "Ôn dương ích khí phương" lấy ôn dương bổ khí để trừ khử gốc bệnh. Khám lần thứ hai: ngày 20/2/1978, người bệnh cho biết đã uống hết 3 thang "Ôn dương ích khí phương", thân nhiệt hạ xuống còn 36,5 độ C, chứng sốt nhẹ 4 năm nay đã khỏi hẳn, hiện chỉ còn lại chứng tim đập nhanh, ngoài ra không còn gì khó chịu. Lại cho bài "Quế chi long cốt mẫu lệ thang gia giảm" để củng cố.

259. Sốt nhiễm khuẩn

Biện chứng đông y: Thử nhiệt hiệp với thấp.

Cách trị: Tâm lương giải cơ, thanh khí giải độc, kèm theo thấu biểu, phương thương hóa trọc thanh dinh và thông phủ.

Đơn thuốc: Ngân kiều bạch hổ thang.

Công thức: Ngân hoa 10 -15g, Liên kiều 10 - 15g, Cát căn 18-30g, Sinh thạch cao 50-100g (bao riêng sắc trước), Tri mẫu 10-15g, Thạch cao 10-15g (bao riêng cho vào sau), Cam thảo 6-10g. Trên là liều dùng cho người lớn, trẻ em và người già yếu có thể giảm lượng.

Sắc uống hai lần. Người bệnh nặng có thể uống mỗi ngày 2 thang. Không có mồ hôi hoặc ít mồ hôi, các chứng biểu vệ nặng hoặc kèm ho xuyên thì thêm Ma hoàng, Hạnh nhân; rêu lưỡi bản, vàng, yếu sức, ăn kém, ỉa lỏng kèm thấp thì bỏ Tri mẫu, Cát cánh, thêm Hoắc hương, Bội lan, táo bón, rêu lưỡi vàng đỏ, ban chẩn từng đám, mạch tế sắc thì thêm Tê giác, Huyền sâm, Sinh địa, có mụn nhọt mưng mủ thì lấy Bạc hà đổi cho Thanh hao, thêm Bồ công anh, Xuyên liên. "Ngân kiều bạch hổ thang" điều trị bệnh nhân sốt cao do nhiễm khuẩn, như viêm phổi do vi khuẩn cúm, cảm mạo cúm, viêm não, nhiễm trùng cục bộ cấp, virus, viêm phổi, đều có hiệu quả tốt, bài là thuốc hạ sốt đông y khá ổn định, điều trị cả gốc lẫn ngọn. Những người sốt cao, sau khi biện chứng đều có thể dựa vào bài thuốc trên gia giảm, sau khi hết sốt cao lại tiếp tục biện chứng luận trị, có thể đạt được kết quả điều trị rất tốt.

Tăng XX, nam 21 tuổi, học viên đông y, đầu mùa hè 1966 giữa ngày nắng gắt lên núi hái thuốc, rồi xuống nước bơi lội, hai ngày sau sốt cao 39,6 độ C, ngày hôm ấy uống thuốc cảm mạo tự chế, sốt lui nhưng hôm sau lại lên tới 40,8 độ C, phải đến bệnh viện huyện cấp cứu. Chẩn đoán là: 1 - cảm mạo nặng. 2- thương hàn (là một bệnh ngoại cảm do hàn gây nên, không phải là bệnh thương hàn ở ruột). Đề nghị vào nằm viện, bệnh nhân xin điều trị đông y. Các triệu chứng là sốt cao, mặt bản, rêu lưỡi vàng bản, chất lưỡi đỏ tươi, mạch hoạt sắc, biện chứng đầy đủ thì đây là thử nhiệt hiệp thấp, bệnh ở phần vệ khí dùng "Ngân kiều bạch hổ thang" điều trị, mà

khử Tri mẫu, Cát căn, thêm Hoắc hương, Bội lan diệp để phương hương hóa thấp. Uống được 2 thang thì sốt hạ đến 38,5 độ C. Lại dùng bài trên gia giảm thêm bớt ba thang nữa thì khỏi.

260. Sốt sau khi nhiễm nấm

Biện chứng đông y: Thân thể suy nhược sau khi mổ, nhiễm phải tà độc làm dinh vệ mất điều hòa.

Cách trị: Điều hòa dinh vệ.

Đơn thuốc: Quế chi thang gia vị.

Công thức: Quế chi 9g, Bạch thược 15g, Bạch truật 9g, Hoàng kỳ 24g, Sinh khương 9g, Đại táo 5 quả, Long cốt, Mẫu lệ mỗi thứ 15g, Cam thảo 3g. Sắc uống mỗi ngày 1 thang.

Hiệu quả lâm sàng: Dư XX, nam, 42 tuổi. Bị loét lở bờ cong nhỏ. Đã mổ cắt một phần dạ dày và nối thông dạ dày ruột chày. 18 tháng sau miệng nối bị dò vào kết tràng và bị nhiễm nấm. Vào viện mổ cắt bỏ miệng nối và kết tràng ngang, nối dạ dày ruột chày và kết tràng xuống. Sau đó chiều chiều lại sốt khoảng 37,5 - 38,5 độ C. Thử máu, thử nước tiểu thường quy, máu lắng, chiếu X quang ngực đều bình thường. Cây máu, nước tiểu đều âm tính. Có thể ăn chế độ lỏng hoặc nửa lỏng. Có các biểu hiện sợ gió, ra mồ hôi, mệt lả, người gầy, vẻ mặt tiêu tụy, mặt trắng bệch, mạch nhu tế, đã từng dùng penicillin, streptomycin, neomycin không công hiệu. Sốt đến ngày thứ 48 chuyển sang dùng thuốc đông y. Đông y chẩn đoán cho là dinh vệ mất điều hòa, phép chữa phải điều hòa dinh vệ. Cho uống bài "Quế chi thang gia vị" mỗi ngày 1 thang, sau khi dùng 5 ngày thì hết sốt, thân nhiệt ổn định, sau khi mổ lại 58 ngày thì khỏi, xuất viện.